

**DANH MỤC KHU VỰC KHÔNG BẢO ĐẢM HẠ TẦNG GIAO THÔNG
HOẶC NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ CHỮA CHÁY TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ**
(Kèm theo Quyết định số 4106/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND thành phố Huế)

A. KHU VỰC KHÔNG ĐẢM BẢO HẠ TẦNG GIAO THÔNG

STT	Khu vực không đảm bảo hạ tầng giao thông phục vụ chữa cháy	Chiều dài (L); Chiều rộng (B); Chiều cao (H) (Đơn vị tính bằng mét)	Số lượng nhà ở tại khu vực (nhà)	Ghi chú
	PHƯỜNG AN CỰU			
1	Kiệt 24 Lương Văn Can	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	90	
2	Kiệt 266 Phan Chu Trinh	L= 340m; B= 3m; H= 3,5m	88	
3	Kiệt 350 Phan Chu Trinh	L= 250m; B= 3m; H= 3,5m	60	
4	Kiệt 125 Đặng Văn Ngữ	L= 135m; B= 2,5m; H= 3,5m	30	
5	Kiệt 139 Đặng Văn Ngữ	L= 105m; B= 2,5m; H= 3,5m	16	
6	Kiệt 148 Hải Triều	L= 290m; B= 3m; H= 3,5m	42	
7	Kiệt 178 Hải Triều	L= 290m; B= 3m; H= 3,5m	20	
8	Kiệt 24 An Dương Vương	L= 140m; B= 2,4m; H= 3,5m	15	
9	Kiệt 44 An Dương Vương	L= 220m; B= 2m; H= 3,5m	25	
10	Kiệt 93 An Dương Vương	L= 460m; B= 3m; H= 3,5m	130	
11	Kiệt 129 An Dương Vương	L= 140m; B= 2,5m; H= 3,5m	21	
12	Kiệt 139 An Dương Vương	L= 515m; B= 2m; H= 3,5m	35	
13	Kiệt 147 An Dương Vương	L= 150m; B= 2,5m; H= 3,5m	43	
14	Kiệt 185 An Dương Vương	L= 140m; B= 2,5m; H= 3,5m	34	
15	Kiệt 141 Tôn Quang Phiệt	L= 135m; B= 3m; H= 3,5m	10	
16	Kiệt 147 Tôn Quang Phiệt	L= 165m; B= 3m; H= 3,5m	20	
17	Kiệt 8 Hồ Đắc Di	L= 280m; B= 3m; H= 3,5m	95	
18	Kiệt 11 Hồ Đắc Di	L= 280m; B= 3m; H= 3,5m	12	

19	Kiệt 31 Hồ Đắc Di	L= 270m; B= 3m; H= 3,5m	96	
20	Kiệt 36 Hồ Đắc Di	L= 130m; B= 3m; H= 3,5m	15	
21	Kiệt 48 Hồ Đắc Di	L= 110m; B= 3m; H= 3,5m	10	
22	Kiệt 10,14 Ngự Bình	L= 150m; B= 2m; H= 3,5m	24	
23	Kiệt 28 Ngự Bình	L= 280m; B= 2,5m; H= 3,5m	41	
24	Kiệt 30 Ngự Bình	L= 330m; B= 3m; H= 3,5m	60	
25	Ngõ 2 Kiệt 27 Ngự Bình	L= 860m; B= 3m; H= 3,5m	142	
26	Kiệt 35 Ngự Bình	L= 670m; B= 3m; H= 3,5m	70	
27	Kiệt 48 Ngự Bình	L= 370m; B= 2,5m; H= 3,5m	45	
28	Kiệt 138 Ngự Bình	L= 120m; B= 2m; H= 3,5m	31	
29	Kiệt 19 Nguyễn Khoa Chiêm	L= 230m; B= 3m; H= 3,5m	50	
30	Kiệt 33 Nguyễn Khoa Chiêm	L= 160m; B= 3m; H= 3,5m	71	
31	Kiệt 59 Duy Tân	L= 140m; B= 2,5m; H= 3,5m	28	
32	Kiệt 26 Lương Văn Can	L= 370m; B= 3m; H= 3,5m	27	
33	Kiệt 35 Lương Văn Can	L= 120m; B= 2m; H= 3,5m	25	
34	Kiệt 47 Lương Văn Can	L= 250m; B= 2,5m; H= 3,5m	115	
35	Kiệt 99 Duy Tân	L= 190m; B= 2m; H= 3,5m	80	
36	Kiệt 107 Duy Tân	L= 250m; B= 3m; H= 3,5m	60	
37	Kiệt 44 Duy Tân	L= 125m; B= 2m; H= 3,5m	39	
38	Kiệt 46 Nguyễn Hữu Cảnh	L= 420m; B= 3m; H= 3,5m	56	
39	Kiệt 59 Nguyễn Hữu Cảnh	L= 103m; B= 2,5m; H= 3,5m	15	
40	Kiệt 119 Nguyễn Hữu Cảnh	L= 190m; B= 3m; H= 3,5m	25	
41	Ngõ 13 Kiệt 88 Nguyễn Khoa Chiêm	L= 180m; B= 3m; H= 3,5m	69	
42	Ngõ 36 Kiệt 88 Nguyễn Khoa Chiêm	L= 120m; B= 3m; H= 3,5m	36	
43	Kiệt 114 Nguyễn Khoa Chiêm	L= 210m; B= 3m; H= 3,5m	26	
44	Kiệt 128 Nguyễn Khoa Chiêm	L= 306m; B= 3m; H= 3,5m	128	
45	Kiệt 42 Hoàng Thị Loan	L= 125m; B= 3m; H= 3,5m	112	
46	Kiệt 44A Hoàng Thị Loan	L= 105m; B= 2m; H= 3,5m	25	
47	Kiệt 62 Hoàng Thị Loan	L= 350m; B= 2,5m; H= 3,5m	200	

48	Ngõ 144 Kiệt 1 Hoàng Quốc Việt	L= 215m; B= 3m; H= 3,5m	27	
49	Ngõ 132 Kiệt 1 Hoàng Quốc Việt	L= 205m; B= 3m; H= 3,5m	21	
50	Kiệt 32 Hoàng Quốc Việt	L= 110m; B= 3m; H= 3,5m	11	
51	Kiệt 97 Hoàng Quốc Việt	L= 130m; B= 3m; H= 3,5m	12	
52	Kiệt 47 Hoàng Quốc Việt	L= 110m; B= 3m; H= 3,5m	15	
	PHƯỜNG DƯƠNG NỔ			
53	Xóm 1, Tổ dân phố Phú Khê	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	8	
54	Xóm 2, Tổ dân phố Phú Khê	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	7	
55	Xóm 3, Tổ dân phố Phú Khê	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	10	
56	Xóm 5, Tổ dân phố Phú Khê	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	7	
57	Xóm 6, Tổ dân phố Phú Khê	L= 215m ,B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	9	
58	Xóm 7, Tổ dân phố Phú Khê	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	7	
59	Xóm 8, Tổ dân phố Phú Khê	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	9	
60	Xóm 9, Tổ dân phố Phú Khê	L= 215m; B= 0,5-2,5m;H= 3,5m	8	
61	Xóm 10, Tổ dân phố Phú Khê	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	10	
62	Xóm 11, Tổ dân phố Phú Khê	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	8	
63	Xóm 12, Tổ dân phố Phú Khê	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	7	
64	Xóm 13, Tổ dân phố Phú Khê	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	9	
65	Xóm 14, Tổ dân phố Phú Khê	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	9	
66	Xóm 15, Tổ dân phố Phú Khê	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	9	
67	Xóm 16, Tổ dân phố Phú Khê	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	15	
68	Xóm 17, Tổ dân phố Phú Khê	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	13	
69	Xóm 18, Tổ dân phố Phú Khê	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	110	
70	Xóm 19, Tổ dân phố Phú Khê	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	12	
71	Xóm 20, Tổ dân phố Phú Khê	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	12	
72	Xóm 21, Tổ dân phố Phú Khê	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	13	
73	Xóm 1, Tổ dân phố Dương Nổ Nam	L= 215m; B= 0,5-2,3m; H= 3,5m	43	
74	Xóm 2, Tổ dân phố Dương Nổ Nam	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	29	
75	Xóm 3, Tổ dân phố Dương Nổ Nam	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	28	

76	Xóm 4, Tổ dân phố Dương Nỗ Nam	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	30	
77	Xóm 5, Tổ dân phố Dương Nỗ Nam	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	6	
78	Xóm 6, Tổ dân phố Dương Nỗ Nam	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	30	
79	Xóm 7, Tổ dân phố Dương Nỗ Nam	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	29	
80	Xóm 8, Tổ dân phố Dương Nỗ Nam	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	28	
81	Xóm 9, Tổ dân phố Dương Nỗ Nam	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	27	
82	Xóm 10, Tổ dân phố Dương Nỗ Nam	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	51	
83	Xóm ông Huế, Tổ dân phố Dương Nỗ Cồn	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	12	
84	Xóm ông Đệ, Tổ dân phố Dương Nỗ Cồn	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	14	
85	Xóm ông Mỹ, Tổ dân phố Dương Nỗ Cồn	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	10	
86	Xóm ông Tài, Tổ dân phố Dương Nỗ Cồn	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	15	
87	Xóm ông Hòn, Tổ dân phố Dương Nỗ Cồn	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	17	
88	Xóm ông Bình, Tổ dân phố Dương Nỗ Cồn	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	13	
89	Xóm bà Sang, Tổ dân phố Dương Nỗ Cồn	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	14	
90	Xóm bà Thôi, Tổ dân phố Dương Nỗ Cồn	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	12	
91	Xóm ông Thêm, Tổ dân phố Dương Nỗ Cồn	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	12	
92	Xóm ông Cư, Tổ dân phố Dương Nỗ Cồn	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	15	
93	Xóm 9 (ông Mẫn), Tổ dân phố Thạch Cấn	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	9	
94	Xóm mới, Tổ dân phố Thạch Cấn	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	10	

95	Xóm ông Minh, Tổ dân phố Thạch Cấn	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	15	
96	Xóm ông Liêu, Tổ dân phố Thạch Cấn	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	17	
97	Xóm ông Hùng, Tổ dân phố Thạch Cấn	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	13	
98	Xóm ông Duệ, Tổ dân phố Thạch Cấn	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	14	
99	Xóm ông Sĩ, Tổ dân phố Thạch Cấn	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	12	
100	Xóm Giếng, Tổ dân phố Dương Nỗ Tây	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	14	
101	Xóm chợ, Tổ dân phố Dương Nỗ Tây	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	10	
102	Xóm ông Mỹ, Tổ dân phố Dương Nỗ Tây	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	15	
103	Xóm cô Phái, Tổ dân phố Dương Nỗ Tây	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	17	
104	Xóm Rền, Tổ dân phố Dương Nỗ Tây	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	13	
105	Xóm 3, Tổ dân phố Dương Nỗ Đông	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	14	
106	Xóm 4, Tổ dân phố Dương Nỗ Đông	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	12	
107	Xóm 5, Tổ dân phố Dương Nỗ Đông	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	14	
108	Xóm 17, Tổ dân phố Dương Nỗ Đông	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	10	
109	Xóm ông Chung, Tổ dân phố Phò An	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	15	
110	Xóm ông Thông, Tổ dân phố Phò An	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	17	
111	Xóm ông Lâm, Tổ dân phố Phò An	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	13	
112	Xóm ông Lập, Tổ dân phố Mỹ An	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	14	
113	Xóm trạm Bơm, Tổ dân phố Mỹ An	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	12	
114	Xóm ông Thành, Tổ dân phố Mỹ An	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	15	
115	Xóm ông Cò, Tổ dân phố Lưu Khánh	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	29	
116	Xóm ông Thái, Tổ dân phố Lưu Khánh	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	28	
117	Xóm ông Vân, Tổ dân phố Lưu Khánh	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	30	
118	Xóm ông Trại, Tổ dân phố Lưu Khánh	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	6	
119	Xóm ông Mẫn, Tổ dân phố Lưu Khánh	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	30	
120	Xóm ông Nhon, Tổ dân phố Lưu Khánh	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	29	
121	Xóm ông Sinh, Tổ dân phố Lưu Khánh	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	28	

122	Xóm ông Trung, Tổ dân phố Lưu Khánh	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	27	
123	Xóm ông Dẹp, Tổ dân phố Lưu Khánh	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	29	
124	Xóm ông Don, Tổ dân phố Lưu Khánh	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	28	
125	Xóm ông Đổ, Tổ dân phố Lưu Khánh	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	30	
126	Xóm 10, Tổ dân phố Quy Lai	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	12	
127	Xóm 11, Tổ dân phố Quy Lai	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	14	
128	Xóm 12, Tổ dân phố Quy Lai	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	10	
129	Xóm 13, Tổ dân phố Quy Lai	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	15	
130	Xóm 14, Tổ dân phố Quy Lai	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	17	
131	Xóm 15, Tổ dân phố Quy Lai	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	13	
132	Xóm 4, Tổ dân phố Lại Lộc	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	14	
133	Xóm 5, Tổ dân phố Lại Lộc	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	12	
134	Xóm 6, Tổ dân phố Lại Lộc	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	12	
135	Xóm 7, Tổ dân phố Lại Lộc	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	14	
136	Xóm 8, Tổ dân phố Lại Lộc	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	10	
137	Xóm 9, Tổ dân phố Lại Lộc	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	15	
138	Xóm tân lập, Tổ dân phố Lại Lộc	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	17	
139	Xóm 5, Tổ dân phố Hải Thanh	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	13	
140	Xóm 6, Tổ dân phố Hải Thanh	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	14	
141	Xóm 7, Tổ dân phố Hải Thanh	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	12	
142	Xóm 8, Tổ dân phố Hải Thanh	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	14	
143	Xóm 9, Tổ dân phố Hải Thanh	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	10	
144	Xóm 10, Tổ dân phố Hải Thanh	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	15	
145	Xóm ông Tình, Tổ dân phố Hòa An	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	17	
146	Xóm ông Văn, Tổ dân phố Hòa An	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	13	
147	Xóm ông Phước, Tổ dân phố Hòa An	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	14	
148	Xóm ông Cẩm, Tổ dân phố Hòa An	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	12	
149	Xóm ông Thịnh, Tổ dân phố Hòa An	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	14	
150	Xóm ông Tôn, Tổ dân phố Hòa An	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	10	

	PHƯỜNG MỸ THUẬN			
151	Đường Nguyễn Đình Tứ	L= 2 km; B= 7–8,5 m; H= 3,5m	120	
152	Xóm 1, TDP Ngọc Anh	L = 450 m; B= 3m; H>4,5m	60	
153	Đường Đào Duy Tùng	L = 800 m; B = 3,15 m; H>4,5m	140	
154	Đường Xóm 3, TDP Ngọc Anh	L = 618 m; B = 3,2 m; H>4,5m	150	
155	Đường Xóm 4, TDP Ngọc Anh	L = 580 m; B = 3 m; H>4,5m	130	
156	Đường Xóm 4A, TDP Ngọc Anh	L = 300 m; B = 3m; H>4,5m	70	
157	Đường Xóm 5, TDP Ngọc Anh	L = 300 m; B = 3m; H>4,5m	20	
158	Đoạn đường Nguyễn Như Chương, TDP Ngọc Anh	L = 400 m; B = 3,3 m; H>4,5m	20	
159	Đường Xóm 7, TDP Ngọc Anh	L = 470 m; B = 3,2 m; H>4,5m	80	
160	Đường Xóm 8, TDP Ngọc Anh	L = 470 m; B = 3,2 m; H>4,5m	100	
161	Đường Xóm 9, TDP Ngọc Anh	L = 470 m, B = 3,2 m, H>4,5m	90	
162	Đường Xóm 10, TDP Ngọc Anh	L = 600 m; B = 3 m, H>4,5m	130	
163	Kiệt 4, tổ 10, Nam Thuận	L=280m; B=2.5 – 3m; H=3,5m	25	
164	Kiệt 3, tổ 10, Nam Thuận	L= 270m; B=2.5 – 3m; H=3,5m	28	
165	Kiệt 1, tổ 10, Nam Thuận	L= 200m; B=2.5 – 3m; H=3,5m	09	
166	Kiệt 3, tổ 9, Nam Thuận	L= 210m; B=2.5 – 3m; H=3,5m	10	
167	Kiệt 2, tổ 9, Nam Thuận	L= 250m; B=2.5 – 3m; H=3,5m	35	
168	Kiệt 1, tổ 9, Nam Thuận	L= 190m; B=2.5 – 3m; H=3,5m	18	
169	Kiệt 2, tổ 8, Nam Thuận	L=250m; B=2.5 – 3m; H=3,5m	35	
170	Kiệt 2, tổ 7, Nam Thuận	L=230m; B=2.5 – 3m; H=3,5m	14	
171	Kiệt 1, tổ 7, Nam Thuận	L=250m; B=2.5 – 3m; H=3,5m	26	
172	Kiệt 2, tổ 6, Nam Thuận	L=150m; B=2.5 – 3m; H=3,5m	32	
173	Kiệt 1, tổ 6, Nam Thuận	L=150m; B=2.5 – 3m; H=3,5m	25	
174	Kiệt 2, tổ 5, Nam Thuận	L=210m; B=2.5 – 3m; H=3,5m	16	
175	Kiệt 1, tổ 5, Nam Thuận	L=250m; B=2.5 – 3m; H=3,5m	30	
176	Kiệt 2, tổ 4, Nam Thuận	L=230m; B=2.5 – 3m; H=3,5m	16	
177	Kiệt 1, tổ 4, Nam Thuận	L=280m; B=2.5 – 3m; H=3,5m	16	

178	Kiệt 1, tổ 3, Nam Thượng	L=140m; B=2.5 – 3m; H=3,5m	24	
179	Kiệt 1, tổ 1, Nam Thượng	L=130m; B=2 – 2.5m; H=3,5m	43	
180	Kiệt 1, tổ 12, Nam Thượng	L=130m; B=2 – 2.5m; H=3,5m	25	
181	Kiệt 1 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 190m,B= 2,5-3,0m; H>4,5m	40	
182	Kiệt 2 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 220m,B= 2,5-3,0m; H= 3,5m	43	
183	Kiệt 3 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 250m,B= 2,5-3,0m; H= 3,2m	27	
184	Kiệt 4 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 190m,B= 2,5-3,0m; H>4,5m	17	
185	Kiệt 5 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 190m, B= 2,5-3,0m; H>4,5m	13	
186	Kiệt 6 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 190m, B= 2,5-3,0m; H>4,5m	17	
187	Kiệt 7 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 190m, B= 2,5-3,0m; H>4,5m	15	
188	Kiệt 8 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 190m, B= 2,5-3,0m; H>4,5m	23	
189	Kiệt 9 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 190m, B= 2,5-3,0m; H= 3,2m	16	
190	Kiệt 10 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 190m; B= 2,5-3,0m; H>4,5m	13	
191	Kiệt 11 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 350m, B= 2,5-3,0m; H>4,5m	33	
192	Kiệt 12 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 290m, B= 2,5-3,0m; H= 3,5m	26	
193	Kiệt 13 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 390m, B= 2,5-3,0m; H>4,5m	19	
194	Kiệt 14 Thuận An, phường Mỹ	L= 390m, B= 2,5-3,0m; H= 3,5m	18	

	Thượng, TP Huế			
195	Kiệt 15 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 170m, B= 2,5-3,0m; H>4,5m	18	
196	Kiệt 16 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 190m, B= 2,5-3,0m; H>4,5m	16	
197	Kiệt 17 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 190m, B= 2,5-3,0m; H>4,5m	24	
198	Kiệt 18 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 190m, B= 2,5-3,0m; H>4,5m	11	
199	Kiệt 19 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 200m, B= 2,5-3,0m; H>4,5m	20	
200	Kiệt 20 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 150m, B= 2,5-3,0m; H>4,5m	5	
201	Kiệt 21 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 150m, B= 2,5-3,0m; H>4,5m	12	
202	Kiệt 22 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 190m, B= 2,5-3,0m; H>4,5m	5	
203	Kiệt 23 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 190m, B= 2,5-3,0m; H>4,5m	8	
204	Kiệt 24 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 190m, B= 2,5-3,0m; H>4,5m	9	
205	Kiệt 25 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 170m, B= 2,5-3,0m; H>4,5m	6	
206	Kiệt 26 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 150m, B= 2,5-3,0m; H>4,5m	7	
207	Kiệt 27 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 190m, B= 2,5-3,0m; H>4,5m	8	
208	Kiệt 28 Thuận An, phường Mỹ Thượng, TP Huế	L= 170m, B= 2,5-3,0m; H>4,5m	19	
209	Xóm 1A, TDP Dưỡng Mong, Mỹ	L= 415m; B= 4m; H= 3m	80	

	Thượng có xây rào chắn ngăn xe tải			
210	Xóm 2, TDP Dưỡng Mong, Mỹ Thượng có xây rào chắn ngăn xe tải	L= 400m; B= 4m; H= 3m	70	
211	Xóm 4A, TDP Dưỡng Mong, Mỹ Thượng có xây rào chắn ngăn xe tải	L= 400m; B= 4m; H= 3m	85	
212	Xóm 1, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=250m; B=3m; H=2,5m	50	
213	Xóm 2, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=250m; B=3m; H=2,5m	35	
214	Xóm 3, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=200m; B=3m; H=2,5m	34	
215	Xóm 4, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=200m; B=3m; H=2,5m	32	
216	Xóm 5, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=180m; B=3m; H=2,5m	30	
217	Xóm 6, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=180m; B=3m; H=2,5m	26	
218	Xóm 7, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=180m; B=3m; H=2,5m	24	
219	Xóm 8, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=180m; B=3m; H>4,5m	22	
220	Xóm 9, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=180m; B=3m; H=2,5m	23	
221	Xóm 10, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=200m; B=3mM; H=2,5m	24	
222	Xóm 11, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=200m; B=3m; H=2,5m	27	
223	Xóm 12, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=200m; B=3m; H=2,5m	26	
224	Xóm 13, TDP An Truyền, phường Mỹ	L=200m; B=3m; H=2,5m	29	

	Thượng, thành phố Huế			
225	Xóm 14, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=200m; B=3m; H=2,5m	26	
226	Xóm 15, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=180m; B=3m; H=2,5m	24	
227	Xóm 16, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=180m; B=3m; H=2,5m	20	
228	Xóm 17, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=180m; B=3m; H=2,5m	25	
229	Xóm 18, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=180m; B=3m; H=2,5m	23	
230	Xóm 1 Quai Chèo, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=170m; B=3m; H=2,5m	20	
231	Xóm 2 Quai Chèo, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=170m; B=3m; H=2,5m	18	
232	Xóm 3 Quai Chèo, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=170m; B=3m; H=2,5m	15	
233	Xóm 4 Quai Chèo, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=160m; B=3m; H=2,5m	17	
234	Xóm 5 Quai Chèo, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=160m; B=3m; H=2,5m	19	
235	Xóm 6 Quai Chèo, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=160m; B=3m; H=2,5m	18	
236	Xóm 1 Đồng Miếu, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=170m; B=3m; H=2,5m	22	
237	Xóm 2 Đồng Miếu, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=170m; B=3m; H=2,5m	19	
238	Xóm 3 Đồng Miếu, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=170m; B=3m; H=2,5m	21	
239	Xóm 4 Đồng Miếu, TDP An Truyền,	L=170m; B=3m; H=2,5m	23	

	phường Mỹ Thượng, thành phố Huế			
240	Xóm 5 Đồng Miếu, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=180m; B=3m; H=2,5m	21	
241	Xóm 6 Đồng Miếu, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=180m; B=3m; H=2,5m	24	
242	Xóm 7 Đồng Miếu, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=160m; B=3m; H=2,5m	23	
243	Xóm 8 Đồng Miếu, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=160m; B=3m; H=2,5m	21	
244	Xóm 9 Đồng Miếu, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=160m; B=3m; H=2,5m	21	
245	Xóm 10 Đồng Miếu, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=185m; B=3m; H=2,5m	23	
246	Xóm 11 Đồng Miếu, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=190m; B=3m; H=2,5m	24	
247	Xóm 12 Đồng Miếu, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=190m; B=3m; H=2,5m	28	
248	Xóm 13 Đồng Miếu, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=180m; B=3m; H=2,5m	21	
249	Xóm Chợ, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=170m; B=3m; H=2,5m	17	
250	Xóm Tân Lập 1, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=250m; B=3m; H=2,5m	25	
251	Xóm Tân Lập 2, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=200m; B=3m; H=2,5m	31	
252	Xóm Đập Góc, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=300m; B=3m; H=2,5m	10	
253	Cổng Lại Thế số 227 Phạm Văn Đông, Lại Thế 1, Mỹ Thượng, TP Huế	L= 1000m; B= 3,5 m; H=4,25 m	235	
254	Đường xóm 4, đường Lại Thế, Lại Thế	L=500m; B= 3,5 m; H= 3,5m	45	

	1, Mỹ Thượng, TP Huế			
255	Đường xóm 6, đường Lại Thế, Lại Thế 1, Mỹ Thượng, TP Huế	L= 500m; B= 3,5m; H= 4m	50	
256	Cổng làng xóm 1, Mỹ Lam	L= 300m; B= 3,25m; H= 4m	235	
257	Cổng làng xóm 5, Mỹ Lam	L= 300m; B= 3,25m; H= 4m	120	
258	Cổng làng TDP An Lưu	L= 400m; B= 3,25m; H= 4m	85	
259	Cổng làng xóm ngã ba, Mỹ Lam	L= 300m; B= 3,25m; H= 4m	205	
260	Xóm 1 TDP An Lưu	L= 200m; B= 3,25m; H= 3,5m	30	
261	Xóm 2 TDP An Lưu	L= 300m; B= 3,25m; H= 4m	40	
262	Xóm Rào TDP An Lưu	L= 300m; B= 3,25m; H= 4m	35	
263	Xóm 3 TDP An Lưu	L= 300m; B= 3,25m; H= 4m	36	
264	Xóm 4 TDP An Lưu	L= 300m; B= 3,25m; H= 4m	56	
265	Xóm 5 TDP An Lưu	L= 300m; B= 3,25m; H= 4m	60	
266	Xóm 6 TDP An Lưu	L= 300m; B= 3,25m; H= 4m	65	
267	Xóm Chợ An Lưu, TDP An Lưu	L= 150m; B= 300m; H= 4m	36	
268	Xóm Phụ Canh, TDP An Lưu	L= 150m; B= 3,5 M; H= 4m	46	
269	Đường xóm 2, Lại Thế 1, Mỹ Thượng, TP Huế	L = 500m; B = 3,25m	65	
270	Đường xóm 3, Lại Thế 1, Mỹ Thượng, TP Huế	L= 500m; B = 3m	68	
271	Đường xóm 5, Lại Thế 1, Mỹ Thượng, TP Huế	L = 450m; B = 3,25m	63	
272	Đường Châu Văn Hùng (<i>Ngã 3 Châu Văn Hùng - Nguyễn Đình Tứ</i>), Lại Thế 2, Mỹ Thượng, thành phố Huế	L= 600m; B= 3m; H= 3m	46	
273	Đường Hoàng Trọng Mậu (<i>Ngã 3 Hoàng Trọng Mậu - Nguyễn Đình Tứ</i>)	L= 600m; B= 3.5m; H= 4 m	40	
274	Xóm 7 Lại Thế 2, Mỹ Thượng, thành phố Huế	L= 500m; B= 3,5m; H= 4 m	80	
275	Đường Lại Thế, Lại Thế 2, Mỹ	L= 400m; B= 3.5m; H= 4 m	30	

	Thượng, thành phố Huế			
276	Xóm 1, TDP Triều Thuỷ, Mỹ Thượng	L=300m; B=3m; H=3m	123	
277	Xóm 2, TDP Triều Thuỷ, Mỹ Thượng	L=300m; B=3m; H=3m	42	
278	Xóm 3, TDP Triều Thuỷ, Mỹ Thượng	L=300m; B=3m; H=3m	87	
279	Xóm 4, TDP Triều Thuỷ, Mỹ Thượng	L=300m; B=3m; H=3m	85	
280	Xóm 5, TDP Triều Thuỷ, Mỹ Thượng	L=300m; B=3m; H=3m	113	
281	Xóm 6, TDP Triều Thuỷ, Mỹ Thượng	L=300m; B=3m; H=3m	98	
282	Xóm 7, TDP Triều Thuỷ, Mỹ Thượng	L=300m; B=3m; H=3m	110	
283	Xóm 8, TDP Triều Thuỷ, Mỹ Thượng	L=300m; B=3m; H=3m	105	
284	Xóm 1, TDP Truyền Nam, Mỹ Thượng	L=200m; B=3m; H=2,5m	107	
285	Xóm 2, TDP Truyền Nam, Mỹ Thượng	L=200m; B=2,5m; H=2,5m	84	
286	Xóm 3, TDP Truyền Nam, Mỹ Thượng	L=200m; B=3m; H=2,5m	79	
287	Xóm 1 (xóm Chùa), TDP Chiết Bi, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=200m; B=3,5m; H>4,5m	103	
288	Xóm 2 (xóm Giữa), TDP Chiết Bi, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=200m; B=3m; H=4m	138	
289	Xóm 3 (xóm Cối), TDP Chiết Bi, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=200m; B=3m; H>4,5m	38	
290	Xóm 4 (xóm Xoài), TDP Chiết Bi, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=200m; B=3m; H>4,5m	36	
291	Xóm 5 (xóm Hoái), TDP Chiết Bi, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=200m; B=3m; H>4,5m	42	
292	Xóm 6 (xóm Rột), TDP Chiết Bi, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=200m; B=2,5m; H>4,5m	26	
293	Xóm 7 (xóm Cúp, Lấp, Sông), TDP Chiết Bi, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L=200m; B=2,5m; H>4,5m	32	
294	Kiệt 328 đường Nguyễn Sinh Cung, TDP Tây Thượng, thành phố Huế	L= 300m; B= 3,25m; H = 4m	56	
295	Kiệt 325 đường Nguyễn Sinh Cung, TDP Tây Thượng, thành phố Huế	L= 150m; B= 3,25m; H= 4m	50	

296	Kiệt 335 đường Nguyễn Sinh Cung, TDP Tây Thượng, thành phố Huế	L= 400m; B= 3,25m; H = 4m	90	
297	Kiệt 355 đường Nguyễn Sinh Cung, TDP Tây Thượng, thành phố Huế	L= 200m; B = 3,25m; H = 4m	40	
298	Kiệt 360 đường Nguyễn Sinh Cung, TDP Tây Thượng, thành phố Huế	L= 250m; B = 3,25m; H = 4m	40	
299	Xóm 1 TDP La Ý, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L= 400m, B= 3m; H= 3,5m	35	
300	Xóm 2 TDP La Ý, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L= 420m, B= 3,5 m; H= 3,5m	38	
301	Xóm 3 TDP La Ý, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L= 640m, B= 3,5 m; H= 3,5 m	42	
302	Xóm 4 TDP La Ý, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L= 590m, B= 3 m; H= 3,5 m	41	
303	Xóm 5 TDP La Ý, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L= 510m, B= 4 m; H= 3,5 m	36	
304	Xóm 6 TDP La Ý, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L= 600 m, B= 3,5 m; H= 4 m	32	
305	Xóm 7 TDP La Ý, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L= 620 m; B= 3,5 m; H= 3,5 m	37	
306	Xóm 8 TDP La Ý, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L= 750 m; B= 3 m; H= 4 m	48	
307	Xóm 1 TDP Tây Trì Nhon, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L= 350 m; B= 4,5 m; H= 3,5 m	32	
308	Xóm 2 TDP Tây Trì Nhon, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L= 400 m; B= 3 m; H= 3,5 m	38	
309	Xóm 3 TDP Tây Trì Nhon, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L= 600 m; B= 3,5 m; H= 3,5 m	31	
310	Xóm 4 TDP Tây Trì Nhon, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L= 400 m; B= 3,5 m; H= 3,5 m	42	

311	Xóm 5 TDP Tây Trì Nhơn, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L= 550 m; B= 4,5 m; H= 3,5 m	46	
312	Xóm 6 TDP Tây Trì Nhơn, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L= 300 m; B= 3 m; H= 3,5 m	24	
313	Xóm 7 TDP Tây Trì Nhơn, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L= 350 m; B= 3 m; H= 3,5 m	27	
314	Xóm 8 TDP Tây Trì Nhơn, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L= 400 m; B= 3 m; H= 3,5 m	25	
315	Xóm 9 TDP Tây Trì Nhơn, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L= 600 m; B= 3 m; H= 3,5 m	29	
316	Xóm 10 TDP Tây Trì Nhơn, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	L= 800 m; B= 3 m; H= 3,5 m	36	
	PHƯỜNG THUY XUÂN			
317	Kiệt 1, Hẻm 1 Nguyễn Văn Đào	L= 230m; B= 1,5 -2,5m; H= 3,5m	45	Tổ 11
318	Kiệt 1, Hẻm 3, Nguyễn Văn Đào	L= 80m; B= 1,5 -2,5m; H= 3,5m	15	Tổ 11
319	Kiệt Thích Tịnh Khiết	L= 300m; B= 1,8 -2,5m; H= 3,5m	60	Tổ 11
320	Kiệt Nguyễn Thị Định	L= 210m; B= 1,8 -2,5m; H= 3,5m	28	Tổ 11
321	Kiệt 02, Đồng Khởi	L= 120m; B= 0.5 -3m; H= 3,5m	32	Tổ 12
322	Kiệt 04, Đồng Khởi	L= 50m; B= 1 -3m; H= 3,5m	15	Tổ 12
323	Kiệt Thích Tịnh Khiết	L= 100m; B= 1 -2,7m; H= 3,5m	20	Tổ 12
324	Kiệt Thích Tịnh Khiết	L= 60m; B= 1 -2,5m; H= 3,5m	10	Tổ 12
325	Kiệt 35, Thanh Hải	L= 20m; B= 2 -3m; H= 3,5m	4	Tổ 14
326	Kiệt 58, Thanh Hải	L= 30m; B= 2,5-2,9m; H= 3,5m	5	Tổ 14
327	Kiệt 62, Thanh Hải	L= 400m; B= 2-3m; H= 3,5m	30	Tổ 14
328	Hẻm 14, Kiệt 62, Thanh Hải	L= 20m; B= 1,5-2m; H= 3,5m	03	Tổ 14
329	Kiệt 70, Thanh Hải	L= 30m; B= 2-3m; H= 3,5m	6	Tổ 14
330	Kiệt 78, Thanh Hải	L= 20m; B= 2,8-3,5m; H= 3,5m	10	Tổ 14
331	Hẻm 15, Kiệt 82 Thanh Hải	L= 500m; B= 2-2,5m; H= 3,5m	30	Tổ 14
332	Hẻm 17, Kiệt 54 Lê Ngô Cát	L= 50m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	20	Tổ 14
333	Hẻm 15, Kiệt 82, Quảng Tế	L= 500m; B= 2-2,5m; H= 3,5m	30	Tổ 14

334	Hẻm 24, Kiệt 82, Quảng Tế	L= 100m; B= 0,5-2m; H= 3,5m	8	Tổ 14
335	Hẻm 89, Kiệt 82, Quảng Tế	L= 15m; B= 1,5-2m; H= 3,5m	5	Tổ 14
336	Hẻm 106, Kiệt 82, Quảng Tế	L= 100m; B= 1,5-52m; H= 3,5m	10	Tổ 14
337	Kiệt 91, Thích Tịnh Khiết	L= 500m; B= 2-2,5m; H= 3,5m	56	Tổ 14
338	Kiệt 36 Vũ Ngọc Phan	L=100 m; B= 1,5-3m; H=3m	30	
339	Kiệt 44 Vũ Ngọc Phan	L=100 m; B= 1,5-3m; H=3,5m	20	
340	Kiệt 245 Bùi Thị Xuân (Tổ 10)	L=300 m; B= 1,5-3m; H=3m	10	
341	Số 65 đến 89 Kiệt 245 Bùi Thị Xuân (Tổ 9)	L=100 m; B= 1,5-3m; H=3m	100	
342	Kiệt 80 Minh Mạng (đoạn đường gần cuối Kiệt)	L= 400m; B= 2- 3m;	17	
343	Hẻm 14 Kiệt 6 Tam Thai	L= 170m; B= 3m;	24	
344	Hẻm 19 Kiệt 32 Thiên Thai	L= 4000m; B= 3m	22	
345	Kiệt 44 Lê Ngô Cát	L=300 m; B= 1,5-3m; H=3,5m	95	
346	Hẻm 11/69 Lê Ngô Cát	L=300 m; B= 1,5-3m; H=3,5m	115	
347	Kiệt 111 Trần Thái Tông	L=300 m; B= 1,5-3m; H=3,5m	75	
348	Hẻm 4/86 Lê Ngô Cát	L=150 m; B= 1,5-3m; H=3,5m	45	
349	Hẻm 3/106 Minh Mạng	L=150 m; B= 1,5-3m; H=3,5m	35	
350	Hẻm 5/106 Minh Mạng	L=185 m; B= 1,5-3m; H=3,5m	76	
351	Hẻm 10 Kiệt 21 Long Thọ	L=100 m; B= 1,5-3m; H=3,5m	08	
352	Kiệt 500 Bùi Thị Xuân	L=100 m; B= 1,5-3m; H=3,5m	10	
353	Kiệt 522 Bùi Thị Xuân	L=100 m; B= 1,5-3m; H=3,5m	16	
354	Kiệt 540 Bùi Thị Xuân	L=100 m; B= 1,5-3m; H=3,5m	10	
355	Kiệt 471 Bùi Thị Xuân	L=100 m; B= 1,5-3m; H=3,5m	21	
356	Kiệt 489 Bùi Thị Xuân	L=200 m; B= 1,5-3m; H=3,5m	22	
357	Kiệt 18 Ngô Hà	L=100 m; B= 1,5-3m; H=3,5m	21	
358	Kiệt 26 Ngô Hà	L=200 m; B= 1,5-3m; H=3,5m	11	
359	Hẻm 7 Kiệt 18 Thân Văn Nhiếp	L=200 m; B= 1,5-3m; H=3,5m	40	
360	Hẻm 16 Nguyệt Biều	L=150 m; B= 1,5-3m; H=3,5m	30	

361	Kiệt 576 Bùi Thị Xuân	L=100 m; B= 1,5-3m; H=3,5m	25	
362	Kiệt 588 Bùi Thị Xuân	L=100 m; B= 1,5-3m; H=3,5m	20	
363	Kiệt 27 Thân Văn Nhiếp	L=200 m; B= 1,5-3m; H=3,5m	60	
364	Kiệt 01 Thân Trọng Phước	L=100 m; B= 1,5-3m; H=3m	40	
365	Kiệt 72 Thân Văn Nhiếp	L=200 m; B= 1,5-3m; H=3,5m	10	
366	Kiệt 31 Ngô Hà	L=50 m; B= 1,5-3m; H=2,5m	11	
367	Kiệt 47 Ngô Hà	L=200 m; B= 1,5-3m; H=3m	40	
368	Kiệt 17 Đặng Đức Tuấn	L=100 m; B= 1,5-3m; H=3m	30	
	PHƯỜNG VỸ DẠ			
369	Kiệt 131 Bà Triệu, Vỹ Dạ, TP Huế	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	85	
370	Kiệt 205 Bà Triệu, Vỹ Dạ, TP Huế	L = 400m; B = 2,5m; H> 3,5m	50	
371	Kiệt 235 Bà Triệu, Vỹ Dạ, TP Huế	L = 400m; B=2,5m; H>3,5m	60	
372	Kiệt 113 Bà Triệu, Vỹ Dạ, TP Huế	L = 100m; B=2m; H>3,5m	10	
373	Kiệt 131 Bà Triệu, Vỹ Dạ, TP Huế	L=100m; B=2m; H>3,5m	10	
374	Đường Nguyễn Bính, Vỹ Dạ, TP Huế	L=570m; B<3,5m; H>3,5m	100	
375	Đường Văn Cao, Vỹ Dạ, TP Huế	L=550m; B<3,5m; H>3,5m	102	
376	Kiệt 58 Dương Văn An, Vỹ Dạ, TP Huế	L=350m; B<3m; H>3,5m	10	
377	Kiệt 42 Dương Văn An, Vỹ Dạ, TP Huế	L=120m; B=1,6m; H>3,5m	15	
378	Kiệt 46 Dương Văn An, Vỹ Dạ, TP Huế	L=250m; B=2,5m; H>3,5m	11	
379	Kiệt 24 Nguyễn Lộ Trạch, Vỹ Dạ, TP Huế	L=80m; B=1,7m; H>3,5m	15	
380	Kiệt 42 Nguyễn Lộ Trạch, Vỹ Dạ, TP Huế	L=300m; B<3m; H>3,5m	16	
381	Kiệt 50 Nguyễn Lộ Trạch, Vỹ Dạ, TP Huế	L=150m; B=2m; H>3,5m	34	
382	Kiệt 104 Nguyễn Lộ Trạch, Vỹ Dạ, TP Huế	L=45m; B=1,5m; H>3,5m	12	

383	Kiệt 143 Nguyễn Lộ Trạch, Võ Dã, TP Huế	L=55m; B=1,5m; H>3,5m	11	
384	Kiệt 118 Dương Văn An, Võ Dã, TP Huế	L=75m; B<2m; H>3,5m	21	
385	Kiệt 101 Dương Văn An, Võ Dã, TP Huế	L=80m; B=1,7m; H>2,5m	15	
386	Kiệt 92 Dương Văn An, Võ Dã, TP Huế	L=100m; B<3,5m; H>3,5m	24	
387	Kiệt 136 Nguyễn Lộ Trạch, Võ Dã, TP Huế	L=20m; B=1,5m; H<3,5m	5	
388	Kiệt 171 Nguyễn Lộ Trạch, Võ Dã, TP Huế	L=90m; B=2m; H<3,5m	18	
389	Kiệt 147 Nguyễn Lộ Trạch, Võ Dã, TP Huế	L=110m; B=2m; H<3,5m	30	
390	Kiệt 9 Hàn Mặc Tử, Võ Dã, TP Huế	L=50; B=3m; H= 3m	12	
391	Kiệt 13 Hàn Mặc Tử, Võ Dã, TP Huế	L=50; B=3m; H= 3m	13	
392	Kiệt 17 Hàn Mặc Tử, Võ Dã, TP Huế	L=100m; B=3m; H=3m	22	
393	Kiệt 23 Hàn Mặc Tử, Võ Dã, TP Huế	L=30m; B= 3m; H= 3m	8	
394	Kiệt 37 Hàn Mặc Tử, Võ Dã, TP Huế	L=100m; B=3m; H=3m	20	
395	Kiệt 53 Hàn Mặc Tử, Võ Dã, TP Huế	L=70m; B=3m; H=3m	12	
396	Kiệt 73 Hàn Mặc Tử, Võ Dã, TP Huế	L=50m; B=3m; H=3m	11	
397	Kiệt 91 Hàn Mặc Tử, Võ Dã, TP Huế	B=60m; B=3m; H=3m	13	
398	Kiệt 105 Hàn Mặc Tử, Võ Dã, TP Huế	H=100m; B=3m; H=3m	20	
399	Kiệt 115 Hàn Mặc Tử, Võ Dã, TP Huế	L=100; B=3m; H=3m	22	
400	Kiệt 127 Hàn Mặc Tử, Võ Dã, TP Huế	L=100; B=3m; H=3m	21	
401	Kiệt 137 Hàn Mặc Tử, Võ Dã, TP Huế	L=70m; B=3m; H>3m	13	
402	Kiệt 44 Hàn Mặc Tử, Võ Dã, TP Huế	L=60m; B=2,5m; H>3m	12	
403	Kiệt 58 Hàn Mặc Tử, Võ Dã, TP Huế	L=60m; B=2,5m; H>3m	12	
404	Kiệt 181 Hàn Mặc Tử, Võ Dã, TP Huế	L=100m; B=2,5m; H>3m	23	
405	Kiệt 159 Hàn Mặc Tử, Võ Dã, TP Huế	L=120m; B=2,5m; H>3m	25	
406	Kiệt 16 Nguyễn Sinh Cung, Võ Dã, TP Huế	L=20m; B=3m; H=3m	04	
407	Kiệt 40 Nguyễn Sinh Cung, Võ Dã, TP Huế	L=60m; B=3m; H=3m	13	
408	Kiệt 64 Nguyễn Sinh Cung, Võ Dã, TP	L=100m; B=2,5m; H=3m	10	

	Huế			
409	Kiệt 35 Nguyễn Sinh Cung, Võ Dã, TP Huế	L=30m; B=3m; H=3m	07	
410	Kiệt 27 Nguyễn Sinh Cung, Võ Dã, TP Huế	L=40m; B= 2m; H= 3m	08	
411	Kiệt 11 Nguyễn Sinh Cung, Võ Dã, TP Huế	L=40m; B= 2m; H= 3m	08	
412	Kiệt 82 Nguyễn Sinh Cung, Võ Dã, TP Huế	L=200m; B=2,5m; H=3m	35	
413	Kiệt 73 Nguyễn Sinh Cung, Võ Dã, TP Huế	L=50m; B=2,5m; H=3m	11	
414	Kiệt 89 Nguyễn Sinh Cung, Võ Dã, TP Huế	L=10m; B=2,5m; H=3m	03	
415	Kiệt 139 Nguyễn Sinh Cung, Võ Dã, TP Huế	L=100m; B=2,5m; H>3m	16	
416	Kiệt 151 Nguyễn Sinh Cung, Võ Dã, TP Huế	L=150m; B=1,5m; H>3m	27	
417	Kiệt 185 Nguyễn Sinh Cung, Võ Dã, TP Huế	L=150m; B=1,5m; H=2,5m	26	
418	Kiệt 187 Nguyễn Sinh Cung, Võ Dã, TP Huế	L=150m; B=1,5m; H=2,5m	24	
419	Kiệt 191 Nguyễn Sinh Cung, Võ Dã, TP Huế	L=150m; B=2m; H=2,5m	25	
420	Kiệt 220 Nguyễn Sinh Cung, Võ Dã, TP Huế	L=150m; B=2m; H=3m	26	
421	Kiệt 219 Nguyễn Sinh Cung, Võ Dã, TP Huế	L=150m; B=2m; H=2,5m	22	
422	Kiệt 223 Nguyễn Sinh Cung, Võ Dã, TP Huế	L=60m; B= 2,5m; H>3,5m	08	
423	Kiệt 275 Nguyễn Sinh Cung, Võ Dã,	L=50m; B= 3m; H >3,5m	10	

	TP Huế			
424	Kiệt 312 Nguyễn Sinh Cung, Võ Dạ, TP Huế	L=35m; B= 2m; H >3,5	01	
425	Kiệt 320 Nguyễn Sinh Cung, Võ Dạ, TP Huế	L=50m; B= 2m; H >3,5m	01	
426	Kiệt 12 Nguyễn Khoa Vy, Võ Dạ, TP Huế	L=70m; B=2m; H=3m	02	
427	Kiệt 24 Nguyễn Khoa Vy, Võ Dạ, TP Huế	L=70m; B=2m; H=3m	02	
428	Kiệt 11 Tùng Thiện Vương, Võ Dạ, TP Huế	L=120m; B=2,5m; H>3,5m	02	
429	Kiệt 25 Tùng Thiện Vương, Võ Dạ, TP Huế	L=135m; B=3m; H>3,5m	03	
430	Kiệt 73 Tùng Thiện Vương, Võ Dạ, TP Huế	L=60m; B=2,5m; H>3m	02	
431	Kiệt 85 Tùng Thiện Vương, Võ Dạ, TP Huế	L=70m; B=2,5m; H>3m	02	
432	Kiệt 91 Tùng Thiện Vương, Võ Dạ, TP Huế	L=50m; B=2,5m; H>3m	01	
433	Kiệt 22 Thanh Tịnh, Võ Dạ, TP Huế	L=80m; B=3m; H>3,5m	02	
434	Kiệt 33 Thanh Tịnh, Võ Dạ, TP Huế	L=40m; B=1,5m; H>3,5m	01	
435	Kiệt 36 Thanh Tịnh, Võ Dạ, TP Huế	L=150m; B=4m; >3,5m	04	
436	Kiệt 43 Thanh Tịnh, Võ Dạ, TP Huế	L=180m; B=4m; H>3,5m	13	
437	Kiệt 13 Xuân Thủy, Võ Dạ, TP Huế	L=50m; B=3m; H>3m	01	
438	Kiệt 23 Xuân Thủy, Võ Dạ, TP Huế	L=40m; B=3m; H>3m	01	
439	Ngã ba Kiệt 2 TDP Xuân Hòa, Võ Dạ, TP Huế	L=750m; B=2,5; H=3m	08	
440	Ngã ba Kiệt 3 TDP Xuân Hòa, Võ Dạ, TP Huế	L=300m; B= 2,5m; H= 3m	03	
441	Ngã ba Kiệt 15 TDP Xuân Hòa, Võ Dạ,	L=500m; B= 3m; H= 3m	5	

	TP Huế			
442	Ngã ba Kiệt 16 TDP Xuân Hòa, Vỹ Dạ, TP Huế	L=150m; B=2,7m; H>3,5m	02	
443	Kiệt 4 Nguyễn Hạnh, TDP Công Lương, Vỹ Dạ	L=100m; B=3m; H=3,5m	02	
444	Kiệt 5 Nguyễn Hạnh, TDP Công Lương, Vỹ Dạ	L=350m; B=3m; H=3,5m	03	
445	Kiệt 6 Nguyễn Hạnh, TDP Công Lương, Vỹ Dạ	L=200m; B= 3m; H >3,5m	02	
446	Kiệt 7 Nguyễn Hạnh, TDP Công Lương, Vỹ Dạ	L=200m; B=3m; H>3,5m	02	
447	Kiệt 8 Nguyễn Hạnh, TDP Công Lương, Vỹ Dạ	L=150m; B= 3m; H= 3,5m	02	
448	Kiệt 9 Nguyễn Hạnh, TDP Công Lương, Vỹ Dạ	L=150m; B= 3m; H= 3,5m	02	
449	Kiệt 10 Nguyễn Hạnh, TDP Công Lương, Vỹ Dạ	L=150m; B= 3m; H= 3,5m	02	
450	Kiệt 11 Nguyễn Hạnh, TDP Công Lương, Vỹ Dạ	L=150m; B= 3m; H= 3,5m	02	
451	Kiệt 12 Nguyễn Hạnh, TDP Công Lương, Vỹ Dạ	L=150m; B= 3m; H= 3,5m	02	
452	Kiệt 13 Nguyễn Hạnh, TDP Công Lương, Vỹ Dạ	L=150m; B= 3m; H= 3,5m	02	
453	Kiệt 17 TDP Công Lương, Vỹ Dạ, TP Huế	L= 400m; B=2,5m; H>3,5m	04	
454	Kiệt 4 Ứng Bình, Vỹ Dạ, TP Huế	L=200m; B=1,5m; H=2,5m	40	
455	Toàn bộ khu vực Cồn Hén	Trung bình B=1,5m	1.003	
	PHƯỜNG THUẬN HOÁ			
456	Kiệt 36 Trần Quang Khải	L=150m; B=1,2m; H=5m	55	
457	Kiệt 8/1/36 Trần Quang Khải	L=250m; B=1,2m; H=5m	45	

458	Kiệt 8/36 Trần Quang Khải	L=200m; B=1,2m; H=5m	48	
459	Kiệt 42 trần Quang Khải	L=125m; B=1,2m; H=5m	32	
460	Kiệt 20 Trần Quang Khải	L=250m; B=1,2m; H=5m	45	
461	Kiệt 10 Trần Quang Khải	L=120m; B=1,2m; H=5m	21	
462	Kiệt 48 Trần Quang Khải	L=250m; B=1,2m; H=5m	27	
463	Kiệt 10 Lê Quý Đôn	L=100m; B=1,2m; H=5m	16	
464	Kiệt 15 Bến Nghé	L=100m; B=1,2m; H=5m	10	
465	Kiệt 25 Bến Nghé	L=75m; B=1,2m; H=5m	8	
466	Kiệt 52 Bà Triệu	L=250m; B=1,2m; H=5m	56	
467	Kiệt 74 bà triệu	L=350m; B=1,2m; H=5m	65	
468	Kiệt 116 Bà Triệu	L=250m; B=1,2m; H=5m	38	
469	Kiệt 134 Bà Triệu	L=170m; B=1,2m; H=5m	56	
470	Kiệt 154 Bà Triệu	L=160m; B=1,2m; H=5m	54	
471	Kiệt 15 Tổ Hữu	L=155m; B=1,2m; H=5m	30	
472	Kiệt 64 Bà Triệu	L=150m; B=1,2m; H=5m	35	
473	Kiệt 20 Phạm Hồng Thái	L= 300m; B= 1,5m; H= 2 m	26	
474	Kiệt 14 Phạm Hồng Thái	L= 300m; B= 1,5m; H= 2 m	29	
475	Kiệt 7 Hà Nội	L= 100m; B= 2,0 - 2,5m; H= 2,5 m	18	
476	Kiệt 6 Trương Định	L= 50m; B= 1,5m; H= 2,5 m	8	
477	Kiệt 21 Ngô Gia Tự	L= 150m; B= 2,5m; H= 3,5 m	14	
478	Kiệt 11 Ngô Gia Tự	L= 150m; B= 1,5m; H= 2 m	11	
479	Kiệt 56 Hai Bà Trưng	L= 150m; B= 1,5m; H= 2,5 m	8	
480	Kiệt 41 Ngô Quyền	L= 100m; B= 1,5m; H= 2,5 m	8	
481	Kiệt 195 phan bội châu	L=100m; B=1,5m; H=2,5m	7	
482	Kiệt 199 Phan Bội châu	L=100m; B=1,5 m; H=2,5m	9	
483	Kiệt 183 Phan Bội châu	L=100m; B=1,5m; H=2,5m	9	
484	Kiệt 175 Phan Bội Châu	L=100m; B=2m; H=2,5m	10	
485	Kiệt 10 Chế Lan Viên	L=100m; B=2m; H=2,5m	17	
486	Kiệt 16 Chế Lan Viên	L=100m; B=2m; H=2,5m	8	

487	Kiệt 24 chế lan viên	L=100m; B=2m; H=2,5m	24	
488	Kiệt 60 lịch đơi	L=55m; B=1m; H=2,5m	25	
489	Kiệt 62 lịch đơi	L=50m; B=1m; H=2,5m	10	
490	Kiệt 61 Lịch Đơi	L=45m; B=1m; H=2,5m	15	
491	Kiệt 51 Lịch Đơi	L=54m; B=1m; H=2,5m	21	
492	Kiệt 45 Lịch Đơi	L=55m; B=1m; H=2,5m	15	
493	Kiệt 67 Lịch Đơi	L=65m; B=1m; H=2,5m	15	
494	Kiệt 121 Bùi thị Xuân	L=55m; B=1m; H=2,5m	15	
495	Kiệt 28 Tôn Thất Tùng	L=45m; B=1m; H=2,5m	15	
496	Kiệt 39 Trần Phú	L= 50m; B= 1,5m; H= 2,5 m	20	
497	Kiệt 210 Phan Chu Trinh	L=100m; B=2m; H=2,5m	41	
498	Kiệt 198 Phan Chu Trinh	L=100m; B=2m; H=2,5m	42	
499	Kiệt 53 Trần Phú	L=100m; B=2m; H=2,5m	26	
500	Kiệt 46 Trần Phú	L=100m; B=2m; H=2,5m	20	
501	Kiệt 44 Trần Phú	L= 50m; B= 1,5m; H= 2,5 m	12	
502	Kiệt 254 Phan Chu Trinh	L=100m; B=2m; H=2,5m	42	
503	Kiệt 184 Phan Chu Trinh	L=100m; B=2m; H=2,5m	18	
504	Kiệt 244 Phan Chu Trinh	L=100m; B=2m; H=2,5m	12	
505	Hèm 2 Kiệt 227 Trần Phú	L=100m; B=2m; H=2,5m	30	
506	Kiệt 68 Điện Biên Phủ	B=1,5m	70	
507	Kiệt 63 Điện Biên Phủ	B= 1,5m	50	
508	Kiệt 17 bảo quốc	B= 1,5m	30	
509	Kiệt 120 Điện Biên Phủ	B= 1,5m	75	
510	Kiệt 106 Điện Biên Phủ	B= 1,5m	60	
511	Kiệt 73 Điện Biên Phủ	B= 1,5m	10	
512	Kiệt 9 Bảo Quốc	B= 1,5m	15	
513	Kiệt 35 Điện Biên Phủ	B= 1,5m	36	
514	Kiệt 120 Phan Bội Châu	B= 1,5m	25	
515	Kiệt 66 Điện Biên Phủ	B= 1,5m	10	

516	Kiệt 54 Điện Biên Phủ	B= 1,5m	10	
517	Kiệt 4 Thích Tịnh Khiết	L= 120m; B= 2,5m; H= 3,5m	20	
518	Kiệt 272 Điện Biên Phủ	L= 130m; B= 2,5m; H= 3,5m	31	
519	Kiệt 290 Điện Biên Phủ	L= 100m; B= 2,5m; H= 3,5m	35	
520	Kiệt 14 Lê Ngô Cát	L= 100m; B= 2,5m; H= 3,5m	15	
521	Kiệt 31 Nguyễn Công Trứ	L= 50m ;B= 2,5m; H= 3,5 m	10	
522	Kiệt 33 Nguyễn Công Trứ	L= 150m; B= 3 m; H= 3,5 m	40	
523	Kiệt 43 Nguyễn Công Trứ	L= 120m; B= 2,5m; H= 3,5 m	20	
524	Kiệt 56 Nguyễn Công Trứ	L= 300m; B= 2,5m; H= 3,5 m	50	
525	Kiệt 35 Chu Văn An	L= 100m; B= 2,5m; H= 3,5 m	20	
526	Kiệt 26 Võ Thị Sáu	L= 150m; B= 2m; H= 3,5 m	15	
527	Kiệt 65 Phan Bội Châu	L= 150m; B= 2m; H= 3,5 m	50	
528	Kiệt 101 Phan Bội Châu	L= 150m; B= 2m; H= 3,5 m	45	
529	Kiệt 190 Trần Phú	L= 150m; B= 2m; H= 3,5 m	28	
530	Kiệt 136 Phan Chu Trinh	L= 150m; B= 2m; H= 3,5 m	22	
531	Kiệt 156 Phan Chu Trinh	L= 150m; B= 2m; H= 3,5 m	24	
532	Kiệt 119 Hùng Vương	L= 330m; B= 3m; H= 3,5 m	61	
533	Kiệt 263 Hùng Vương	L= 344m; B= 3m; H= 3,5 m	39	
534	Kiệt 41 Lê Quý Đôn	L= 232m; B= 2m; H= 3,5 m	7	
535	Kiệt 47 Lê Quý Đôn	L= 150m; B= 2,7m; H= 3,5 m	9	
536	Kiệt 9 Lê Quý Đôn	L= 323m; B= 2,8m; H= 3,5 m	35	
537	Kiệt 21 Lê Quý Đôn	L= 112m; B= 1,5m; H= 3,5 m	11	
538	Kiệt 29 Lê Quý Đôn	L= 51m; B= 1,9m; H= 3,5 m	9	
539	Kiệt 33 Lê Quý Đôn	L= 340m; B= 2,2m; H= 3,5 m	37	
540	Kiệt 41 Lê Quý Đôn	L= 232m; B= 1,9m; H= 3,5 m	9	
541	Kiệt 127 Hùng Vương	L= 80m; B= 2m; H= 3,5 m	11	
542	Kiệt 235 Bà Triệu	L= 779m; B= 2,2m; H= 3,5 m	4	
543	Kiệt 149 Hùng Vương	L= 116m; B= 3,1m; H= 3,5 m	21	
544	Kiệt 125 Hùng Vương	L= 80m ;B= 3,5m; H= 3,5 m	6	

545	Kiệt 143 Hùng Vương	L= 80m ;B= 2m; H= 3,5 m	3	
546	Kiệt 145 Hùng Vương	L= 320m; B= 2m; H= 3,5 m	4	
547	Kiệt 14 Đoàn Hữu Trưng	L=40m; B=3m; H=3,5 m	27	
548	Kiệt 16 Đoàn Hữu Trưng	L=242m; B=3,5m; H=3,5 m	128	
549	Kiệt 20 Đoàn Hữu Trưng	L=40m; B=3m; H=3,5 m	14	
550	Kiệt 26 Đoàn Hữu Trưng	L=42m; B=3m; H=3,5 m	11	
551	Kiệt 30 Đoàn Hữu Trưng	L=44m; B=3m; H=3,5 m	13	
552	Kiệt 34 Đoàn Hữu Trưng	L=48m; B=3m; H=3,5 m	14	
553	Kiệt 44 Đoàn Hữu Trưng	L=20m; B=3m; H=3,5 m	10	
554	Kiệt 52 Đoàn Hữu Trưng	L=25m; B=3m; H=3,5 m	15	
555	Kiệt 1 Đoàn Hữu Trưng	L=126m; B=3,5m; H=3,5 m	84	
556	Kiệt 168 Trần Phú	L=214m; B=3m; H=3,5 m	87	
557	Kiệt 174 Trần Phú	L=40m; B=3m; H=3,5 m	9	
558	Kiệt 6 Hàm Nghi	L=43m; B=3m; H=3,5 m	16	
559	Kiệt 22 Hàm Nghi	L=26m; B=3m; H=3,5 m	80	
560	Kiệt 29 Hàm Nghi	L=123m; B=3m; H=3,5 m	48	
561	Kiệt 152 Trần Phú	L=40m; B=3m; H=3,5 m	46	
562	Kiệt 138 Trần Phú	L=54m; B=3m; H=3,5 m	61	
563	Kiệt 245 Phan Bội Châu	L=35m; B=1,5m; H=2,5m	45	
564	Kiệt 174 Phan Bội Châu	L= 50,0m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	21	Thông với Kiệt 145 Điện Biên Phủ
565	Kiệt 194 Phan Bội Châu	L= 50,0m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	14	
566	Kiệt 204 Phan Bội Châu	L= 50,0m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	21	Thông với Kiệt 217 Điện Biên Phủ
567	Kiệt 214 Phan Bội Châu	L= 50,0m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	23	
568	Kiệt 246 Phan Bội Châu	L= 50,0m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	25	Thông với Kiệt 253 Điện Biên Phủ
569	Kiệt 209 Điện Biên Phủ	L= 50,0m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	11	
570	Kiệt 262 Phan Bội Châu	L= 50,0m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	18	Thông với Kiệt 293

				Điện Biên Phủ
571	Kiệt 338 Phan Bội Châu	L= 50,0m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	25	Thông với Kiệt 363 Điện Biên Phủ
572	Kiệt 280 Phan Bội Châu	L= 50,0m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	20	Thông với Kiệt 317 Điện Biên Phủ
573	Kiệt 37 Hùng Vương	L= 42,0m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	7	
574	Kiệt 29 Hùng Vương	L= 16,0m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	3	
575	Kiệt 8 Phạm Ngũ Lão	L= 3,5m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	3	
576	Kiệt 46 Chu Văn An	L= 6,1m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	3	
577	Kiệt 112 Đặng Huy Trứ	L=120m; B=2m; H=3m	35	
578	Kiệt 11 Võ Thị Sáu	L= 7,0m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	5	
579	Kiệt 10 Bến Nghé	L= 6,0m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	13	
580	Kiệt 1 Đội Cung	L= 14,8m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	11	
581	Kiệt 5 Đội Cung	L= 14,7m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	2	
582	Kiệt 9 Đội Cung	L= 9,2m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	12	
583	Kiệt 17 Đội Cung	L= 10,5m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	9	
584	Kiệt 52 Trần Cao Vân	L= 50,0m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	20	
585	Kiệt 29 Võ Thị Sáu	L= 50,0m ;B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	110	
586	Kiệt 66 Lê Lợi	L=100 m ;B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	114	
587	Kiệt 7 Nguyễn Công Trứ	L= 110,0m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	28	
588	Kiệt 14 Nguyễn Công Trứ	L= 50,0m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	22	
589	Kiệt 31 Nguyễn Công Trứ	L= 50,0m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	6	
590	Kiệt 20 Nguyễn Công Trứ	L= 30,0m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	4	
591	Kiệt 114 Lê Lợi	L= 30,0m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	6	
592	Kiệt 48 Trần Phú	L=35m; B=1m; H=2,5	14	
593	Kiệt 112 Trần Phú	L=45m; B=1m; H=2,5	22	
594	Kiệt 30 Đống Đa	L= 30m ;B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	17	
595	Kiệt 12 Đống Đa	L= 15m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	6	
596	Kiệt 71 Nguyễn Huệ	L= 50m; B= 1,0-2,5m; H= 3,5m	17	

597	Kiệt 62 Nguyễn Huệ	L= 30m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	10	
598	Kiệt 66 Nguyễn Huệ	L= 30m; B= 1,0-4,0m; H= 3,5m	31	
599	Kiệt 86 Nguyễn Huệ	L= 50m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	50	
600	Kiệt 90 Nguyễn Huệ	L= 50m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5m	49	
601	Kiệt 98 Nguyễn Huệ	L= 50m; B= 1,0-3,0m; H= 3,5	37	
602	Kiệt 75 Phan Đình Phùng	L= 30m; B= 1,0-3,5m; H= 3,5m	18	
603	Kiệt 89 Phan Đình Phùng	L= 30m; B= 1,0-3,5m; H= 3,5m	20	
604	Kiệt 91 Phan Đình Phùng	L= 15m; B= 1,0-3,5m; H= 3,5m	1	
605	Kiệt 57 Hai Bà Trưng	L= 100m ;B= 1,0-4,0m; H= 3,5m	67	
606	Kiệt 63 Hai Bà Trưng	L= 50m; B= 1,0-4,0m; H= 3,5m	10	
607	Kiệt 130 Trần Phú	L= 250m; B= 2,5m; H= 3,5m	114	
608	Kiệt 53 Hàm Nghi	L= 155m; B= 2,5m; H= 2,5m	45	
609	Kiệt 47 Hàm Nghi	L= 150m; B= 2m; H= 2,5m	38	
610	Kiệt 29 Hàm Nghi	L= 200m; B= 2,5m; H= 3,5m	33	
611	Kiệt 58 Hàm Nghi	L= 145m; B= 2m; H= 2,5m	22	
612	Kiệt 50 Hàm Nghi	L= 120m; B= 2m; H= 2,5m	18	
613	Kiệt 22 Hàm Nghi	L= 100m; B= 2,5m; H= 3,5m	7	
614	Kiệt 138 Trần Phú	L= 160m; B= 2,5m; H= 3,5m	16	
615	Kiệt 60 Hàm Nghi	L= 145m; B= 2m; H= 2,5m	6	
616	Kiệt 6 Duy Tân	L= 90m; B= 2,5m; H= 3,5m	7	
617	Kiệt 113 Trần Phú	L= 70m; B= 2m; H= 3,5m	23	
618	Kiệt 117 Trần Phú	L= 70m; B= 2m; H= 3,5m	11	
619	Kiệt 131 Trần Phú	L= 130m; B= 3,5m; H= 3,5m	151	
620	Kiệt 141 Trần Phú	L= 100m; B= 2,5m; H= 3,5m	5	
621	Kiệt 135 Trần Phú	L= 90m; B= 2,5m; H= 3,5m	17	
622	Kiệt 149 Trần Phú	L= 130m; B= 2,5m; H= 3,5m	21	
623	Kiệt 155 Trần Phú	L= 70m; B= 2m; H= 3,5m	13	
624	Kiệt 159 Trần Phú	L= 110m; B= 2,5m; H= 3,5m	15	
625	Kiệt 165 Trần Phú	L= 100m; B= 2,5m; H= 3,5m	36	

626	Kiệt 175 Trần Phú	L= 90m; B = 2,5m; H= 3,5m	16	
627	Kiệt 179 Trần Phú	L= 80m; B = 2,5m; H= 3,5m	30	
628	Kiệt 179 Trần Phú	L= 80m; B = 2,5m; H= 3,5m	36	
629	Kiệt 199 Trần Phú	L= 80m; B = 2,5m; H= 3,5m	52	
630	Kiệt 13 Đặng Huy Trứ	L= 80m; B = 2,5m; H= 3,5m	29	
631	Kiệt 35 Đặng Huy Trứ	L= 80m; B = 2,5m; H= 3,5m	23	
632	Kiệt 103 Xuân Diệu	L= 80m; B = 2,5m; H= 3,5m	31	
633	Kiệt 66 Xuân Diệu	L= 80m; B = 2,5m; H= 3,5m	33	
634	Kiệt 72 Đào Tấn	L= 80m; B = 2,5m; H= 3,5m	42	
635	Kiệt 131 Trần Phú	L= 250m; B = 1m-3,5m; H= 3,5m	98	
636	Kiệt 289 Bùi Thị Xuân	L= 300; B = 2,5m; H= 3,5m	31	
637	Kiệt 292 Bùi Thị Xuân	L= 180m; B = 2,8m; H= 3,5m	24	
638	Kiệt 299 Bùi Thị Xuân	L= 250m; B = 3,2m; H= 3,5m	26	
639	Kiệt 317 Bùi Thị Xuân	L= 250m; B = 3m; H= 3,5m	34	
640	Kiệt 354 Bùi Thị Xuân	L= 120m; B = 3m; H= 5m	10	
641	Kiệt 302 Bùi Thị Xuân	L= 150m; B = 2,5m; H= 3,5m	16	
642	Kiệt 314 Bùi Thị Xuân	L= 250m; B = 2,5m; H= 3,5m	25	
643	Kiệt 343 Bùi Thị Xuân	L= 350m; B = 1,8m; H= 3,5m	19	
644	Kiệt 173 Phan Đình Phùng	L= 200m; B = 2,5m; H= 3,5m	39	
645	Kiệt 177 Phan Đình Phùng	L= 200m; B = 2,5m; H= 3,5m	26	
646	Kiệt 150 Nguyễn Huệ	L= 100m; B = 2,5m; H= 3m	6	
647	Kiệt 209 Phan Đình Phùng	L= 220m; B = 2,5m; H= 3m	38	
648	Kiệt 187 Phan Đình Phùng	L= 200m; B = 2,8m; H= 3m	46	
649	Kiệt 171 Phan Đình Phùng	L= 90m; B = 1,5m; H= 2,5m	8	
650	Kiệt 159 Phan Đình Phùng	L= 150m; B = 1,5m; H= 2,5m	25	
651	Kiệt 147 Phan Đình Phùng	L= 160m; B = 2,8m; H= 3,5m	52	
652	Kiệt 145 Phan Đình Phùng	L= 500m; B = 2,2m; H= 2,5m	4	
653	Kiệt 137 Phan Đình Phùng	L= 160m; B = 2m; H= 3,5m	48	
654	Kiệt 28 Nguyễn Khuyến	L= 40m; B = 2m; H= 3,5m	28	

655	Kiệt 42 Nguyễn Khuyến	L= 30m; B = 2m; H= 3,5m	12	
656	Kiệt 50 Nguyễn Khuyến	L= 40m; B = 2m; H= 3,5m	4	
657	Kiệt 133 Bùi Thị Xuân	L= 80m; B = 2,5m; H= 3,5m	10	
658	Kiệt 141 Bùi Thị Xuân	L= 80m; B = 2,5m; H= 3,5m	15	
659	Kiệt 197 Bùi Thị Xuân	L= 80m; B = 2,5m; H= 3,5m	12	
660	Kiệt 203 Bùi Thị Xuân	L= 80m; B = 2,5m; H= 3,5m	13	
661	Kiệt 239 Bùi Thị Xuân	L= 80m; B = 2,5m; H= 3,5m	10	
662	Kiệt 245 Bùi Thị Xuân	L= 80m; B = 2,5m; H= 3,5m	10	
663	Kiệt 257 Bùi Thị Xuân	L= 80m; B = 2,5m; H= 3,5m	20	
664	Kiệt 104 Bùi Thị Xuân	L= 80m; B = 2,5m; H= 3,5m	10	
665	Kiệt 138 Bùi Thị Xuân	L= 80m; B = 2,5m; H= 3,5m	12	
666	Kiệt 190 Bùi Thị Xuân	L= 80m; B = 2,5m; H= 3,5m	19	
667	Kiệt 220 Bùi Thị Xuân	L= 80m; B = 2,5m; H= 3,5m	15	
668	Kiệt Bùi Thị Xuân	L= 80m; B = 2,5m; H= 3,5m	20	
669	Kiệt 238 Bùi Thị Xuân	L= 80m; B = 2,5m; H= 3,5m	20	
670	Kiệt 242 Bùi Thị Xuân	L= 80m; B = 2,5m; H= 3,5m	16	
671	Kiệt 254 Bùi Thị Xuân	L= 80m; B = 2,5m; H= 3,5m	10	
672	Kiệt 11 Phan Bội Châu	L= 150m; B = 1,5-2,5m; H= 3,5m	30	
673	Kiệt 6 Phan Bội Châu	L= 150m; B = 1,5-2,5m; H= 3,5m	5	
674	Kiệt 9 Trần Thúc Nhẫn	L= 50m; B = 1,5-2,0m; H= 3,5m	30	
675	Kiệt 06 Trần Thúc Nhẫn	L= 150m; B = 1,5-2,5m; H= 3,5m	2	
676	Kiệt 24 Trần Thúc Nhẫn	L= 150m; B = 1,0-2,5m; H= 3,5m	40	
677	Kiệt 47 Trần Thúc Nhẫn	L= 150m; B = 1,5-2,5m; H= 3,5m	4	
678	Kiệt 19 Phan Đình Phùng	L= 100m; B = 1,5-2,5m; H= 3,5m	50	
679	Kiệt 63 Phan Đình Phùng	L= 150m; B = 1,0,-1,5m; H= 3,5m	5	
680	Kiệt 21 Nguyễn Huệ	L= 100m; B = 1,5-2,5m; H= 3,5m	10	
681	Kiệt 27 Nguyễn Huệ	L= 100m; B = 1,0-1,5m; H= 2,5m	8	
682	Kiệt 20 Phan Bội Châu	L= 100m; B = 1,0-2,5m; H= 2,5m	15	
683	Kiệt 49 Phan Đình Phùng	L=100m; B =1,5m; H=2,5m	15	

684	Kiệt 05 Lê Lợi	L=100m; B=1,5m; H=2,5m	11	
685	Kiệt 72 Đào Tấn	L= 30m; B=2m5; H=3m	10	
686	Kiệt 65 Đặng Huy Trứ	L= 80m; B=2m5; H=3m	60	
687	Kiệt 99 Đặng Huy Trứ	L= 300m; B=2m5; H=3m	70	
688	Kiệt 93 Đặng Huy trứ	L= 150m; B=2m5; H=3m	80	
689	Kiệt 109 Đặng Huy trứ	L= 150m; B=2m5; H=3m	90	
690	Kiệt 127 Đặng Huy trứ	L= 20m; B=2m5; H=3m	20	
691	Kiệt 133 Đặng Huy trứ	L= 15m; B=2m5; H=3m	10	
692	Kiệt 42 Đào Tấn	L= 40m; B=2m5; H=3m	110	
693	Kiệt 81 Nguyễn Huệ	L=100m; B= 3m; H= 3,5m	73	
694	Kiệt 83 Nguyễn Huệ	L= 100m; B= 2,5m. H= 3,5m	98	
695	Kiệt 85 Nguyễn Huệ	L= 150m; B= 3m; H= 3,5m	713	
696	Kiệt 87 Nguyễn Huệ	L= 120m; B= 2,5m; H= 3,5m	341	
697	Kiệt 89 Nguyễn Huệ	L= 35m; B= 2,5m; H= 3,5m	67	
698	Kiệt 99 Nguyễn Huệ	L= 50m; B= 2m; H= 3,5m	89	
699	Kiệt 105 Nguyễn Huệ	L= 45m; B= 2m; H= 3,5m	97	
700	Kiệt 109 Nguyễn Huệ	L= 25m; B= 1,5m; H= 3,5m	44	
701	Kiệt 1 Lê Hồng Phong	L= 50m; B= 2m; H= 3,5m	18	
702	Kiệt 9 Lê Hồng Phong	L= 25m; B= 2m; H= 2,5m	41	
703	Kiệt 29 Lê Hồng Phong	L= 50m; B= 2,5m; H= 3,5m	21	
704	Kiệt 36 Đống Đa	L= 120m; B= 2-2,5m; H= 3,5m	212	
705	Kiệt 114 Nguyễn Huệ	L= 70m; B= 2m; H= 2m	52	
706	Kiệt 120 Nguyễn Huệ	L= 10m; B= 1,5m; H= 2m	29	
707	Kiệt 124 Nguyễn Huệ	L= 30m; B= 1,7m; H= 2m	33	
708	Kiệt 134 Nguyễn Huệ	L= 40m; B= 2m; H= 3,5m	134	
709	Kiệt 140 Nguyễn Huệ	L= 150m; B= 2-2,5m; H= 3m	23	
710	Kiệt 103 Phan Đình Phùng	L= 100m; B= 1-1,5m; H= 2m	17	
711	Kiệt 11 Nguyễn Khuyến	L= 50m; B= 1,5m; H= 2,5m	83	
712	Kiệt 02 Nguyễn Thị Minh Khai	L= 50m; B= 2m; H= 3m	36	

713	Kiệt 12 Lịch Đới	L=35m; B=1,5 m; H=2,5m	15	
714	Kiệt 17 Lịch Đới	L=150m; B=1,2m; H=2m	20	
715	Kiệt 29 Lịch Đới	L=200m; B=2,5m; H=2.5m	50	
716	Kiệt 31 Lịch Đới	L=170m; B=2m; H=2,5m	32	
717	Kiệt 34 Lịch Đới	L=70m; B=1,5m; H=2m	15	
718	Kiệt 40 Lịch Đới	L=230m; B=2m; H=2,5m	110	
719	Kiệt 48 Lịch Đới	L=80m; B=1,2m; H=2m	7	
720	Kiệt 03 Lịch Đới	L=150m; B=1,5m; H=2,5m	20	
721	Kiệt 6 Tôn Thất Tùng	L=150m; B=1,2m; H=2m	40	
722	Kiệt 6 Hà Nội	L= 60m; B= 2,0m; H= 3,5m	11	
723	Kiệt 8 Hà Nội	L= 150m; B= 2,0m; H= 3,5m	24	
724	Kiệt 22 Hà Nội	L= 170m; B= 2,5m; H= 3,5m	21	
725	Kiệt 26 Hà Nội	L= 50m; B= 2,5m; H= 3,5m	13	
726	Kiệt 27 Hà Nội	L= 50m; B= 2,5m; H= 3,5m	11	
727	Kiệt 15 Đống Đa	L= 300m; B= 2,0m; H= 3,5m	36	
728	Kiệt 11 Lý Thường Kiệt	L= 120m; B= 2,0m; H= 3,5m	29	
729	Kiệt 34 Nguyễn Tri Phương	L= 150m; B= 2,5m; H= 3,5m	26	
730	Kiệt 18 Nguyễn Tri Phương	L= 40m; B= 2,0 m; H= 3,5m	7	
731	Kiệt 227 Trần Phú	L=120m; B=2.5m; H= 3,5m	30	
732	Đường Âu Triệu	L=120m; B=2,5m; H= 3,5m	40	
733	Kiệt 179 Trần Phú	L=120m; B=2,5m; H= 3,5m	36	
734	Kiệt 199 Trần Phú	L=120m; B=2,5m; H= 3,5m	52	
735	Kiệt 13 Đặng Huy Trứ	L=120m; B=2,5m; H= 3,5m	29	
736	Kiệt 35 Đặng Huy Trứ	L=120m; B=2,5m; H= 3,5m	23	
737	Kiệt 66 Đặng Huy Trứ	L=120m; B=2,5m; H= 3,5m	33	
738	Kiệt 72 Đào Tấn	L=120m; B=2,5m; H= 3,5m	42	
739	Kiệt 252 Ngự Bình	L=120m; B=2.5m; H= 3,5m	25	
740	Kiệt 214 Ngự Bình	L=120m; B=2.5m; H= 3,5m	30	
741	Kiệt 43 Xuân Diệu	L=50m; B=3m; H= 4m	60	

	PHƯỜNG PHÚ XUÂN			
742	Kiệt 58 Phùng Hưng	L=300m; B=2,5m; H=4,5m	51	
743	Kiệt 23 Nhật Lệ	L=250m; B=2m; H=4,5m	37	
744	Kiệt 71 Nhật Lệ	L=300m; B=3m; H=4,5m	42	
745	Kiệt 25 Nguyễn Gia Thiều	L=350m; B=3m; H=4,5m	39	
746	Kiệt 10 Nguyễn Du	L=250m; B=2,5m; H=4m	24	
747	Kiệt 15 Nguyễn Du	L=400m; B=2m; H=4m	33	
748	Kiệt 35 Nguyễn Du	L=300m; B=3m; H=4,5m	26	
749	Kiệt 227 Chi Lăng	L=400m; B=1,8m; H=4m	56	
750	Kiệt 357 Chi Lăng	L=500m; B=1,6m; H=4m	61	
751	Kiệt 228 Bạch Đằng	L=600m; B=1,8m; H=4m	68	
752	Kiệt 290 Bạch Đằng	L=450m; B=1,6m; H=4m	63	
753	Kiệt 300 Bạch Đằng	L=350m; B=1,6m; H=4m	26	
754	Kiệt 15 Hoàng Diệu	L=200m; B=2m; H=4,5m	19	
755	Kiệt 3 Cao Bá Quát	L=150m; B=1,5m; H=4m	9	
756	Kiệt 21 Trần Nguyên Đán	L=300m; B=2m; H=4m	27	
757	Kiệt 76 Trần Nguyên Đán	L=400m; B=2m; H=4m.	18	
758	Kiệt 34 Thạch Hãn	L=300m; B=2m; H=4m.	21	
759	Kiệt 4 Nguyễn Cư Trinh	L=300m; B=2m; H=4m.	16	
760	Kiệt 51 Thái Phiên	L=500m; B=3m; H=4,5m	39	
761	Kiệt 195 Nguyễn Trãi	L=200m; B=2,5m; H=4m	38	
762	Kiệt 240 Nguyễn Trãi	L=200m; B=2,5m; H=4,5m	32	
763	Kiệt 25 Nguyễn Văn Trỗi	L=200m; B=2,5m; H=4m	16	
	PHƯỜNG HƯƠNG AN			
764	Kiệt 199 Cao Văn Khánh	L= 100m; B= 3m; H= 4,5m	128	
765	Kiệt ông Hà Văn Bình	L= 100m; B= 3m; H= 4,5m	32	
766	Kiệt 83 Lý Thái Tổ	L= 100m; B= 3m; H= 4,5m	28	
767	Kiệt 162 Lý Thái Tổ	L= 100m; B= 3m; H= 4,5m	27	
768	Kiệt 3/3/ Lý Nam Đế	L= 100m; B= 3m; H= 4,5m	30	

	PHƯỜNG KIM TRÀ			
769	Xóm Diên Khải, TDP Triều Sơn Trung	L= 130m; B= 3m; H= 4,5m	10	
770	Xóm ngang Văn Thánh, TDP Triều Sơn Trung	L= 100m; B= 3m; H= 4,5m	08	
771	Xóm Đảo, TDP Phụ Ổ 2	L= 1000m; B= 3m; H= 4,5m	39	
772	Xóm 3, TDP Giáp Kiên	L= 120m; B= 3m; H= 4,5m	33	
773	Xóm 4, TDP Giáp Thượng	L= 130m; B= 3m; H= 4,5m	21	
774	Xóm 6, TDP Vân Cù - Nam Thanh	L= 200m; B= 3m; H= 4,5m	51	
	PHƯỜNG KIM LONG			
775	Kiệt 35 Phạm Thị Liên	L= 300m; B= 3m; H= 3m	60	
776	Kiệt 53 Phạm Thị Liên	L= 150m; B= 3; H= <3m	60	
777	Kiệt 104 Phạm Thị Liên	L= 250m; B= 3m; H= 3m	25	
778	Kiệt 104 Kim Long	L= 600m; B= 3,3m; H= 3m	120	
	PHƯỜNG HOÁ CHÂU			
779	Xóm Rèn	L= 500m; B= 3m; H= 4,5m	128	
780	Xóm 1	L= 170m; B= 3m; H= 4,5m	32	
781	Xóm Ổt	L= 200m; B= 3m; H= 4,5m	28	
782	Xóm Dừa	L= 200m; B= 3m; H= 4,5m	27	
783	Xóm Muối	L= 200m; B= 3m; H= 4,5m	30	
	XÃ BÌNH ĐIỀN			
784	Xóm ông Duệ tại Thôn Tam Hiệp	L=600m; B=3m; H=3m	04	
785	Xóm ông Phương tại Thôn Tân Thọ	L=380m; B=3; H=3m	02	
786	Xóm ông Hùng tại Thôn Hòa Hợp	L=130m; B=3m; H=3m	01	
787	Xóm ông Sâm tại Thôn Phú Tuyên	L= 65m; B=3,5m; H=3m	02	
788	Xóm ông Lực tại Thôn Thuận Lợi	L= 73m; B=3,5m; H=3m	05	
789	Xóm ông Ngộ tại Thôn Thuận Lợi	L= 93m; B=3,5m; H=3m	03	
	XÃ QUẢNG ĐIỀN			
790	Đường xóm 1 Thôn Mai Dương	L=300m; B=2,5m; H=2,5m	31	
791	Đường xóm 2 Thôn Mai Dương	L=200m; B=2,5m; H=2,5m	32	

792	Đường xóm 3 Thôn Mai Dương	L=160m; B=2,5m; H=2,5m	36	
793	Đường xóm 4 Thôn Mai Dương	L=150m; B=2,5m; H=2,5m	25	
794	Đường xóm 5 Thôn Mai Dương	L=160m; B=2,5m; H=2,5m	29	
795	Đường xóm 6 Thôn Mai Dương	L=140m; B=2,5m; H=2,5m	27	
796	Đường xóm 7 Thôn Mai Dương	L=170m; B=2,5m; H=2,5m	40	
	XÃ HUNG LỘC			
797	Đường giao Thôn Xuân Mỹ từ Trường tiểu học Thôn Xuân Mỹ đến nhà bà Trương Thông (Thôn Xuân Mỹ, xã Hưng Lộc)	L= 320m; B= 3,6m; H= 3,0m	18	Hầm chui
798	Đường tỉnh lộ 14B đến Nhà ông Lê Minh Thanh (Thôn Phụng Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 1600m; B= 3,6m; H= 3,0m	50	Hầm chui
799	Đường tỉnh lộ 14B đến Nhà ông Nguyễn Đức Sơn (Thôn Phụng Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 1100m; B= 3,6m; H= 3,0m	58	Hầm chui
800	Tỉnh lộ 14B đến Nhà ông Hồ Văn Do (Bản Phúc Lộc, xã Hưng Lộc)	L= 2600m; B= 3,6m; H= 3,0m	77	Hầm chui
801	Ngã 3 bản phúc lộc đến Nhà ông Hồ Văn Lĩa (Bản Phúc Lộc, xã Hưng Lộc)	L= 1600m; B= 3,6m; H= 3,0m	89	Hầm chui
802	Đường nhà ông Thảo đến nhà ông Kịch (Thôn Hoà Vang 4, xã Hưng Lộc)	L= 140m; B= 3,0m	19	
803	Đường nhà ông Thảo đến nhà ông chi (Thôn Hoà Vang 4, xã Hưng Lộc)	L= 110m; B= 3,0m	12	
804	Đường nhà ông Chi đến nhà ông Sủ (Thôn Hoà Vang 4, xã Hưng Lộc)	L= 180m; B= 3,0m	25	
805	Đường nhà bà Huê đến nhà ông Bé (Thôn Hoà Vang 4, xã Hưng Lộc)	L= 200m; B= 3,0m	27	
806	Đường nhà ông Đức đến nhà ông Hùng (Thôn Hoà Vang 4, xã Hưng Lộc)	L= 150m; B= 3,0m	16	
807	Đường nhà ông Chi đến nhà ông Tuấn (Thôn Hoà Vang 4, xã Hưng Lộc)	L= 600m; B= 3,0m	30	

808	Đường từ bờ sông đến nhà ông Mộng (Thôn Bình An, xã Hưng Lộc)	L= 150m; B= 3,0m	13	
809	Đường từ nhà bà Chúc đến nhà văn hoá Thôn (Thôn Bình An, xã Hưng Lộc)	L= 700m; B= 3,0m	36	
810	Đường từ nhà ông Cường đến nhà bà Nho (Thôn Bình An, xã Hưng Lộc)	L= 400m; B= 3,0m	28	
811	Đường từ Xóm Miếu đến ruộng Trăm Bàu (Thôn Hoà Vang 2, xã Hưng Lộc)	L= 200m; B= 3,0m	20	
812	Đường từ Tỉnh lộ 14B vào Thôn (Thôn Thôn Hoà Lộc và Dương Lộc, xã Hưng Lộc)	L= 800m; B= 4,2m; H= 3,6m	290	Hầm chui
813	Đường từ Tỉnh lộ 15B vào Thôn (Thôn Thôn Hoà Lộc và Dương Lộc, xã Hưng Lộc)	L= 500m; B= 4,2m; H= 3,6m	290	Hầm chui
814	Đường giao Thông từ nhà ông Chơn đến nhà ông Tuyển (Thôn Xuân Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 2500m; B= 3m	15	
815	Đường giao Thông từ nhà ông Khang đến nhà ông Ánh (Thôn Xuân Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 250m; B= 3m	20	
816	Đường giao Thông từ nhà ông Hiếu đến nhà ông Ánh (Thôn Xuân Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 250m; B= 3m	10	
817	Đường giao Thông từ nhà ông Thảo đến nhà ông Khoản (Thôn Xuân Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 350m; B= 3m	12	
818	Đường giao Thông từ nhà ông Hoạt đến nhà ông Ánh (Thôn Xuân Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 390m; B= 3m	15	
819	Đường giao Thông từ nhà ông Giác đến	L= 200m; B= 3m	13	

	nhà ông Cát (Thôn Xuân Sơn, xã Hưng Lộc)			
820	Đường giao Thông từ nhà Bà Xê đến nhà ông Tuấn (Thôn Xuân Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 200m; B= 3m	7	
821	Đường giao Thông từ nhà ông Cường đến nhà ông Teo (Thôn Xuân Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 130m; B= 3m	10	
822	Đường giao Thông từ nhà ông Quýt đến nhà ông Quơ (Thôn Xuân Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 180m; B= 3m	13	
823	Đường giao Thông từ nhà bà Huyền đến nhà ông Mậu (Thôn Xuân Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 250m; B= 3m	12	
824	Đường giao Thông từ nhà ông Nhân đến nhà bà Théo (Thôn Xuân Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 150m; B= 3m	17	
825	Đường giao Thông nhà ông Bổng đến nhà ông Sang đến Quốc lộ 1 (Thôn Xuân Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 450m; B= 3m	22	
826	Đường giao Thông từ nhà ông Trương Phúc đến nhà ông Võ Phúc (Thôn La Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 300m; B= 3m	11	
827	Đường giao Thông từ nhà ông Quyền đến nhà ông Tuyển (Thôn La Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 200m; B= 3m	9	
828	Đường giao Thông từ nhà ông Pháo đến nhà ông Thua (Thôn La Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 200m; B= 3m	10	
829	Đường giao Thông từ nhà bà Bạch Thị Gái đến nhà bà Võ Thị Hoa (Thôn La	L= 800m; B= 3m	7	

	Sơn, xã Hưng Lộc)			
830	Đường giao Thông từ Quán Duyên Quê đến nhà ông Lê Khương (Thôn La Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 800m; B= 3m	22	
831	Đường giao Thông từ nhà ông Tôn Thuật Thuận đến nhà ông Võ Văn Đền (Thôn La Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 300m; B= 3m	6	
832	Đường giao Thông từ nhà ông Lê Thiệp đến nhà ông Lê Cẩn (Thôn La Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 400m; B= 3m	16	
833	Đường giao Thông từ nhà ông Lê Văn Quý đến nhà bà Lê Thị Thanh (Thôn La Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 350m; B= 3m	5	
834	Đường giao Thông từ nhà bà Lê Thị Thương đến nhà ông Nguyễn Văn Nhanh (Thôn La Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 200m; B= 3m	6	
835	Đường giao Thông từ nhà ông Lê Khuê đến nhà ông Trần Hữu Lộc (Thôn La Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 320m; B= 3m	3	
836	Đường giao Thông từ nhà ông Lê Hữu đến nhà ông Lê Cho (Thôn La Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 350m; B= 3m	8	
837	Đường giao Thông nhà ông Lê Kiệt đến nhà ông Lê Nhân (Thôn La Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 500m; B= 3m	6	
838	Đường giao Thông từ nhà ông Uyên đến nhà ông Thành (Thôn Vinh Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 430m; B= 3m	8	
839	Đường giao Thông từ nhà ông Lộc đến nhà ông Đệ (Thôn Vinh Sơn, xã Hưng	L= 600m; B= 3m	5	

	Lộc)			
840	Đường giao Thông từ nhà ông Vê đến nhà ông Ớt (Thôn Vinh Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 600m; B= 3m	6	
841	Đường giao Thông từ nhà ông Gà đến nhà ông Tường (Thôn Vinh Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 300m; B= 3m	4	
842	Đường giao Thông từ nhà ông Giáp đến nhà bà Toàn (Thôn Vinh Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 1000m; B= 3m	25	
843	Đường giao Thông từ nhà ông Anh đến nhà ông Phú (Thôn Vinh Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 1700m; B= 3m	30	
844	Đường giao Thông từ nhà ông Lê Thiệp đến nhà ông Lê Căn (Thôn Vinh Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 400m; B= 3m	12	
845	Đường giao Thông từ nhà ông Hai đến nhà ông Lãng (Thôn Vinh Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 500m; B= 3m	8	
846	Đường giao Thông từ nhà ông Đại đến nhà ông Phách (Thôn Vinh Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 400m; B= 3m	7	
847	Đường giao Thông nhà ông Truyền đến nhà ông Dương (Thôn Vinh Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 200m; B= 3m	5	
848	Đường giao Thông nhà ông Tường đến nhà Bà Toàn (Thôn Vinh Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 500m; B= 3m	8	
849	Đường giao Thông nhà Bà Toàn đến Kênh Hồ Truồi (Thôn Vinh Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 300m; B= 3m	7	

850	Đường giao Thông nhà ông Quốc đến Kênh Hồ Truồi (Thôn Vinh Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 300m; B= 3m	10	
851	Đường giao Thông nhà ông Đăng Lộc đến Kênh Hồ Truồi (Thôn Vinh Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 300m; B= 3m	12	
852	Đường giao Thông nhà ông Kha đến Trường Hà Châu (Thôn Vinh Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 200m; B= 3m	5	
853	Đường giao Thông nhà ông Phách đến nhà bà Bê (Thôn Vinh Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 170m; B= 3m	3	
854	Đường giao Thông nhà ông Tiên đến nhà ông Long (Thôn Vinh Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 240m; B= 3m	4	
855	Đường giao Thông nhà ông Truyền đến nhà ông Kiệm (Thôn Vinh Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 420m; B= 3m	9	
856	Đường giao Thông nhà ông Lô đến nhà bà Lân (Thôn Vinh Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 200m; B= 3m	3	
857	Đường giao Thông nhà ông Lô đến nhà ông Khứ (Thôn Vinh Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 420m; B= 3m	10	
858	Đường giao Thông nhà ông Yêm đến Kênh Hồ Truồi (Thôn Vinh Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 1100m; B= 3m	22	
859	Đường giao Thông nhà ông Huỳnh Giá đến nhà ông Thái Tường (Thôn Vinh Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 300m; B= 3m	20	
860	Đường từ nhà ông Minh đến nhà ông Lại (Thôn An Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 250m; B= 3m	41	
861	Đường từ nhà ông Thi đến nhà ông Châu (Thôn An Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 110m; B= 3m	17	

862	Đường từ nhà ông Cấn đến nhà ông Hoa (Thôn An Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 160m; B= 3m	15	
863	Đường từ nhà ông Lộc đến nhà bà Dưa (Thôn An Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 250m; B= 3m	38	
864	Đường từ nhà ông Chon đến nhà ông Tuyên (Thôn An Sơn, xã Hưng Lộc)	L= 250m; B= 3m	35	
865	Đường từ nhà ông Hiền đến nhà bà Thuyết (Thôn Hoà Mỹ, xã Hưng Lộc)	L= 400m; B= 3m	32	
866	Đường từ nhà ông Sơn đến nhà ông Đông (Thôn Hoà Mỹ, xã Hưng Lộc)	L= 300m; B= 3m	28	
867	Đường từ Đập Thuận Hoà đến Đập Đại Đê (Thôn Hoà Mỹ, xã Hưng Lộc)	L= 1900m; B= 3m	52	
868	Đường từ Đập ngang ra đồng đến nhà ông Méo (Thôn Hoà Mỹ, xã Hưng Lộc)	L= 1000m; B= 3m	47	
869	Đường từ trường học đến nhà ông Kéo (Thôn Hoà Mỹ, xã Hưng Lộc)	L= 450m; B= 3m	29	
PHƯỜNG THANH THUY				
870	Kiệt 42 Nguyễn Duy Cung	L= 350m; B= 1-3m; H >4.5m	20	
871	Hẻm 12 Kiệt 42 Nguyễn Duy Cung	L= 300m, B= 0,5-2,5m, H >4.5m	12	
872	Hẻm 9 Kiệt 42 Nguyễn Duy Cung	L= 500m, B= 0,5-2,5m, H >4.5m	19	
873	Hẻm 22 Kiệt 42 Nguyễn Duy Cung	L= 200m, B= 0,5-2,5m, H >4.5m	6	
874	Kiệt 51 Nguyễn Duy Cung	L= 150m, B= 0,5-2,5m, H >4.5m	8	
875	Kiệt 52 Nguyễn Duy Cung	L= 215m, B= 0,5-2,5m, H >4.5m	10	
876	Kiệt 102 Nguyễn Duy Cung	L= 190m, B= 3m, H >4.5m	8	
877	Kiệt 102a Nguyễn Duy Cung	L= 400m, B= 0,5-2,5m, H >4.5m	12	
878	Kiệt 102b Nguyễn Duy Cung	L= 900m, B= 0,5-2,5m, H >4.5m	11	
879	Kiệt 102c Nguyễn Duy Cung	L= 190m, B= 3m, H >4.5m	9	
880	Kiệt 14 Phạm Công Trứ	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	7	
881	Kiệt 33 Phạm Công Trứ	L=150m, B= 3m, H >4.5m	11	
882	Kiệt 447 Nguyễn Tất Thành	L= 181m, B= 2,8m, H >4.5m	37	

883	Hẻm 4 và 11 Kiệt 447 Nguyễn Tất Thành	L= 163m, B= 2,8m, H >4.5m	16	
884	Kiệt 449 Nguyễn Tất Thành	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	9	
885	Hẻm 5 /7 Kiệt 457 Nguyễn Tất Thành	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	7	
886	Kiệt 461 Nguyễn Tất Thành	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	11	
887	Kiệt Hẻm 479 Nguyễn Tất Thành	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	14	
888	Kiệt 519 Nguyễn Tất Thành	L= 175m, B= 2,5m, H >4.5m	17	
889	Kiệt 461 Nguyễn Tất Thành	L= 90 m, B= 2,5m, H >4.5m	12	
890	Kiệt 424 Nguyễn Tất Thành	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	6	
891	Kiệt 537 Nguyễn Tất Thành	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	7	
892	Kiệt 456 Nguyễn Tất Thành	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	9	
893	Kiệt 499 Nguyễn Tất Thành	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	9	
894	Kiệt 525 Nguyễn Tất Thành	L= 80m, B= 3m, H >4.5m	9	
895	Kiệt 545 Nguyễn Tất Thành	L= 130m, B= 3m, H >4.5m	8	
896	Kiệt 555 Nguyễn Tất Thành	L= 105m, B= 3,5m, H >4.5m	8	
897	Kiệt 509 Nguyễn Tất Thành	L= 215m, B= 2,5m, H >4.5m	14	
898	Kiệt 637 Nguyễn Tất Thành	L= 420 m, B= 2,5m, H >4.5m	96	
899	Các Hẻm Kiệt 637 Nguyễn Tất Thành	L= 130 m, B= 2,5m, H >4.5m	36	
900	Kiệt 615 Nguyễn Tất Thành	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	14	
901	Kiệt 118 Dạ Lê	L= 600m, B= 2m, H >4.5m	9	
902	Kiệt 51 Dạ Lê	L= 310m, B= 2,5m, H >4.5m	13	
903	Kiệt 122B Dạ Lê	L=496m, B= 3m, H >4.5m	5	
904	Hẻm Kiệt 122 Dạ Lê	L=190m, B= 2,5m, H >4.5m	5	
905	Kiệt 130B Dạ Lê	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	1	
906	Kiệt 132 Dạ Lê	L= 412m, B= 2,5m, H >4.5m	2	
907	Kiệt 132B Dạ Lê đường đất	L= 219m, B= 2,5m, H >4.5m	3	
908	Kiệt 134 Dạ Lê	L= 296m, B= 3m, H >4.5m	6	
909	Kiệt 83 Dạ Lê	L= 210m, B= 2,5m, H >4.5m	11	
910	Kiệt 152 Dạ Lê	L= 1100m, B= 3m, H >4.5m	26	

911	3 hẻm Kiệt 152 Dạ Lê	L= 520m, B= 3m, H >4.5m	11	
912	Kiệt (Ông Dũng) Nguyễn Mậu Tài	L= 263m, B= 2,5m, H >4.5m	6	
913	Kiệt (cạnh Đại Ngọc) Nguyễn Mậu Tài	L= 97m, B= 2,5m, H >4.5m	4	
914	Kiệt (cô Tuyết) Nguyễn Mậu Tài	L= 190m, B= 2,5m, H >4.5m	8	
915	Kiệt 202 Dạ Lê	L= 300m, B= 3,5m, H >4.5m	5	
916	Kiệt 210 Dạ Lê	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	5	
917	Kiệt 141 Dạ Lê (đường đất)	L= 700m, B= 3.5m, H >4.5m	1	01 nhà, rừng
918	Kiệt 220 Dạ Lê	L= 390m, B= 2,5m, H >4.5m	9	
919	Kiệt 151 Dạ Lê	L= 1000m, B= 2,5m, H >4.5m		Rừng
920	Kiệt 139 Dạ Lê	L= 416m, B= 2-3,5m, H >4.5m	9	
921	Kiệt 184 Dạ Lê (nhà Ông Diệt)	L= 390m, B= 5m, H >4.5m		
922	Hẻm 3/Kiệt 184	L= 116m, B= 2,5m, H >4.5m	6	
923	Kiệt 99 Dạ Lê	L= 152m, B= 2,5m, H >4.5m	4	
924	Kiệt 95 Dạ Lê (Đường đất)	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	3	
925	Hẻm 6/Kiệt 87 (Trường lái)	L= 911m, B= 3m, H >4.5m	7	
926	Kiệt 59 Dạ Lê	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	11	
927	Kiệt 5 Dạ Lê	L= 697m, B= 2,5m, H >4m	28	
928	Kiệt 15 Dạ Lê	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	21	
929	2 Hẻm Kiệt 15 Dạ Lê	L= 190m, B= 2,5m, H >4.5m	7	
930	Kiệt 74 Dạ Lê	L= 4260m, B= 2,5m, H >4.5m	36	
931	Kiệt 111 Dạ Lê	L= 190m, B= 2,5m, H >4.5m	8	
932	Hẻm Kiệt 5 Nguyễn Văn Chư	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	3	
933	Kiệt 49a Nguyễn Văn Chư	L=356m, B= 2,5m, H >4.5m	36	
934	Kiệt 49b Nguyễn Văn Chư	L= 400m, B= 2,5m, H >4.5m	21	
935	Kiệt 51 Nguyễn Văn Chư	L= 410m, B= 2,5m, H >4.5m	17	
936	Hẻm 8 K45 Nguyễn Văn Chư	L= 110m, B= 2,5m, H >4.5m	9	
937	Kiệt 69 Nguyễn Văn Chư	L=287m, B= 2,5m, H >4.5m	16	
938	Kiệt 83 Nguyễn Văn Chư	L= 451m, B= 3m, H >4.5m	14	
939	Kiệt 85 Nguyễn Văn Chư	L= 100m, B= 3m, H >4.5m	1	

940	Kiệt 130 Nguyễn Văn Chư (thìn)	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	4	
941	Kiệt 68 Nguyễn Văn Chư	L= 341m, B= 2,5m, H >4.5m	11	
942	Kiệt 47 Nguyễn Văn Chư (Định Quang)	L= 311m, B= 3m, H >4.5m	16	
943	Hẻm Kiệt 47 Nguyễn Văn Chư	L= 200m, B= 2,5m, H >4.5m	9	
944	Kiệt 56 Nguyễn Văn Chư	L= 190m, B= 3m, H >4.5m	12	
945	Kiệt 31 Nguyễn Văn Chư	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	3	
946	Kiệt 30 Nguyễn Văn Chư	L= 210m, B= 3m, H >4.5m	14	
947	Kiệt 25 Nguyễn Văn Chư	L= 90m, B= 3m, H >4.5m	5	
948	Kiệt 19 Nguyễn Văn Chư	L= 190m, B= 3m, H >4.5m	10	
949	Kiệt 26 Nguyễn Văn Chư	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	9	
950	Kiệt 22 Nguyễn Văn Chư	L= 111m, B= 2,5m, H >4.5m	4	
951	Kiệt 73 Nguyễn Văn Chư (Lệt)	L= 120m, B= 2,5m, H >4.5m	9	
952	Kiệt 84 Nguyễn Văn Chư (Hạnh)	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	6	
953	Kiệt 72 Nguyễn Văn Chư (NVH tổ 7)	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	9	
954	Kiệt 92 Nguyễn Văn Chư (NVH tổ 7)	L= 208 m, B= 2,5m, H >4.5m	22	
955	Hẻm 34/Kiệt 35 Nguyễn Văn Chư	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	9	
956	Kiệt 292 Trưng Nữ Vương	L= 190m, B= 2,5m, H >4.5m	9	
957	Kiệt 285 Trưng Nữ Vương	L= 160m, B= 2,5m, H >4.5m	6	
958	Kiệt 167 Trưng Nữ Vương	L= 120m, B= 2,5m, H >4.5m	6	
959	Kiệt 188 Trưng Nữ Vương	L= 110m, B= 2,5m, H >4.5m	4	
960	Kiệt 228 Trưng Nữ Vương	L= 130m, B= 2,5m, H >4.5m	9	
961	Kiệt 230 Trưng Nữ Vương	L= 130m, B= 2,5m, H >4.5m	11	
962	Kiệt 243 Trưng Nữ Vương	L= 210m, B= 2,5m, H >4.5m	11	
963	Kiệt 245 Trưng Nữ Vương	L= 310m, B= 3m, H >4.5m	11	
964	Kiệt 256 Trưng Nữ Vương	L=290m, B= 2,5m, H >4.5m	14	
965	Kiệt 284 Trưng Nữ Vương	L= 310m, B= 2,5m, H >4.5m	16	
966	Kiệt 272 Trưng Nữ Vương	L= 290m, B= 2,5m, H >4.5m	13	
967	Kiệt 297 Trưng Nữ Vương	L= 663m, B= 3,5m, H >4.5m	26	
968	Kiệt 239 Trưng Nữ Vương	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	9	

969	Kiệt Cầu đội đồng (Trung Nữ Vương)	L= 261m, B= 2,5m, H >4.5m	8	
970	Kiệt 202 Trung Nữ Vương	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	3	
971	Kiệt 206 Trung Nữ Vương	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	2	
972	Kiệt 212 Trung Nữ Vương	L= 90m, B= 3m, H >4.5m	8	
973	Kiệt 2 Tôn Thất Sơn	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	6	
974	Kiệt 6 Tôn Thất Sơn (Nối Kiệt 49 Nguyễn Văn Chư)	L= 670m, B= 2,5m, H >4.5m	35	
975	Kiệt 14 Tôn Thất Sơn	L= 260m, B= 3m, H >4.5m	19	
976	Kiệt 22 Tôn Thất Sơn	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	9	
977	Hẻm 3/22 Tôn Thất Sơn	L= 190m, B= 2,5m, H >4.5m	10	
978	Kiệt 38 Tôn Thất Sơn	L= 190m, B= 2,5m, H >4.5m	9	
979	Kiệt 108 Tôn Thất Sơn	L= 300m, B= 2,5m, H >4.5m	12	
980	Kiệt 85 Tôn Thất Sơn	L= 120m, B= 2,5m, H >4.5m	9	
981	Kiệt 101 Tôn Thất Sơn	L= 350m, B= 2,5m, H >4.5m	9	
982	Kiệt 107 Tôn Thất Sơn	L= 250m, B= 3 m, H >4.5m	6	
983	Kiệt 109 Tôn Thất Sơn	L= 350m, B= 2,5m, H >4.5m	6	
984	Kiệt 124 Tôn Thất Sơn	L= 600m, B= 2-3,5m, H >4.5m	14	
985	Kiệt 128 Tôn Thất Sơn	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	2	
986	Kiệt 132 Tôn Thất Sơn	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	9	
987	Kiệt 111 Tôn Thất Sơn	L= 190m, B= 2,5m, H >4.5m	4	
988	Kiệt 43 Tôn Thất Sơn	L= 250m, B= 2,5m, H >4.5m	23	
989	Kiệt 57 Tôn Thất Sơn	L= 120m, B= 2,5m, H >4.5m	9	
990	Kiệt 46 Tôn Thất Sơn	L= 120m, B= 2,5m, H >4.5m	8	
991	Kiệt 59 Tôn Thất Sơn	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	4	
992	Kiệt 63 Tôn Thất Sơn	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	4	
993	Kiệt 98 Tôn Thất Sơn (Nhà Thờ)	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	6	
994	Kiệt 118 Tôn Thất Sơn	L= 240m, B= 2,5m, H >4.5m	7	
995	Kiệt 120 Tôn Thất Sơn	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	3	
996	Kiệt 122 Tôn Thất Sơn	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	2	

997	Kiệt 117 Tôn Thất Sơn	L= 90m, B= 3,5m, H >4.5m	2	
998	Kiệt 7 Nguyễn Viết Xuân	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	3	
999	Kiệt 14 Nguyễn Viết Xuân	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	3	
1000	Kiệt 28 Nguyễn Viết Xuân	L= 200m, B= 2,5m, H >4.5m	11	
1001	Kiệt 39 Nguyễn Viết Xuân	L= 240m, B= 2,5m, H >4.5m	6	
1002	Kiệt 34 Nguyễn Viết Xuân	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	9	
1003	Kiệt 57 Nguyễn Viết Xuân	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	9	
1004	Kiệt 53 Nguyễn Viết Xuân	L= 310m, B= 3,5m, H >4.5m	10	
1005	Kiệt 62 Nguyễn Viết Xuân	L= 312m, B= 2,5m, H >4.5m	5	
1006	Kiệt 54 Nguyễn Viết Xuân	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	1	
1007	Kiệt 63 Nguyễn Viết Xuân	L= 298m, B= 2,5m, H >4.5m	8	
1008	Kiệt 61 Nguyễn Viết Xuân	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	9	
1009	Kiệt 84 Nguyễn Viết Xuân	L= 290m, B= 2,5m, H >4.5m	5	
1010	Kiệt 36 Nguyễn Văn Chính	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	3	
1011	Kiệt 71 Nguyễn Văn Chính	L= 425m, B= 2,5m, H >4.5m	9	
1012	Kiệt 22 Vương Thừa Vũ (Hứa)	L= 190m, B= 2,5m, H >4.5m	10	
1013	Kiệt 31 Vương Thừa Vũ	L= 170m, B= 2,5m, H >4.5m	6	
1014	Kiệt 32 Vương Thừa Vũ (Ô Phương)	L= 290m, B= 2,5m, H >4.5m	14	
1015	Kiệt 38 Vương Thừa Vũ	L= 214m, B= 2,5m, H >4.5m	9	
1016	Kiệt 51 Nguyễn Văn Chính	L= 110m, B= 2,5m, H >4.5m	6	
1017	Kiệt 61 Nguyễn Văn Chính	L= 110m, B= 2,5m, H >4.5m	8	
1018	Hẻm 1 Kiệt 61 Nguyễn Văn Chính	L= 110m, B= 2,5m, H >4.5m	7	
1019	Hẻm 6 Kiệt 61 Nguyễn Văn Chính	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	6	
1020	Kiệt 77 Nguyễn Văn Chính	L= 110m, B= 2,5m, H >4.5m	6	
1021	Kiệt 50 Nguyễn Văn Chính	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	3	
1022	Kiệt 12 Dương Nguyên Trực	L= 370m, B= 3,5m, H >4.5m	29	
1023	Kiệt 22 Dương Nguyên Trực	L= 220m, B= 3m, H >4.5m	11	
1024	Kiệt 16 Dương Nguyên Trực (am)	L= 170m, B= 3m, H >4.5m	9	
1025	Kiệt 34 Dương Nguyên Trực	L= 210m, B= 2,5m, H >4.5m	14	

1026	Hẻm 3 Kiệt 36 Dương Nguyên Trực	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	3	
1027	Hẻm Kiệt 22 Dương Nguyên Trực	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	7	
1028	Kiệt 36 Dương Nguyên Trực	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	7	
1029	Hẻm 2/22 Dương Nguyên Trực	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	9	
1030	Hẻm 7/22 Dương Nguyên Trực	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	9	
1031	Kiệt 5 Ngô Thế Vinh	L= 31m, B= 2,5m, H >4.5m	33	
1032	Kiệt 39 Ngô Thế Vinh	L= 400m, B= 2,5m, H >4.5m	14	
1033	Kiệt 45 Ngô Thế Vinh	L= 800m, B= 3m, H >4.5m	39	
1034	Kiệt 185 Ngô Thế Vinh (Bà Vi)	L= 190m, B= 3m, H >4.5m	6	
1035	Kiệt 71 Ngô Thế Vinh (KQH)	L= 230m, B= 5m, H >4.5m		
1036	Kiệt 31 Ngô Thế Vinh	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	2	
1037	Kiệt 101 Ngô Thế Vinh	L= 100m, B= 3m, H >4.5m	6	
1038	Kiệt 13 Hồ Biểu Chánh	L= 190m, B= 2,5m, H >4.5m	6	
1039	Kiệt 25 Hồ Biểu Chánh	L= 380m, B= 3,5m, H >4.5m	9	
1040	Kiệt 30 Hồ Biểu Chánh	L= 287m, B= 3m, H >4.5m	5	
1041	Kiệt 11 Cao Bá Đạt	L= 110m, B= 2,5m, H >4.5m	4	
1042	Kiệt 16 Cao Bá Đạt	L= 340m, B= 3m, H >4.5m	9	
1043	Kiệt 47 Giáp Hải	L= 190m, B= 2,5m, H >4.5m	8	
1044	Kiệt 7 Cao Bá Đạt	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	6	
1045	Kiệt 1 Giáp Hải	L= 90m, B= 2,5m, H >4.5m	5	
1046	Kiệt xóm Vân Thê 1	L= 47m, B= 2,5-3,5m, H >4.5m	5	
1047	Kiệt xóm Vân Thê 2	L= 46m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	6	
1048	Kiệt xóm Vân Thê 3	L= 240m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	17	
1049	Kiệt xóm Vân Thê 4	L= 237m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	23	
1050	Kiệt xóm Vân Thê 5	L= 237m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	21	
1051	Kiệt xóm Vân Thê 6	L= 235m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	9	
1052	Kiệt xóm Vân Thê 7	L= 237m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	33	
1053	Kiệt xóm Vân Thê 8	L= 235m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	26	
1054	Kiệt xóm Vân Thê 9	L= 230m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	16	

1055	Kiệt xóm Vân Thê 10	L= 230m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	13	
1056	Kiệt xóm Vân Thê 11	L= 240m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	11	
1057	Kiệt xóm Vân Thê 12	L= 235m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	24	
1058	Kiệt xóm Vân Thê 13	L= 245m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	18	
1059	Kiệt xóm Vân Thê 14	L= 250m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	18	
1060	Kiệt xóm Vân Thê 15	L= 200m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	11	
1061	Kiệt xóm Vân Thê 16	L= 235m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	16	
1062	Kiệt xóm Vân Thê 17	L= 230m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	15	
1063	Kiệt xóm Vân Thê 18	L= 200m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	16	
1064	Kiệt xóm Vân Thê 19	L= 200m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	11	
1065	Kiệt xóm Vân Thê 20	L= 200m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	13	
1066	Kiệt xóm Vân Thê 21	L= 200m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	14	
1067	Kiệt xóm Vân Thê 22	L= 200m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	13	
1068	Kiệt xóm Vân Thê 23	L= 200m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	30	
1069	Kiệt xóm Vân Thê 24	L= 200m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	35	
1070	Kiệt xóm Vân Thê 25	L= 200m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	16	
1071	Kiệt xóm Vân Thê 26	L= 100m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	14	
1072	Kiệt xóm Vân Thê 27	L= 100m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	14	
1073	Kiệt xóm Vân Thê 28	L= 100m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	20	
1074	Kiệt xóm Tổ Thanh Tuyền 1	L= 800m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	61	
1075	Kiệt xóm Tổ Thanh Tuyền 2	L= 80m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	15	
1076	Kiệt xóm Tổ Thanh Tuyền 3	L= 80m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	17	
1077	Kiệt xóm Tổ Thanh Tuyền 4	L= 80m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	15	
1078	Kiệt xóm Tổ Thanh Tuyền 5	L= 300m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	101	
1079	09 Kiệt Tổ dân phố Thanh Toàn	L= 1800m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	240	
1080	08 Kiệt Tổ dân phố Thanh Thủy Chánh	L= 1600m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	180	
1081	Kiệt xóm Lang Xá Bàu 1	L= 220m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	27	
1082	Kiệt xóm Lang Xá Bàu 2	L= 200m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	15	
1083	Kiệt xóm Lang Xá Bàu 3	L= 180m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	20	

1084	Kiệt xóm Lang Xá Bàu 4	L= 250m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	12	
1085	Kiệt xóm Lang Xá Bàu 5	L= 230m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	23	
1086	Kiệt xóm Vân Thê Đập 1	L= 900m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	98	
1087	Kiệt xóm Vân Thê Đập 2	L= 1518m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	112	
1088	Kiệt xóm Lang Xá Cồn 1	L= 408m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	53	
1089	Kiệt xóm Lang Xá Cồn 2	L= 777m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	152	
1090	Kiệt 13 Phụng Lưu, Tổ 4	L= 195m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	5	
1091	Kiệt 19 Phụng Lưu, Tổ 4	L= 150m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	30	
1092	Kiệt 37 Phụng Lưu, Tổ 4	L= 92m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	51	
1093	Kiệt 53 Phụng Lưu, Tổ 4	L= 125m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	20	
1094	Kiệt 52 Phụng Lưu, Tổ 3	L= 127m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	50	
1095	Kiệt 88 Phụng Lưu, Tổ 3	L= 130m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	40	
1096	Kiệt 105 Phụng Lưu, Tổ 3	L= 110m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	7	
1097	Kiệt 1 Bùi Xuân Phái	L= 483m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	50	
1098	Kiệt 2 và hẻm 2 Bùi Xuân Phái	L= 45m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	90	
1099	Kiệt 2a Bùi Xuân Phái	L= 483m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	51	
1100	Đường Triệu Thái (K1,2 ATCC)	L= 900m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	181	
1101	Kiệt 40 Phạm Thế Hiển	L= 100m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	20	
1102	Kiệt 15 A Thường Công Chúa	L= 317m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	51	
1103	Kiệt 26 Phụng Quán, Tổ 9	L= 100m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	21	
1104	Kiệt 6 Phụng Quán, Tổ 9	L= 150m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	32	
1105	Kiệt 10 Phụng Quán, Tổ 9	L= 320m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	30	
1106	Kiệt 44 Phụng Quán	L= 500m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	10	
1107	Kiệt 123 Phụng Quán,	L= 300m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	50	
1108	Kiệt 116 Phụng Quán	L= 150m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	10	
1109	Kiệt 58 Phụng Quán	L= 105m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	7	
1110	Kiệt 247 Phụng Quán	L= 130m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	5	
1111	Kiệt 263 Phụng Quán	L= 192m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	5	
1112	Kiệt 56 Phụng Quán	L= 300m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	20	

1113	Kiệt 50 Phụng Quán	L= 300m , B= 2,5-3,5m, H <4.5m	32	
1114	Đường Trần Đình Thám	L= 500m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	51	
1115	Kiệt Phụng Quán	L= 95m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m		
1116	Kiệt Phụng Quán	L= 200m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m		
1117	Kiệt 2 Dương Thiệu Tước	L= 510m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	50	
1118	Kiệt Dương Thiệu Tước, Tổ 3	L= 170m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	10	
1119	Kiệt 82 Dương Thiệu Tước, Tổ 2	L= 100m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	51	
1120	Kiệt Dương Thiệu Tước, Tổ 2	L= 110m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	20	
1121	Kiệt 72 và hẻm Dương Thiệu Tước	L= 700m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	126	
1122	Kiệt 50 và hẻm Dương Thiệu Tước	L= 500m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	220	
1123	Kiệt 100 Dương Diệu Tước	L= 95m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	51	
1124	Kiệt 108 Khúc Thừa Dụ	L= 460m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	100	
1125	Kiệt Khúc Thừa Dụ tổ 6	L=360m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	56	
1126	Kiệt 58 Khúc Thừa Dụ	L= 186m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	50	
1127	Kiệt 66 Khúc Thừa Dụ tổ 6	L= 459m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	96	
1128	Kiệt 44 Khúc Thừa Dụ	L= 343m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	102	
1129	Kiệt 116 Khúc Thừa Dụ	L= 490m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	99	
1130	Kiệt Khúc Thừa Dụ Tổ 7	L= 334m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	10	
1131	Kiệt Khúc Thừa Dụ Tổ 11	L= 181m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	13	
1132	Hẻm Kiệt 309 Trưng Nữ Vương	L= 100m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	6	
1133	Kiệt 305 Trưng Nữ Vương	L= 200m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	21	
1134	Kiệt 301 Trưng Nữ Vương	L= 300m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	33	
1135	Hẻm Kiệt 344 Trưng Nữ Vương	L= 100m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	10	
1136	Kiệt 325 Nguyễn Tất Thành	L= 252m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	68	
1137	Kiệt 345 Nguyễn Tất Thành	L= 221m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	60	
1138	Kiệt 343 Nguyễn Tất Thành	L= 257m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	50	
1139	Kiệt 363 Nguyễn Tất Thành	L= 209m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	62	
1140	Kiệt 381 Nguyễn Tất Thành	L= 198m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	52	
1141	Kiệt 383 Nguyễn Tất Thành	L= 175m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	62	

1142	Kiệt 395 Nguyễn Tất Thành	L= 214m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	74	
1143	Kiệt 405 Nguyễn Tất Thành	L= 245m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	61	
1144	Kiệt 308 Nguyễn Tất Thành	L= 220m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	41	
1145	Kiệt 288 Nguyễn Tất Thành	L= 200m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	15	
1146	Kiệt 272 Nguyễn Tất Thành	L= 150m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	9	
1147	Kiệt 13 Nguyễn Tất Thành	L= 210m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	49	
1148	Kiệt 234 Nguyễn Tất Thành	L= 90m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	9	
1149	Kiệt 198 Nguyễn Tất Thành	L= 90m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	6	
1150	Kiệt 3 Nguyễn Tất Thành	L= 200m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	51	
1151	Kiệt 237 Nguyễn Tất Thành	L= 286m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	71	
1152	Kiệt 165 Nguyễn Tất Thành	L= 114m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	32	
1153	Kiệt 187 Nguyễn Tất Thành	L= 161m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	35	
1154	Kiệt 203 Nguyễn Tất Thành	L= 136m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	56	
1155	Kiệt 269 Nguyễn Tất Thành	L= 151m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	32	
1156	Kiệt 164 Nguyễn Tất Thành	L= 80m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	5	
1157	Kiệt 152 Nguyễn Tất Thành	L= 151m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	9	
1158	Kiệt 140 Nguyễn Tất Thành	L= 151m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	5	
1159	Kiệt 257 Nguyễn Tất Thành	L= 100m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	7	
1160	Kiệt 253 Nguyễn Tất Thành	L= 101m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	5	
1161	Kiệt 167 Nguyễn Hữu Cảnh	L= 175m, B= 2,5-3,5m, H <4.5m	5	
	PHƯỜNG PHÚ BÀI			
1162	Liên TDP 1A Thủy Phù	L = 7m; B= 3m; H > 4,5m	10	
1163	Liên TDP 1B - 3 Thủy Phù	L = 495m; B= 2,5m; H > 4,5m	20	
1164	Liên TDP 1B - 3 Thủy Phù	L = 150m; B= 3m; H > 4,5m	7	
1165	Liên TDP 4 - 2 Thủy Phù	L = 935m; B= 2,5m; H > 4,5m	15	
1166	Liên TDP 4 - 6 Thủy Phù	L = 750m; B= 3m; H > 4,5m	10	
1167	Liên TDP 4 - 6 Thủy Phù	L = 1000m; B= 2,5m; H > 4,5m	11	
1168	Liên TDP 5 - 9 Thủy phù	L = 109m; B= 3m; H > 4,5m	70	
1169	Liên TDP 2 - 6 Thủy Phù	L = 1.166m; B= 2,5m; H > 4,5m	50	

1170	Liên TDP 5 - 7 Thủy phù	L = 970m; B<3,5m; H > 4,5m	40	
1171	Liên TDP 5 - 7 Thủy phù	L = 1000m; B= 3m; H > 4,5m	40	
1172	Liên TDP 8B - 10 Thủy	L = 2200m; B= 3m; H > 4,5m	60	
1173	Liên TDP 9 - 10	L = 2140m; B= 3m; H > 4,5m	42	
1174	TDP 1A Thủy phù	L = 318m; B= 2,5m; H > 4,5m	17	
1175	TDP 1A Thủy phù	L = 900m; B= 2,5m; H > 4,5m	22	
1176	TDP 1A Thủy phù	L = 150m; B= 2,5m; H > 4,5m	11	
1177	TDP 1A Thủy phù	L = 1100m; B<3,5m; H > 4,5m	33	
1178	TDP 1B Thủy phù	L = 525m; B<3,5m; H > 4,5m	70	
1179	TDP 1B Thủy phù	L = 1100m; B<3,5m; H > 4,5m	65	
1180	TDP 1B Thủy phù	L = 850m; B= 2,5m; H > 4,5m	9	
1181	TDP 1B Thủy phù	L = 650m; B= 3m; H > 4,5m	8	
1182	TDP 2 Thủy phù	L = 400m; B= 2,5m H > 4,5m	6	
1183	TDP 2 Thủy phù	L = 800m; B= 2,5m; H > 4,5m	15	
1184	TDP 3 Thủy phù	L = 495m; B= 2,5m; H > 4,5m	12	
1185	TDP 3 Thủy phù	L = 312m; B= 3m; H > 4,5m	25	
1186	TDP 3 Thủy phù	L = 120m; B= 2,5m; H > 4,5m	25	
1187	TDP 3 Thủy phù	L = 216m; B= 3m; H > 4,5m	14	
1188	TDP 4 Thủy phù	L = 1700m; B= 2,5m; H > 4,5m	8	
1189	TDP 4 Thủy phù	L = 400m; B= 2,5m; H > 4,5m	23	
1190	TDP 4 Thủy phù	L = 300m; B= 2,5m; H > 4,5m	7	
1191	TDP 4 Thủy phù	L = 450m; B= 2,5m; H > 4,5m	8	
1192	TDP 4 Thủy phù	L = 380m; B= 2,5m; H > 4,5m	20	
1193	TDP 5 Thủy Phù	L = 460m; B= 3m; H > 4,5m	11	
1194	TDP 5 Thủy Phù	L = 200m; B= 2,5m; H > 4,5m	12	
1195	TDP 5 Thủy Phù	L = 248m; B= 2,5m; H > 4,5m	9	
1196	TDP 5 Thủy Phù	L = 150m; B= 2,5m; H > 4,5m	11	
1197	TDP 5 Thủy Phù	L = 500m; B= 2,5m; H > 4,5m	18	
1198	TDP 5 Thủy Phù	L = 1200m; B= 3m; H > 4,5m	18	

1199	TDP 6 Thủy Phù	L = 850m; B= 3m; H > 4,5m	45	
1200	TDP 6 Thủy Phù	L = 1912m; B= 3m; H > 4,5m	70	
1201	TDP 6 Thủy Phù	L = 250m; B= 2,5m; H > 4,5m	18	
1202	TDP 6 Thủy Phù	L = 450m; B= 2,5m; H > 4,5m	3	
1203	TDP 6 Thủy Phù	L = 500m; B= 2,5m; H > 4,5m	5	
1204	TDP 7 Thủy Phù	L = 1100m; B= 3m; H > 4,5m	30	
1205	TDP 7 Thủy Phù	L = 410m; B= 2,5m; H > 4,5m	22	
1206	TDP 7 Thủy Phù	L = 200m; B= 2,5m; H > 4,5m	16	
1207	TDP 7 Thủy Phù	L = 1000m; B= 2,5m; H > 4,5m	11	
1208	TDP 7 Thủy Phù	L = 250m; B= 2,5m; H > 4,5m	9	
1209	TDP 8A Thủy Phù	L = 466m; B= 3m; H > 4,5m	35	
1210	TDP 8A Thủy Phù	L = 249m; B= 2,5m; H > 4,5m	8	
1211	TDP 8A Thủy Phù	L = 206m; B= 2,5m; H > 4,5m	12	
1212	TDP 8A Thủy Phù	L = 250m; B= 2,5m; H > 4,5m	12	
1213	TDP 8A Thủy Phù	L = 1000m; B= 3m; H > 4,5m	15	
1214	TDP 8B Thủy Phù	L = 290m; B= 2,5m; H > 4,5m	22	
1215	TDP 8B Thủy Phù	L = 650m; B= 2,5m; H > 4,5m	30	
1216	TDP 8B Thủy Phù	L = 300m; B= 2,5m; H > 4,5m	16	
1217	TDP 8B Thủy Phù	L = 300m; B= 2,5m; H > 4,5m	20	
1218	TDP 9 Thủy Phù	L = 300m; B= 2,5m; H > 4,5m	15	
1219	TDP 10 Thủy Phù	L = 408m; B= 3m; H > 4,5m	40	
1220	TDP 10 Thủy Phù	L = 1550m; B= 3m; H > 4,5m	32	
1221	TDP Hạ	L = 250m; B= 2,7m; H > 4,5m	10	
1222	TDP Hạ	L = 350m; B= 2,7m; H > 4,5m	6	
1223	TDP Hạ	L = 250m; B= 2,7m; H > 4,5m	5	
1224	TDP Hạ	L = 150m; B= 2,7m; H > 4,5m	1	
1225	TDP Hạ	L = 350m; B= 2,7m; H > 4,5m	4	
1226	TDP Hạ	L = 250m; B= 2,5m; H > 4,5m	7	
1227	TDP Hạ	L = 128m; B= 2,5m; H > 4,5m	4	

1228	TDP Hạ	L = 100m; B= 2,5m; H > 4,5m	2	
1229	TDP Buồng Tầm	L = 130m; B= 2,5m; H > 4,5m	7	
1230	TDP Hộ	L = 215m; B= 2,5m; H > 4,5m	4	
1231	TDP Hộ	L = 120m; B= 2,5m; H > 4,5m	6	
1232	TDP Hộ	L = 200m; B= 2,5m; H > 4,5m	5	
1233	TDP Hộ	L = 282m; B= 2,5m; H > 4,5m	8	
1234	TDP Hộ	L = 100m; B= 2,5m; H > 4,5m	4	
1235	TDP Hộ	L = 150m; B= 2,5m; H > 4,5m	4	
1236	TDP Hộ	L = 100m; B= 2,5m; H > 4,5m	2	
1237	TDP Hộ	L = 1500m; B= 2,5m; H > 4,5m	5	
1238	TDP Hộ	L = 200m; B= 2,5m; H > 4,5m	7	
1239	TDP Thanh Vân	L = 1500m; B= 2,5m; H > 4,5m	5	
1240	TDP Khe Sòng	L = 100m; B= 2,5m; H > 4,5m	4	
1241	Tuyến TDP 2 Phú Sơn	L = 700m; B<3,5m; H > 4,5m	25	
1242	Tuyến TDP 1 Phú Sơn	L = 1900m; B<3,5m; H > 4,5m	10	
1243	Tuyến TDP 1 Phú Sơn	L = 1800m; B= 3m; H > 4,5m	10	
1244	Tuyến TDP 1 Phú Sơn	L = 900m; B= 3m; H > 4,5m	5	
1245	Tuyến TDP 2 Phú Sơn	L = 500m; B= 3m; H > 4,5m	4	
1246	Tuyến TDP 2 Phú Sơn	L = 750m; B< 3,5m; H > 4,5m	10	
1247	Tuyến TDP 2 Phú Sơn	L = 150m; B<3,5m; H > 4,5m	5	
1248	Tuyến TDP 3 Phú Sơn	L = 2400m; B=3m; H > 4,5m	5	
1249	Tuyến TDP 3 Phú Sơn	L = 300m; B<3,5m; H > 4,5m	5	
1250	Tuyến TDP 3 Phú Sơn	L = 1100m; B<3,5m; H > 4,5m	7	
1251	Tuyến TDP 3 Phú Sơn	L = 1500m; B<3,5m; H > 4,5m	10	
1252	Tuyến TDP 4 Phú Sơn	L = 700m; B= 3,4m; H > 4,5m	20	
1253	Tuyến TDP 4 Phú Sơn	L = 600m; B< 3,5m; H > 4,5m	15	
1254	Tuyến TDP 4 Phú Sơn	L = 700m; B<3,5m; H > 4,5m	10	
1255	Tuyến TDP 4 Phú Sơn	L = 600m; B<3,5m; H > 4,5m	7	
1256	Kiệt 1149, Nguyễn Tất Thành, phường	L = 215m; B= 3m; H > 4,5m	40	

	Phú Bài, Thành phố Huế			
1257	Kiệt 883, Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 210\text{m}; B = 2,3\text{m}; H > 4,5\text{m}$	22	
1258	Kiệt 3, Nguyễn Thanh Ái, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 132\text{m}; B = 3\text{m}; H > 4,5\text{m}$	14	
1259	Hẻm 6, Kiệt 3, Nguyễn Thanh Ái, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 157\text{m}; B = 3\text{m}; H > 4,5\text{m}$	14	
1260	Hẻm 10, Kiệt 3, Nguyễn Thanh Ái, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 157\text{m}; B = 3\text{m}; H > 4,5\text{m}$	14	
1261	Kiệt 1183, Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 185\text{m}; B = 3\text{m}; H > 4,5\text{m}$	27	
1262	Kiệt 1193, Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 189\text{m}; B = 3\text{m}; H > 4,5\text{m}$	22	
1263	Kiệt 1199, Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 100\text{m}; B = 2,5\text{m}; H > 4,5\text{m}$	15	
1264	Kiệt 56, Đường 2/9, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 215\text{m}; B = 2,5\text{m}; H > 4,5\text{m}$	8	
1265	Kiệt 54, Đường 2/9, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 180\text{m}; B = 2,5\text{m}; H > 4,5\text{m}$	9	
1266	Kiệt 1, Đường Đinh Lễ, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 220\text{m}; B = 2,5\text{m}; H > 4,5\text{m}$	24	
1267	Hẻm 10, Kiệt 25, Đường Đinh Lễ, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 60\text{m}; B = 3\text{m}; H > 4,5\text{m}$	6	
1268	Kiệt 35, Đường Đinh Lễ, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 180\text{m}; B = 3\text{m}; H > 4,5\text{m}$	21	
1269	Kiệt 1065, Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 390\text{m}; B = 3\text{m}; H > 4,5\text{m}$	49	
1270	Kiệt 971, Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 250\text{m}; B = 3\text{m}; H > 4,5\text{m}$	9	
1271	Kiệt 868, Nguyễn Tất Thành, phường	$L = 150\text{m}; B = 3\text{m}; H > 4,5\text{m}$	8	

	Phú Bài, Thành phố Huế			
1272	Kiệt 33, Tân Trào, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 120\text{m}; B = 2,5\text{m}; H > 4,5\text{m}$	5	
1273	Kiệt 25, Tân Trào, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 140\text{m}; B = 3\text{m}; H > 4,5\text{m}$	6	
1274	Hẻm 1, Kiệt 36, Đường Trần Quang Diệu, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 350\text{m}; B = 3\text{m}; H > 4,5\text{m}$	7	
1275	Hẻm ông Phụng, Tổ dân Phố 9, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 100\text{m}; B = 3\text{m}; H > 4,5\text{m}$	10	
1276	Hẻm ông Ánh, Tổ dân Phố 9, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 150\text{m}; B = 3\text{m}; H > 4,5\text{m}$	10	
1277	Kiệt 38, Nam Cao, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 150\text{m}; B = 3\text{m}; H > 4,5\text{m}$	10	
1278	Kiệt Ông Thắng, Võ Tảo, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 300\text{m}; B = 3\text{m}; H > 4,5\text{m}$	20	
1279	Kiệt Ông Ty, Võ Tảo, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 150\text{m}; B = 3\text{m}; H > 4,5\text{m}$	4	
1280	Kiệt Ông Thọ, Quốc lộ 1A, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 200\text{m}; B = 3\text{m}; H > 4,5\text{m}$	10	
1281	Kiệt 127, Nguyễn Khoa Văn, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 65\text{m}; B = 2,5\text{m}; H > 4,5\text{m}$	4	
1282	Kiệt 3, Lý Đạo Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 48\text{m}; B = 1,7\text{m}; H > 4,5\text{m}$	9	
1283	Kiệt 5, Lý Đạo Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 55\text{m}; B = 2,5\text{m}; H > 4,5\text{m}$	10	
1284	Kiệt 7, Lý Đạo Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 120\text{m}; B = 2,3\text{m}; H > 4,5\text{m}$	24	
1285	Kiệt 29, Lý Đạo Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế	$L = 165\text{m}; B = 3\text{m}; H > 4,5\text{m}$	22	
1286	Kiệt 31, Lý Đạo Thành, phường Phú	$L = 155\text{m}; B = 3\text{m}; H > 4,5\text{m}$	22	

	Bãi, Thành phố Huế			
1287	Đường Nguyễn Duy Luật (đoạn từ Nguyễn Tất Thành – Sóng Hồng), phường Phú Bài, Thành phố Huế	L = 212m; B= 3m; H > 4,5m	26	
1288	Kiệt 1241, Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế	L = 186m B= 3m; H > 4,5m	20	
1289	Kiệt 1221, Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế	L = 187m; B= 3.2m; H > 4,5m	26	
1290	Kiệt 1241, Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế	L = 191m B= 3m; H > 4,5m	30	
1291	Hẻm 1, Kiệt 28, Đường Nguyễn Đình Xương, phường Phú Bài, Thành phố Huế	L = 186m; B= 3m; H > 4,5m	20	
1292	Kiệt 61, Đường Nguyễn Duy Luật, phường Phú Bài, Thành phố Huế	L = 82m; B= 3m; H > 4,5m	18	
1293	Kiệt 37, Đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Phú Bài, Thành phố Huế	L = 124m; B= 2,5m; H > 4,5m	14	
1294	Hẻm 4, Kiệt 35, Đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Phú Bài, Thành phố Huế	L = 76m; B= 2,4m; H > 4,5m	14	
1295	Hẻm 12, Kiệt 35, Đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Phú Bài, Thành phố Huế	L = 280m; B= 3m; H > 4,5m	27	
1296	Kiệt 1105, Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế	L = 90m; B= 2,5m; H > 4,5m	7	
1297	Kiệt 1001, Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế	L = 285m; B= 2,5m; H > 4,5m	37	
1298	Kiệt 983, Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế	L = 100m; B= 1,8m; H > 4,5m	6	
1299	Kiệt 981, Nguyễn Tất Thành, phường	L = 370m; B= 2,5m; H > 4,5m	51	

	Phú Bài, Thành phố Huế			
1300	Kiệt 957, Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế	L = 87m; B= 2,8m; H > 4,5m	15	
1301	Đỗ Nam, phường Phú Bài, Thành phố Huế	L = 250m; B= 3m; H > 4,5m	23	
	PHƯỜNG HƯƠNG THỦY			
1302	Kiệt 259 - Võ Trác (phường Hương Thủy)	L = 345,0m; B= 2,5 - 4,0m; H > 4,5m	35	Không thiết kế đoạn đường mở rộng cho xe chữa cháy tránh nhau
1303	Kiệt 269 - Võ Trác	L = 235m; B= 2,5 - 4,2m; H > 4,5m	28	Không thiết kế đoạn đường mở rộng cho xe chữa cháy tránh nhau
1304	Kiệt 232 - Võ Trác	L = 65m; B= 2,5 - 3,0m; H > 4,5m	12	
1305	Kiệt 69 - Thái Thuận	L = 350m; B= 2,5 - 5,0m; H 4,0m	27	Có cổng chào
1306	Kiệt 85 - Thái Thuận	L = 200m; B= 2,5 - 5,0m; H 4,2m	32	Có cổng chào
1307	Kiệt 45 - Thái Thuận	L = 182m; B= 2,0 - 6.0m; H 4,0m	15	Có cổng chào
1308	Kiệt 27 - Thái Thuận	L = 215m; B= 2,5 - 5,0m; H > 4,5m	20	
1309	Kiệt 25 - Thái Thuận	L = 195m; B= 2,5 - 4,2m; H =4,2m	32	Có cổng chào
1310	Kiệt 21 - Thái Thuận	L = 232m; B= 2,5 - 3,5m; H =4,0m	12	Có cổng chào
1311	Kiệt 5 - Thái Thuận	L = 350m; B= 2,5 - 4,0m; H= 4,0m	42	Có cổng chào
1312	Kiệt 1 - Thái Thuận	L = 300m; B= 2,5 - 3,5m; H > 4,5m	15	
1313	Kiệt 2 - Trần Hoàn	L = 220m; B= 2,5 - 3,5m; H > 4,5m	20	
1314	Kiệt 39 - Trần Hoàn	L = 450m; B= 2,5 - 3,5m; H > 4,5m	38	
1315	Kiệt 78 - Trần Hoàn	L = 60m; B= 2,5 - 3,0m; H > 4,5m	4	
1316	Kiệt 88 - Trần Hoàn	L = 530m; B= 2,5 - 5,0m; H 4,2m	47	Có cổng chào
1317	Kiệt 94 - Trần Hoàn	L = 275m; B= 2,5 - 3,5m; H > 4,5m	7	
1318	Kiệt 98 - Trần Hoàn	L = 258m; B= 2,5 - 3,5m; H > 4,5m	40	

1319	Kiệt 142 - Trần Hoàn	L = 280m; B= 2,5 - 3,5m; H > 4,5m	15	
1320	Kiệt 184 - Trần Hoàn	L = 395m; B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	32	
1321	Kiệt 179 - Trần Hoàn	L = 500m; B= 2,5 - 5,0m; H = 4,2m	57	Có cổng chào
1322	Kiệt 143 - Trần Hoàn	L = 710m; B= 2,5 - 5,0m; H 4,2m	25	Có cổng chào
1323	Kiệt 68 - Trần Hoàn	L = 120m; B= 3,5 - 5,0 m; H > 4,5m	6	Không thiết kế đoạn đường mở rộng cho xe chữa cháy tránh nhau
1324	Kiệt Trần Hoàn (Hà Văn Đin - Lê Vãng Đăng)	L = 300m; B= 2,0 - 3,1m; H > 4,5m	33	
1325	Kiệt Trần Hoàn (Nguyễn Văn Dũng - Nguyễn Tấn Lợi)	L = 350m; B= 2,0 - 3,2m; H= 4,2m	27	Có cổng chào
1326	Kiệt Trần Hoàn (Hoàng Thị Bình - Phan Văn Mẫn)	L = 290m; B= 2,0 - 2,7m; H > 4,5m	28	
1327	Kiệt Trần Hoàn (Lương Quang Thuận - Nguyễn Thị Thơm)	L = 290m; B= 2,0 - 3,2m; H > 4,5m	22	
1328	Kiệt Trần Hoàn (Lương Quang Thắng - Phan Thị Thúy Hằng)	L = 350m; B= 2,0 - 2,7m; H > 4,5m	21	
1329	Kiệt Trần Hoàn (Lê Đình Luyện - Nguyễn Thị Trò)	L = 280m; B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	37	
1330	Kiệt Trần Hoàn (Nguyễn Đức Mãi - Võ Hoàng)	L = 320m; B= 2,0 - 2,5m; H > 4,5m	17	
1331	Kiệt Trần Hoàn (Lê Văn Từ - Nguyễn Văn Dữ)	L = 85m; B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	23	
1332	Kiệt Trần Hoàn (NCĐ Chiết Bi - Lê Quang Hoàng)	L = 250m; B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	25	
1333	Kiệt Trần Hoàn (Lê Đình Vệ - Nguyễn Quang Tòng)	L = 280m; B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	25	
1334	Kiệt Trần Hoàn (Nguyễn Tấn Điều - Hồ Văn Đức)	L = 100m; B= 2,0 - 2,7m; H > 4,5m	29	

1335	Kiệt Trần Hoàn (Nguyễn Văn Đạo - Nguyễn Quang Phò)	L = 125m; B= 2,0 - 2,5m; H > 4,5m	12	
1336	Kiệt Trần Hoàn (Nguyễn Quang Tuấn - Lê Văn Thắng)	L = 425m; B= 2,0 - 3,5m; H > 4,5m	47	
1337	Kiệt Trần Hoàn (Phan Thị Năm - Ngô Văn Hào)	L = 135m; B= 2,0 - 3,5m; H > 4,5m	22	
1338	Kiệt Trần Hoàn (Trần Thị Loan- Nguyễn Hảo)	L = 250m; B= 2,0 - 2,5m; H > 4,5m	17	
1339	Kiệt Trần Hoàn (Trương Văn Tùng- Nguyễn Văn Thọ)	L = 200m; B= 2,0 - 2,5m; H > 4,5m	26	
1340	Kiệt Trần Hoàn (Đỗ Văn Nhân- Đào Lệnh)	L = 100m; B= 2,0 - 2,5m; H= 4,0m	51	Có cổng chào
1341	Kiệt Trần Hoàn (Lê Văn Dũng- Lê Thị Thơm)	L = 150m; B= 2,0 - 2,5m; H > 4,5m	22	
1342	Kiệt Trần Hoàn (Cổng chào hội cao tuổi- Nguyễn Văn Chuân)	L = 119m; B= 2,0 - 2,5m; H=4,0m	41	Có cổng chào
1343	Kiệt Trần Hoàn (Cổng chào Hội nông dân- Nguyễn Văn Truyền)	L = 150m; B= 2,5-3,0m; H=4,0m	25	Có cổng chào
1344	Kiệt Trần Hoàn (Nguyễn Văn Trợ- Nguyễn Quang Thân)	L = 250m; B= 2,0 - 2,5m; H > 4,5m	40	
1345	Kiệt Trần Hoàn (Phạm Văn Vẽ- Trần Thị Sương)	L = 200m; B= 2,0 - 2,5m; H=4,0m	10	Có cổng chào
1346	Kiệt 36 Trần Hoàn	L = 390m; B= 2,0 - 2,5m; H > 4,5m	40	
1347	Kiệt 135 Trần Hoàn	L = 850m; B= 2,0 - 3,5m; H > 4,5m	68	
1348	Kiệt 101 Trần Hoàn	L = 215m; B= 2,0 - 3,5m; H > 4,5m	37	
1349	Kiệt 79 Trần Hoàn	L = 460m; B= 2,0 - 5,5m; H > 4,5m	12	
1350	Kiệt 61 Trần Hoàn	L = 95m; B= 2,0 - 3,5m; H > 4,5m	11	
1351	Kiệt 59 Trần Hoàn	L = 75m; B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	7	
1352	Kiệt 19 Bùi Huy Bích	L = 105m; B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	10	

1353	Kiệt 29 Bùi Huy Bích	$L = 100\text{m}; B = 2,0 - 3,0\text{m}; H > 4,5\text{m}$	12	
1354	Kiệt 47 - Nguyễn Thái Bình	$L = 455\text{m}; B = 2,0 - 5,0\text{m}; H > 4,5\text{m}$	15	Không thiết kế đoạn đường mở rộng cho xe chữa cháy tránh nhau
1355	Kiệt 17 - Nguyễn Thái Bình	$L = 220\text{m}; B = 2,0 - 3,0\text{m}; H > 4,5\text{m}$	27	
1356	Kiệt 13 Bùi Huy Bích	$L = 150\text{m}; B = 2,0 - 3,0\text{m}; H > 4,5\text{m}$	25	
1357	Kiệt 9 Bùi Huy Bích	$L = 120\text{m}; B = 2,5 - 4,0\text{m}; H > 4,5\text{m}$	12	
1358	Kiệt 80 Bùi Huy Bích	$L = 220\text{m}; B = 2,0 - 3,0\text{m}; H > 4,5\text{m}$	15	
1359	Kiệt 32 Bùi Huy Bích	$L = 225\text{m}; B = 2,0 - 3,0\text{m}; H > 4,5\text{m}$	31	
1360	Kiệt 227 Trần Hoàn	$L = 75\text{m}; B = 2,0 - 2,5\text{m}; H > 4,5\text{m}$	10	
1361	Kiệt 34 Trần Hoàn	$L = 187\text{m}; B = 2,0 - 2,5\text{m}; H > 4,5\text{m}$	20	
1362	Kiệt Dương Thanh Bình (Điểm đầu: Trần Nhật Quang)	$L = 200\text{m}; B = 2,0 - 3,0\text{m}; H > 4,5\text{m}$	17	
1363	Kiệt Dương Thanh Bình (ĐĐ: Lê Phước - ĐC: Am Tân Mỹ)	$L = 60\text{m}; B = 2,0 - 2,5\text{m}; H > 4,5\text{m}$	10	
1364	Kiệt Dương Thanh Bình (ĐĐ: Võ Khắc Tranh- ĐC: Kiệt TN Quan)	$L = 245\text{m}; B = 2,0 - 2,5\text{m}; H > 4,5\text{m}$	10	
1365	Kiệt Dương Thanh Bình (ĐĐ: Lê Đông Hải- ĐC: Đào Thị My)	$L = 390\text{m}; B = 2,0 - 3,0\text{m}; H > 4,5\text{m}$	27	
1366	Kiệt Dương Thanh Bình (ĐĐ: Tôn Nữ Thị Hòa- ĐC: Phạm Phương)	$L = 385\text{m}; B = 2,0 - 3,0\text{m}; H > 4,5\text{m}$	35	
1367	Kiệt Dương Thanh Bình (ĐĐ Phạm Phước Thái- ĐC: K2 Thân Nhân Trung)	$L = 167\text{m}; B = 2,0 - 3,0\text{m}; H > 4,5\text{m}$	14	
1368	Kiệt Dương Thanh Bình (ĐĐ Trần Thanh Tịnh- ĐC: K2 Dương Thuận)	$L = 70\text{m}; B = 2,0 - 3,0\text{m}; H > 4,5\text{m}$	6	
1369	Kiệt Dương Thanh Bình (ĐĐ Lê Văn Thanh- ĐC: Lê Dũng)	$L = 75\text{m}; B = 2,0 - 2,5\text{m}; H > 4,5\text{m}$	5	
1370	Kiệt 68, Nguyễn Trọng Thuật	$L = 220\text{m}; B = 3\text{m}; H > 4,5\text{m}$	17	

1371	Kiệt 14, Nguyễn Trọng Thuật	L = 105m; B= 2,0 - 4,0m; H > 4,5m	5	
1372	Kiệt 55, Hoàng Phan Thái	L = 165m; B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	6	
1373	Kiệt 43, Hoàng Phan Thái	L = 100m; B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	16	
1374	Kiệt 147, Hoàng Phan Thái	L = 147m; B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	17	
1375	Kiệt 11, Hoàng Phan Thái	L = 145m; B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	12	
1376	Kiệt 116, Hoàng Phan Thái	L = 236m; B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	22	
1377	Kiệt 54, Hoàng Phan Thái	L = 110m; B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	10	
1378	Kiệt 50, Hoàng Phan Thái	L = 168m; B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	15	
1379	Kiệt 2, Hoàng Phan Thái	L = 134m; B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	12	
1380	Kiệt Dương Thanh Bình (ĐĐ Phạm Thị Dung - ĐC: Nguyễn Văn Cao)	L = 115m; B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	21	
1381	Kiệt 27, Thái Vĩnh Chinh	L = 445m; B= 2,0 - 4,0m; H > 4,5m	59	
1382	Kiệt 31, Thái Vĩnh Chinh	L = 90m; B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	2	
1383	Kiệt 2 , Thân Nhân Trung	L = 300m; B= 2,0 - 3,5m; H > 4,5m	34	
1384	Kiệt 26 , Thân Nhân Trung	L = 95m; B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	13	
1385	Kiệt 32 , Thân Nhân Trung	L = 100m; B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	6	
1386	Kiệt 66 , Thân Nhân Trung	L = 254m; B= 2,0 - 3,5m; H > 4,5m	17	
1387	Kiệt 59 Thân Nhân Trung	L = 110m; B= 2,0 - 2,5m; H > 4,5m	10	
1388	Kiệt 61 Thân Nhân Trung	L = 183m; B= 2,0 - 2,5m; H > 4,5m	4	
1389	Kiệt 77, Thân Nhân Trung	L = 85m; B= 2,0 - 2,5m; H > 4,5m	2	
1390	Kiệt 107, Thân Nhân Trung	L = 251m; B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	16	
1391	Kiệt 312 Thuận Hóa	L = 135m; B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	5	
1392	Kiệt 322, Thuận Hóa	L = 265m; B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	2	
1393	Kiệt 324, Thuận Hóa	L = 285m; B= 5,5m; H 4,0m	17	Có cổng chào
1394	Kiệt 195, Thuận Hóa	L = 110m; B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	6	
1395	Kiệt Vân Dương (ĐĐ: Nguyễn Minh Phương	L = 140m; B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	10	
1396	Kiệt Vân Dương (ĐĐ: Hà Văn Quang - Lê Thị Tình)	L = 248m; B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	27	

1397	Kiệt Vân Dương (ĐĐ: Hoàng Văn Chiến - Nguyễn Biên)	$L = 220\text{m}; B = 2,0 - 3,0\text{m}; H > 4,5\text{m}$	31	
1398	Kiệt Vân Dương (ĐĐ: Nguyễn Duy Cường - Nguyễn Văn Xuân)	$L = 148\text{m}; B = 2,0 - 3,5\text{m}; H > 4,5\text{m}$	18	
1399	Đường đội 11A - Tô Đà 2	$B = 2,0 - 3,0\text{m}; H > 4,5\text{m}$	120	
1400	Đường đội 11B - Tô Đà 2	$B = 6\text{m}; H = 3,5\text{m}$	60	Có cổng chào
1401	Đường đội 12 - Tô Đà 2	$B = 2,0 - 2,5\text{m}; H = 3,5\text{m}$	95	Có cổng chào
1402	Đường đội 10 - Tô Đà 2	$B = 2,0 - 2,5\text{m}; H = 3,5\text{m}$	63	Có cổng chào
1403	Đường Kiệt Hòa Phong	$L = 3300\text{m}; B = 2,5 - 5,0\text{m}; H > 4,5\text{m}$	100	
1404	Kiệt 11 - Nguyễn Thượng Phương	$B = 2,5 - 4,0\text{m}; H > 4,5\text{m}$	6	
1405	Kiệt 211 - Sóng Hồng	$B = 2,5 - 4,2\text{m}; H > 4,5\text{m}$	21	
1406	Kiệt 45 - Đỗ Nam	$B = 2,5 - 3,0\text{m}; H > 4,5\text{m}$	3	
1407	Kiệt 41 - Đỗ Nam	$B = 2,5 - 5,0\text{m}; H > 4,5\text{m}$	9	
1408	Kiệt 60 Võ Trác	$B = 2,5 - 5,0\text{m}; H > 4,5\text{m}$	6	
1409	Kiệt 61 Võ Trác	$B = 2,0 - 6,0\text{m}; H > 4,5\text{m}$	15	
1410	Kiệt 14 Nguyễn Thượng Phương	$B = 2,5 - 5,0\text{m}; H > 4,5\text{m}$	4	
1411	Kiệt 839 Nguyễn Tất Thành	$B = 2,5 - 4,2\text{m}; H > 4,5\text{m}$	29	
1412	Kiệt 39 Võ Liêm (Hồ Viết Nhật - Lê Thị Phương)	$B = 2,5\text{m}; H > 4,5\text{m}$	12	
1413	Kiệt 7 Võ Khoa (Võ Văn Thái - Lê Hiệp)	$B = 2,5\text{m}; H > 4,5\text{m}$	4	
1414	Kiệt 18 Võ Khoa (Huỳnh Thế Hòa - Lê Đông)	$B = 2,5 - 3,5\text{m}; H > 4,5\text{m}$	16	
1415	Kiệt 26 Võ Khoa (phan Thị Hoa - Ngô Trọng Phi)	$B = 2,5 - 3,5\text{m}; H > 4,5\text{m}$	4	
1416	Kiệt 41 Võ Khoa (Lê Văn Tuấn - Võ Quốc Dũng)	$B = 2,5 - 3,5\text{m}; H > 4,5\text{m}$	6	
1417	Kiệt 43 Võ Khoa (Phan Văn Tuấn - Lê Quang Phần)	$B = 2,5 - 3,0\text{m}; H > 4,5\text{m}$	4	
1418	Kiệt 641 Nguyễn Tất Thành (Trần Út -	$B = 2,5 - 5,0\text{m}; H > 4,5\text{m}$	35	

	Huỳnh Cần)			
1419	Kiệt 27 Võ Khoa (Phan Ngọc Lô đến Nguyễn Văn Vĩnh)	B= 2,5 - 3,5m; H > 4,5m	9	
1420	Kiệt 2 Võ Liêm (Lê Sửu - Nguyễn Thị Kiều)	B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	9	
1421	Kiệt 825 Nguyễn Tất Thành	B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	6	
1422	Kiệt 809 Nguyễn Tất Thành	B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	8	
1423	Kiệt 2 Bùi Chí Nhuận từ Trương Công Chánh đến Phan Ngọc Biển	B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	10	
1424	Kiệt 1 Bùi Chí Nhuận (Võ Hóa - Võ Lát)	B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	13	
1425	Kiệt 18 Võ Liêm	B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	9	
1426	Kiệt 8 Võ Liêm	B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	19	
1427	Hẻm 1/747 Nguyễn Tất Thành	B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	10	
1428	Kiệt 747 Nguyễn Tất Thành	B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	10	
1429	Kiệt 16 Võ Trác	B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	4	
1430	Kiệt 36 Võ Trác	B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	10	
1431	Kiệt 23A Võ Trác	B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	10	
1432	Kiệt 15 Lê Mai	B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	8	
1433	Kiệt 1/9 Võ Trác	B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	11	
1434	Phan Trần Chúc	B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	13	
1435	Kiệt 5 Hoàng Hữu Thường	B= 2,0 - 3,0m; H > 4,5m	6	
1436	Kiệt 55 Hoàng Hữu Thường	B= 2,0 - 2,7m; H > 4,5m	3	
1437	Hẻm 3/42 Tân Trào	B= 2,0 - 2,5m; H > 4,5m	10	
1438	Kiệt 54 Tân Trào	B= 2,0 - 3,5m; H > 4,5m	19	
1439	Kiệt 217 Võ Trác	L = 150m; B= 2,0 - 3,5m; H > 4,5m	5	
1440	Kiệt 2179 Võ Trác	L = 500m; B= 2,0 - 3,5m; H > 4,5m	50	
1441	Kiệt 27 Phạm Huy Thông	L = 150m; B= 2,0 - 3,5m; H > 4,5m	10	
1442	Kiệt 43 Trần Thanh Từ	L = 200m; B= 2,0 - 3,5m; H > 4,5m	6	

1443	Kiệt 61, Vân Dương	L = 145m; B= 4m; H= 4,5m	10	Không có bãi quay đầu cho xe chữa cháy
1444	Kiệt 63, Vân Dương	L = 205m; B= 2,5 – 5m; H= 4,5 m	15	
1445	Kiệt 709 Nguyễn Tất Thành từ nhà ông Nguyễn Viết Miến đến nhà ông Lê Văn Dai	B= 2,5m	27	
1446	Kiệt 42 Mai Xuân Thưởng (Trần Duy Chạy - Nguyễn Quang Vương)	L = 50m; B= 2,0 - 3,0m	9	
1447	Kiệt 52 Mai Xuân Thưởng (Dương Hà - Dương Thuận)	L = 50m; B= 2,0 - 3,0m	7	
1448	Kiệt 66 Mai Xuân Thưởng (Dương Thanh Hoàng - Huỳnh Thế Sơn)	L = 100m; B= 2,0 - 3,0m	16	
1449	Kiệt 13 Mai Xuân Thưởng (Nguyễn Thị Diệu Thúy - Phan Ngọc Dũng)	L = 70m; B= 2,0 - 3,0m	6	
1450	Kiệt 19 Mai Xuân Thưởng (Lê Thanh - Nguyễn Thị Phương)	L = 60m; B= 2,0 - 3,0m	6	
1451	Kiệt 27 Mai Xuân Thưởng (Nguyễn Văn Toán - Võ Đức Thịnh)	L = 50m; B= 2,0 - 3,0m	7	
1452	Kiệt 82 Mai Xuân Thưởng (Võ cam - Hồ Hiệp)	L = 150m; B= 2,0 - 3,0m	30	
1453	Kiệt 7 Lê Thanh Nghị (Lê hiền - Trần Đình Phùng)	L = m; B= 2,0 - 3,0m		
1454	Kiệt 23 Lê Thanh Nghị (Lê Thưởng - Hồ Minh Tín)	L = 80m; B= 2,0 - 3,0m	8	
1455	Kiệt 27 Mai Xuân Thưởng (Võ Trung - Nguyễn Phải)	L = 50m; B= 2,0 - 3,0m	6	
1456	Kiệt 50 Lê Thanh Nghị (Hồ Thị Thanh Lan - Hồ Xuân Thanh)	L = 80m; B= 2,0 - 3,0m	10	
1457	Kiệt 61 Lê Thanh Nghị (Lê Quang	L = 110m; B= 2,0 - 3,0m	20	

	Phụng - Ngô Văn Dư)			
1458	Kiệt 126 Trưng Nữ Vương (Nguyễn Thị Hồng - Tống Phước Hoàng)	L = 70m; B= 2,0 - 3,0m	8	
1459	Kiệt 130 Trưng Nữ Vương (Ngô Phụng - Võ Thị Tầm)	L = 150m; B= 2,0 - 3,0m	25	
1460	Kiệt 119 Trưng Nữ Vương (Nguyễn Thị Xí - Nguyễn Thị Thục Uyên)	L = 100m; B= 2,0 - 3,0m	15	
1461	Kiệt 141 Trưng Nữ Vương (Lê Văn Sáu - Nguyễn Văn Toàn)	L = 80m; B= 2,0 - 3,0m	15	
1462	Kiệt 151 Trưng Nữ Vương (Lê Quang Đãi - Dương Thị Tuya)	L = 70m; B= 2,0 - 3,0m	9	
1463	Kiệt 176 Trưng Nữ Vương (Phan Văn Vương - Lê Văn Hạnh)	L = 100m; B= 2,0 - 3,0m	9	
1464	Kiệt 47 Chánh Đông	L = 60m; B= 2,5 - 4,0m	6	
1465	Kiệt 7 Chánh Đông	L = 84m; B= 3,5m	7	
1466	Đường Đại Giang	L = 750m; B= 2,5 - 5,0m	34	
1467	Đường Lợi Nông	L = 2300m; B= 2,5 - 5,0m	80	
1468	Kiệt 530 Nguyễn Tất Thành (A Lam- C Ngọc)	L = 250m; B= 2,5m; H= 4,5 m	6	
1469	Kiệt 550 Nguyễn Tất Thành (A Mẫn- A Hiền)	L = 380m; B= 2,5m; H =4,5 m	25	
1470	Kiệt 560 Nguyễn Tất Thành (A Sinh- A Chiến)	L = 180m; B= 3m; H =4,5 m	10	
1471	Kiệt 604 Nguyễn Tất Thành (A Hiệp- A Khứ)	L = 320m; B= 2m; H =4,5 m	8	
1472	Kiệt 24 Mai Xuân Thưởng (A Tuân- A Hoàng)	L = 320m; B= 3,5 - 4,0m; H =4,5 m	20	Không thiết kế đoạn đường mở rộng cho xe chữa cháy tránh nhau
1473	Kiệt 26 Mai Xuân Thưởng (A Sơn- A	L = 686m; B= 3,0 - 5,0m;	16	

	Hùng)			
1474	Kiệt 3 Châu Sơn (Nguyễn Bá Tuyền) A Chung- A Quân	L = 700m; B= 3,0 – 6,0m; H=4,5 m	23	
1475	Kiệt 4 Châu Sơn (A Mạnh-A Cường)	L = 190m; B= 3,0 - 5,0m; H= 4,5 m	5	
1476	Kiệt 5 Châu Sơn (A Phô-A Quang)	L = 150m; B= 2,5m; H=4,5 m	3	
1477	Kiệt 8 Châu Sơn (A Dũng- A Quýt)	L = 450m; B= 3,5m; H= 4,5 m	13	
1478	Kiệt 10 Châu Sơn (Thích Thượng Siêu) (A Lành- A Lực)	L = 750m; B= 3,0 - 5,0m; H 4,5 m	10	
1479	Kiệt 11 Châu Sơn (C Bích-A Sĩ)	L = 90m; B= 3,0m; H=4,5 m	5	
1480	Kiệt 21 Châu Sơn (A Liễn- B Xí)	L = 149m; B= 4,0 m; H= 4,5 m	5	Không thiết kế đoạn đường mở rộng cho xe chữa cháy tránh nhau
1481	Kiệt 36 Châu Sơn (C Hạnh- A Lợi)	L = 230m; B= 4,0 m; H= 4,5 m	16	Không thiết kế đoạn đường mở rộng cho xe chữa cháy tránh nhau
1482	Kiệt 37 Châu Sơn (A Nghệ- A Bình)	L = 160m; B= 3,0 m; H=4,5 m	3	
1483	Kiệt 41 Châu Sơn (A Phấn- A Hoàng)	L = 60m; B= 3,0 m; H= 4,5 m	3	
1484	Kiệt 43 Châu Sơn (A Kính-A Chung)	L = 95m; B= 3,0 m; H=4,5 m	3	
1485	Kiệt 44 Châu Sơn (A Anh-A Linh)	L = 60m; B= 3 m; H= 4,5 m	4	
1486	Kiệt 53 Châu Sơn (A Sửu- A Minh)	L = 95m; B= 3 m; H=4,5 m	4	
1487	Hẻm 5, Kiệt 3 Châu Sơn (Nguyễn Bá Tuyền) (A Thuận-A Hòa)	L = 80m; B= 2,5m; H=4,5 m	7	
1488	Hẻm 11, Kiệt 3 Châu Sơn (Nguyễn Bá Tuyền) (Chị Nga-A Cẩm)	L = 155m; B= 3,5 - 4,0m; H= 4,5 m	9	
1489	Hẻm 16, Kiệt 3 Châu Sơn (Nguyễn Bá Tuyền) (Ông Đình- Chị Hồng)	L = 75m; B= 2,5 - 4,0m; H= 4,5 m	10	
1490	Hẻm 36, Kiệt 3 Châu Sơn (Nguyễn Bá Tuyền) (Ông Nghi- A Đăng)	L = 60m; B= 3m; H=4,5 m	3	

1491	Kiệt 25, Đỗ Nam	L = 45m; B= 3,0 - 5,0m;	3	
1492	Kiệt 41, Đỗ Nam	L = 150m; B= 4,0m; H =4,5 m	10	Không thiết kế đoạn đường mở rộng cho xe chữa cháy tránh nhau
1493	Kiệt 45, Đỗ Nam	L = 180m; B= 2,5 m; H= 4,5 m	11	
1494	Kiệt 20, Đỗ Nam	L = 215m; B= 3,5m; H =4,5 m	15	Không thiết kế đoạn đường mở rộng cho xe chữa cháy tránh nhau
1495	Kiệt 26, Đỗ Nam	L = 45m; B= 3,0 m; H =4,5 m	3	
1496	Kiệt 46, Đỗ Nam	L = 50m; B= 2,5 - 3,5m; H =4,5 m	3	
1497	Kiệt 1, Dương Khuê	L = 120m; B= 3,5m; H= 4,5 m	9	Không thiết kế đoạn đường mở rộng cho xe chữa cháy tránh nhau
1498	Kiệt 10, Dương Khuê	L = 150 m; B= 2,5 - 6,0m; H= 4,5 m	9	
1499	Kiệt 35, Dương Khuê	L = 95m; B= 4,5m; H= 4,5 m	4	Không thiết kế đoạn đường mở rộng cho xe chữa cháy tránh nhau
1500	Kiệt 51, Dương Khuê	L = 95m; B= 4m; H =4,5 m	5	Đường dạng cụt không có bãi quay đầu cho xe chữa cháy
1501	Kiệt 60, Lê Trọng Bát	L = 91m; B= 4m; H= 4,5 m	5	Đường dạng cụt không có bãi quay đầu cho xe chữa cháy
1502	Kiệt 37, Lê Trọng Bát	L = 172m; B= 3,0 - 5,0m;	8	

1503	Kiệt 51, Tân Trào	L = 210m; B= 4m; H=4,5 m	11	Không thiết kế đoạn đường mở rộng cho xe chữa cháy tránh nhau
1504	Kiệt 6, Trần Thanh Từ	L = 70m; B= 3,5 m; H= 4,5 m	4	Đường dạng cụt không có bãi quay đầu cho xe chữa cháy
1505	Kiệt 46, Trần Thanh Từ	L = 70m; B= 3,5 m; H= 4,5 m	3	Đường dạng cụt không có bãi quay đầu cho xe chữa cháy
1506	Kiệt 43, Trần Thành Từ	L = 162m; B= 3,0 m; H= 4,5 m	5	
1507	Kiệt 61, Võ Trác	L = 2000m; B= 5,0m; H= 4,5 m	12	Không thiết kế đoạn đường mở rộng cho xe chữa cháy tránh nhau
1508	Kiệt 60, Võ Trác	L = 96m; B= 4 m; H= 4,5 m	5	Đường dạng cụt không có bãi quay đầu cho xe chữa cháy
1509	Kiệt 83, Võ Trác	L = 140m; B= 3,5 m; H= 4,5 m	3	Không thiết kế đoạn đường mở rộng cho xe chữa cháy tránh nhau
1510	Kiệt 88, Võ Trác	L = 148m; B= 4 m; H= 4,5 m	3	Không thiết kế đoạn đường mở rộng cho xe chữa cháy tránh nhau
1511	Kiệt 92, Võ Trác	L = 95m; B= 4,5m; H= 4,5m	3	Đường dạng cụt

				không có bãi quay đầu cho xe chữa cháy
1512	Kiệt 131, Võ Trác	L = 1755m; B= 5m; H= 4,5 m	14	Không thiết kế đoạn đường mở rộng cho xe chữa cháy tránh nhau
	PHƯỜNG THUẬN AN			
1513	Đường Xóm Tân Lập (Điểm đầu: QL49 (Nhà thờ họ Đặng), Điểm cuối: Nhà thờ họ Lê)	L=140, B=3, H=4m	15	
1514	Đường Xóm Tân An2 (Điểm đầu: Nhà Trần Thuận, Điểm cuối: Nhà Phan Tài)	L=356m, B=3m, H=4m	29	
1515	Đường Xóm Tân An 5, (Điểm đầu: Nhà Lê Thị Khuyết, Điểm cuối: Nhà Lê Lâm)	L=460m, B=3m, H=4m	31	
1516	Đường Xóm Trung An1 (Điểm đầu: Nhà Lê Diệp, Điểm cuối: Nhà Huỳnh A)	L=520m, B=3m, H=3,5m	35	
1517	Đường vào làng Diên Trường (Điểm đầu: Giáp đường Đặng Do, Điểm cuối: Nhà Lê Hải Phong)	L=620m, B=3m, H=4m	41	
1518	Đường Kiệt 293 Kinh Dương Vương (Điểm đầu: Giáp Quốc lộ 49, Điểm cuối: Nhà Trần Thị Phương Lam)	L=180m, B=3m, H=4m	17	
1519	Kiệt 141 Kinh Dương Vương (Điểm đầu: Giáp Quốc lộ 49, Điểm cuối: Nhà Nguyễn Nong)	L=430m, B=3m, H=4m	45	

1520	Kiệt 164 Kinh Dương Vương (Điểm đầu: Giáp Quốc lộ 49, Điểm cuối: Nhà Nguyễn Văn Thúc)	L=200m, B=3m, H=4m	19	
1521	Kiệt 74 Kinh Dương Vương (Điểm đầu: Giáp Quốc lộ 49, Điểm cuối: Chợ Tân Mỹ)	L=190m, B=3m, H=4m	16	
1522	Đường ra cồn Hợp Châu (Điểm đầu: Giáp Quốc lộ 49, Điểm cuối: Cồn Hợp Châu)	L=850m, B=3m, H=3,5m	89	
1523	Nguyễn Cầu (Điểm đầu: Giáp Quốc lộ 49, Điểm cuối: Nhà Hồ Biên)	L=425m, B=3m, H=4m	45	
1524	Thủy Tú (Điểm đầu: Giáp Quốc lộ 49, Điểm cuối: Nhà Nguyễn Văn Kha)	L=835m, B=3m, H=4m	88	
1525	Tư Vinh (Điểm đầu: Nhà Trần Thế, Điểm cuối: Nhà Ông Lập)	L=1400m, B=3m, H=4m	151	
1526	Đường bê Tông (Điểm đầu: Giáp đường vào làng, Điểm cuối: Đình làng)	L=190m, B=3m, H=4m	20	
1527	Đường bê Tông (Điểm đầu: Giáp đường vào làng, Điểm cuối: Nhà Trần Thị Nữ)	L=120m, B=3m, H=4m	13	
1528	Đường bê Tông (Điểm đầu: Trường MN Diên Trường, Điểm cuối: Nhà Trần Hữu Phú)	L=260m, B=3m, H=4m	27	
1529	Đường bê Tông (Điểm đầu: Giáp Quốc lộ 49, Điểm cuối: Nhà Nguyễn Văn Hà)	L=110m, B=3m, H=4m	13	
1530	Đường bê Tông (Điểm đầu: Giáp đường Triệu Việt Vương, Điểm cuối: Nhà Phan Thị Thùy Trang)	L=125m, B=3m, H=3m	14	
1531	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Trần	L=165m, B=3m, H=4m	17	

	Quyết, Điểm cuối: Nhà Phan Sử)			
1532	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Trương Thị Xê, Điểm cuối: Nhà Ông Hoàng)	L=130m, B=3m, H=4m	12	
1533	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Lê Hoàn Bình, Điểm cuối: Nhà Phan Khánh)	L=130m, B=3m, H=4m	13	
1534	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Nguyễn Chanh, Điểm cuối: Nhà Nguyễn Văn Hồ)	L=120m, B=3m, H=4m	11	
1535	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà La Văn Láng, Điểm cuối: Nhà Hồ Văn Thau)	L=150m, B=3m, H=3,5m	17	
1536	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Lê Biên, Điểm cuối: Nhà Nguyễn Nảo)	L=130m, B=3m, H=4m	14	
1537	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Lê Viễn, Điểm cuối: Nhà Nguyễn Thị Bai)	L=100m, B=3m, H=4m	9	
1538	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Võ Văn Thân, Điểm cuối: Nhà Đặng Văn Sinh)	L=220m, B=3m, H=4m	25	
1539	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Nguyễn Thông, Điểm cuối: Nhà Trần Văn Chương)	L=100m, B=3m, H=4m	11	
1540	Đường bê Tông (Điểm đầu: Giáp Đường Nguyễn Cầu, Điểm cuối: Giáp đường Thủy Tú)	L=215m, B=3m, H=3m	23	
1541	Đường bê Tông (Điểm đầu: Giáp Đường Nguyễn Cầu, Điểm cuối: Nhà Hồ Thị Loại)	L=335m, B=3m, H=4m	35	

1542	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Phan Ân, Điểm cuối: Nhà Đoàn Mảng)	L=200m, B=3m, H=4m	22	
1543	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Hồ Đình, Điểm cuối: Nhà Đoàn Diệm)	L=110m, B=3m, H=4m	13	
1544	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Trần Thị Táo, Điểm cuối: Nhà Hồ Thị Bông)	L=120m, B=3m, H=4m	13	
1545	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Hồ Biên, Điểm cuối: Nhà Hồ Thị Thuận)	L=190m, B=3m, H=4m	21	
1546	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Nguyễn Đoán, Điểm cuối: Nhà Trần Văn Sách)	L=275m, B=3m, H=4m	29	
1547	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Đặng Lưu, Điểm cuối: Nhà Hồ Hiếu)	L=100m, B=3m, H=4m	12	
1548	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Ngô Văn Phú, Điểm cuối: Nhà Trần Văn Chiến)	L=145m, B=3m, H=3,5m	16	
1549	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Ngô Thị Môt, Điểm cuối: Nhà Lê Văn Xê)	L=180m, B=3m, H=4m	19	
1550	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Ngô Văn Dăng, Điểm cuối: Nhà Dương Văn Thàn)	L=210m, B=3m, H=4m	23	
1551	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Nguyễn Đâu, Điểm cuối: Đình làng)	L=250m, B=3m, H=4m	26	
1552	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Nguyễn Văn Tấn, Điểm cuối: Nhà Nguyễn Thị Thu Nga)	L=150m, B=3m, H=3m	16	
1553	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Lê Văn Nghen, Điểm cuối: Nhà Trần Văn Nhân)	L=140m, B=3m, H=4m	17	

1554	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Trần Thị Bê, Điểm cuối: Nhà Hồ Văn Tường)	L=255m, B=3m, H=4m	21	
1555	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Nguyễn Cu, Điểm cuối: Nhà Trần Tiết)	L=125m, B=3m, H=3m	14	
1556	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Bùi Tạm; Điểm cuối: Nhà Nguyễn Lũ)	L=125m, B=3m, H=4m	15	
1557	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Bùi Văn Lối, Điểm cuối: Nhà Nguyễn Thuốc)	L=140m, B=3m, H=4m	16	
1558	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Nguyễn Ly, Điểm cuối: Nhà Nguyễn Văn Dọi)	L=125m, B=3m, H=4m	13	
1559	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Trần Văn Hồng, Điểm cuối: Nhà Phan Văn Viễn)	L=125m, B=3m, H=4m	11	
1560	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Lê Văn Đăng, Điểm cuối: Nhà Nguyễn Văn Nghe)	L=155m, B=3m, H=4m	17	
1561	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Nguyễn Văn Bình, Điểm cuối: Nhà Phan Bơ)	L=125m, B=3m, H=3,5m	14	
1562	Đường bê Tông (Điểm đầu: Đình làng, Điểm cuối: Nhà Lê Văn Anh)	L=120m, B=3m, H=4m	15	
1563	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Nguyễn Văn Ngọc, Điểm cuối: Nhà Nguyễn Thị Quý)	L=230m, B=2m, H=4m	25	
1564	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Nguyễn Thị Bạch Yến, Điểm cuối: Nhà Hồ Đắc Quốc)	L=140m, B=3m, H=4m	15	

1565	Đường bê Tông (Điểm đầu: Giáp đường Hoàng Quang, Điểm cuối: Nhà Nguyễn Đăng Lào)	L=105m, B=3m, H=4m	12	
1566	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Đặng Thị Thái, Điểm cuối: Nhà Ngô Thanh)	L=185m, B=3m, H=4m	19	
1567	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Nguyễn Văn Cò, Điểm cuối: Nhà Đặng Diệp)	L=310m, B=3m, H=4m	32	
1568	Đường bê Tông (Điểm đầu: Giáp đường Trương Thiều, Điểm cuối: Nhà Đặng Văn Dự)	L=120m, B=3m, H=3,5m	15	
1569	Đường bê Tông (Điểm đầu: Giáp đường Trương Thiều, Điểm cuối: Nhà La Văn Đố)	L=110m, B=3m, H=4m	13	
1570	Đường vào làng Ròng (Điểm đầu: Giáp đường Hồ Văn Đỗ, Điểm cuối: Nhà Trần Ngọc Sự)	L=120m, B=3m, H=4m	15	
1571	Đường bê Tông (Điểm đầu: Giáp đường Thai Dương, Điểm cuối: Nhà Trương Thị Hiền)	L=210m, B=3m, H=4m	22	
1572	Đường bê Tông (Điểm đầu: Giáp đường Thai Dương, Điểm cuối: Nhà Lê Đới)	L=80m, B=3m, H=3m	8	
1573	Đường bê Tông (Điểm đầu: Giáp đường Thai Dương, Điểm cuối: Nhà Nguyễn Rơi)	L=120m, B=3m, H=4m	13	
1574	Đường bê Tông (Điểm đầu: Giáp đường Thai Dương, Điểm cuối: Nhà Huỳnh Tọ)	L=225m, B=3m, H=4m	23	
1575	Đường bê Tông (Điểm đầu: Giáp	L=200m, B=3m, H=4m	23	

	đường Thai Dương, Điểm cuối: Nhà Trần Thị Nguyệt)			
1576	Đường bê Tông (Điểm đầu: Nhà Huỳnh Bé, Điểm cuối: Nhà Nguyễn Vừa)	L=260m, B=3m, H=4m	28	
1577	Đường bà Suối (Điểm đầu: Huỳnh Chư, Điểm cuối: Huỳnh Thị Suối)	L=152m, B=3m, H=4m	12	
1578	Đường Huỳnh Dũng (Điểm đầu: Đường QL 49B, Điểm cuối: Huỳnh Dũng)	L=79m, B=3m, H=4m	8	
1579	Đường ông Vũ (Điểm đầu: Đường QL 49B, Điểm cuối: Lê Văn Vũ)	L=51m, B=3m, H=3m	6	
1580	Đường ông Phụng (Điểm đầu: Đường QL 49B, Điểm cuối: Lê Phụng)	L=85m, B=3m, H=4m	7	
1581	Đường ông Lộc (Điểm đầu: Đường QL 49B, Điểm cuối: Đỗ Khắc Lộc)	L=67m, B=3m, H=4m	7	
1582	Đường bà Hồng (Điểm đầu: Đường QL 49B, Điểm cuối: Lê Thị Hồng)	L=64m, B=3m, H=4m	8	
1583	Đường ông Doan (Điểm đầu: Đường QL 49B, Điểm cuối: Đỗ Viết Doan)	L=122m, B=3m, H=4m	10	
1584	Đường ông Thọ (Điểm đầu: Đường QL 49B, Điểm cuối: Nguyễn Văn Thọ)	L=99m, B=3m, H=4m	9	
1585	Đường ông Huỳnh Trọng Dung (Điểm đầu: Huỳnh Trọng Hóa, Điểm cuối: Đỗ Khắc Lộc)	L=142m, B=3m, H=4m	11	
1586	Đường bà Tấn (Điểm đầu: Đường QL 49B, Điểm cuối: Lê Thị Tấn)	L=79m, B=3m, H=3m	9	
1587	Đường ông Thì (Điểm đầu: Đường QL 49B, Điểm cuối: Lê Thì)	L=134m, B=3m, H=4m	10	
1588	Đường ông Đăng (Điểm đầu: Đường QL 49B, Điểm cuối: Nguyễn Đăng)	L=160m, B=3m, H=4m	14	

1589	Đường bà Diệp (Điểm đầu: Đường QL 49B, Điểm cuối: Huỳnh Thị Diệp)	L=154m, B=3m, H=4m	11	
1590	Đường ông Đủ (Điểm đầu: Đường QL 49B, Điểm cuối: Lê Đủ)	L=133m, B=3m, H=3m	12	
1591	Đường ông Tài (Điểm đầu: Đường QL 49B, Điểm cuối: Đỗ Viết Tài)	L=135m, B=3m, H=4m	12	
1592	Đường ông Hoán (Điểm đầu: Đường QL 49B, Điểm cuối: Đỗ Viết Hình)	L=136m, B=3m, H=4m	11	
1593	Đường ông Lê Mẫu (Điểm đầu: Đường QL 49B, Điểm cuối: Nguyễn Hải)	L=210m, B=3m, H=4m	17	
1594	Đường Xóm Vĩnh Thành (Điểm đầu: Nhà thờ họ Đào, Điểm cuối: Nguyễn Xự)	L=100m, B=2,5m, H=4m	10	
1595	Đường Xóm Vĩnh Thành (Điểm đầu: Văn Mỹ, Điểm cuối: Biển Đông)	L=100m, B=2,5m, H=4m	13	
1596	Đường ông Châm (Điểm đầu: Nguyễn Châm; Điểm cuối: Trương Đức Thông)	L=87m, B=2,5m, H=3,5m	8	
1597	Đường sau Trường TH Thái Dương (Điểm đầu: Trường TH Thái Dương, Điểm cuối: Lê Chót-Đào Nghệ)	L=150m, B=2,5m, H=4m	12	
1598	Đường ông Loan (Điểm đầu: Lê Văn Loan, Điểm cuối: Trương Đức Hiền)	L=146m, B=2,5m, H=4m	11	
1599	Xóm Chợ (Điểm đầu: Nhà ông Võ Mua, Điểm cuối: Nhà ông Trương Đức Phan)	L=206m, B=25m, H=4m	16	
1600	Xóm Chợ (Điểm đầu: Nhà ông Hà Thẽ, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Trường)	L=131m, B=2,5m, H=4m	11	
1601	Xóm Chợ (Điểm đầu: Nhà ông Lê Chót, Điểm cuối: Nhà ông Trần Cử)	L=109m, B=2,5m, H=4m	9	

1602	Đường Xóm Mới (Điểm đầu: Xóm Cháy, Điểm cuối: Đường liên Thôn)	L=900m, B=3m, H=4m	65	
1603	Đường Xóm Mới (Điểm đầu: Dốc động cát, Điểm cuối: Biển đông)	L=500m, B=3m, H=3m	38	
1604	Đường Xóm Mới (Điểm đầu: Nghĩa địa, Điểm cuối: Cuối tuyến)	L=500m, B=3m, H=4m	37	
1605	Xóm Cồn Dài (Điểm đầu: Lê Văn Thiệu, Điểm cuối: Hà Thị Thay)	L=340m, B=3m, H=4m	26	
1606	Xóm Cồn Dài (Điểm đầu: Võ Hạp, Điểm cuối: Võ Núi)	L=134m, B=3m, H=4m	9	
1607	Đường giáp ranh Phú Thuận (Điểm đầu: Bờ phá , Điểm cuối: Bờ biển)	L=530m, B=3m, H=3m	62	
1608	Đường số 2 Cự Lại Bắc (Điểm đầu: Dương Văn Cư (QL49B), Điểm cuối: Bờ biển)	L=530m, B=3m, H=4m	63	
1609	Đường số 3 (đường nghĩa địa) (Điểm đầu: QL49B, Điểm cuối: Đường liên Thôn)	L=250m, B=3m, H=4m	32	
1610	Đường số 4 Thôn Cự Lại Trung (Điểm đầu: QL49B (Quán o Luyền), Điểm cuối: Bờ biển)	L=700m, B=3m, H=4m	69	
1611	Đường số 8 Thôn Cự Lại Trung (Điểm đầu: QL49B (Nhà ông Nguyễn Đức Thịnh), Điểm cuối: Bờ biển)	L=600m, B=3m, H=4m	53	
1612	Đường số 9 Thôn Cự Lại Đông (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Văn Biên (QL49B), Điểm cuối: bờ biển)	L=530m, B=2m, H=4m	39	
1613	Đường số 11 Thôn Cự Lại Đông (Điểm đầu: Nhà ông Huỳnh Văn	L=500m, B=3m, H=4m	52	

	Truyền (QL49B), Điểm cuối: Bờ biển)			
1614	Đường số 13 Thôn Cự Lại Nam (Điểm đầu: Nhà ông Phan Văn Bận (QL49B), Điểm cuối: Bờ biển)	L=460m, B=3m, H=4m	28	
1615	Đường số 14 Thôn Cự Lại Nam (Điểm đầu: Nhà ông Đặng Thị Gái (QL49B), Điểm cuối: Bờ biển)	L=470m, B=3m, H=3,5m	29	
1616	Đường số 15 Thôn Cự Lại Nam (Điểm đầu: Nhà ông Phan thị Tâm (QL49B), Điểm cuối: Bờ biển)	L=440m, B=3m, H=4m	25	
1617	Đường số 15 Thôn Cự Lại Nam (Điểm đầu: Nhà bà Lê Thị Chi (QL49B), Điểm cuối: Nhà ông Phạm Xuân Duy)	L=94m, B=3m, H=4m	11	
1618	Đường số 16 Thôn Cự Lại Nam (Điểm đầu: Nguyễn Văn Cu, Điểm cuối: Bờ biển)	L=486m, B=3m, H=4m	52	
1619	Đường số 17 Thôn Cự Lại Nam (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Đại Kim (QL49B), Điểm cuối: Bờ biển)	L=450m, B=3m, H=3,5m	43	
1620	Đường số 18 Thôn Cự Lại Nam (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Đại Cẩn (QL49B), Điểm cuối: Bờ biển)	L=440m, B=3m, H=4m	36	
1621	Đường giáp ranh Phú Diên (Điểm đầu: Nhà ông Phan Văn Trung (QL49B), Điểm cuối: Bờ biển)	L=430m, B=3m, H=4m	32	
1622	Đường Xóm Thôn Cự Lại Bắc (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Ngọ, Điểm cuối: Nhà ông Hà Châu)	L=200m, B=2m, H=4m	19	
1623	Đường Xóm Thôn Cự Lại Bắc	L=160m, B=2m, H=4m	17	

	(Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Văn Đích (QL49B), Điểm cuối: Đặng Văn Chai)			
1624	Đường Xóm Thôn Cự Lại Bắc (Điểm đầu: QL49, Điểm cuối: Nhà bà Hà Thị Cãi)	L=220m, B=3m, H=4m	25	
1625	Đường Xóm Thôn Cự Lại Bắc (Điểm đầu: Nhà ông Lê Phương, Điểm cuối: giáp ranh Phú Thuận)	L=57m, B=3m, H=4m	7	
1626	Đường Xóm Thôn Cự Lại Bắc (Điểm đầu: Am Xóm; Điểm cuối: Nhà ông Phan Chớ)	L=110m, B=3m, H=3m	13	
1627	Đường Xóm Thôn Cự Lại Bắc (Điểm đầu: Nhà ông Hà Thi, Điểm cuối: Nhà ông Trần Cường)	L=150m, B=2m, H=4m	17	
1628	Đường Xóm Thôn Cự Lại Bắc (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Văn Hường, Điểm cuối: giáp ranh Phú Thuận)	L=60m, B=3m, H=4m	9	
1629	Đường Xóm Thôn Cự Lại Bắc (Điểm đầu: Nhà ông Phan Chung, Điểm cuối: giáp ranh Phú Thuận)	L=60m, B=3m, H=4m	7	
1630	Đường Xóm Thôn Cự Lại Bắc (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Vết, Điểm cuối: giáp ranh Phú Thuận)	L=60m, B=3m, H=3,5m	9	
1631	Đường Xóm Thôn Cự Lại Bắc (Điểm đầu: Nhà ông Phan Văn Duận, Điểm cuối: giáp ranh Phú Thuận)	L=60m, B=3m, H=4m	9	
1632	Đường Xóm Thôn Cự Lại Bắc (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Bé, Điểm cuối: Nhà bà Trần Thị Hoa)	L=116m, B=3m, H=4m	12	

1633	Đường Xóm Thôn Cự Lại Bắc (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Văn Chiến, Điểm cuối: Nhà bà Trần Anh)	L=63m, B=3m, H=4m	8	
1634	Đường Xóm Thôn Cự Lại Trung (Điểm đầu: Trường THCS Phú Hải, Điểm cuối: Nhà thờ họ Lê)	L=107m, B=3m, H=4m	14	
1635	Đường Xóm Thôn Cự Lại Trung (Điểm đầu: QL49B, Điểm cuối: Rột họ Phan)	L=171m, B=2,5m, H=3,5m	17	
1636	Đường Xóm Thôn Cự Lại Trung (Điểm đầu: Nhà ông Phan Chung , Điểm cuối: Nhà Nguyễn Thanh Cà)	L=280m, B=3m, H=4m	32	
1637	Đường Xóm Thôn Cự Lại Trung (Điểm đầu: Nhà ông Phan Văn Tương, Điểm cuối: Đường liên Thôn)	L=270m, B=3m, H=4m	30	
1638	Đường Xóm Thôn Cự Lại Trung (Điểm đầu: QL49B, Điểm cuối: Nhà ông Phan Phí)	L=125m, B=2,5m, H=4m	15	
1639	Đường Xóm Thôn Cự Lại Trung (Điểm đầu: QL49B, Điểm cuối: Nhà ông Phan Văn Thắng)	L=300m, B=3m, H=4m	31	
1640	Đường Xóm Thôn Cự Lại Trung (Điểm đầu: Nhà Ông Phan Văn Thắng, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Lợi)	L=320m, B=3m, H=3,5m	31	
1641	Đường Xóm Thôn Cự Lại Trung (Điểm đầu: Nhà ông Phan Văn Trang, Điểm cuối: Nhà ông Lê Văn Liệu)	L=78m, B=3m, H=4m	11	
1642	Đường Xóm Thôn Cự Lại Trung (Điểm đầu: Nhà ông Phan Nga, Điểm cuối: nhà Nguyễn Đức Bi)	L=200m, B=2.5m, H=4m	25	

1643	Đường Xóm Thôn Cự Lại Trung (Điểm đầu: Nhà ông Phan Văn Quát (cư), Điểm cuối: Nhà bà Hà Thị Cau)	L=220m, B=2.5m, H=4m	23	
1644	Đường Xóm Thôn Cự Lại Trung (Điểm đầu: QL49B, Điểm cuối: nhà ông Trần Vũ)	L=80m, B=2,5m, H=3m	12	
1645	Đường Xóm Thôn Cự Lại Trung (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Đức Ảnh, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Lợi)	L=300m, B=3m, H=4m	35	
1646	Đường Xóm Thôn Cự Lại Trung (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Đức Bi, Điểm cuối: Nhà ông Lê Tín)	L=120m, B=2,5m, H=4m	16	
1647	Đường Xóm Thôn Cự Lại Đông (Điểm đầu: Nhà ông Phan Minh Thắng, Điểm cuối: Nhà ông Trần Vĩnh Tư)	L=260m, B=2m, H=4m	28	
1648	Đường Xóm Thôn Cự Lại Đông (Điểm đầu: Nhà bà Nguyễn Thị Hằng, Điểm cuối: Nhà ông Trần Nậy)	L=100m, B=3m, H=4m	14	
1649	Đường Xóm Thôn Cự Lại Đông (Điểm đầu: Nhà ông Trần Văn Hùng, Điểm cuối: Nhà ông Huỳnh Tấn)	L=42m, B=2.5m, H=4m	6	
1650	Đường Xóm Thôn Cự Lại Đông (Điểm đầu: Nhà ông Hồ Văn Hào, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Nước)	L=115m, B=2.5m, H=4m	16	
1651	Đường Xóm Thôn Cự Lại Đông (Điểm đầu: Nhà ông Trần Huân, Điểm cuối: Nhà ông Bùi Chằm)	L=68m, B=3m, H=4m	9	
1652	Đường Xóm Thôn Cự Lại Đông (Điểm đầu: Nhà ông Trần Văn Trai, Điểm cuối: Nhà bà Nguyễn Thị Thời)	L=85m, B=2.5m, H=3m	8	

1653	Đường Xóm Thôn Cự Lại Đông (Điểm đầu: Nhà ông Bùi Mau, Điểm cuối: Nhà ông Trần Vĩnh Dũng)	L=56m, B=3m, H=4m	8	
1654	Đường Xóm Thôn Cự Lại Đông (Điểm đầu: Nhà ông Trần Văn Viên, Điểm cuối: Nhà bà Trần Thị Tán)	L=150,m B=3m, H=4m	15	
1655	Đường Xóm Thôn Cự Lại Đông (Điểm đầu: Nhà Bà Lê Thị Chi, Điểm cuối: Đường số 15)	L=90m, B=3m, H=3m	12	
1656	Đường Xóm Thôn Cự Lại Đông (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Liên, Điểm cuối: Nhà ông Trần Xuân Quảng)	L=90m, B=3m, H=4m	11	
1657	Đường Xóm Thôn Cự Lại Đông (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Thị Thắm; Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Thị Mẻo)	L=100m, B=3m, H=4m	12	
1658	Đường Xóm Thôn Cự Lại Đông (Điểm đầu: Nhà ông Trần Danh, Điểm cuối: Nhà ông Trần Lợi)	L=140m, B=3m, H=3m	13	
1659	Đường Xóm Thôn Cự Lại Nam (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Đại Ngữ, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Đại Xương)	L=50m, B=2.5m, H=4m	7	
1660	Đường Xóm Thôn Cự Lại Nam (Điểm đầu: Nhà ông Lê Văn Hồi (QL49B), Điểm cuối: Nhà ông Phạm Cói)	L=80m, B=2m, H=4m	10	
1661	Đường nội đồng Thôn Cự Lại Trung (Điểm đầu: QL49B, Điểm cuối: Khu NTTs)	L=202m, B=3m, H=4m	19	

	XÃ PHÚ VANG			
1662	Đường BT Xóm ông Quyện (Điểm đầu: Hồ Ngọc Ba (ông Mua), Điểm cuối: Nhà ông Quyện)	L= 300m, B= 3,2m, H= 4,5m	17	
1663	Đường BT Xóm ông Hợp (Điểm đầu: Đường Hồ Đắc Trung, Điểm cuối: Nhà ông Hợp)	L= 240m, B= 3,2m, H= 4,5m	6	
1664	Đường BT Xóm ông Ngạn (Điểm đầu: Đường Võ Phi Trắng, Điểm cuối: Miếu Xóm)	L= 170m, B= 3,2m, H= 4,5m	9	
1665	Đường BT Xóm ông Dũng (Điểm đầu: Đường Viễn Trình, Điểm cuối: Đường ông Ngạn)	L= 200m, B= 3,2m, H= 4,5m	6	
1666	Đường BT Xóm ông Bờ (Điểm đầu: Đường Viễn Trình, Điểm cuối: Nhà ông Kiêm)	L= 120m, B= 3,2m, H= 4,5m	4	
1667	Đường BT Xóm ông Mỹ (Điểm đầu: Đường Phú Thứ, Điểm cuối: Nhà ông Nhật)	L= 150m, B= 3,2m, H= 4,5m	18	
1668	Đường BT Xóm ông Hiệp (Điểm đầu: Đường Phú Thứ, Điểm cuối: Nhà ông Bền)	L= 100m, B= 3,2m, H= 4,5m	4	
1669	Đường BT Xóm ông Thi (Điểm đầu: Nhà ông Tuấn, Điểm cuối: Nhà ông Bền)	L= 150m, B= 3,2m, H= 4,5m	5	
1670	Đường BT Xóm ông Trơn (Điểm đầu: Đường Huỳnh Khái, Điểm cuối: Đường Phan Dịch)	L= 130m, B= 3,2m, H= 4,5m	12	
1671	Đường BT Xóm ông Thuỳ (Điểm đầu: Đường Hồ Đắc Trung, Điểm cuối: Nhà	L= 130m, B= 3,2m, H= 4,5m	10	

	ông Thuỳ)			
1672	Đường BT Xóm ông Thiện (Điểm đầu: Đường Hồ Đắc Trung, Điểm cuối: Đỗ Quỳnh)	L= 160m, B= 3,2m, H= 4,5m	6	
1673	Đường Xóm nhà thờ Giáo xứ (Điểm đầu: Đường Phú Thứ, Điểm cuối: nhà ông Mươi)	L= 1200m, B= 3,2m, H= 4,5m	32	
1674	Đường Xóm Ma Quang (Điểm đầu: Đường Phú Thứ, Điểm cuối: nhà ông Ma Hùng)	L= 400m, B= 3,2m, H= 4,5m	12	
1675	Đường Xóm ông Ma Sủ (Điểm đầu: Đường Phú Thứ, Điểm cuối: Nhà ông Sủ)	L= 180m, B= 3,2m, H= 4,5m	10	
1676	Đường Xóm ông Lê Lợi (Điểm đầu: Đường BT Giáo Xứ, Điểm cuối: Đường BT Xóm)	L= 230m, B= 3,2m, H= 4,5m	6	
1677	Đường Xóm ông Tôn Thất Quý (Điểm đầu: Đường Phú Thứ, Điểm cuối: Đường BT Xóm)	L= 140m, B= 3,2m, H= 4,5m	9	
1678	Đường Xóm đường Chùa (Điểm đầu: Đường Phú Thứ, Điểm cuối: Nghĩa địa Hòa Đông)	L= 250m, B= 3,2m, H= 4,5m	9	
1679	Đường Xóm ông Lê Văn Đông (Điểm đầu: Đường Phú Thứ, Điểm cuối: Nhà ông Lê Văn Đông)	L= 420m, B= 3,2m, H= 4,5m	7	
1680	Đường Xóm ông Lê Đát (Điểm đầu: Nhà ông Lê Cả, Điểm cuối: Nhà bà Bông)	L= 200m, B= 3,2m, H= 4,5m	6	
1681	Đường Xóm ông Lê Châu (Điểm đầu: Nhà ông Hiệp, Điểm cuối: Nhà ông Lê	L= 150m, B= 3,2m, H= 4,5m	5	

	Ngái)			
1682	Đường Xóm ông Đỗ Cừ (Điểm đầu: Nhà thờ họ Đỗ, Điểm cuối: Nhà bà Ky)	L= 120m, B= 3,2m, H= 4,5m	5	
1683	Đường Xóm ông Lê Mười (Điểm đầu: Ngã ba Lê Bá Hiệp, Điểm cuối: Nhà Đỗ Trai)	L= 120m, B= 3,2m, H= 4,5m	5	
1684	Đường Xóm ông Đỗ Thanh Chúc (Điểm đầu: Ngã ba nhà bà Cửu, Điểm cuối: Nhà ông Dương Đức)	L= 100m, B= 3,2m, H= 4,5m	4	
1685	Đường BT Đội 5 (Điểm đầu: Cồn Rang, Điểm cuối: Đường BTN liên xã (Lramp))	L= 900m, B=3,2m, H=4,5m	15	
1686	Đường BT Đội 6 (Điểm đầu: Lê Văn Trĩ, Điểm cuối: Đường BTN liên xã (Lramp))	L= 1000m, B=3,2m, H=4,5m	20	
1687	Đường Xóm ông Ất (Điểm đầu: Đường BTN liên xã (Lramp), Điểm cuối: Nhà bà Gái)	L= 400m, B=3,2m, H=4,5m	6	
1688	Đường BT Nam Châu (ông Tuấn) (Điểm đầu: Lê Văn Trĩ, Điểm cuối: Đường BTN liên xã (Lramp))	L= 700m, B=3,2m, H=4,5m	8	
1689	Đường giao Thông Xóm ông Gạch (Điểm đầu: Lê Văn Trĩ, Điểm cuối: Nhà ông Vương Châu)	L= 300m, B=3,2m, H=4,5m	6	
1690	Đường BT Xóm Nam Châu (Điểm đầu: Nguyễn Đức Xuyên, Điểm cuối: Hồ Ngọc Ba)	L= 200m, B=3,2m, H=4,5m	5	
1691	Xóm ông Thả (Điểm đầu: Nguyễn Đức Xuyên, Điểm cuối: Hồ Ngọc Ba)	L= 140m, B=3,2m, H=4,5m	4	
1692	Xóm ông Ngô (Điểm đầu: Nguyễn Đức	L= 230m, B=3,2m, H=4,5m	7	

	Xuyên, Điểm cuối: Đường bê tông Xóm)			
1693	Xóm ông Thiều (Điểm đầu: Đường Võ Phi Trắng nối Dài, Điểm cuối: Nhà bà Lê Thị Xoan)	L= 220m, B=3,2m, H=4,5m	9	
1694	Xóm ông Thắm (Điểm đầu: Đường BTN liên xã, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Trí Phúc)	L= 360m, B=3,2m, H=4,5m	10	
1695	Xóm ông Lê Cường (Điểm đầu: Đường Mai Bá Trai, Điểm cuối: Nhà ông Lê Đãi và bà Trúc)	L= 450m, B=3,2m, H=4,5m	11	
1696	Xóm ông Phan Hàng (Điểm đầu: Đường Mai Bá Trai, Điểm cuối: Nhà ông Phan Bốn)	L= 110m, B=3,2m, H=4,5m	4	
1697	Xóm ông Thu (Điểm đầu: Nhà ông Quý, Điểm cuối: Nhà ông Thu)	L= 170m, B=3,2m, H=4,5m	5	
1698	Xóm ông Phạm Tai (Điểm đầu: Đường Mai Bá Trai, Điểm cuối: Nhà ông Phạm Tai)	L= 340m, B=3,2m, H=4,5m	8	
1699	Xóm ông Phan Đại (Điểm đầu: Đường BTN liên xã, Điểm cuối: Nhà ông Phan Đại)	L= 150m, B=3,2m, H=4,5m	4	
1700	Xóm ông Phan Ty (Điểm đầu: Đường BTN liên xã, Điểm cuối: Nhà ông Phan Ty)	L= 270m, B=3,2m, H=4,5m	3	
1701	Xóm ông Lê Rơi (Điểm đầu: Đặng Lế, Điểm cuối: Trần Thị Đình)	L= 550m, B=3,2m, H=4,5m	7	
1702	Xóm ông Toàn (Điểm đầu: Cồn Rang, Điểm cuối: Tạ Quang Cự)	L= 560m, B=3,2m, H=4,5m	7	
1703	Xóm ông Hùng (Điểm đầu: Tạ Quang	L= 230m, B=3,2m, H=4,5m	3	

	Cự, Điểm cuối: Nhà ông Huru)			
1704	Xóm ông Song (Điểm đầu: Tạ Quang Cự, Điểm cuối: Nhà ông Dĩnh)	L= 140m, B=3,2m, H=4,5m	4	
1705	Xóm ông Đào Ngọc (Điểm đầu: Cồn Rang, Điểm cuối: Bê tông xã Phú Gia)	L= 300m, B=3,2m, H=4,5m	16	
1706	Xóm ông Phan Chiến (Điểm đầu: Nguyễn Duy Tâm; Điểm cuối: Nhà bà Trần Thị Bông)	L= 140m, B=3,2m, H=4,5m	5	
1707	Xóm ông Nguyễn Dục (Điểm đầu: Trần Xuân Ngạn, Điểm cuối: Đường Bt)	L= 160m, B=3,2m, H=4,5m	5	
1708	Xóm ông Phan Thanh Việt (Điểm đầu: Nguyễn Duy Tâm; Điểm cuối: Nhà ông Châu)	L= 330m, B=3,2m, H=4,5m	8	
1709	Xóm ông Nguyễn Đủ (Điểm đầu: Nguyễn Duy Tâm; Điểm cuối: Nhà ông Đủ)	L= 150m, B=3,2m, H=4,5m	11	
1710	Xóm ông Phan Hữu Châu (Điểm đầu: Phú Vinh, Điểm cuối: Nhà ông Hùng)	L= 450m, B=3,2m, H=4,5m	15	
1711	Xóm tổ 3 (ông Lớn) (Điểm đầu: Cồn Rang, Điểm cuối: Tạ Quang Cự)	L= 900m, B=3,2m, H=4,5m	30	
1712	Xóm ông Trần Văn Xin (Điểm đầu: Nguyễn Duy Tâm; Điểm cuối: Nhà bà Thuý)	L= 200m, B=3,2m, H=4,5m	8	
1713	Xóm ông Phan Nhỡn (Điểm đầu: Trần Xuân Ngạn, Điểm cuối: Nhà thờ họ)	L= 150m, B=3,2m, H=4,5m	7	
1714	Xóm ông Hiếu (Điểm đầu: Trần Xuân Ngạn, Điểm cuối: Nhà ông Hiếu)	L= 240m, B=3,2m, H=4,5m	7	
1715	Đường bê tông tổ 8 (Điểm đầu: Cồn Rang, Điểm cuối: ông Phan Dũng)	L= 700m, B=3,2m, H=4,5m	16	
1716	Đường bê tông tổ 1 -3 (Phú Xuân)	L= 500m, B=3,2m, H=4,5m	8	

	(Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: Phạm Văn Diển)			
1717	Đường bê tông tổ 1 -3 (ông Dải) (Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: Phạm Văn Diển)	L= 500m, B=3,2m, H=4,5m	8	
1718	Đường bê tông tổ 1 -3 (Xóm chùa) (Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: Phạm Văn Diển)	L= 500m, B=3,2m, H=4,5m	10	
1719	Xóm ông Phan Văn Hiệp (Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: Nhà ông Đình)	L= 550m, B=3,2m, H=4,5m	15	
1720	Xóm ông Phan Hiền (Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: Nguyễn Thanh)	L= 240m, B=3,2m, H=4,5m	10	
1721	Xóm ông Nguyễn Hải (Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: Nguyễn Thanh)	L= 220m, B=3,2m, H=4,5m	8	
1722	Xóm ông Mai Thành Nguyên (Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: Nguyễn Thanh)	L= 210m, B=3,2m, H=4,5m	8	
1723	Xóm ông Huén (Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: ông Huén)	L= 350m, B=3,2m, H=4,5m	4	
1724	Xóm ông Phan Hoà (Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: Nhà ông Dũng)	L= 300m, B=3,2m, H=4,5m	5	
1725	Đường bê tông tổ 1 Viễn Trinh (Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: Phạm Văn Diển)	L= 650m, B=3,2m, H=4,5m	4	
1726	Đường bê tông tổ 2 Viễn Trinh (Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: Còn thân)	L= 1220m, B=3,2m, H=4,5m	21	
1727	Đường bê tông tổ 3 Viễn Trinh (Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: Phạm Văn Diển)	L= 650m, B=3,2m, H=4,5m	18	
1728	Đường bê tông tổ 4 Viễn Trinh (Điểm	L= 390m, B=3,2m, H=4,5m	15	

	đầu: Phạm Văn Diễm, Điểm cuối: Phá tam giang)			
1729	Đường bê tông tổ 5 Viễn Trình (Điểm đầu: Phạm Văn Diễm, Điểm cuối: Xóm ông Đầu)	L= 270m, B=3,2m, H=4,5m	8	
1730	Đường bê tông tổ 6 Viễn Trình (Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: Phạm Văn Diễm)	L= 650m, B=3,2m, H=4,5m	20	
1731	Đường bê tông làng Viễn Trình (Điểm đầu: Đình làng, Điểm cuối: Đường BT chùa)	L= 920m, B=3,2m, H=4,5m	35	
1732	Đường bê tông phá Tam Giang (Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: nhà ông Khuyên)	L= 400, B=3,2, H=4,5	8	
1733	Xóm ông Mai Đầu (Điểm đầu: Phạm Văn Diễm, Điểm cuối: Nhà ông Đầu)	L= 200m, B=3,2m, H=4,5m	10	
1734	Xóm ông Đặng Lệ (Điểm đầu: Phạm Văn Diễm, Điểm cuối: Xóm ông Đặng Lệ)	L= 200m, B=3,2m, H=4,5m	6	
1735	Xóm tuyến ông Võ Thính (Điểm đầu: Phạm Văn Diễm, Điểm cuối: Trường Sa)	L= 280m, B=3,2m, H=4,5m	8	
1736	Đường Ông Phô (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Nhà Ông Phô)	L= 360m, B=3,2m, H=4,5m	10	
1737	Đường Ông Trữ (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Nhà Ông Trữ)	L= 500m, B=3,2m, H=4,5m	12	
1738	Đường Ông Lạp (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Nhà Ông Lạp)	L= 500m, B=3,2m, H=4,5m	10	
1739	Đường Ông Ngôn (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Đường Trước)	L= 450m, B=3,2m, H=4,5m	15	

1740	Đường Ông Thu (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Nhà Ông Uýnh)	L= 450m, B=3,2m, H=4,5m	9	
1741	Đường Nhà Hội họp TA (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Nhà Cô Hoa)	L= 500m, B=3,2m, H=4,5m	10	
1742	Đường Ông Chiêu (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Đội 16)	L= 550m, B=3,2m, H=4,5m	10	
1743	Đường Ông Bồi (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Đường Trước)	L= 450m, B=3,2m, H=4,5m	15	
1744	Đường Bà Tề (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Đường trước)	L= 500m, B=3,2m, H=4,5m	10	
1745	Đường Ông Khóa (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Đường Trước)	L= 500m, B=3,2m, H=4,5m	12	
1746	Đường Ông Trung (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Đường Trước)	L= 500m, B=3,2m, H=4,5m	13	
1747	Đường Ông Đá (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Đường Trước)	L= 500m, B=3,2m, H=4,5m	12	
1748	Đường Ông Lê Niệm (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Đường trước)	L= 450m, B=3,2m, H=4,5m	10	
1749	Đường Ông Sinh (lén) (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Đường Trước)	L= 500m, B=3,2m, H=4,5m	15	
1750	Đường Cồn Chìm (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Phá Tam Giang)	L= 500m, B=3,2m, H=4,5m	20	
1751	Đường Đội 3 (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Nhà Ông Tài)	L= 500m, B=3,2m, H=4,5m	16	
1752	Đường Ông Bốn (Điểm đầu: HTX Điện, Điểm cuối: Đường Ông Ngôn)	L= 450m, B=3,2m, H=4,5m	10	
1753	Đường Nhà bà Hoa (Điểm đầu: Đường Ô Niệm; Điểm cuối: Nhà bà Bảy)	L= 350m, B=3,2m, H=4,5m	12	
1754	Tuyến Thôn Nghĩa Lập (BN 2010) (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối:	L= 357m, B=3,2m, H=4,5m	15	

	Đường trước)			
1755	Tuyến Thôn Hà Bắc (BN 2010) (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Đường Trước)	L= 407m, B=3,2m, H=4,5m	12	
1756	Đường Thôn Diêm Tụ (Điểm đầu: TL10C, Điểm cuối: TL18)	L= 490m, B=3,2m, H=4,5m	20	
1757	Đường Thôn Diêm Tụ (Điểm đầu: TL18, Điểm cuối: Trước nhà thờ)	L= 370m, B=3,2m, H=4,5m	20	
1758	Đường chính Thôn Hà Thượng (Điểm đầu: Trường mẫu giáo, Điểm cuối: Ô Trọ)	L= 530m, B=3,2m, H=4,5m	18	
1759	Đường nội Thôn Hà Thượng (Điểm đầu: Nhà Ô Châu, Điểm cuối: B Thân)	L= 280m, B=3,2m, H=4,5m	20	
1760	Đường chính Thôn B3 Thôn Hà Trữ B (Điểm đầu: Đê Thiệu Hoá, Điểm cuối: Ô Hoà)	L= 460m, B=3,2m, H=4,5m	26	
1761	Đường chính Thôn Kênh Tắc (Điểm đầu: TL18, Điểm cuối: Ô Giới)	L= 560m, B=3,2m, H=4,5m	30	
1762	Đường nội Thôn Hà Trữ A (Điểm đầu: Ô Lượng, Điểm cuối: Ô Hùng)	L= 500m, B=3,2m, H=4,5m	25	
1763	Đường nội Thôn Mong B (Điểm đầu: Ô Tăng, Điểm cuối: Ô Tịnh)	L= 630m, B=3,2m, H=4,5m	16	
1764	Đường chính Thôn Mong B (Điểm đầu: Đình làng Mong B, Điểm cuối: Cống Bà Xoan)	L= 1040m, B=3,2m, H=4,5m	25	
1765	Đường chính Thôn Mong B (Điểm đầu: Cống chào, Điểm cuối: Đình làng)	L= 600m, B=3,2m, H=4,5m	3	
1766	Đường chính Thôn Mong B (Điểm đầu: Đình làng Mong B, Điểm cuối: TL10 (Thanh lam))	L= 960m, B=3,2m, H=4,5m	43	

1767	Đường Xóm rạch Thôn Mong A (Điểm đầu: TL10, Điểm cuối: Ô Tỷ)	L= 460m, B=3,2m, H=4,5m	35	
1768	Đường chính Thôn Mong A (Điểm đầu: TL10, Điểm cuối: Ô Thắng)	L= 980m, B=3,2m, H=4,5m	45	
1769	Đường chính Thôn Mong A (Điểm đầu: TL10(Thưởng), Điểm cuối: Nhà Thờ Mong B)	L= 1080m, B=3,2m, H=4,5m	40	
1770	Đường chính Thôn Thanh Lam Bô (Điểm đầu: Cổng chào TL10C, Điểm cuối: Ô Sáng (giáp Mong C))	L= 860m, B=3,2m, H=4,5m	25	
1771	Đường chính Thôn Mong C (Điểm đầu: Cổng chào, Điểm cuối: Ô Thanh)	L= 910m, B=3,2m, H=4,5m	42	
1772	Đường nội Thôn Mong C (Điểm đầu: Ô Thanh, Điểm cuối: Vườn Ô Sinh)	L= 500m, B=3,2m, H=4,5m	20	
1773	Đường liên Thôn Mong C (Điểm đầu: Xóm mới Mong B, Điểm cuối: B Bê)	L= 440m, B=3,2m, H=4,5m	21	
1774	Đường nội Thôn Mong C (Điểm đầu: Thanh lam Bô, Điểm cuối: Nhà Nguyễn)	L= 800m, B=3,2m, H=4,5m	15	
1775	Đường nội Thôn Mong C (Điểm đầu: Nhà Nguyễn, Điểm cuối: B Mễ)	L= 260m, B=3,2m, H=4,5m	14	
1776	Đường liên Thôn Diêm Tụ (Điểm đầu: TL18, Điểm cuối: Nhà Ô Thám)	L= 1500m, B=3,2m, H=4,5m	15	
1777	Đường Xóm Đình (Điểm đầu: TL10 (nhà Mỹ), Điểm cuối: Bà Mộc)	L= 700m, B=3,2m, H=4,5m	20	
1778	Đường lên Xóm sau (Điểm đầu: TL10 (Chiến), Điểm cuối: Ô Nhất)	L= 860m, B=3,2m, H=4,5m	30	
1779	Đường liên Thôn Hà Thượng (Điểm đầu: Nhà Ô Nhấn, Điểm cuối: B Thân)	L= 680m, B=3,2m, H=4,5m	15	
1780	Đường nội Thôn Hà Trữ B (Điểm đầu:	L= 360m, B=3,2m, H=4,5m	17	

	Cầu Thiệu Hoá, Điểm cuối: Trạm Bơm)			
1781	Đường liên Thôn Hà Trữ A (Điểm đầu: TL10 C (Quán cắt tóc), Điểm cuối: Cầu Ô Phương)	L= 880m, B=3,2m, H=4,5m	19	
1782	Đường nội Thôn Mong B (Điểm đầu: Ô Tám; Điểm cuối: Đường V Thái V Phú)	L= 300m, B=3,2m, H=4,5m	5	
1783	Đường nội Thôn Mong A (Điểm đầu: Nhà thờ họ Huỳnh, Điểm cuối: Giáp Hồng)	L= 500m, B=3,2m, H=4,5m	25	
1784	Đường nội Thôn Mong A (Điểm đầu: Ô Hào, Điểm cuối: B Dĩ)	L= 300m, B=3,2m, H=4,5m	14	
1785	Đường Xóm trong Thanh Lam Bò (Điểm đầu: Ô Lơ, Điểm cuối: Ô Bảo (giáp Mong B))	L= 660m, B=3,2m, H=4,5m	26	
1786	Đường Xóm làng (Điểm đầu: Đường BT (Ô Nghĩa), Điểm cuối: B Dóc)	L= 820m, B=3,2m, H=4,5m	18	
1787	Đường Xóm B3 (Điểm đầu: Cầu Thiệu Hoá, Điểm cuối: Trạm bơm B3)	L= 500m, B=3,2m, H=4,5m	80	
1788	Đường liên xã (Điểm đầu: Vườn Ô Sinh, Điểm cuối: Vinh Hà)	L= 520m, B=3,2m, H=4,5m	20	
1789	Đường liên Thôn Mong C (Điểm đầu: Ô An, Điểm cuối: Giáp Hà Trữ A)	L= 700m, B=3,2m, H=4,5m	25	
1790	Đường nội Thôn Mong C (Điểm đầu: Nhà Nguyễn, Điểm cuối: B Nhật)	L= 680m, B=3,2m, H=4,5m	10	
1791	Đường nội Thôn Mong C (Điểm đầu: Ô An, Điểm cuối: Miếu đôi)	L= 500m, B=3,2m, H=4,5m	12	
1792	Đường Ông Huỳnh Chót (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: phá Tam	L= 550m, B=3,2m, H=4,5m	20	

	Giang)			
1793	Đường Ông Phiếm (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: phá Tam Giang)	L= 510m, B=3,2m, H=4,5m	10	
1794	Đường Ông Biên (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: phá Tam Giang)	L= 450m, B=3,2m, H=4,5m	12	
1795	Đường Ông Kỳ (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Nhà bà Dinh)	L= 500m, B=3,2m, H=4,5m	15	
1796	Đường Ông Huỳnh Thịnh (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: phá Tam Giang)	L= 400m, B=3,2m, H=4,5m	16	
1797	Đường Ông Thiên (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Phá Tam Giang)	L= 450m, B=3,2m, H=4,5m	22	
1798	Đường Đình Làng (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: phá Tam Giang)	L= 400m, B=3,2m, H=4,5m	20	
1799	Đường Ông Ké (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: phá Tam Giang)	L= 600m, B=3,2m, H=4,5m	20	
1800	Đường Ông Bá (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: phá Tam Giang)	L= 500m, B=3,2m, H=4,5m	15	
1801	Đường Bến Phà (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: phá Tam Giang)	L= 400m, B=3,2m, H=4,5m	26	
1802	Đường Chợ Trùng Hà (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Chợ Trùng Hà)	L= 450m, B=3,2m, H=4,5m	36	
1803	Đường Thôn 3 (Điểm đầu: TL10D, Điểm cuối: Nhà Tuyến)	L= 670m, B=3,2m, H=4,5m	27	
1804	Đường Thôn 3 (Điểm đầu: Nhà Nai, Điểm cuối: TL10D)	L= 600m, B=3,2m, H=4,5m	24	
1805	Đường Thôn 3 (Điểm đầu: TL10D, Điểm cuối: Nhà Trí)	L= 610m, B=3,2m, H=4,5m	16	
1806	Đường Thôn 2 (Điểm đầu: Đường HCR, Điểm cuối: Ô Thêu)	L= 1000m, B=3,2m, H=4,5m	17	

1807	Đường Thôn 2 (Điểm đầu: Sân vận động, Điểm cuối: TL10D)	L= 1200m, B=3,2m, H=4,5m	12	
1808	Đường Thôn 2 (Điểm đầu: Trường C2, Điểm cuối: TL10D)	L= 860m, B=3,2m, H=4,5m	48	
1809	Đường Thôn 2 (Điểm đầu: Ô Vũ, Điểm cuối: TL10D)	L= 1150m, B=3,2m, H=4,5m	29	
1810	Đường Thôn 2 (Điểm đầu: Nhà Tú, Điểm cuối: Ông Sương)	L= 900m, B=3,2m, H=4,5m	21	
1811	Đường Thôn 2 (Điểm đầu: Nhà Thờ Họ La, Điểm cuối: Đường HCR)	L= 1000m, B=3,2m, H=4,5m	24	
1812	Đường Thôn 4 (Điểm đầu: Nhà Điệp, Điểm cuối: TL10D)	L= 900m, B=3,2m, H=4,5m	58	
1813	Đường Thôn 4 (Điểm đầu: TL10D, Điểm cuối: Chợ Thôn 4)	L= 430m, B=3,2m, H=4,5m	42	
1814	Đường Thôn 4 (Điểm đầu: TL10D, Điểm cuối: Ô Chính)	L= 750m, B=3,2m, H=4,5m	28	
1815	Đường Thôn 4 (Điểm đầu: Nhà Liền, Điểm cuối: TL10D)	L= 693m, B=3,2m, H=4,5m	39	
1816	Đường Thôn 4 (Điểm đầu: TL10C, Điểm cuối: Nhà Ngưỡng)	L= 450m, B=3,2m, H=4,5m	28	
1817	Đường Thôn 4 (Điểm đầu: Nhà Thua, Điểm cuối: TL10D)	L= 984m, B=3,2m, H=4,5m	46	
1818	Đường Thôn 4 (Điểm đầu: TL10D, Điểm cuối: Nhà Kính)	L= 650m, B=3,2m, H=4,5m	32	
1819	Đường Thôn 5 (Điểm đầu: Nhà Nhỏ, Điểm cuối: TL10D)	L= 650m, B=3,2m, H=4,5m	48	
1820	Đường Thôn 5 (Điểm đầu: Nhà Bà Anh, Điểm cuối: TL10D)	L= 650m, B=3,2m, H=4,5m	54	
1821	Đường Thôn 5 (Điểm đầu: TL10C, Điểm cuối: Vùng Định Cư)	L= 870m, B=3,2m, H=4,5m	52	

1822	Đường Thôn 5 (Điểm đầu: Trường Hà Trung, Điểm cuối: TL10D)	L= 630m, B=3,2m, H=4,5m	18	
1823	Đường Thôn 5 (Điểm đầu: TL10D, Điểm cuối: Nhà Vĩnh)	L= 670m, B=3,2m, H=4,5m	32	
1824	Đường Thôn 5 (Điểm đầu: Nhà Yên, Điểm cuối: TL10D)	L= 650m, B=3,2m, H=4,5m	36	
1825	Đường Thôn 5 (Điểm đầu: Nhà Đọt, Điểm cuối: TL10D)	L= 600m, B=3,2m, H=4,5m	42	
1826	Đường Thôn 5 (Điểm đầu: Trạm Y Tế, Điểm cuối: TL10D)	L= 620m, B=3,2m, H=4,5m	33	
1827	Đường Thôn 5 (Điểm đầu: TL10D, Điểm cuối: Nhà Tịnh)	L= 600m, B=3,2m, H=4,5m	31	
1828	Đường Thôn 5 (Điểm đầu: Nhà Chín, Điểm cuối: TL10D)	L= 800m, B=3,2m, H=4,5m	27	
1829	Đường Thôn 3 (Điểm đầu: Nhà Tuyên, Điểm cuối: TL10D)	L= 640m, B=3,2m, H=4,5m	28	
1830	Đường Thôn 3 (Điểm đầu: Nhà Chính, Điểm cuối: TL10D)	L= 650m, B=3,2m, H=4,5m	32	
1831	Đường Thôn 3 (Điểm đầu: TL10D, Điểm cuối: Nhà Lịch)	L= 600m, B=3,2m, H=4,5m	27	
1832	Đường Thôn 3 (Điểm đầu: Nhà Thắng, Điểm cuối: Trạm Hạ Thế)	L= 800m, B=3,2m, H=4,5m	22	
1833	Đường Thôn 3 (Điểm đầu: TL10D, Điểm cuối: Nhà Duê)	L= 600m, B=3,2m, H=4,5m	24	
1834	Đường Thôn 1 (Điểm đầu: Nhà Gánh, Điểm cuối: Nhà Thới)	L= 500m, B=3,2m, H=4,5m	26	
1835	Đường Thôn 1 (Điểm đầu: Chợ Cây Ruối, Điểm cuối: Nhà bà Năm)	L= 400m, B=3,2m, H=4,5m	18	
1836	Đường Thôn 1 (Điểm đầu: Nhà Thành, Điểm cuối: Nhà Ngộ)	L= 500m, B=3,2m, H=4,5m	29	

1837	Đường Thôn Hà Giang (Điểm đầu: Nhà Tuấn, Điểm cuối: Nhà Tường)	L= 500m, B=3,2m, H=4,5m	38	
1838	Đường xã (Điểm đầu: Chợ Thôn 4, Điểm cuối: Nhà Biên)	L= 2048m, B=3,2m, H=4,5m	18	
1839	Đường xã (Điểm đầu: Nhà Biên, Điểm cuối: Bến đò Thôn 3)	L= 1152m, B=3,2m, H=4,5m	25	
	XÃ PHÚ HỒ			
1840	Kiệt đường nhà ông Lê Hiền (gần khu vực chợ Quảng Xuyên), Thôn Quảng Xuyên	L=200m, B=2,5m, H=4,5m	25	
1841	Kiệt đường nhà ông Trần Văn Hậu (gần khu vực chợ Quảng Xuyên), Thôn Quảng Xuyên	L=350m, B=2,5m, H=4,5m	32	
1842	Kiệt đường nhà ông Nguyễn Bạch (gần khu vực chợ Quảng Xuyên), Thôn Quảng Xuyên	L=200m, B=2,5m, H=4,5m	14	
1843	Kiệt đường nhà ông Đặng Hữu Truyền, Thôn Quảng Xuyên	L=60m, B=2,5m, H=4,5m	4	
1844	Đường vào Xóm Hàu, Thôn Thủy Diện	L=900m, B=2,5m, H=4,5m	60	
1845	Xóm Đạo cụm Vĩnh Lương Khê, Thôn Vĩnh Lương Khê	L=500m, B=2,5m, H=4,5m	15	
1846	Xóm ông Lương Minh Miên, Thôn Sư Lỗ	L=150m, B=2,5m, H=4,5m	30	
1847	Xóm ông Nguyễn Liên, Thôn Sư Lỗ	L=280m, B=2,5m, H=4,5m	22	
1848	Xóm Bến đò, Thôn Sư Lỗ	L=500m, B=2,5m, H=4,5m	42	
1849	Xóm chùa, Thôn Sư Lỗ	L=150m, B=2,5m, H=4,5m	24	
1850	Kiệt 2,3 Cụm Giang Tây, Thôn Văn Giang	L=100m, B=2,5m, H=4,5m	17	
1851	Kiệt nhà ông Dương Văn Long cụm Trung An, Thôn Tây Hồ	L=300m, B=2,5m, H=4,5m	30	
1852	Kiệt nhà ông Dương Văn Quyết cụm	L=200m, B=2,5m, H=4,5m	5	

	Trung Chánh, Thôn Tây Hồ			
1853	Kiệt nhà ông Đinh Như An, Thôn Đông Di	L=260m, B=2,5m, H=4,5m	20	
1854	Kiệt nhà ông Lê Quang Lâm, Thôn Đông Di	L=350m, B=2,5m, H=4,5m	15	
	XÃ VINH LỘC			
1855	Đường vào Xóm Rẫy-Thôn Mỹ Cảnh	L=300m, B=2,5m	28	
1856	Đường Xóm Mồ Ô-Thôn Mỹ Cảnh	L=500m, B=2,5m	26	
1857	Đường Xóm chùa-Thôn Mỹ Cảnh	L=360m, B=2,5m, H=3,5m	17	
1858	Đường Xóm ông Mai Khanh-Thôn Mỹ Cảnh	L=375m, B=2,5m, H=3,5m	11	
1859	Đường liên Thôn ông Trần Chóp đến nhà bà Lại-Thôn Nghi Xuân	L=100m, B=2,5m, H=3,5m	15	
1860	Đường liên Thôn từ nhà ông Chóp đến nhà ông Nguyễn Cường-Thôn Nghi Xuân	L=150m, B=3,5m, H=3m	5	
1861	Từ QL49B đến nhà bà Sương Đ3	L=350m, B=2,5m	17	
1862	Từ QL49B đến nhà bà Phú Đ4	L=500m, B=2,5m	18	
1863	Từ siêu thị Tâm An QL49B đến nhà ông Chiến Đ6	L=500m, B=3m	20	
1864	Từ Trường tiểu học Vinh Giang đến nhà bà Tư Đ6	L=400m, B=2,5m	11	
1865	Từ nhà ông Quang Đ5 đến nhà bà Thanh Đ5	L=300m, B=2,5m	12	
1866	Từ nhà ông Thanh Đ1 đến đường Nam Trường 3	L=150m, B=2,5m	7	
1867	Từ nhà ông Lữ Đ5 đến đường Nam Trường 2	L=150m, B=2,5m	10	
1868	Từ nhà ông Nguyễn Đ6 đến đường Nam Trường 2	L=150m, B=2,5m	6	

1869	Từ chùa NT Đ3 đến đường Nam Trường 1	L=150m, B=2,5m	9	
1870	Từ nhà ông Khuynh Đ3 đến đường Nam Trường 1	L=150m, B=2,5m	8	
1871	Từ nhà ông Tăng Đ4 đến nhà ông Tong Đ4	L=200m, B=2,5m	9	
1872	Từ nhà ông Ca Đ1 đến nhà ông Chu Đ1	L=250m, B=2,5m	8	
1873	Từ nhà bà Chuồng Đ1 đến đường Nam Trường 3	L=300m, B=2,5m	11	
1874	Từ nhà ông Hiền Đ2 đến đường Nam Trường 3	L=200m, B=2,5m	10	
1875	Xóm Tầm	L=300m, B=2,5m, H=3m	13	
1876	Xóm Hóc	L=1000m, B=2,5m, H=3m	40	
1877	Xóm Giữa	L=600m, B=2,5m, H=3m	28	
1878	Xóm Mới	L=1200m, B=2,5m, H=3m	37	
1879	Xóm Trên	L=600m, B=2,5m, H=3m	24	
1880	Xóm Biều	L=350 m B=2,5m, H=3m	15	
1881	Từ nhà ông Nguyễn Ngọc Minh đến nhà ông Nguyễn Văn Phong	L=450m, B=2,5m, H=4m	17	
1882	Từ nhà ông Trần Đình Phú đến nhà bà Nguyễn Thị Thúy	L=550m, B=3m, H=3,5m	28	
1883	Từ nhà ông Nguyễn Lệ đến nhà ông Nguyễn Ánh	L=700m, B=2,5m, H=3,5m	35	
1884	Từ nhà ông Lê Xuân Nghệ đến ông Đỗ Hưng	L=1000m, B=3m, H=4m	22	
1885	Từ nhà bà Mai Thị Cẩm đến nhà ông Trần Phú	L=3000m, B=3m, H=4m	62	
1886	Từ nhà ông Trần Lự đến nhà ông Trần An	L=1300m, B=3m, H=4m	43	
1887	Từ nhà ông Trần Văn Phụng đến nhà	L=2200m, B=3m, H=4m	131	

	ông Trần Mau			
1888	Từ nhà ông Trần Trạch đến nhà ông Lê Tỳ	L=1100m, B=3m, H=4m	36	
1889	Từ nhà bà Cái Thị Lạc đến nhà ông Trần Chót	L=2300m, B=3m, H=4m	122	
1890	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Chơi đến nhà ông Nguyễn Huê	L=180m, B=2,5m, H=3m	38	
1891	Tuyến đường từ nhà bà Trần Thị Xảo đến nhà ông Bùi Khán	L=160m, B=3m, H=3m	27	
1892	Tuyến đường từ nhà ông Trần Minh đến nhà ông Phan Mai	L=190m, B=2,5m, H=3m	26	
1893	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Tâm đến nhà ông Văn Hồng	L=210m, B=2,5m, H=3m	34	
1894	Tuyến đường từ nhà ông Hồ Dư đến nhà ông Ngô Quốc Tâm	L=210m, B=2,5m, H=3,5m	25	
1895	Từ chợ Vinh Hiền (cũ) đến chùa Tĩnh Duyên	L=1000m, B=2,5m, H=3m	135	
1896	Từ nhà ông Trần Quang Dũ đến nhà ông Trần Hồng	L=300m, B=2,5m, H=3m	35	
1897	Từ nhà ông Trần Minh Long đến nhà ông Trần Quang Dũ	L=900m, B=2,5m, H=3m	40	
1898	Từ nhà ông Nguyễn Bình đến làng Hà Am	L=250m, B=2,5m, H=3m	15	
1899	Từ nhà ông Trương Quang Phúc đến nhà ông Nguyễn Tiếp	L=220m, B=2,5m, H=3m	17	
1900	Tuyến đường từ Hội chữ thập đỏ Vinh Hiền cũ đến biển Đông Dương, Thôn Đông Dương	L=600m, B=3,5m, H=4m	125	
1901	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Mỗ đến nhà văn hóa Thôn Đông Dương,	L=1000m, B=3m, H=4m	52	

	Thôn Đông Dương			
1902	Từ nhà ông Nguyễn Đe đến nhà bà Nguyễn Thị Sương	L=400m, B=2,5m, H=3,5m	17	
1903	Từ nhà ông Lê Thiện đến nhà ông Nguyễn Văn Nguyễn	L=350m, B=2,5m, H=3,5m	8	
1904	Đường vào cổng chào làng Diêm Trường-Thôn Diêm Trường 2	L=500m, B=2,5m, H=3,5m	13	
1905	Đường từ Quốc lộ 49B vào nhà ông Định-Thôn Diêm Trường 2	L=700m, B=2,5m, H=3,5m	12	
1906	Tuyến đường từ nhà bà Hồ Thị Cúc đến nhà ông Hoàng Cừ, Thôn Phụng Chánh 1	L=200m, B=3m, H=3,5m	14	
1907	Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Thanh Mùi đến nhà bà Nguyễn Thị qua-Thôn Phụng Chánh 1	L=530m, B=3,5m, H=4m	37	
1908	Tuyến đường từ QL 49B (HTX) đến nhà ông Hoàng Tấn Hải-Thôn Phụng Chánh 1	L=535m, B=3,5m, H=5m	24	
1909	Tuyến đường từ nhà ông Hầu Văn Tri đến nhà ông Nguyễn Hiền-Thôn Phụng Chánh 1	L=865m, B=3,5m, H=3,5m	30	
1910	Tuyến đường từ nhà ông Phạm Văn Phúc đến nhà ông Trương Văn Sắ - Thôn Phụng Chánh 1	L=112m, B=3,5m, H=5m	8	
1911	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Đức Sung đến nhà bà Trương Thị Xuân-Thôn Phụng Chánh 1	L=110m, B=2,5m, H=4m	5	
1912	Tuyến đường từ nhà ông Hoàng Nam đến nhà ông Võ Đành-Thôn Phụng Chánh 1	L=400m, B=2,5m, H=3,5m	15	

1913	Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Tuyết đến nhà Nguyễn Thị Dòn-Thôn Phụng Chánh 1	L=192m, B=2,5m, H=3,5m	4	
1914	Tuyến đường từ nhà Lê Như Công đến chợ Phụng Chánh	L= 200m, B=3m, H=4m	30	
1915	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Đức Sửu đến nhà ông Trần Toàn	L= 150m, B=2,5m, H=3m	25	
1916	Tuyến đường từ nhà ông Bùi Thúc Nhẫn đến nhà ông Nguyễn Đức Vinh	L= 300m, B=2,5m, H=4m	30	
1917	Tuyến đường từ nhà ông Văn Viết Năm đến nhà ông Nguyễn Tuế	L= 300m, B=0,5m, H=2,5 - 3,5m	60	
1918	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Uýnh đến nhà ông Nguyễn Huynh	L= 1500m, B=2,5m	50	
1919	Tuyến đường từ nhà ông Trương Xoa đến nhà ông Phan Mới	L= 250m, B=2m	10	
1920	Tuyến đường từ nhà ông Phan Việc đến nhà ông Phan Được	L= 250m, B=2,5m	20	
1921	Tuyến đường từ nhà bà Trần Thị Là đến nhà ông Phan Xuân Toán	L= 300m, B=2,5m	30	
1922	Tuyến đường từ nhà ông Đặng Giác đến nhà ông Phan Giới	L=600m, B=2,5m, H=3,5m	18	
1923	Tuyến đường từ nhà ông Trần Đình Đức đến nhà bà Trần Thị Diễm	L=600m, B=2,5m, H=3,5 m	45	
1924	Tuyến đường từ nhà ông Phạm Tấn Chương đến nhà ông Đỗ Duy Tường	L=400m, B=2,5m, H=3,5m	8	
1925	Tuyến đường từ nhà ông Trần Đình Hoàn đến nhà ông Nguyễn Hùng	L=1000m, B=2,5m, H=3,5m	33	
1926	Tuyến đường từ nhà ông Trần Cường đến nhà thờ họ Trần	L=600m, B=2,5m, H=3,5m	19	
1927	Tuyến đường từ nhà ông Trần Văn	L=1500m, B=2,5m, H=3,5m	42	

	Vinh đến nhà ông Đặng Du			
1928	Đường từ Trường Lâm Mộng Quang đến nhà ông Trần Thái-Thôn 2	L=650m, B=2,5m, H=3m	130	
1929	Đường từ nhà ông Nguyễn Dũng đến nhà ông lại Cọi-Thôn 2	L=500m, B=2,5m, H=3m	60	
1930	Đường từ nhà ông Đoàn Thị Gái đến nhà ông Lại Lan,Thôn 2	L=400m, B=2,5m, H=3m	40	
1931	Tuyến đường từ nhà ông Phan Dũ Hùng đến nhà ông Mai Hồng (chợ Mỹ Lợi)	L=250m, B=2,5m, H=3,5m	30	
1932	Tuyến đường từ nhà ông Phan Xuân Độ đến nhà ông Mai Dũng	L=1500m, B=2,5m	10	
1933	Tuyến đường từ nhà bà Võ Thị Gái đến nhà ông Phạm Văn Chức	L=1500m, B=2,5m	12	
1934	Tuyến đường từ nhà ông Phan Hữu Tài đến nhà ông Vương Năm	L=1700m, B=2,5m	13	
1935	Tuyến đường từ nhà ông Trần Văn Hòa đến nhà bà Huỳnh thị Năn	L=1600m, B=2,5m	9	
1936	Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Oanh đến nhà ông Mai Lợi	L=700m, B=2,5m	7	
1937	Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Tuyết đến nhà bà Trương Thị Thanh	L=700m, B=1,5m	9	
1938	Tuyến đường từ nhà thờ họ Huỳnh đến nhà bà Nguyễn Thị Lạc	L=2500m, B=2,5m	13	
1939	Tuyến đường từ nhà bà Phan Thị Gái đến nhà ông Lê Văn Xí	L=3500m, B=2,5m	32	
1940	Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Hoài đến nhà ông Nguyễn Thái Bình	L=4500m, B=2,5m	28	
1941	Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Tuyết Trăn đến nhà ông Lê Phúc	L=1200m, B=2,5m	11	

1942	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Minh đến nhà bà Nguyễn Thị Xuyên	L=500m, B=1,5m	9	
1943	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Đới đến nhà ông Vương Năm	L=900m, B=2,5m	15	
1944	Tuyến đường từ nhà ông Trần Đức đến nhà ông Lợi	L=400m, B=2,5m	30	
1945	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Trùng đến nhà ông Trần Tuấn	L=450m, B=2,5m	15	
1946	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Khắc Sửu đến nhà ông Mai Đầu	L=700m, B=2,5m, H=3,5m	20	
1947	Tuyến đường từ nhà bà Mai Thị Sen đến nhà ông Trần Quang Phú	L=1000m, B=2,5m	40	
1948	Tuyến đường từ nhà ông Lương Huyền đến nhà ông Cao Toàn	L=500m, B=2,5m	20	
1949	Tuyến đường từ nhà ông Trần Vinh đến nhà bà Đoàn Thị Sen	L=1800m, B=2,5m, H=3,5m	60	
1950	Từ ngã 6 đến nhà ông Đoàn Quốc	L=880m, B=3m, H=2m	140	
1951	Từ nhà ông Nguyễn Kiếm đến nhà bà Lương Thị Bốn	L=600m, B=2,5m, H=3m	60	
1952	Từ nhà ông Nguyễn Kiếm đến giáp Lương Viện	L=1200 m B=2,5m, H=3,5m	70	
1953	Từ ngã 6 đến giáp xã Phú Vinh	L=120m, B=2,5m, H=3m	80	
1954	Từ tỉnh lộ 21 đến nhà ông Trần Trí	L=600m, B=2,5m,	30	
1955	Từ tỉnh lộ 21 đến nhà ông Đoàn Thạnh	L=1600m, B=2,5m	100	
	XÃ PHÚ VINH			
1956	Đường định Cư (Điểm đầu: Phá Tam Giang, Điểm cuối: Trầm Niên)	L=1500m, B=4m, H=4,5m	65	
1957	Đường hoang mộ (Điểm đầu: Trường Mầm non, Điểm cuối: Dương Chí Hạ)	L=1200m, B=4m, H=4,5m	50	
1958	Đường Mẫu giáo Thôn 1 (Điểm đầu:	L=550m, B=4m, H=4,5m	25	

	Quốc lộ 49B, Điểm cuối: Trầm Niên)			
1959	Đường dân cư Thôn 2 ngoài (Điểm đầu: Tỉnh lộ 18, Điểm cuối: Đường đắp)	L=600m, B=3m, H=4,5m	26	
1960	Đường dân cư Thôn 2 Trong (Điểm đầu: Tỉnh lộ 18, Điểm cuối: Đường đắp)	L=400m, B=3m, H=4,5m	22	
1961	Đường Xóm làng định Cư (Điểm đầu: Tỉnh lộ 18, Điểm cuối: Nguyễn Viêm)	L=450m, B=4m, H=4,5m	19	
1962	Đường dân cư Thôn 4 (Điểm đầu: Đường Kiến thiết, Điểm cuối: Đường Đồng Vại)	L=750m, B=4m, H=4,5m	29	
1963	Đường ông Mừng (Điểm đầu: Đường Nội thị 3, Điểm cuối: Trầm niên)	L=170m, B=4m, H=4,5m	16	
1964	Đường ông Thực (Điểm đầu: Đường Nội thị 3, Điểm cuối: Dương Chí Thực)	L=750m, B=3m, H=4,5m	27	
1965	Đường ông Đành (Điểm đầu: Hồ Khuyên, Điểm cuối: Nguyễn Thị Xê)	L=350m, B=4m, H=4,5m	24	
1966	Thôn 01 (Điểm đầu: Đường cận mốc, Điểm cuối: Khe mốc)	L=120m, B=3m, H=4,5m	13	
1967	Thôn 01 (Điểm đầu: Đường cận mốc, Điểm cuối: Nhà thờ họ Võ)	L=100m, B=3m, H=4,5m	11	
1968	Thôn 01 (Điểm đầu: Đường miếu Xóm; Điểm cuối: Võ Thị Tảo)	L=200m, B=3m, H=4,5m	20	
1969	Thôn 01 (Điểm đầu: Đường tỉnh lộ 18, Điểm cuối: Đường mới Thôn 1)	L=100m, B=3m, H=4,5m	10	
1970	Thôn 01 (Điểm đầu: ông Thiệu, Điểm cuối: ông Mạnh)	L=200m, B=3m, H=4,5m	19	
1971	Thôn 01 (Điểm đầu: Ông Bình, Điểm cuối: Ông Tây)	L=200m, B=3m, H=4,5m	18	
1972	Thôn 01 (Điểm đầu: Ông Vân, Điểm cuối: Ông Phúc)	L=200m, B=3m, H=4,5m	21	

1973	Thôn 01 (Điểm đầu: Ông Tài, Điểm cuối: Bà Bẹ)	L=150m, B=3m, H=4,5m	14	
1974	Thôn 01 (Điểm đầu: Ông Thật, Điểm cuối: Ông Thắng)	L=100m, B=2.5m, H=4,5m	9	
1975	Thôn 01 (Điểm đầu: QL 49B, Điểm cuối: Hồ tôm xã Vinh Xuân)	L=560m, B=3.5m, H=4,5m	26	
1976	Thôn 02 (Điểm đầu: Đường đắp, Điểm cuối: Trần Thanh Hùng)	L=100m, B=3m, H=4,5m	12	
1977	Thôn 02 (Điểm đầu: Quốc lộ 49B, Điểm cuối: Đường kiến thiết)	L=300m, B=3m, H=4,5m	15	
1978	Thôn 02 (Điểm đầu: ông Bửu, Điểm cuối: Ông Kiến)	L=200m, B=2.5m, H=4,5m	14	
1979	Thôn 02 (Điểm đầu: QL 49B, Điểm cuối: ông Mạnh)	L=200m, B=2.5m, H=4,5m	13	
1980	Thôn 02 (Điểm đầu: ông Dũng, Điểm cuối: ông Ly)	L=500m, B=3m, H=4,5m	21	
1981	Thôn 02 (Điểm đầu: bà Chuông, Điểm cuối: ông Lý)	L=200m, B=3m, H=4,5m	16	
1982	Thôn 02 (Điểm đầu: bà chuông, Điểm cuối: ông Thuận)	L=150m, B=3m, H=4,5m	14	
1983	Thôn 02 (Điểm đầu: ông Linh, Điểm cuối: đường Mệ Toàn)	L=300m, B=3m, H=4,5m	17	
1984	Thôn 02 (Điểm đầu: ông Phúc, Điểm cuối: ông Hùng)	L=200m, B=3m, H=4,5m	16	
1985	Thôn 03 (Điểm đầu: TL 18, Điểm cuối: ông Khê (Sông Đầm))	L=500m, B=3m, H=4,5m	105	
1986	Thôn 03 (Điểm đầu: QL 49B, Điểm cuối: Đình làng Hà Thanh)	L=400m, B=3m, H=4,5m	15	
1987	Thôn 03 (Điểm đầu: ông Tài, Điểm cuối: Hồ Tôm Đồng Cùg)	L=300m, B=2.5m, H=4,5m	24	

1988	Thôn 03 (Điểm đầu: ông Tuất, Điểm cuối: Hồ Tôm Đồng Cùg)	L=300m, B=2.5m, H=4,5m	17	
1989	Thôn 03 (Điểm đầu: QL49B, Điểm cuối: ông Banh)	L=250m, B=3m, H=4,5m	25	
1990	Thôn 03 (Điểm đầu: ông Khánh, Điểm cuối: Nội Thị 05)	L=250m, B=3m, H=4,5m	27	
1991	Thôn 03 (Điểm đầu: ông Hoàng, Điểm cuối: ông Sơn)	L=200m, B=3m, H=4,5m	15	
1992	Thôn 03 (Điểm đầu: ông Sinh , Điểm cuối: ông Cường)	L=200m, B=2.5m, H=4,5m	13	
1993	Thôn 03 (Điểm đầu: ông Tuy, Điểm cuối: NT 03)	L=300m, B=3m, H=4,5m	17	
1994	Thôn 03 (Điểm đầu: QL 49B, Điểm cuối: bà Thọ)	L=200m, B=3m, H=4,5m	28	
1995	Thôn 03 (Điểm đầu: ông Tài, Điểm cuối: NT 03)	L=300m, B=3m, H=4,5m	30	
1996	Thôn 03 (Điểm đầu: ông Liêm; Điểm cuối: NT 03)	L=300m, B=3m, H=4,5m	32	
1997	Thôn 03 (Điểm đầu: Quán Sơn Thủy, Điểm cuối: nhà ông Là)	L=200m, B=3m, H=4,5m	16	
1998	Thôn 03 (Điểm đầu: Đường Nội thị 1, Điểm cuối: Đường đắp)	L=200m, B=2.5m, H=4,5m	19	
1999	Thôn 03 (Điểm đầu: Đường mù Ngái, Điểm cuối: Nguyễn Văn Túy)	L=250m, B=3m, H=4,5m	17	
2000	Thôn 03 (Điểm đầu: Trần Khuê, Điểm cuối: Lê Bá Hùng)	L=300m, B=2m, H=4,5m	58	
2001	Thôn 03 (Điểm đầu: Đình chợ, Điểm cuối: Chợ cá)	L=200m, B=2m, H=4,5m	44	
2002	Thôn 03 (Điểm đầu: ông Châu, Điểm cuối: ông Mô)	L=300m, B=3m, H=4,5m	18	

2003	Thôn 04 (Điểm đầu: ông Xoài, Điểm cuối: ông Khôi)	L=400m, B=3m, H=4,5m	20	
2004	Thôn 04 (Điểm đầu: bà Tánh, Điểm cuối: ông Cường)	L=300m, B=3m, H=4,5m	22	
2005	Thôn 04 (Điểm đầu: bà Điều, Điểm cuối: ông Thứ)	L=200m, B=3m, H=4,5m	21	
2006	Thôn 04 (Điểm đầu: ông Năm; Điểm cuối: ông Mạnh)	L=300m, B=3m, H=4,5m	20	
2007	Thôn 04 (Điểm đầu: ông Mạnh, Điểm cuối: bà Mộng)	L=200m, B=3m, H=4,5m	22	
2008	Thôn 04 (Điểm đầu: ông Hùng, Điểm cuối: bà Bồng)	L=300m, B=3m, H=4,5m	23	
2009	Thôn 04 (Điểm đầu: ông Mạnh, Điểm cuối: ông Hợp)	L=300m, B=3m, H=4,5m	21	
2010	Thôn 04 (Điểm đầu: bà Ánh, Điểm cuối: bà Hoàng)	L=300m, B=3m, H=4,5m	20	
2011	Thôn 04 (Điểm đầu: ông Tấn, Điểm cuối: ông Phỉ)	L=100m, B=3m, H=4,5m	13	
2012	Thôn 04 (Điểm đầu: ông Khiết, Điểm cuối: ông Hoài)	L=350m, B=3m, H=4,5m	26	
2013	Thôn 04 (Điểm đầu: bà Thủy, Điểm cuối: ông Hợp)	L=350m, B=3m, H=4,5m	27	
2014	Thôn 04 (Điểm đầu: Đường kiến thiết, Điểm cuối: Đường hoang mộ)	L=200m, B=3m, H=4,5m	15	
2015	Thôn 04 (Điểm đầu: Đường kiến thiết, Điểm cuối: Dương Chí Bính)	L=150, B=4, H=4,5m	28	
2016	Thôn 04 (Điểm đầu: Quốc lộ 49B, Điểm cuối: Đường đắp)	L=330m, B=3m, H=4,5m	30	
2017	Thôn 04 (Điểm đầu: Đường mộ Toàn, Điểm cuối: Nguyễn Thị Minh)	L=200m, B=2.5m, H=4,5m	15	

2018	Thôn 05 (Điểm đầu: QL 49B, Điểm cuối: bà Hoa)	L=550m, B=3m, H=4,5m	30	
2019	Thôn 05 (Điểm đầu: ông Mười, Điểm cuối: bà Phúc)	L=150m, B=3m, H=4,5m	16	
2020	Thôn 05 (Điểm đầu: ông Thật, Điểm cuối: Hồ Tám Đông AM)	L=300m, B=3m, H=4,5m	22	
2021	Thôn 05 (Điểm đầu: ông Sớ, Điểm cuối: ông Sơn)	L=500m, B=3m, H=4,5m	29	
2022	Thôn 05 (Điểm đầu: ông Minh, Điểm cuối: ông Đức)	L=300m, B=3m, H=4,5m	22	
2023	Thôn 05 (Điểm đầu: Quốc lộ 49B, Điểm cuối: Nguyễn Ánh)	L=300m, B=3m, H=4,5m	21	
2024	Thôn 05 (Điểm đầu: Quốc lộ 49B, Điểm cuối: Huỳnh Thanh)	L=300m, B=3m, H=4,5m	21	
2025	Thôn 05 (Điểm đầu: Quốc lộ 49B, Điểm cuối: Nguyễn Văn Sơn)	L=850m, B=3m, H=4,5m	27	
2026	Thôn 05 (Điểm đầu: Quốc lộ 49B, Điểm cuối: Trần Thị Hoa)	L=550m, B=3m, H=4,5m	28	
2027	Thôn 05 (Điểm đầu: Quốc lộ 49B, Điểm cuối: Nguyễn Tường)	L=300m, B=3m, H=4,5m	26	
2028	Thôn 06 (Điểm đầu: ông Bính, Điểm cuối: ông Kề)	L=500m, B=3m, H=4,5m	27	
2029	Thôn 06 (Điểm đầu: Nhà văn hoá Thôn 06, Điểm cuối: ông Thúc)	L=300m, B=3m, H=4,5m	9	
2030	Thôn 06 (Điểm đầu: ông Hải, Điểm cuối: ông Hoá)	L=300m, B=3m, H=4,5m	14	
2031	Thôn 06 (Điểm đầu: ông Luyến, Điểm cuối: ông Chiến)	L=250m, B=2.5m, H=4,5m	4	
2032	Thôn 06 (Điểm đầu: ông Thịnh, Điểm cuối: ông Mạ)	L=200m, B=3m, H=4,5m	9	

2033	Thôn 06 (Điểm đầu: ông Kinh, Điểm cuối: ông Mãi)	L=200m, B=3m, H=4,5m	11	
2034	Thôn 06 (Điểm đầu: TL18, Điểm cuối: Đồn Biên Phòng)	L=250m, B=2.5m, H=4,5m	0	
2035	Thôn 06 (Điểm đầu: ông Luận, Điểm cuối: ông Sang)	L=200m, B=3m, H=4,5m	7	
2036	Thôn 06 (Điểm đầu: ông Lễ, Điểm cuối: ông Tính)	L=350m, B=2.5m, H=4,5m	12	
2037	Thôn 04 (Điểm đầu: bà Mỹ, Điểm cuối: ông Hứa)	L=250m, B=3m, H=4,5m	7	
2038	Thôn 05 (Điểm đầu: QL49B, Điểm cuối: ông Thanh)	L=250m, B=3m, H=4,5m	7	
2039	Thôn 05 (Điểm đầu: ông Thịnh, Điểm cuối: bà Thanh)	L=300m, B=3m, H=4,5m	7	
2040	Thôn 06 (Điểm đầu: ông Thay, Điểm cuối: ông Liêm)	L=300m, B=3m, H=4,5m	6	
2041	Thôn 1 (Điểm đầu: nhà ông Hồ Ôn, Điểm cuối: Cơ sở sản xuất phân Hữu cơ Tuấn Trương)	L=280m, B=4m, H=4,5m	5	
2042	Thôn 1 (Điểm đầu: Đường mộ Toàn, Điểm cuối: Nguyễn Công Định)	L=200m, B=4m, H=4,5m	6	
2043	Thôn 1 (Điểm đầu: Bà Tảo, Điểm cuối: ông Chua)	L=100m, B=3m, H=4,5m	17	
2044	Thôn 1 (Điểm đầu: QL 49B, Điểm cuối: Nhà thờ họ Huỳnh)	L=200m, B=3m, H=4,5m	12	
2045	Thôn 2 (Điểm đầu: Ông Phương, Điểm cuối: Ông Niệm)	L=200m, B=2.5m, H=4,5m	5	
2046	Thôn 2 (Điểm đầu: QL 49B, Điểm cuối: ông Ánh)	L=300m, B=2.5m, H=4,5m	16	
2047	Thôn 2 (Điểm đầu: ông Anh, Điểm cuối: ông Anh)	L=350m, B=3m, H=4,5m	14	

	ông Hiền)			
2048	Thôn 2 (Điểm đầu: ông Nhuận, Điểm cuối: bà Nga)	L=200m, B=3m, H=4,5m	12	
2049	Thôn 2 (Điểm đầu: nhà bà Nguyễn Thị Nga, Điểm cuối: nhà ông Nguyễn Xuân Dung)	L=750m, B=3m, H=4,5m	19	
2050	Thôn 2 (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Văn Phước, Điểm cuối: nhà bà Dung Thị Xuân)	L=200m, B=3m, H=4,5m	22	
2051	Thôn 3 (Điểm đầu: ông Thương, Điểm cuối: ông Hiền)	L=300m, B=2.5m, H=4,5m	23	
2052	Thôn 4 (Điểm đầu: ông Lợi , Điểm cuối: ông Linh)	L=250m, B=3m, H=4,5m	22	
2053	Thôn 4 (Điểm đầu: ông Hậu, Điểm cuối: ông Sơn)	L=300m, B=3m, H=4,5m	21	
2054	Thôn 4 (Điểm đầu: ông Cải, Điểm cuối: ông Kháng)	L=150m, B=3m, H=4,5m	17	
2055	Thôn 4 (Điểm đầu: Đường kiến thiết, Điểm cuối: Nhà văn hóa Thôn 4)	L=320m, B=3m, H=4,5m	24	
2056	Thôn 4 (Điểm đầu: Đường kiến thiết, Điểm cuối: nhà Dương Chí Bình)	L=500m, B=3m, H=4,5m	29	
2057	Thôn 5 (Điểm đầu: QL49B, Điểm cuối: ông Tâm)	L=250m, B=3m, H=4,5m	21	
2058	Thôn 5 (Điểm đầu: ông Sáng, Điểm cuối: ông Kham)	L=300m, B=2.5m, H=4,5m	24	
2059	Thôn 5 (Điểm đầu: Nhà ông Hồ Minh Thịnh, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Chín)	L=330m, B=2.5m, H=4,5m	28	
2060	Thôn 5 (Điểm đầu: Nhà bà Huỳnh Thị Lệ, Điểm cuối: nhà ông Huỳnh Ngọc Đông)	L=150m, B=2.5m, H=4,5m	14	
2061	Thôn 5 (Điểm đầu: Nhà ông Hồ Văn Sơn,	L=180m, B=2.5m, H=4,5m	16	

	Điểm cuối: Nhà ông Hồ Văn Khôi)			
2062	Thôn 6 (Điểm đầu: ông Sinh, Điểm cuối: bà Luật)	L=100m, B=2.5m, H=4,5m	15	
2063	Thôn 6 (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Văn Thịnh, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Văn Hải)	L=180m, B=2.5m, H=4,5m	18	
2064	Thôn 6 (Điểm đầu: Nhà ông Huỳnh văn Su, Điểm cuối: Nhà ông Phan Văn Khoét)	L=191m, B=2.5m, H=4,5m	19	
2065	Thôn 6 (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Văn Thành , Điểm cuối: nhà ông Nguyễn Văn Hòa)	L=194m, B=2.5m, H=4,5m	13	
2066	Thôn 6 (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Công Phà, Điểm cuối: Nhà ông Đào Văn Tỷ)	L=110m, B=2.5m, H=4,5m	11	
2067	Thôn 6 (Điểm đầu: Nhà ông Huỳnh Dũng, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Công Thành)	L=320m, B=2.5m, H=4,5m	23	
2068	Thôn 6 (Điểm đầu: Nhà ông Đỗ Mãi, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Công Chinh)	L=250m, B=2.5m, H=4,5m	21	
2069	Thôn 6 (Điểm đầu: Nhà ông Trần Hà, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Công Thành)	L=140m, B=2.5m, H=4,5m	12	
2070	Đường trục liên Thôn Mai Vĩnh - Xuân Thiên Hạ (Điểm đầu: Đình làng Mai Vĩnh, Điểm cuối: Cầu mốc giáp Vĩnh Thanh)	L=5447m, B=3m, H=4,5m	270	
2071	Đường trục liên Xóm Thôn Khánh Mỹ (Điểm đầu: Nhà ông Tô Ngọc Sang, Điểm cuối: Nhà ông Trương Công Muôn)	L=353m, B=3m, H=4,5m	26	
2072	Đường trục liên Xóm Thôn Xuân Thiên Thượng (Điểm đầu: Nhà ông Lê Văn Chung, Điểm cuối: Nhà bà Trần Thị Tơ)	L=625m, B=3m, H=4,5m	29	
2073	Đường trục liên Xóm Thôn Tân Sa	L=700m, B=3m, H=4,5m	31	

	(Điểm đầu: Đình làng Tân Sa, Điểm cuối: Nhà ông Trần Ky)			
2074	Đường trục Thôn Mai Vĩnh (Điểm đầu: Nhà ông Trần Văn Cu, Điểm cuối: Nhà bà Lê Thị Hương)	L=70m, B=3m, H=4,5m	33	
2075	Đường trục Thôn Mai Vĩnh (Điểm đầu: Nhà bà Tô Thị Chắc, Điểm cuối: Nhà ông Tô Thái Dũng)	L=85m, B=3m, H=4,5m	5	
2076	Đường trục Thôn Mai Vĩnh (Điểm đầu: Nhà bà Phạm Thị Dừng, Điểm cuối: Nhà ông Tô Ngọc Thành)	L=90m, B=3m, H=4,5m	8	
2077	Đường trục Thôn Mai Vĩnh (Điểm đầu: Nhà ông Tô Tót, Điểm cuối: Nhà bà Lê Thị Thanh)	L=100m, B=3m, H=4,5m	9	
2078	Đường trục Thôn Mai Vĩnh (Điểm đầu: Nhà bà Phan Thị Tâm; Điểm cuối: Nhà ông Tô Thế)	L=105m, B=3m, H=4,5m	9	
2079	Đường trục Thôn Mai Vĩnh (Điểm đầu: Nhà ông Tô Đạt, Điểm cuối: Nhà ông Phan Phước Xuân)	L=120m, B=3m, H=4,5m	12	
2080	Đường trục Thôn Mai Vĩnh (Điểm đầu: Nhà ông Phạm Hiệp, Điểm cuối: Nhà ông Tô Ngọc Sang)	L=110m, B=3m, H=4,5m	5	
2081	Đường trục Thôn Mai Vĩnh (Điểm đầu: Nhà ông Tô Ngọc Thành, Điểm cuối: Nhà ông Tô Trường Từ)	L=350m, B=3m, H=4,5m	30	
2082	Đường trục Thôn Khánh Mỹ (Điểm đầu: Nhà thờ họ Trương Văn, Điểm cuối: Nhà ông Đinh Khắc Nhuận)	L=325m, B=3m, H=4,5m	15	
2083	Đường trục Thôn Khánh Mỹ (Điểm đầu:	L=80m, B=3m, H=4,5m	4	

	Nhà ông Nguyễn Vy, Điểm cuối: Nhà ông Trương Công Út)			
2084	Đường trục Thôn Khánh Mỹ (Điểm đầu: Nhà ông Trương Công Tới, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Văn Hành)	L=235m, B=3m, H=4,5m	12	
2085	Đường trục Thôn Khánh Mỹ (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Phước Thành, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Đăng Viên)	L=175m, B=3m, H=4,5m	9	
2086	Đường trục Thôn Khánh Mỹ (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Lạp, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Dinh)	L=150m, B=3m, H=4,5m	6	
2087	Đường trục Thôn Khánh Mỹ (Điểm đầu: Nhà thờ họ Nguyễn Phước, Điểm cuối: Nhà ông Trương Công Quang)	L=80m, B=3m, H=4,5m	4	
2088	Đường trục Thôn Khánh Mỹ (Điểm đầu: Nhà ông Trương Công Huyền, Điểm cuối: Nhà bà Trần Thị Sen)	L=70m, B=3m, H=4,5m	5	
2089	Đường trục Thôn Khánh Mỹ (Điểm đầu: Nhà ông Trương Công Thi, Điểm cuối: Nhà bà Trần Thị Sâm)	L=70m, B=3m, H=4,5m	5	
2090	Đường trục Thôn Khánh Mỹ (Điểm đầu: Nhà thờ họ Nguyễn Văn, Điểm cuối: Nhà bà Đỗ Thị Thúy)	L=70m, B=3m, H=4,5m	17	
2091	Đường trục Thôn Khánh Mỹ (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Chánh, Điểm cuối: Nhà ông Trương Công Định)	L=80m, B=3m, H=4,5m	3	
2092	Đường trục Thôn Khánh Mỹ (Điểm đầu: Nhà ông Trương Công Định, Điểm cuối: Nhà ông Trương Công Đề)	L=155m, B=3m, H=4,5m	6	
2093	Đường trục Thôn Khánh Mỹ (Điểm đầu:	L=700m, B=3,m H=4,5m	7	

	Nhà ông Nguyễn Văn La, Điểm cuối: Đi tằm)			
2094	Đường trục Thôn Tân Sa (Điểm đầu: Niệm phật đường Tân Sa, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Văn Ty)	L=150m, B=3m, H=4,5m	8	
2095	Đường trục Thôn Tân Sa (Điểm đầu: Nhà ông La Minh, Điểm cuối: Nhà ông Trương Văn Tuyền)	L=200m, B=3m, H=4,5m	13	
2096	Đường trục Thôn Tân Sa (Điểm đầu: Nhà thờ nhánh Tư họ Trần Ba, Điểm cuối: Nhà ông Trương Năm)	L=180m, B=3,m H=4,5m	7	
2097	Đường trục Thôn Tân Sa (Điểm đầu: Nhà ông Trương Công Trứ, Điểm cuối: Nhà ông Trương Dịch)	L=220m, B=3m, H=4,5m	20	
2098	Đường trục Thôn Tân Sa (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Vũ Duy, Điểm cuối: Nhà ông Trần Văn Ưu - ra tằm)	L=750m, B=3m, H=4,5m	21	
2099	Đường trục Thôn Tân Sa (Điểm đầu: Nhà thờ họ Trần Ba, Điểm cuối: Nhà ông Phan Mạnh Linh)	L=255m, B=3m, H=4,5m	13	
2100	Đường trục Thôn Tân Sa (Điểm đầu: Nhà thờ họ Trần Ba, Điểm cuối: Nhà ông Trần Văn Đê)	L=160m, B=3m, H=4,5m	12	
2101	Đường trục Thôn Tân Sa (Điểm đầu: Nhà ông Trần Văn Trang, Điểm cuối: Nhà ông Phạm Định)	L=290m, B=3m, H=4,5m	18	
2102	Đường trục Thôn Tân Sa (Điểm đầu: Nhà ông Trần Thanh Tuấn, Điểm cuối: Nhà bà Trần Thị Lành)	L=250m, B=3m, H=4,5m	13	
2103	Đường trục Thôn Tân Sa (Điểm đầu: Nhà	L=180m, B=3m, H=4,5m	13	

	ông Trần Văn Quý, Điểm cuối: Nhà bà Phan Thị Châu)			
2104	Đường trục Thôn Tân Sa (Điểm đầu: Nhà ông Trần Cây, Điểm cuối: ra tắm)	L=700m, B=3m, H=4,5m	11	
2105	Đường trục Thôn Kế Võ (Điểm đầu: Đình làng Kế Võ, Điểm cuối: Nhà thờ họ Trần)	L=300m, B=3m, H=4,5m	10	
2106	Đường trục Thôn Kế Võ (Điểm đầu: Quốc lộ 49B, Điểm cuối: Hoàng Thuấn)	L=174,m B=3m, H=4,5m	13	
2107	Đường trục Thôn Kế Võ (Điểm đầu: Nhà văn hóa Thôn Kế Võ , Điểm cuối: Nhà ông Trần Sao)	L=180m, B=3m, H=4,5m	8	
2108	Đường trục Thôn Kế Võ (Điểm đầu: Quốc lộ 49B , Điểm cuối: Hoàng Thanh)	L=136m, B=3m, H=4,5m	8	
2109	Đường trục Thôn Kế Võ (Điểm đầu: Niệm phật đường Kế Võ, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Văn A)	L=135m, B=3m, H=4,5m	3	
2110	Đường trục Thôn Kế Võ (Điểm đầu: QL 49b, Điểm cuối: Nhà bà Nguyễn Thị Lan)	L=143m, B=3m, H=4,5m	13	
2111	Đường trục Thôn Kế Võ (Điểm đầu: Họ Nguyễn Duy, Điểm cuối: Nhà ông Phạm Năm)	L=133m, B=3m, H=4,5m	9	
2112	Đường trục Thôn Kế Võ (Điểm đầu: Họ Nguyễn Viết, Điểm cuối: Nhà ông Đinh Men)	L=133m, B=3m, H=4,5m	5	
2113	Đường trục Thôn Kế Võ (Điểm đầu: Quốc lộ 49B , Điểm cuối: Nhà ông Phạm Xước)	L=105m, B=3m, H=4,5m	7	
2114	Đường trục Thôn Kế Võ (Điểm đầu: Họ	L=112m, B=3m, H=4,5m	5	

	Nguyễn Đăng, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Thuận)			
2115	Đường trục Thôn Kế Võ (Điểm đầu: Nhà ông Đinh Khắc Bồn, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Truyền)	L=135m, B=3m, H=4,5m	10	
2116	Đường trục Thôn Kế Võ (Điểm đầu: Nhà bà Trần Thị Nai, Điểm cuối: Nhà ông Phạm Cà)	L=146m, B=3m, H=4,5m	12	
2117	Đường trục Thôn Kế Võ (Điểm đầu: QL 49B, Điểm cuối: Nhà bà Tô Thị Tiến)	L=150m, B=3m, H=4,5m	2	
2118	Đường trục Thôn Kế Võ (Điểm đầu: Nhà Bà Tô Thị Tiến, Điểm cuối: Biển Kế Võ)	L=2000m, B=3m, H=4,5m	0	
2119	Đường trục Thôn Xuân Thiên Thượng (Điểm đầu: Nhà bà Phạm Thị Lệ, Điểm cuối: Nhà ông Phạm Diện)	L=150m, B=3m, H=4,5m	11	
2120	Đường trục Thôn Xuân Thiên Thượng (Điểm đầu: Nhà ông Trần Xuân Lý, Điểm cuối: Nhà ông Lê Thám)	L=155m, B=3m, H=4,5m	13	
2121	Đường trục Thôn Xuân Thiên Thượng (Điểm đầu: Nhà bà Trương Thị Lục, Điểm cuối: Nhà ông Hồ Ngoãn)	L=155m, B=3m, H=4,5m	14	
2122	Đường trục Thôn Xuân Thiên Thượng (Điểm đầu: Nhà ông Phạm Liêm; Điểm cuối: Nhà ông Lê Thao)	L=151m, B=3m, H=4,5m	15	
2123	Đường trục Thôn Xuân Thiên Thượng (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Hữu Du, Điểm cuối: ra tầm)	L=455m, B=3m, H=4,5m	21	
2124	Đường trục Thôn Xuân Thiên Thượng (Điểm đầu: Nhà ông Lê Bôi, Điểm cuối: Nhà ông Phạm Khuôn)	L=91m, B=3m, H=4,5m	10	

2125	Đường trục Thôn Xuân Thiên Thượng (Điểm đầu: Hộ Lê Chung, Điểm cuối: Nhà ông Lê Lợi)	L=174m, B=3m, H=4,5m	18	
2126	Đường trục Thôn Xuân Thiên Thượng (Điểm đầu: Nhà ông Trần Kinh, Điểm cuối: Nhà ông Lê Thúc)	L=190m, B=3m, H=4,5m	19	
2127	Đường trục Thôn Xuân Thiên Thượng (Điểm đầu: Nhà ông Lê Thường, Điểm cuối: Nhà ông Lê Thơ)	L=150m, B=3m, H=4,5m	14	
2128	Đường trục Thôn Xuân Thiên Thượng (Điểm đầu: Nhà ông Phạm Đình Hộ, Điểm cuối: Nhà ông Phạm Long)	L=70m, B=3m, H=4,5m	8	
2129	Đường trục Thôn Xuân Thiên Thượng (Điểm đầu: Nhà bà Hoàng Thị Phụ, Điểm cuối: Hộ Trần Công Khuân)	L=187m, B=3m, H=4,5m	19	
2130	Đường trục Thôn Xuân Thiên Thượng (Điểm đầu: Nhà ông Võ Văn Chiếu, Điểm cuối: Nhà văn hóa Thôn Xuân Thiên Thượng - ra tầm)	L=687m, B=3m, H=4,5m	26	
2131	Đường trục Thôn Xuân Thiên Thượng (Điểm đầu: Nhà ông Trần Thị Lùng, Điểm cuối: Nhà ông Võ Đỗ)	L=234m, B=3m, H=4,5m	18	
2132	Đường trục Thôn Xuân Thiên Thượng (Điểm đầu: Nhà ông Võ Đoàn, Điểm cuối: Nhà ông Lê Hiệp(Diệp))	L=266m, B=3m, H=4,5m	16	
2133	Đường trục Thôn Xuân Thiên Thượng (Điểm đầu: Nhà bà Lê Thị Kê, Điểm cuối: Nhà ông Hoàng Xuân Vệ - ra tầm)	L=662m, B=3m, H=4,5m	27	
2134	Đường trục Thôn Xuân Thiên Thượng (Điểm đầu: Nhà ông Trần Khả, Điểm	L=187m, B=3m, H=4,5m	16	

	cuối: Nhà bà Phaạm Thị Quy)			
2135	Đường trục Thôn Xuân Thiên Thượng (Điểm đầu: Nhà thờ Họ Lê, Điểm cuối: Nhà ông Phạm Sinh)	L=178m, B=3m, H=4,5m	15	
2136	Đường trục Thôn Xuân Thiên Thượng (Điểm đầu: Nhà ông Phạm Phổ, Điểm cuối: Nhà bà Lê Thị Dường)	L=192m, B=3m, H=4,5m	19	
2137	Đường trục Thôn Xuân Thiên Thượng (Điểm đầu: QL 49B, Điểm cuối: Đường liên Thôn)	L=170m, B=3m, H=4,5m	14	
2138	Đường trục Thôn Xuân Thiên Hạ (Điểm đầu: Quốc lộ 49B , Điểm cuối: Nhà ông Võ Thận)	L=212m, B=3m, H=4,5m	18	
2139	Đường trục Thôn Xuân Thiên Hạ (Điểm đầu: Nhà ông Phạm Minh Toàn, Điểm cuối: Nhà ông Võ Minh Thủ)	L=261m, B=3m, H=4,5m	16	
2140	Đường trục Thôn Xuân Thiên Hạ (Điểm đầu: Nhà ông Phạm Xuân Thái, Điểm cuối: Nhà ông Võ Ngọc Lọng)	L=235m, B=3m, H=4,5m	18	
2141	Đường trục Thôn Xuân Thiên Hạ (Điểm đầu: Nhà ông Võ Diếp, Điểm cuối: Nhà ông Võ Minh Châu)	L=650m, B=3m, H=4,5m	15	
2142	Đường trục Thôn Xuân Thiên Hạ (Điểm đầu: Nhà ông Trần Thành, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Tiềm)	L=252m, B=3m, H=4,5m	21	
2143	Đường trục Thôn Xuân Thiên Hạ (Điểm đầu: Nhà ông Phạm Văn Thảo, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Hà)	L=983m, B=3m, H=4,5m	30	
2144	Đường trục Thôn Xuân Thiên Hạ (Điểm đầu: Nhà ông Võ Quý, Điểm cuối:	L=350m, B=3m, H=4,5m	22	

	Nhà ông Lê Văn Xương)			
2145	Đường trục Thôn Xuân Thiên Hạ (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Khắc Phương, Điểm cuối: Nhà ông Phạm Văn Tùng)	L=216m, B=3m, H=4,5m	19	
2146	Đường trục Thôn Xuân Thiên Hạ (Điểm đầu: Nhà bà Phạm Thị Tuyết, Điểm cuối: Nhà bà Phạm Thị Tồn)	L=253m, B=3m, H=4,5m	18	
2147	Đường trục Thôn Xuân Thiên Hạ (Điểm đầu: Nhà ông Phạm Hiệp, Điểm cuối: Nhà bà Võ Thị Tình)	L=245m, B=3m, H=4,5m	19	
2148	Đường trục Thôn Xuân Thiên Hạ (Điểm đầu: Nhà ông Phạm Thanh Tuấn, Điểm cuối: Nhà ông Phạm Quang)	L=421m, B=3m, H=4,5m	21	
2149	Đường trục Thôn Xuân Thiên Hạ (Điểm đầu: Nhà bà Võ Thị Xí, Điểm cuối: Nhà ông Võ Phi)	L=291m, B=3m, H=4,5m	19	
2150	Đường trục Thôn Xuân Thiên Hạ (Điểm đầu: Nhà bà Đinh Thị Gái, Điểm cuối: giáp Vinh Thanh)	L=500m, B=3m, H=4,5m	22	
2151	Đường trục Thôn Xuân Thiên Hạ (Điểm đầu: Nhà ông Võ Văn Đệ, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Quế)	L=369m, B=3m, H=4,5m	19	
2152	Đường Thôn (Điểm đầu: Phan Lộc, Điểm cuối: Khu NTTS Hà Úc 2)	L=1500m, B=3m, H=4,5m	29	
2153	Đường Thôn (Điểm đầu: Khu NTTS Hà Úc 4, Điểm cuối: Nguyễn Ngợi Hà Úc 4)	L=1400m, B=3m, H=4,5m	28	
2154	Đường Thôn (Điểm đầu: nhà ông Thứ Lợi, Điểm cuối: Biển An Mỹ)	L=2000m, B=3m, H=4,5m	32	
2155	Đường Thôn (Điểm đầu: nhà ông Lê Giác,	L=1500m, B=3m, H=4,5m	26	

	Điểm cuối: Biên Đ.Hải)			
2156	Đường Thôn (Điểm đầu: Ông Hoàng Kháng, Điểm cuối: Biên T.Hải)	L=1600m, B=3m, H=4,5m	21	
2157	Đường Thôn (Điểm đầu: nhà ông Lương Vinh Thôn Hà Úc 1, Điểm cuối: nhà bà Trần Thị Hạnh Thôn Hà Úc 1)	L=324,3m, B=3m, H=4,5m	29	
2158	Đường Thôn (Điểm đầu: Nhà văn hóa Thôn Bắc Thượng, Điểm cuối: Thôn Hà Úc 3 giáp Vinh Thanh)	L=1600m, B=3.5m, H=4,5m	11	
2159	Đường Thôn (Điểm đầu: Nhà bà Võ Thị Doái Hà Úc 4, Điểm cuối: QL 49B)	L=710m, B=3m, H=4,5m	18	
2160	Đường nội đồng (Điểm đầu: QL 49 B, Điểm cuối: Chợ cũ Hà Úc 4)	L=650m, B=3m, H=4,5m	15	
2161	Đường Xã (Điểm đầu: Nhà ông Trương Vinh Thôn Hà Úc 1, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Mão Thôn Hà Úc 4)	L=3700m, B=3m, H=4,5m	38	
2162	Đường Thôn (Điểm đầu: Nghĩa địa Thôn Bắc Thượng, Điểm cuối: Nghĩa địa Thôn An Mỹ)	L=1500m, B=3m, H=4,5m	25	
2163	Đường Thôn (Điểm đầu: Lê Sửu, Điểm cuối: Vạn Bắc Thượng)	L=1200m, B=3m, H=4,5m	24	
2164	Đường Thôn (Điểm đầu: Lương Bá Hào, Điểm cuối: Nguyễn Thu)	L=400m, B=3m, H=4,5m	20	
2165	Đường nội đồng (Điểm đầu: Đình Làng Hà Úc, Điểm cuối: Nguyễn Phùng)	L=350m, B=3m, H=4,5m	19	
2166	Đường Thôn (Điểm đầu: nhà Lê Trung Thôn An Mỹ, Điểm cuối: nhà thờ Họ Hồ)	L=650,m B=3m, H=4,5m	19	
2167	Đường Thôn (Điểm đầu: Chùa An Bằng, Điểm cuối: nhà bà Diêu Thôn Trung Định Hải)	L=400m, B=3m, H=4,5m	19	

2168	Đường Thôn (Điểm đầu: Nhà ông Đặng Chí Tâm Thôn Trung Định Hải, Điểm cuối: Trường THCS An Bằng)	L=1300m, B=3m, H=4,5m	40	
2169	Đường Xóm (Điểm đầu: nhà Văn Ba Thôn An Mỹ, Điểm cuối: Nhà ông Lê Văn Nam)	L=800m, B=3m, H=4,5m	25	
2170	Đường Xóm (Điểm đầu: Nhà bà Trần Thị Trứ Hà Úc 3, Điểm cuối: nhà ông Nguyễn Văn Ngọc Hà Úc 3)	L=200m, B=3m, H=4,5m	19	
2171	Đường Thôn (Điểm đầu: Nhà bà Huỳnh Thị Gấm; Điểm cuối: giáp đường liên Thôn Bắc thượng và Thôn Hà Úc 3)	L=500m, B=3,5m, H=4,5m	21	
2172	Đường Xóm (Điểm đầu: giáp đường bê tông đi đình làng Hà Úc, Điểm cuối: Nhà thờ liệt sỹ Họ Trần)	L=100m, B=3m, H=4,5m	8	
2173	Đường Thôn (Điểm đầu: nhà ông Lê Sửu Thôn Bắc Thượng, Điểm cuối: nhà ông Nguyễn Kính Thôn trung Định Hải)	L=800m, B=3m, H=4,5m	20	
2174	Đường Xóm (Điểm đầu: nhà ông Lê Lượng Thôn Trung Định Hải, Điểm cuối: Phan Duy Viêt Thôn Trung Định Hải)	L=450m, B=3m, H=4,5m	19	
2175	Đường Xóm (Điểm đầu: Phạm Y Thôn Hà Úc 2, Điểm cuối: Phạm Lành Thôn Hà Úc 2)	L=450m, B=3m, H=4,5m	18	
2176	Đường Xóm (Điểm đầu: Phan Lộc Hà Úc 2, Điểm cuối: Nguyễn Ngọc Liễm Hà Úc 2)	L=500m, B=5m, H=4,5m	17	
2177	Đường Xóm (Điểm đầu: nhà ông Hoàng Chót Thôn Hà Úc 2, Điểm cuối: Đặng Chương)	L=1000m, B=4m, H=4,5m	24	

2178	Đường Xóm (Điểm đầu: Nhà bà Kim Chi Thôn Hà Úc 2, Điểm cuối: nhà ông Trần Thanh Long Thôn Hà Úc 2)	L=400m, B=4m, H=4,5m	14	
2179	Đường Xóm (Điểm đầu: nhà ông Hoàng Thị Gái, Điểm cuối: khu NTTS Lâm Ốc)	L=450m, B=4m, H=4,5m	15	
2180	Đường Thôn (Điểm đầu: nhà ông Phan Lộc Thôn Hà Úc 2, Điểm cuối: Nhà bà Phạm Thị Diệt Thôn Hà Úc 3)	L=400m, B=4m, H=4,5m	14	
2181	Đường Xóm (Điểm đầu: nhà ông Nguyễn Phúc Thôn Hà Úc 3, Điểm cuối: Nguyễn Nhuận Thôn Hà Úc 3)	L=500m, B=5m, H=4,5m	28	
2182	Đường Xóm (Điểm đầu: nhà ông Phạm Lành Thôn Hà Úc 3 , Điểm cuối: nhà ông Nguyễn Tiệm Thôn Hà Úc 3)	L=800m, B=5m, H=4,5m	32	
2183	Đường Xóm (Điểm đầu: Nhà ông Phạm An Thôn Hà Úc 2, Điểm cuối: Lê Quốc Thôn Hà Úc 2)	L=500m, B=4m, H=4,5m	15	
2184	Đường Thôn (Điểm đầu: Nguyễn Dũng Thôn Hà Úc 4, Điểm cuối: Trần Thị Thiên Thôn Hà Úc 2)	L=500m, B=5m, H=4,5m	16	
2185	Đường Thôn (Điểm đầu: Nguyễn Quế Hà Úc 4, Điểm cuối: đi khu NTTS Hà Úc 3)	L=1500m, B=4m, H=4,5m	27	
2186	Đường Thôn (Điểm đầu: Phan A Thôn Hà Úc 1, Điểm cuối: QL 49B)	L=700m, B=4m, H=4,5m	19	
2187	Đường Xóm (Điểm đầu: nhà bà Hoàng Thị Nhìn, Điểm cuối: nhà ông Võ Nhớ Thôn Hà Úc 2)	L=450m, B=3m, H=4,5m	13	
2188	Đường liên Thôn Xóm 1 - Xóm 5 Kế Sung (Điểm đầu: Nhà ông Lê Viết Hát, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Văn Loàn)	L=3000m, B=3m, H=4,5m	39	

2189	Đường liên Thôn Kế Sung - Mỹ Khánh - Phương Diên - Diên Lộc (Điểm đầu: Thôn Kế Sung, Điểm cuối: Thôn Diên Lộc)	L=5100m, B=3m, H=4,5m	45	
2190	Đường Liên Thôn Thanh Dương - Diên Lộc (Điểm đầu: Cầu Thanh Dương, Điểm cuối: Miếu bà Diên Lộc)	L=1900m, B=3m, H=4,5m	21	
2191	Đường liên Thôn Thanh Dương - Phương Diên (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Ngọc Dũng, Điểm cuối: Nhà ông Trương Đức Ngọc)	L=1200m, B=3m, H=4,5m	19	
2192	Đường liên Xóm Thôn Kế Thượng Thanh (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Văn Mọn, Điểm cuối: Rừng dương)	L=140m, B=2m, H=4,5m	10	
2193	Đường liên Xóm Thôn Kế Thượng Thanh (Điểm đầu: Nhà ông Lê Viết Huân, Điểm cuối: Rừng dương)	L=130m, B=2m, H=4,5m	4	
2194	Đường liên Xóm Thôn Kế Thượng Thanh (Điểm đầu: Nhà ông Hồ Đình Loan, Điểm cuối: Rừng dương)	L=620m, B=2.5m, H=4,5m	5	
2195	Đường liên Xóm Thôn Kế Thượng Thanh (Điểm đầu: Nhà ông Đặng Văn Du, Điểm cuối: Nhà ông Đặng Thanh)	L=180m, B=2m, H=4,5m	10	
2196	Đường liên Xóm Thôn Kế Thượng Thanh (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Xuân Hải, Điểm cuối: Rừng dương phòng hộ)	L=300m, B=2.5m, H=4,5m	44	
2197	Đường liên Xóm Thôn Kế Thượng Thanh (Điểm đầu: Nhà ông Trần Phúc, Điểm cuối: Rừng dương phòng hộ)	L=480m, B=3m, H=4,5m	13	
2198	Đường liên Xóm Thôn Kế Thượng Thanh	L=300m, B=2m, H=4,5m	36	

	(Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Mão, Điểm cuối: Nhà ông Phan Văn Miên)			
2199	Đường liên Xóm Thôn Kế Thượng Thanh (Điểm đầu: Quốc lộ 49B, Điểm cuối: Âu thuyền Thanh Mỹ)	L=350m, B=2.5m, H=4,5m	27	
2200	Đường liên Xóm Thôn Kế Thượng Thanh (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Búa, Điểm cuối: Âu thuyền Thanh Mỹ)	L=170m, B=1.5m, H=4,5m	24	
2201	Đường liên Xóm Thôn Kế Sung (Điểm đầu: Nhà ông Huỳnh Sang, Điểm cuối: Rừng dương phòng hộ)	L=500m, B=3m, H=4,5m	19	
2202	Đường liên Xóm Thôn Kế Sung (Điểm đầu: Quốc lộ 49B, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Văn Bình)	L=150m, B=2m, H=4,5m	16	
2203	Đường liên Xóm Thôn Kế Sung (Điểm đầu: Nhà ông Trần Ngọc Quỳnh, Điểm cuối: Nhà ông Huỳnh Văn Phúc)	L=80m, B=2m, H=4,5m	10	
2204	Đường liên Xóm Thôn Kế Sung (Điểm đầu: Nhà ông Lê Đức Quế, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Văn Minh)	L=80m, B=2m, H=4,5m	11	
2205	Đường liên Xóm Thôn Kế Sung (Điểm đầu: Nhà ông Lê Đức Nam; Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Văn Hoàng)	L=120m, B=2m, H=4,5m	13	
2206	Đường liên Xóm Thôn Kế Sung (Điểm đầu: Nhà ông Lê Đức Quang, Điểm cuối: Rừng dương phòng hộ)	L=150m, B=2m, H=4,5m	16	
2207	Đường liên Xóm Thôn Kế Sung (Điểm đầu: Nhà ông Lê Đức Thục, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Văn Thơ)	L=160m, B=2m, H=4,5m	17	
2208	Đường liên Xóm Thôn Kế Sung	L=80m, B=2m, H=4,5m	10	

	(Điểm đầu: Nhà bà Lê Thị Gái, Điểm cuối: Nhà bà Nguyễn Thị Gái)			
2209	Đường liên Xóm Thôn Ké Sung (Điểm đầu: Nhà ông Lê Đức Thông, Điểm cuối: Nhà bà Nguyễn Thị Mèo)	L=90m, B=2m, H=4,5m	9	
2210	Đường liên Xóm Thôn Ké Sung (Điểm đầu: Nhà ông Lê Đức Đoái, Điểm cuối: Chùa Ké Sung)	L=70m, B=2m, H=4,5m	8	
2211	Đường liên Xóm Thôn Ké Sung (Điểm đầu: Nhà ông Lê Đức Hạnh, Điểm cuối: Nhà bà Lê Thị Cúc)	L=100m, B=2m, H=4,5m	11	
2212	Đường liên Xóm Thôn Ké Sung (Điểm đầu: Nhà ông Lê Viết Cường, Điểm cuối: Nhà ông Lê Viết Thành)	L=80m, B=2m, H=4,5m	7	
2213	Đường liên Xóm Thôn Ké Sung (Điểm đầu: Nhà ông Trương Văn Huyền, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Văn Chung)	L=100m, B=2m, H=4,5m	11	
2214	Đường liên Xóm Thôn Ké Sung (Điểm đầu: Quốc lộ 49B, Điểm cuối: Nhà bà Trần Thị Thủy)	L=200m, B=2m, H=4,5m	18	
2215	Đường liên Xóm Thôn Ké Sung (Điểm đầu: Quốc lộ 49B, Điểm cuối: Nhà bà Nguyễn Thị Nuôi)	L=260m, B=2m, H=4,5m	19	
2216	Đường liên Xóm Thôn Ké Sung (Điểm đầu: Nhà bà Hà Thị Phú, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Văn Loại)	L=90m, B=2m, H=4,5m	8	
2217	Đường liên Xóm Thôn Ké Sung (Điểm đầu: Nhà ông Lê Đức Minh, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Văn Thi)	L=70m, B=2m, H=4,5m	8	
2218	Đường liên Xóm Thôn Ké Sung	L=450m, B=3m, H=4,5m	18	

	(Điểm đầu: Quốc lộ 49B, Điểm cuối: Rừng dương phòng hộ)			
2219	Đường liên Xóm Thôn Kế Sung (Điểm đầu: Nhà bà Lê Thị Cúc, Điểm cuối: Nhà ông Lê Đức Cường)	L=110m, B=2m, H=4,5m	11	
2220	Đường liên Xóm Thôn Kế Sung (Điểm đầu: Nhà ông Hồ Văn Dũng, Điểm cuối: Nhà bà Dương Thị Mơ)	L=90m, B=2m, H=4,5m	8	
2221	Đường liên Xóm Thôn Kế Sung (Điểm đầu: Nhà ông Lê Viết Chế, Điểm cuối: Nhà ông Trần Hoàn)	L=100m, B=2m, H=4,5m	9	
2222	Đường liên Xóm Thôn Kế Sung (Điểm đầu: Quốc lộ 49B, Điểm cuối: Nhà ông Trần Rót)	L=150m, B=2m, H=4,5m	12	
2223	Đường liên Xóm Thôn Kế Sung (Điểm đầu: Quốc lộ 49B, Điểm cuối: Nhà bà Lê Thị Nữ)	L=370m, B=2m, H=4,5m	19	
2224	Đường liên Xóm Thôn Kế Sung (Điểm đầu: Nhà ông Lê Viết Thới, Điểm cuối: Nhà ông Trương Văn Ngừ)	L=180m, B=2m, H=4,5m	11	
2225	Đường liên Xóm Thôn Kế Sung (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Văn Đai, Điểm cuối: Nhà ông Trương Văn Cường)	L=120m, B=2m, H=4,5m	10	
2226	Đường liên Xóm Thôn Kế Sung (Điểm đầu: Nhà ông Lê Viết Thuộc, Điểm cuối: Nhà ông Lê Viết Chứng)	L=130m, B=2m, H=4,5m	13	
2227	Đường liên Xóm Thôn Kế Sung (Điểm đầu: Nhà ông Lê Văn Bình, Điểm cuối: Nhà bà Lê Thị Gái)	L=110m, B=2m, H=4,5m	11	
2228	Đường liên Xóm Thôn Kế Sung	L=450m, B=2.5m, H=4,5m	19	

	(Điểm đầu: Quốc lộ 49B, Điểm cuối: Rừng dương phòng hộ)			
2229	Đường liên Xóm Thôn Kế Sung (Điểm đầu: Nhà ông Lê Đức Chính, Điểm cuối: Nhà ông Lê Đức Căn)	L=100m, B=2m, H=4,5m	9	
2230	Đường liên Xóm Thôn Kế Sung (Điểm đầu: Nhà ông Lê Xuân Thành, Điểm cuối: Nhà ông Lê Đức Trung)	L=120m, B=2m, H=4,5m	9	
2231	Đường liên Xóm Thôn Kế Sung (Điểm đầu: Quốc lộ 49B, Điểm cuối: Nhà ông Lê Viết Giác)	L=110m, B=2m, H=4,5m	10	
2232	Đường liên Xóm Thôn Kế Sung (Điểm đầu: Quốc lộ 49B, Điểm cuối: Nhà ông Trương Văn Thèo)	L=130m, B=2m, H=4,5m	13	
2233	Đường liên Xóm Thôn Kế Sung (Điểm đầu: Quốc lộ 49B, Điểm cuối: Rừng dương phòng hộ)	L=370m, B=2,5m, H=4,5m	19	
2234	Đường liên Xóm Thôn Mỹ Khánh (Điểm đầu: Đường ngang Xóm 1, Điểm cuối: đường ven biển)	L=400m, B=2,5m, H=4,5m	21	
2235	Đường liên Xóm Thôn Mỹ Khánh (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Văn Quang, Điểm cuối: Nhà ông Hà Công Chiện)	L=280m, B=2m, H=4,5m	19	
2236	Đường liên Xóm Thôn Mỹ Khánh (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Da, Điểm cuối: Nhà ông Đình Văn Lân)	L=150m, B=2m, H=4,5m	13	
2237	Đường liên Xóm Thôn Mỹ Khánh (Điểm đầu: Nhà ông Đình Văn Can, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Văn Hiến)	L=130m, B=2m, H=4,5m	11	
2238	Đường liên Xóm Thôn Mỹ Khánh	L=140m, B=2m, H=4,5m	11	

	(Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Văn Đạt, Điểm cuối: Nhà ông Phan Văn Hải)			
2239	Đường liên Xóm Thôn Mỹ Khánh (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Văn Điện, Điểm cuối: Nhà ông Hà Cu)	L=280m, B=2m, H=4,5m	19	
2240	Đường liên Xóm Thôn Mỹ Khánh (Điểm đầu: Nhà ông Lê văn Thuyên, Điểm cuối: Nhà ông Phan Hữu Giác)	L=60m, B=2m, H=4,5m	6	
2241	Đường liên Xóm Thôn Mỹ Khánh (Điểm đầu: Nhà bà Nguyễn Thị Thiết, Điểm cuối: Nhà ông Phan Toan)	L=280m, B=2m, H=4,5m	18	
2242	Đường liên Xóm Thôn Mỹ Khánh (Điểm đầu: Cổng văn hóa Thôn Mỹ Khánh, Điểm cuối: Nhà bà Hoàng Thị Lùng)	L=120m, B=3m, H=4,5m	11	
2243	Đường liên Xóm Thôn Mỹ Khánh (Điểm đầu: Nhà ông Đình Văn Huynh, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Hiền)	L=100m, B=2m, H=4,5m	9	
2244	Đường liên Xóm Thôn Mỹ Khánh (Điểm đầu: Nhà ông Phạm Tăng Tạo, Điểm cuối: Nhà ông Hồ Quang)	L=290m, B=2m, H=4,5m	19	
2245	Đường liên Xóm Thôn Phương Diên (Điểm đầu: Nhà ông Trần Văn Anh, Điểm cuối: Nhà bà Nguyễn Thị Gái (V))	L=350m, B=2,5m, H=4,5m	21	
2246	Đường liên Xóm Thôn Phương Diên (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Sự, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Dị)	L=280m, B=2,5m, H=4,5m	21	
2247	Đường liên Xóm Thôn Phương Diên (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Ngọc Thuận, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Chót)	L=250m, B=2,5m, H=4,5m	19	

2248	Đường liên Xóm Thôn Phương Diên (Điểm đầu: Nhà ông Hồ Ngọc Dinh, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Chiến)	L=250m, B=2,5m, H=4,5m	18	
2249	Đường liên Xóm Thôn Phương Diên (Điểm đầu: Cầu Phương Diên, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Văn Thương(Thụ))	L=330m, B=2,5m, H=4,5m	22	
2250	Đường liên Xóm Thôn Phương Diên (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Minh Đức, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Văn Dũng)	L=330m, B=2,5m, H=4,5m	22	
2251	Đường liên Xóm Thôn Phương Diên (Điểm đầu: Nhà ông Trương Tý, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Tâm Xuôm)	L=340m, B=2,5m, H=4,5m	13	
2252	Đường liên Xóm Thôn Phương Diên (Điểm đầu: Nhà bà Trương Thị Tiệm; Điểm cuối: Nhà bà Trần Thị Chắc)	L=340m, B=2,5m, H=4,5m	12	
2253	Đường liên Xóm Thôn Phương Diên (Điểm đầu: Nhà ông Trần Đăng Bôi, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Văn Ó)	L=300m, B=2,5m, H=4,5m	12	
2254	Đường liên Xóm Thôn Phương Diên (Điểm đầu: Nhà ông Trần Đăng Tiết, Điểm cuối: Nhà ông Mai Văn Tường)	L=230m, B=2,5m, H=4,5m	11	
2255	Đường liên Xóm Thôn Phương Diên (Điểm đầu: Nhà ông Trần Thi, Điểm cuối: Nhà thờ họ Trần Văn)	L=450m, B=2,5m, H=4,5m	19	
2256	Đường liên Xóm Thôn Phương Diên (Điểm đầu: Nhà ông Hồ Văn Lạch, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Văn Thoan)	L=530m, B=2,5m, H=4,5m	19	
2257	Đường liên Xóm Thôn Phương Diên (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Văn Quyết, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Hoành)	L=120m, B=2m, H=4,5m	11	

2258	Đường liên Xóm Thôn Phương Diên (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Đông Đa, Điểm cuối: Nhà bà Tô Thị Lụa)	L=60m, B=2m, H=4,5m	5	
2259	Đường liên Xóm Thôn Phương Diên (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Mạo, Điểm cuối: Nhà ông Phan Hữu Hồng)	L=60m, B=2m, H=4,5m	5	
2260	Đường liên Xóm Thôn Phương Diên (Điểm đầu: Nhà ông Phan Hữu Dinh, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Văn Thương)	L=130m, B=2m, H=4,5m	9	
2261	Đường liên Xóm Thôn Phương Diên (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Đình, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Văn Nô)	L=140m, B=2m, H=4,5m	9	
2262	Đường liên Xóm Thôn Phương Diên (Điểm đầu: Nhà bà Mai Thị Lụa; Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Duân)	L=100m, B=2m, H=4,5m	8	
2263	Đường liên Xóm Thôn Phương Diên (Điểm đầu: Nhà ông Trần Đăng Thanh, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Văn Chính)	L=150m, B=2m, H=4,5m	9	
2264	Đường liên Xóm Thôn Thanh Dương (Điểm đầu: Nhà bà Lê Thị Hương, Điểm cuối: Nhà ông Lê Văn Tôn)	L=70m, B=2m, H=4,5m	6	
2265	Đường liên Xóm Thôn Thanh Dương (Điểm đầu: Nhà ông Lê Trúc, Điểm cuối: Nhà bà Lê Thị Thái)	L=120m, B=2m, H=4,5m	10	
2266	Đường liên Xóm Thôn Thanh Dương (Điểm đầu: Nhà ông Phạm Tăng Câu, Điểm cuối: Nhà ông Hoàng Trọng Cu)	L=60m, B=2m, H=4,5m	5	
2267	Đường liên Xóm Thôn Thanh Dương (Điểm đầu: Nhà bà Hoàng Thị Don, Điểm	L=200m, B=2,5,m H=4,5m	15	

	cuối: Nhà ông Phạm Tăng Xê)			
2268	Đường liên Xóm Thôn Thanh Dương (Điểm đầu: Nhà ông Phan Nhơn, Điểm cuối: Nhà ông Lê Luật)	L=120m, B=3m, H=4,5m	6	
2269	Đường liên Xóm Thôn Thanh Dương (Điểm đầu: Nhà ông Phạm Tăng Thọ, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Vy)	L=160m, B=3m, H=4,5m	12	
2270	Đường liên Xóm Thôn Thanh Dương (Điểm đầu: Nhà bà Lê Thị Vân, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Duy)	L=400m, B=3m, H=4,5m	19	
2271	Đường liên Xóm Thôn Thanh Dương (Điểm đầu: Nhà ông Phạm Tăng Lạch, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Văn Chung)	L=210m, B=3m, H=4,5m	18	
2272	Đường liên Xóm Thôn Thanh Dương (Điểm đầu: QL 49B, Điểm cuối: Nhà ông Phạm Đình Hiếu)	L=300m, B=3m, H=4,5m	18	
2273	Đường liên Xóm Thôn Thanh Dương (Điểm đầu: AM hôn, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Văn Dế)	L=150m, B=3m, H=4,5m	12	
2274	Đường liên Xóm Thôn Thanh Dương (Điểm đầu: Nhà ông Lê Ngôi, Điểm cuối: đường đám)	L=600m, B=3m, H=4,5m	21	
2275	Đường liên Xóm Thôn Thanh Dương (Điểm đầu: Nhà ông Phạm Tăng Quyền, Điểm cuối: Nhà ông Trần Quân)	L=380m, B=3m, H=4,5m	22	
2276	Đường liên Xóm Thôn Thanh Dương (Điểm đầu: Nhà ông Hoàng Trọng Sỹ, Điểm cuối: Nhà bà Phạm Thị Diêu)	L=290m, B=3m, H=4,5m	21	
2277	Đường liên Xóm Thôn Thanh Dương (Điểm đầu: Nhà ông Hoàng Trọng Kính,	L=400m, B=3m, H=4,5m	23	

	Điểm cuối: Sân bóng Thanh Dương)			
2278	Đường liên Xóm Thôn Thanh Dương (Điểm đầu: Nhà ông Phạm Đình Dĩnh, Điểm cuối: Nhà ông Hoàng Trọng Duy)	L=310m, B=3m, H=4,5m	29	
2279	Đường liên Xóm Thôn Diên Lộc (Điểm đầu: Nhà bà Trần Thị Lành, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Văn Tiềm)	L=310m, B=3m, H=4,5m	19	
2280	Đường liên Xóm Thôn Diên Lộc (Điểm đầu: Chùa Diên Lộc, Điểm cuối: Nhà ông Đặng Văn Cư)	L=330m, B=3m, H=4,5m	4	
2281	Đường liên Xóm Thôn Diên Lộc (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Chúc, Điểm cuối: Nhà ông Lê Văn Thù)	L=170m, B=3m, H=4,5m	14	
2282	Đường liên Xóm Thôn Diên Lộc (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Chúc, Điểm cuối: Nhà ông Lê Bân)	L=170m, B=3m, H=4,5m	11	
2283	Đường liên Xóm Thôn Diên Lộc (Điểm đầu: Nhà ông Lê Gia Thoại, Điểm cuối: Nhà bà Nguyễn Thị Duyên)	L=340m, B=3m, H=4,5m	18	
2284	Đường liên Xóm Thôn Diên Lộc (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Hạch, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Cường)	L=320m, B=3m, H=4,5m	15	
2285	Đường liên Xóm Thôn Diên Lộc (Điểm đầu: Nhà ông Lê Văn Ngọc, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Thanh Được)	L=320m, B=3m, H=4,5m	18	
2286	Đường liên Xóm Thôn Diên Lộc (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Văn Thế, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Văn Phương)	L=220m, B=3m, H=4,5m	18	
2287	Đường liên Xóm Thôn Diên Lộc	L=320m, B=3m, H=4,5m	7	

	(Điểm đầu: Miếu làng, Điểm cuối: Nhà ông Lê Gia Em)			
2288	Đường liên Xóm Thôn Diên Lộc (Điểm đầu: Nhà ông Nguyễn Đới, Điểm cuối: gần vịnh xuân)	L=170m, B=3m, H=4,5m	5	
	PHƯỜNG HƯƠNG TRÀ			
2289	Kiệt số 5 đường Cách mạng tháng Tám; TDP 2	L = 200 m; B = 3 m; H = 3,5 m	26	
2290	Xóm mù Ân, TDP Giáp Thượng 2	L = 300 m; B = 2,5 m; H = 3,5 m	32	
2291	Xóm Lò, TDP Giáp Thượng 2	L = 200 m; B = 2,5 m; H = 3,5 m	21	
2292	Xóm Cây Khế, TDP Long Khê	L = 283 m; B = 2,5 m; H = 3,5 m	15	
2293	Xóm Dì Giồng, TDP Long Khê	L = 210 m; B = 2,5 m; H = 3,5 m	4	
2294	Xóm Đỗ Chư, TDP Long Khê	L = 240 m; B = 2,5 m; H = 3,5 m	12	
2295	Xóm Nguyễn Thao, TDP Long Khê	L = 200 m; B = 2,5 m; H = 3,5 m	6	
2296	Xóm ông Tịnh, TDP Lai Thành 1	L = 310 m; B = 2 m; H = 3,5 m	18	
2297	Xóm ông Xung, TDP Lai Thành 1	L = 215 m; B = 2,5 m; H = 3,5 m	9	
2298	Trục đường chính Xóm Cồn, TDP Lai Thành 1	L = 500 m; B = 2,5 m; H = 3,5 m	27	
2299	Xóm anh Trần Bá Hương, TDP Sơn Công 1	L = 220 m; B = 2,5 m; H = 3,5 m	14	
2300	Xóm bà Phan Thị Hoa, TDP Lại Bằng 1	L = 275 m; B = 2,5 m; H = 3,5 m	15	
2301	Đường Hồng Lĩnh, TDP 9	L = 1000 m; B = 4 m; H = 2,8 m	12	
2302	Đường Xóm chợ Văn Xá	L = 450 m; B = 2,5 m; H = 3,5 m	24	
	PHƯỜNG PHONG QUẢNG			
2303	Kiệt mốc nhà Ông Hồ Táng (Tổ dân phố Tân Mỹ).	L=400m; B=2,5m<3,5m; H=đảm bảo	50	
2304	Kiệt mốc Nhà Trần Văn Diên (TDP Lãnh Thủy 2)	L=145m; B=3m; H=đảm bảo	10	
2305	Kiệt mốc Nhà Ông Trần Khánh (TDP	L=145m; B=3m; H=đảm bảo	10	

	Lãnh Thủy 2)			
	PHƯỜNG PHONG THÁI			
2306	Đường dân sinh Đội 5, TDP Đông Lâm	L=120m; B=2-2,8m	28	
2307	Đường liên Xóm; Đội 2, TDP Phò Ninh (gần chợ Phù)	L=250m; B=2-2,8m; H=3,5m	32	
2308	Đường tỉnh lộ 17, tdp Vĩnh Hương	L=180m; B=1,5-2,5m; H=4,2m	33	
2309	Đường Xóm Cụt, cạnh Trạm y tế Phong Thái CS1	L=250m; B=2,5-3,5m; H=3,2m	46	
2310	Đường Xóm Điện, bên cạnh ngân hàng AGRI, TDP BỒ ĐIỀN	L=280m; B=2,5-3,5m; H=4,0m	52	
2311	Đường Xóm Đạo, cạnh nhà thờ BỒ ĐIỀN, tdp BỒ ĐIỀN	L=320m; B=1,8-2,9m; H=3,8m	25	
	PHƯỜNG PHONG ĐIỀN			
2312	Đường từ TDP Lưu Hiền Hoà lên Hồ Quao	L= 1.260m; B= 3-3,5m; H= 5m	95	Một số đoạn bị sạt lở
2313	Đường TDP Vinh Phú (từ Đường Vinh Phú đến Nhà ông Riếng)	L= 150m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	15	Một số đoạn đã xuống cấp
2314	Đường TDP Vinh Phú (từ Nhà ông Thiện đến Kênh Thủy Lợi)	L= 150m; B= 0,5-2,5m; H= 3,5m	06	Một số đoạn đã xuống cấp
2315	Đường từ TL17 - nhà ông Trường (TDP Vĩnh Nguyên)	L= 177m; B= 2-2,5m; H= 5m	06	
2316	Đường từ TL17 - nhà ông Ý (TDP Vĩnh Nguyên)	L= 190m; B= 2-2,5m; H= 5m	04	
2317	Tuyến 11 đường TDP Hòa Bắc (từ Tỉnh lộ 9 đến hết khu dân cư Xóm 6 TDP Hòa Bắc)	L= 1.509m; B= 2-3,5m; H= 5m	27	Một số đoạn đã xuống cấp
2318	Từ đường Phò Trạch - Nhà ông Nguyễn Dư Tuấn (TDP Trạch Thượng 1)	L= 80m; B= 2-2,5m; H= 5m	18	
2319	Đường bê tông Xóm 1-Tường rào chợ phò Trạch (TDP Trạch Thượng 1)	L= 50,7; B= 1,5-2m; H= 5m	12	

2320	Từ đường Phò Trạch - Nhà ông Dương Cầm (TDP Trạch Thượng 1)	L= 55m; B= 2-2,5m; H= 5m	13	
2321	Đường vào Xóm ông Hiệp (TDP Trạch thượng 2)	L= 70m; B= 2-2,5m; H= 5m	21	
2322	Đường Xóm ga (Từ Nhà bà Thiện đến Nhà ông Cương) TDP Trạch Tả	L=50m; B= 2-2,5m; H= 5m	11	
2323	Đường TDP Xuân Lộc (Nhà ông Hùng đến nhà Ông Phước)	L= 150m; B= 2-2,5m; H= 5m	23	Một số đoạn đã xuống cấp
2324	Đường TDP Hiền An2 (Từ nhà Ông Nhân đến nhà ông Phú)	L= 100m; B= 2-2,5m; H= 5m	10	Một số đoạn đã xuống cấp
2325	Đường TDP Hiền An2 (Từ nhà ông Khai đến nhà ông Dương)	L= 150m; B= 2-2,5m; H= 5m	11	Một số đoạn đã xuống cấp
2326	Đường TDP Hiền An2 (Từ nhà ông Chúc đến nhà Ông Cháp)	L= 150m; B= 2-2,5m; H= 5m	13	Một số đoạn đã xuống cấp
2327	Đường TDP Hiền An2 (Từ nhà ông Thuấn đến nhà Ông Lợn)	L= 160m; B= 2-2,5m; H= 5m	16	Một số đoạn đã xuống cấp
	PHƯỜNG PHONG PHÚ			
2328	Đường Xóm 5, Xóm Phú Vinh, TDP Vĩnh Xương	L= 400m; B= 3m; H= 3m	12	
2329	Đường Xóm 9, TDP Vĩnh Xương	L= 400m; B= 2,5m; H= 4m	25	
2330	Đường trục chính TDP Mỹ Hòa	L= 300m; B= 2m – 3m	30	
	PHƯỜNG PHONG DINH			
2331	Đường Ba Bàu Chợ	L= 400; B = 2m – 3m; H = 4,5m	15	
2332	Đường Đức Phú T1	L= 800m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	26	
2333	Đường Đức Phú T2	L= 900m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	32	
2334	Đường Thôn Chùa (Phong Hòa cũ)	L= 900m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	34	
2335	Đường Thôn Bàu T1 (Phong Hòa cũ)	L= 900m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	45	
2336	Đường Thôn Bàu T2 (Phong Hòa cũ)	L= 500m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	17	
2337	Đường trên Thôn Tư 1	L= 600m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	23	
2338	Đường trên Thôn Tư 2	L= 500m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	19	

2339	Đường trên Thôn Tư 3	L= 400m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	26	
2340	Đường Trạch Phở (Phong Hòa cũ)	L= 700m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	35	
2341	Đường Trạch Phở (Phong Hòa cũ)	L= 900m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	23	
2342	Đường Đông Thượng (Phong Hòa cũ) từ Nhà ông Xướng đến nhà Ông Lợi	L= 600m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	27	
2343	Đường Đông Thượng (Phong Hòa cũ) từ Nhà Ông Công đến nhà Ông Tuấn	L= 700m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	24	
2344	Đường Cang Cư Nam (Phong Hòa cũ) từ Ôn Vũ đến Ông Long	L= 300m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	16	
2345	Đường Cang Cư Nam (Phong Hòa cũ) từ Ôn Xó đến Ông Sáu	L= 600m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	34	
2346	Đường Cang Cư Nam (Phong Hòa cũ) từ Cầu Máng đến nhà Ông Côn	L= 600m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	36	
2347	Đường Trung Cọ (Phong Hòa cũ) từ nhà Ông Thí đến nhà Ông Lục	L= 800m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	40	
2348	Đường Phước Phú (Phong Hòa cũ)	L= 1000m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	54	
2349	Đường Phước Phú (Phong Hòa cũ) từ nhà Ông Đào đến nhà Hộ Đoàn	L= 500m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	23	
2350	Đường Thôn Niêm	L= 600m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	25	
2351	Đường Thiềm Thượng (Phong Hòa cũ) từ nhà Ông Đa đến Ông Đơn	L= 1000m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	24	
2352	Đường Thiềm Thượng (Phong Hòa cũ) từ nhà Ông Đức đến Ông Phước	L= 300m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	16	
2353	Đường Phò Trạch – Siêu Quần	L= 1200m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	32	
2354	Đường Phong Bình - Phong Chương (Đình Thôn đến nhà Chị nở)	L= 3200m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	14	
2355	Đường Đông Trung Tây Hồ – Rú Hóp	L= 5200m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	67	
2356	Đường Phong Hòa – Phong Bình (TL4 đến Miếu Bà)	L= 1700m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	45	

2357	Đường Trung Thành – Đông Phú	L= 1200m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	43	
2358	Đường Vĩnh An – Siêu Quần (XD năm 2011)	L= 1550m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	57	
2359	Đường Đông Mỹ – Triều Quý	L= 400m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	21	
2360	Đường giữa Đại Phú-Mỹ Phú	L= 6127m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	34	
2361	Tuyến đường ngang (liên Thôn)	L= 5460m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	65	
2362	Tuyến đường Mơn	L= 4980m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	23	
2363	Tuyến Lương Mai - Phú Lộc	L= 945m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	54	
2364	Kiệt 1 Tuyến Lương Mai - Phú Lộc	L= 490m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	24	
2365	Kiệt 2 Tuyến Lương Mai - Phú Lộc	L= 225m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	13	
2366	Kiệt 3 Tuyến Lương Mai - Phú Lộc	L= 375m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	25	
2367	Kiệt 8 Tuyến Lương Mai - Phú Lộc	L=100m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	27	
2368	Kiệt 9 Tuyến Lương Mai - Phú Lộc	L=100m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	34	
2369	Kiệt 11 Tuyến Lương Mai - Phú Lộc	L= 700m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	34	
2370	Kiệt 12 Tuyến Lương Mai - Phú Lộc	L= 450m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	15	
2371	Đường TQ1 Thôn Triều Quý	L= 890m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	35	
2372	Đường TQ2 Thôn Triều Quý	L= 350; B = 2m – 3m; H = 4,5m	13	
2373	Đường TQ5 Thôn Triều Quý	L= 300m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	14	
2374	Kiệt 4 Thôn Triều Quý	L= 300m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	12	
2375	Kiệt 5 Thôn Triều Quý	L= 300m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	15	
2376	Kiệt 1 Thôn Rú Hóp	L= 350m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	17	
2377	Kiệt 2 Thôn Rú Hóp	L= 330m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	15	
2378	Kiệt 3 Thôn Rú Hóp	L= 330m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	17	
2379	Kiệt 4 Thôn Rú Hóp	L= 780m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	23	
2380	Kiệt 5 Thôn Rú Hóp	L= 700m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	17	

2381	Kiệt 6 Thôn Rú Hóp	L= 350m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	15	
2382	Kiệt 7 Thôn Rú Hóp	L= 1700m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	43	
2383	Kiệt Chính Rú Hóp	L= 780m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	37	
2384	Kiệt 9 Thôn Rú Hóp	L= 220m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	14	
2385	Kiệt 1 Thôn Tả Hữu Tự	L= 470m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	32	
2386	Kiệt 11 Thôn Tả Hữu Tự	L= 350m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	32	
2387	Kiệt 12 Thôn Tả Hữu Tự	L= 470m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	43	
2388	Kiệt Thôn Đông Trung Tây Hồ	L= 600m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	54	
2389	Kiệt 1 Thôn Đông Trung Tây Hồ	L= 700m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	47	
2390	Kiệt 6 Thôn Đông Trung Tây Hồ	L= 500m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	32	
2391	Kiệt 13 Thôn Đông Trung Tây Hồ	L= 650m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	34	
2392	Kiệt 15 Thôn Đông Trung Tây Hồ	L= 250m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	15	
2393	Đường Thôn Đông Trung Tây Hồ	L= 370m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	25	
2394	Kiệt 1 Thôn Tây Phú (Phò Trạch)	L= 450m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	32	
2395	Kiệt 2 Thôn Tây Phú (Phò Trạch)	L= 450m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	24	
2396	Kiệt 7 Thôn Tây Phú (Phò Trạch)	L= 650m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	34	
2397	Kiệt 9 Thôn Tây Phú (Phò Trạch)	L= 750m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	54	
2398	Kiệt 8 Thôn Vĩnh An	L= 200m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	12	
2399	Kiệt 13 Thôn Vĩnh An	L= 270m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	15	
2400	Kiệt 14 Thôn Vĩnh An	L= 290m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	14	
2401	Kiệt 1 Thôn Hòa Viện	L= 300m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	12	
2402	Kiệt 2 Thôn Hòa Viện	L= 310m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	14	
2403	Kiệt 3 Thôn Hòa Viện	L= 1500m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	23	
2404	Kiệt 4 Thôn Hòa Viện	L= 500m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	27	
2405	Kiệt 5 Thôn Hòa Viện	L= 250m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	21	
2406	Đường Hành Khất Thôn Hòa Viện	L= 300m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	14	
2407	Đường Thôn Thôn Trung Thạnh	L= 420m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	16	
2408	Đường Thôn Thôn Trung Thạnh	L= 400m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	12	
2409	Đường Thôn Đông Phú (QL49 đến	L= 500m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	34	

	Cổng 3 Ngăn)			
2410	Kiệt Ô.Phụ Thôn Đông Phú	L= 500m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	23	
2411	Kiệt 1 Thôn Siêu Quần	L= 200m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	12	
2412	Kiệt 3 Thôn Siêu Quần	L= 200m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	15	
2413	Kiệt 6 Thôn Siêu Quần	L= 290m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	12	
2414	Kiệt 7 Thôn Siêu Quần	L= 400m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	18	
2415	Kiệt 8 Thôn Siêu Quần	L= 300m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	13	
2416	Kiệt 9 Thôn Siêu Quần	L= 400m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	15	
2417	Kiệt Họ Thôn Siêu Quần	L= 200m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	13	
2418	Kiệt 10 Thôn Siêu Quần	L= 400m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	13	
2419	Đường Lương Mai (Phong Chương cũ)	L= 450m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	24	
2420	Đường Đại Phú T1 (Phong Chương cũ)	L= 450m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	16	
2421	Đường Đại Phú T2 (Phong Chương cũ)	L= 560m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	34	
2422	Đường Chính An T1 (Phong Chương cũ)	L= 800m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	23	
2423	Đường Chính An T2 (Phong Chương cũ)	L= 800m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	26	
2424	Đường Mỹ Phú T1 (Phong Chương cũ)	L= 800m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	32	
2425	Đường Mỹ Phú T2 (Phong Chương cũ)	L= 950m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	38	
2426	Đường Lương mai (Phong Chương cũ)	L= 650m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	26	
2427	Đường Nhất Phong (Phong Chương cũ)	L= 600m; B = 2m – 3m; H = 4,5m	28	
	XÃ ĐAN ĐIỀN			
2428	Kiệt Xóm 1 đội 8 Thôn Sơn Tùng	B<3,5	65	
2429	Kiệt Xóm 2 đội 8 Thôn Sơn Tùng	B<3,5	60	
2430	Kiệt Xóm 3 đội 8 Thôn Sơn Tùng	B<3,5	59	
2431	Kiệt Xóm 4 đội 8 Thôn Sơn Tùng	B<3,5	75	
2432	Kiệt Xóm 1 đội 9 Thôn Sơn Tùng	B<3,5	72	
2433	Kiệt Xóm 2 đội 9 Thôn Sơn Tùng	B<3,5	69	
2434	Kiệt Xóm 3 đội 9 Thôn Sơn Tùng	B<3,5	40	
2435	Kiệt Xóm 4 đội 9 Thôn Sơn Tùng	B<3,5	35	
2436	Kiệt Xóm 5 đội 9 Thôn Sơn Tùng	B<3,5	35	

2437	Kiệt Xóm 6 đội 9 Thôn Sơn Tùng	B<3,5	25	
2438	Kiệt Xóm 1 đội 10 Sơn Tùng	B<3,5	39	
2439	Kiệt Xóm 2 đội 10 Sơn Tùng	B<3,5	25	
2440	Kiệt Xóm 3 đội 10 Sơn Tùng	B<3,5	23	
2441	Kiệt Xóm 4 đội 10 Sơn Tùng	B<3,5	24	
2442	Kiệt Xóm 5 đội 10 Sơn Tùng	B<3,5	26	
2443	Kiệt Xóm 6 đội 10 Sơn Tùng	B<3,5	27	
2444	Kiệt Xóm 7 đội 10 Sơn Tùng	B<3,5	28	
2445	Tuyến đường Chùa Thôn Mỹ Thạnh	B<3,5	90	
2446	Tuyến đường vào Vùng Tàu Thôn Mỹ Thạnh	B<3,5	40	
2447	Kiệt 1 Xóm chùa Thôn Bao La - Đức Nhuận	B<3,5	41	
2448	Kiệt 2 Xóm chùa Thôn Bao La - Đức Nhuận	B<3,5	42	
2449	Kiệt 3 Xóm chùa Thôn Bao La - Đức Nhuận	B<3,5	326	
2450	Kiệt 1 Xóm chợ Thôn Bao La - Đức Nhuận	B<3,5	24	
2451	Kiệt 6 Xóm chợ Thôn Bao La - Đức Nhuận	B<3,5	29	
2452	Kiệt 8 Xóm chợ Thôn Bao La - Đức Nhuận	B<3,5	30	
2453	Kiệt 1 Xóm hóp Thôn Bao La - Đức Nhuận	B<3,5	32	
2454	Kiệt 2 Xóm hóp Thôn Bao La - Đức Nhuận	B<3,5	32	
2455	Kiệt 3 Xóm hóp Thôn Bao La - Đức Nhuận	B<3,5	34	
2456	Kiệt 2 Xóm đông Thôn Bao La - Đức Nhuận	B<3,5	36	

	Nhuận			
2457	Kiệt 2 Xóm Đức Nhuận Thôn Bao La - Đức Nhuận	B<3,5	37	
2458	Kiệt 3 Xóm Đức Nhuận Thôn Bao La - Đức Nhuận	B<3,5	39	
2459	Tổ 1 Thôn Lai Trung	B<3,5	40	
2460	Tổ 2 Thôn Lai Trung	B<3,5	41	
2461	Tổ 3 Thôn Lai Trung	B<3,5	42	
2462	Tổ 4 Thôn Lai Trung	B<3,5	43	
2463	Tổ 5 Thôn Lai Trung	B<3,5	44	
2464	Kiệt 1 Xóm đông Thôn Hà Lạc	B<3,5	45	
2465	Kiệt Xóm ông Hoàng Lũy Thôn Hà Lạc	B<3,5	46	
2466	Kiệt Xóm ông Hoàng Lợi Thôn Hà Lạc	B<3,5	48	
2467	Kiệt Xóm ông Đặng Ngọc Dũng Thôn Hà Lạc	B<3,5	79	
2468	Kiệt Xóm ông Hoàng Thành Thôn Hà Lạc	B<3,5	85	
2469	Kiệt Xóm ông Đặng Ngọc Quang Thôn Hà Lạc	B<3,5	83	
2470	Kiệt Xóm ông Phan Hoi Thôn Hà Lạc	B<3,5	81	
2471	Kiệt Xóm ông Hoàng Đình Phương Thôn Hà Lạc	B<3,5	77	
2472	Kiệt Xóm ông Hoàng Tý Thôn Hà Lạc	B<3,5	72	
2473	Kiệt Xóm Đình Làng Thôn Hà Lạc	B<3,5	63	
2474	Kiệt Xóm ông Hoàng Xuân Quỳnh Thôn Hà Lạc	B<3,5	68	
2475	Kiệt Xóm ông Hoàng Tý Thôn Hà Lạc	B<3,5	55	
2476	Kiệt Xóm ông Hoàng Thân Thôn Hà Lạc	B<3,5	51	
2477	Kiệt Xóm ông Hồ Lành Thôn Hà Lạc	B<3,5	53	
2478	Kiệt Xóm ông Hoàng Vọng Thôn Hà	B<3,5	54	

	Lạc			
2479	Kiệt Xóm ông Hồ Lợi (B) Thôn Hà Lạc	B<3,5	59	
2480	Kiệt Xóm 1 Thôn Vạn Hạ Lang	B<3,5	68	
2481	Kiệt Xóm 2 Thôn Vạn Hạ Lang	B<3,5	66	
2482	Kiệt Xóm 3 Thôn Vạn Hạ Lang	B<3,5	63	
2483	Đường Xóm 2 Thôn Đông Hồ	B<3,5	62	
2484	Đường Xóm 3 Thôn Đông Hồ	B<3,5	64	
2485	Đường Xóm 5 Thôn Đông Hồ	B<3,5	67	
2486	Đường Xóm 7 Thôn Đông Hồ	B<3,5	68	
2487	Đường Xóm 10 Thôn Đông Hồ	B<3,5	65	
2488	Đường Xóm 11 Thôn Đông Hồ	B<3,5	19	
2489	Đường Xóm 12 Thôn Đông Hồ	B<3,5	22	
2490	Đường Xóm 13 Thôn Đông Hồ	B<3,5	25	
2491	Đường Xóm 15 Thôn Đông Hồ	B<3,5	28	
2492	Đường liên Xóm Đức Trọng - Tây Hoàng	B<3,5	30	
2493	Kiệt 2 Xóm Gia Quảng Thôn Tây Hoàng	B<3,5	31	
2494	Kiệt 3 Xóm Gia Quảng Thôn Tây Hoàng	B<3,5	35	
2495	Kiệt 4 Xóm Gia Quảng Thôn Tây Hoàng	B<3,5	36	
2496	Kiệt 5 Xóm Gia Quảng Thôn Tây Hoàng	B<3,5	38	
2497	Kiệt 6 Xóm Gia Quảng Thôn Tây Hoàng	B<3,5	39	
2498	Kiệt 7 Xóm Gia Quảng Thôn Tây Hoàng	B<3,5	20	
2499	Kiệt 8 Xóm Gia Quảng Thôn Tây Hoàng	B<3,5	25	

2500	Kiệt A Xóm Tây Hoàng	B<3,5	26	
2501	Kiệt 8 Xóm làng Thôn Bắc Vọng Đông	B<3,5	9	
2502	Kiệt 3 Xóm đò Thôn Bắc Vọng Đông	B<3,5	41	
2503	Kiệt 2 Xóm soi Thôn Bắc Vọng Đông	B<3,5	46	
2504	Kiệt 3 Xóm soi Thôn Bắc Vọng Đông	B<3,5	48	
2505	Kiệt Xóm ông Trần Văn Cứ Thôn Nam Phù - Nho Lâm	B<3,5	41	
2506	Kiệt Xóm ông Lê Duy Thôn Nam Phù - Nho Lâm	B<3,5	37	
2507	Kiệt Xóm ông Trần Văn Tri Thôn Nam Phù - Nho Lâm	B<3,5	36	
2508	Kiệt Xóm ông Lương Thử Thôn Nam Phù - Nho Lâm	B<3,5	38	
2509	Kiệt Xóm ông Trần Văn Tựu Thôn Nam Phù - Nho Lâm	B<3,5	39	
2510	Kiệt Xóm ông Trần Hữu Thục Thôn Nam Phù - Nho Lâm	B<3,5	10	
2511	Kiệt Xóm ông Lê Bình Thôn Nam Phù - Nho Lâm	B<3,5	15	
2512	Kiệt Xóm ông Nguyễn Như Cỗ Thôn Nam Phù - Nho Lâm	B<3,5	18	
2513	Kiệt Xóm Hồ Cá Thôn Nam Phù - Nho Lâm	B<3,5	24	
2514	Kiệt Xóm ông Trần Văn Luận Thôn Nam Phù - Nho Lâm	B<3,5	23	
2515	Kiệt Xóm ông Lương Hòa Thôn Nam Phù - Nho Lâm	B<3,5	27	
2516	Kiệt Xóm ông Trần Hữu Khâm Thôn Nam Phù - Nho Lâm	B<3,5	29	
2517	Kiệt Xóm ông Lương Xuân Hưng Thôn	B<3,5	10	

	Nam Phù - Nho Lâm			
2518	Kiệt Xóm ông Trần Văn Nghệ Thôn Nam Phù - Nho Lâm	B<3,5	16	
2519	Kiệt Xóm ông Lê Quang Bòn Thôn Hạ Lang	B<3,5	19	
2520	Kiệt Xóm ông Hồ Ngọc Giáo Thôn Hạ Lang	B<3,5	21	
2521	Kiệt Xóm ông Trương Đình Năm Thôn Hạ Lang	B<3,5	23	
2522	Kiệt Xóm ông Lê Văn Sum Thôn Bắc Vọng Tây	B<3,5	29	
2523	Kiệt Xóm ông Nguyễn Minh Thôn Bắc Vọng Tây	B<3,5	24	
2524	Kiệt Xóm ông Trương Đình Cuộc Thôn Bắc Vọng Tây	B<3,5	26	
2525	Kiệt Xóm ông Nguyễn Văn Hòa (Xóm máy) Thôn Phú Lễ	B<3,5	25	
2526	Kiệt Xóm ông Trần Bá Đức Thôn Phú Lễ	B<3,5	81	
2527	Kiệt Xóm ông Tào Thôn Cổ Tháp - Lai Lâm	B<3,5	86	
2528	Kiệt Xóm ông Hai Thôn Cổ Tháp - Lai Lâm	B<3,5	89	
2529	Kiệt Xóm ông Sanh Thôn Cổ Tháp - Lai Lâm	B<3,5	70	
2530	Kiệt Xóm ông Tào Thôn Cổ Tháp - Lai Lâm	B<3,5	73	
2531	Kiệt Xóm Giữa Thôn Cổ Tháp - Lai Lâm	B<3,5	79	
2532	Kiệt Xóm ông Hùng Thôn Cổ Tháp -	B<3,5	61	

	Lai Lâm			
2533	Kiệt Xóm ông Hứa Thôn Cổ Tháp - Lai Lâm	B<3,5	65	
2534	Kiệt Xóm ông Hồ Thôn Cổ Tháp - Lai Lâm	B<3,5	69	
2535	Kiệt Xóm ông Sẻ Thôn Cổ Tháp - Lai Lâm	B<3,5	75	
2536	Kiệt Xóm ông Hưng Thôn Cổ Tháp - Lai Lâm	B<3,5	71	
2537	Kiệt Xóm Đông Lâm Xóm Thôn Cổ Tháp - Lai Lâm	B<3,5	51	
2538	Kiệt Xóm Lai Xá Thôn Cổ Tháp - Lai Lâm	B<3,5	59	
2539	Kiệt đường Tỉnh lộ 4 - nhà hoàng Kim Cư Thôn Tháp Nhuận	B<3,5	63	
2540	Kiệt đường Tỉnh lộ 4 - nhà ông Lý Thôn Tháp Nhuận	B<3,5	67	
2541	Kiệt đường Tỉnh lộ 4 - nhà ông Trầm Thôn Tháp Nhuận	B<3,5	69	
2542	Kiệt đường Tỉnh lộ 4 - nhà ông Nam Thôn Tháp Nhuận	B<3,5	80	
2543	Kiệt đường Tỉnh lộ 4 - nhà ông Dê Thôn Tháp Nhuận	B<3,5	81	
2544	Kiệt đường Tỉnh lộ 4 - nhà ông Xử Thôn Tháp Nhuận	B<3,5	86	
2545	Kiệt đường Tỉnh lộ 4 - nhà ông Thiên Thôn Tháp Nhuận	B<3,5	88	
2546	Kiệt đường Tỉnh lộ 4 - nhà bà Bé Thôn Tháp Nhuận	B<3,5	80	
2547	Kiệt đường Tỉnh lộ 4 - nhà ông Thảo	B<3,5	26	

	Thôn Tháp Nhuận			
2548	Kiệt đường Tỉnh lộ 4 - nhà ông Lành Thôn Tháp Nhuận	B<3,5	27	
2549	Xóm 1 Thôn Nam Dương	B<3,5	29	
2550	Xóm 2 Thôn Nam Dương	B<3,5	110	
2551	Xóm 3 Thôn Nam Dương	B<3,5	105	
2552	Xóm 4 Thôn Nam Dương	B<3,5	96	
2553	Xóm 6 Thôn Nam Dương	B<3,5	91	
2554	Xóm 7 Thôn Nam Dương	B<3,5	90	
2555	Xóm 8 Thôn Nam Dương	B<3,5	81	
2556	Xóm 10 Thôn Nam Dương	B<3,5	86	
2557	Xóm 11 Thôn Nam Dương	B<3,5	55	
2558	Xóm 12 Thôn Nam Dương	B<3,5	54	
2559	Xóm Mới Thôn Nam Dương	B<3,5	57	
2560	Xóm Thượng Hoà Thôn Nam Dương	B<3,5	59	
	XÃ A LUỐI 1			
2561	Đường liên Thôn La Ngà	L= 1.100m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	111	
2562	Đường liên Thôn Pâr Ay	L= 1.300m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	136	
2563	Đường Thôn Kê 2	L= 400m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	43	
2564	Đường Thôn Làng Tre (từ Thôn A Năm đến Ca Cú 2)	L= 2.300m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	51	
2565	Đường liên Thôn Ta Lo A Hố	L= 300m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	28	
2566	Đường liên Thôn Đụt Lê Triêng 2	L= 300m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	21	
2567	Đường liên Thôn A Đeeng Par Lieng 1	L= 300m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	30	
2568	Đường liên Thôn Đút 1	L= 200m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	15	
2569	Đường liên Thôn A Tia 1	L= 300, B= 0,5-2,5m; H>3,5m	14	
	XÃ A LUỐI 2			

2570	Kiệt 224 đường Hồ Chí Minh, Thôn 5	L= 250m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	12	
2571	Kiệt 10 đường Đông Tiên Công, Thôn 6	L= 180m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	15	
2572	Kiệt 49 đường Konh Hur, Thôn 6	L= 200m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	06	
2573	Kiệt đường Đội Cấn, Thôn 6 (đường vô Xóm cá)	L= 320m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	25	
2574	Kiệt đường Hồ Chí Minh, Thôn 6 (cạnh cửa hàng Trường Thịnh)	L= 100m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	12	
2575	Đường liên Thôn Bình Sơn (gần Trạm y tế xã A Lưới 2 cơ sở 4	L= 250m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	15	
2576	Đường liên Thôn Bình Sơn	L= 200m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	15	
2577	Đường liên Thôn Diên Mai	L= 200, B= 0,5-2,5m; H>3,5m	14	
2578	Kiệt đường Hồ Chí Minh, Thôn Diên Mai	L= 100, B= 0,5-2,5m; H>3,5m	04	
2579	Kiệt đường Hồ Chí Minh, Thôn Diên Mai	L= 200, B= 0,5-2,5m; H>3,5m	11	
2580	Đường liên Thôn Tà Roi	L= 100, B= 0,5-2,5m; H>3,5m	05	
2581	Đường liên Thôn Tà Roi (gần nhà họp Thôn Tà Roi)	L= 150, B= 0,5-2,5m; H>3,5m	15	
2582	Đường liên Thôn Tà Roi	L= 150, B= 0,5-2,5m; H>3,5m	15	
2583	Đường liên Thôn Tà Roi	L= 100, B= 0,5-2,5m; H>3,5m	11	
2584	Đường liên Thôn Pâr Nghi	L= 150, B= 0,5-2,5m; H>3,5m	04	
2585	Đường Võ Át, Thôn 4	L= 150, B= 0,5-2,5m; H>3,5m	15	
2586	Kiệt 287, đường Hồ Chí Minh, Thôn 4	L= 150, B= 0,5-2,5m; H>3,5m	05	
2587	Kiệt 2 đường A Vầu, Thôn 4	L= 120, B= 0,5-2,5m; H>3,5m	15	
2588	Đường Quỳnh Trên kéo dài, Thôn 4	L= 250, B= 0,5-2,5m; H>3,5m	15	
2589	Kiệt 167 đường Hồ Chí Minh	L= 150, B= 0,5-2,5m; H>3,5m	05	
	XÃ A LƯỚI 3			
2590	Đường liên Thôn Thôn Ky Ré	L= 400m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	7	
2591	Đường liên Thôn Thôn Ky Ré	L= 300m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	9	
2592	Đường liên Thôn Thôn Hợp Thượng	L= 500m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	18	
2593	Đường liên Thôn từ Căn Tôm đến Thôn	L= 700m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	34	

	Căn Te			
	XÃ A LƯỚI 4			
2594	Điểm cầu Cur Xo thuộc Thôn Cur Xo, xã A Lưới 4.	L= 25m; B= 2,5m; H= m	76	
2595	Điểm cầu A Sáp thuộc Thôn Cur xo, xã A Lưới 4	L=15m; B=2,5m; H=3,5m		
2596	Điểm cầu A Min, Thôn A Min C9, xã A Lưới 4	L=10m; B=2,5m	36	
2597	Điểm nhà Trần Văn Cheo đến nhà A Viết Đơi thuộc Thôn A Roàng 2, xã A Lưới 4	L= 25m; B= 2,5m	03	
2598	Điểm cầu A Ka, khu vực Xóm trong thuộc Thôn A Ka, xã A Lưới 4	L=20m; B=3,0m; H= m	46	
2599	Đường vào nhà sinh hoạt cộng đồng Thôn Liên Hiệp.	L=1000m; B=2,5m; H=3,5m	40	
2600	Đường vào nhà sinh hoạt cộng đồng Thôn Ba Lạch	L=50m; B=2,5m; H=3,5m	20	
2601	Đường vào Xóm 1 Thôn Ba Lạch	L=1000m; B=2,5m; H=3,5m	15	
2602	Đường vào Xóm 2Thôn Ba Lạch	L=1500m; B=2,5m; H=3,5m	15	
	XÃ A LƯỚI 5			
2603	Đường liên Thôn Thôn Pa Ring Càn Sâm (Xóm Càn Sâm)	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	76	
2604	Đường liên Thôn Thôn A Rom (Xóm Thủy Điện A Lưới)	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	46	
2605	Đường liên Thôn Thôn Chi Đu Nghĩa	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	54	
2606	Đường liên Thôn Thôn Giồng	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	87	
2607	Đường liên Thôn Thôn Càn Tôm	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	37	
2608	Đường liên Thôn Thôn A Rí	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	99	
2609	Đường liên Thôn Thôn Mu Nủ Ta Rá	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	113	
2610	Đường liên Thôn Thôn Pa Hy	L= 215m; B= 0,5-2,5m; H>3,5m	36	
	XÃ PHÚ LỘC			

2611	Đường nội bộ Thôn Đông Lưu, xã Phú Lộc, thành phố Huế	$L = 500 \text{ m}; B = 3 \text{ m}; H = 2,5 \text{ m}.$	497	Khu vực đi qua cầu lòn đường sắt
2612	Đường nội bộ Thôn Lê Thái Thiện, xã Phú Lộc, thành phố Huế	$L = 2000 \text{ m}; B = 1,5 \text{ m}; H > 4,5 \text{ m}.$	221	
	XÃ CHÂN MÂY - LĂNG CÔ			
2613	Tuyến đường An Cư Đông, thuộc Thôn An Cư Đông 2 (<i>từ số nhà 171 An Cư Đông đến đường An Cư Đông</i>), xã Chân Mây - Lăng Cô, thành phố Huế	$L = 450 \text{ m}; B = 1,5 - 3 \text{ m}; H = 3 \text{ m}.$	426	

B. KHU VỰC KHÔNG ĐẢM BẢO NGUỒN NƯỚC

STT	Khu vực không đảm bảo nguồn nước phục vụ chữa cháy	Vị trí (Từ nhà số đến nhà số)	Số lượng nhà ở tại khu vực (nhà)	Hiện trạng hệ thống cấp nước PCCC		Đề xuất cải tạo hoặc lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy	Ghi chú
				Đã đầu tư	Chưa đầu tư		
	PHƯỜNG AN CỰU						
1	Toàn bộ Tổ dân phố 9 – An Tây cũ		516		x	Xây dựng trụ nước chữa cháy	
2	Toàn bộ Tổ dân phố 10 – An Tây cũ		240		x	Xây dựng trụ nước chữa cháy	
3	Khu dân cư Xóm Kẹm Tổ dân phố 4 – An Tây cũ		75		x	Xây dựng trụ nước chữa cháy	
4	Khu dân cư Xóm Chùa Trà am Tổ dân phố 4 – An Tây cũ		25		x	Xây dựng trụ nước chữa cháy	
5	Tổ dân phố 11 (khu vực đường Duy Tân) – An Cựu cũ		100		x	Xây dựng trụ nước chữa cháy	
6	Tổ dân phố 1 – An Tây cũ		96	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
7	Tổ dân phố 3 – An Tây cũ		259	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
8	Tổ dân phố 7 – An Tây cũ		337	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
9	Tổ dân phố 1 - An Cựu cũ		178	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

						cháy hoạt động	
10	Tổ dân phố 2 - An Cựu cũ		60	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
11	Tổ dân phố 3 - An Cựu cũ		60	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
12	Tổ dân phố 4 - An Cựu cũ		40	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
13	Tổ dân phố 6 - An Cựu cũ		123	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
14	Tổ dân phố 7 - An Cựu cũ		10	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
15	Tổ dân phố 8 - An Cựu cũ		237	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
16	Tổ dân phố 9 - An Cựu cũ		175	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
17	Tổ dân phố 10 - An Cựu cũ		121	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
18	Tổ dân phố 11 - An Cựu cũ		31	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
19	Tổ dân phố 12 - An Cựu cũ		84	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
20	Tổ dân phố 13 - An Cựu cũ		280	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
21	Tổ dân phố 7-8 - An Đông cũ		16	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
22	Tổ dân phố 9 - An Đông cũ		30	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
23	Tổ dân phố Nhì Đông - An Đông cũ		86	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
24	Tổ dân phố 14 - An Đông cũ		30	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

						cháy hoạt động	
25	Tổ dân phố 15 - An Đông cũ		192	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
26	Tổ dân phố 20, 21 - An Đông cũ		56	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
27	Tổ dân phố 22 - An Đông cũ		77	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
	PHƯỜNG DƯƠNG NỖ						
28	Xóm 1, Tổ dân phố Phú Khê	Từ nhà số 3 đến số 8	8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
29	Xóm 2, Tổ dân phố Phú Khê	Từ nhà số 3 đến số 7	7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
30	Xóm 3, Tổ dân phố Phú Khê	Từ nhà số 3 đến số 10	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
31	Xóm 5, Tổ dân phố Phú Khê	Từ nhà số 4 đến số 7	7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
32	Xóm 6, Tổ dân phố Phú Khê	Từ nhà số 4 đến số 9	9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
33	Xóm 7, Tổ dân phố Phú	Từ nhà số 3	7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

	Khê	đến số 7				cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
34	Xóm 8, Tổ dân phố Phú Khê	Từ nhà số 4 đến số 9	9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
35	Xóm 9, Tổ dân phố Phú Khê	Từ nhà số 3 đến số 8	8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
36	Xóm 10, Tổ dân phố Phú Khê	Từ nhà số 3 đến số 10	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
37	Xóm 11, Tổ dân phố Phú Khê	Từ nhà số 3 đến số 8	8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
38	Xóm 12, Tổ dân phố Phú Khê	Từ nhà số 4 đến số 7	7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
39	Xóm 13, Tổ dân phố Phú Khê	Từ nhà số 4 đến số 9	9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
40	Xóm 14, Tổ dân phố Phú Khê	Từ nhà số 4 đến số 9	9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
41	Xóm 15, Tổ dân phố Phú Khê	Từ nhà số 4 đến số 9	9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
42	Xóm 16, Tổ dân phố Phú Khê	Từ nhà số 4 đến số 13	15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
43	Xóm 17, Tổ dân phố Phú Khê	Từ nhà số 4 đến số 12	13		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
44	Xóm 18, Tổ dân phố Phú Khê	Từ nhà số 2 đến số 100	110		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
45	Xóm 19, Tổ dân phố Phú Khê	Từ nhà số 4 đến số 9	12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
46	Xóm 20, Tổ dân phố Phú Khê	Từ nhà số 4 đến số 9	12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
47	Xóm 21, Tổ dân phố Phú Khê	Từ nhà số 4 đến số 13	13		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
48	Xóm 1, Tổ dân phố	Từ nhà số 3	43		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

	Dương Nỗ Nam	đến số 40				cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
49	Xóm 2, Tổ dân phố Dương Nỗ Nam	Từ nhà số 4 đến số 29	29		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
50	Xóm 3, Tổ dân phố Dương Nỗ Nam	Từ nhà số 4 đến số 27	28		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
51	Xóm 4, Tổ dân phố Dương Nỗ Nam	Từ nhà số 4 đến số 25	30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
52	Xóm 5, Tổ dân phố Dương Nỗ Nam	Từ nhà số 3 đến số	6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
53	Xóm 6, Tổ dân phố Dương Nỗ Nam	Từ nhà số 4 đến số 27	30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
54	Xóm 7, Tổ dân phố Dương Nỗ Nam	Từ nhà số 4 đến số 28	29		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
55	Xóm 8, Tổ dân phố Dương Nỗ Nam	Từ nhà số 4 đến số 28	28		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hống nước	
56	Xóm 9, Tổ dân phố Dương Nỗ Nam	Từ nhà số 4 đến số 27	27		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
57	Xóm 10, Tổ dân phố Dương Nỗ Nam	Từ nhà số 4 đến số 51	51		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
58	Xóm ông Huế, Tổ dân phố Dương Nỗ Cồn	Từ nhà số 4 đến số 12	12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
59	Xóm ông Đệ, Tổ dân phố Dương Nỗ Cồn	Từ nhà số 4 đến số 12	14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
60	Xóm ông Mỹ, Tổ dân phố Dương Nỗ Cồn	Từ nhà số 4 đến số 10	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
61	Xóm ông Tải, Tổ dân phố Dương Nỗ Cồn	Từ nhà số 4 đến số 15	15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
62	Xóm ông Hòn, Tổ dân phố Dương Nỗ Cồn	Từ nhà số 3 đến số 17	17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
63	Xóm ông Bình, Tổ dân	Từ nhà số 3	13		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

	phố Dương Nổ Cồn	đến số 13				cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
64	Xóm bà Sang, Tổ dân phố Dương Nổ Cồn	Từ nhà số 3 đến số 12	14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
65	Xóm bà Thôi, Tổ dân phố Dương Nổ Cồn	Từ nhà số 3 đến số 12	12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
66	Xóm ông Thêm; Tổ dân phố Dương Nổ Cồn	Từ nhà số 3 đến số 12	12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
67	Xóm ông Cự, Tổ dân phố Dương Nổ Cồn	Từ nhà số 3 đến số 12	15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
68	Xóm 9 (ông Mẫn), Tổ dân phố Thạch Căn	Từ nhà số 3 đến số 8	9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
69	Xóm mới, Tổ dân phố Thạch Căn	Từ nhà số 1 đến số 10	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
70	Xóm ông Minh, Tổ dân phố Thạch Căn	Từ nhà số 4 đến số 15	15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hống nước	
71	Xóm ông Liêu, Tổ dân phố Thạch Căn	Từ nhà số 4 đến số 17	17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
72	Xóm ông Hùng, Tổ dân phố Thạch Căn	Từ nhà số 4 đến số 13	13		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
73	Xóm ông Duệ, Tổ dân phố Thạch Căn	Từ nhà số 4 đến số 13	14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
74	Xóm ông Sĩ, Tổ dân phố Thạch Căn	Từ nhà số 3 đến số 10	12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
75	Xóm Giếng, Tổ dân phố Dương Nỗ Tây	Từ nhà số 4 đến số 13	14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
76	Xóm Chợ, Tổ dân phố Dương Nỗ Tây	Từ nhà số 3 đến số 8	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
77	Xóm ông Mỹ, Tổ dân phố Dương Nỗ Tây	Từ nhà số 4 đến số 13	15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
78	Xóm cô Phái, Tổ dân phố	Từ nhà số 4	17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

	Dương Nỗ Tây	đến số 15				cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
79	Xóm Rèn, Tổ dân phố Dương Nỗ Tây	Từ nhà số 4 đến số 13	13		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
80	Xóm 3, Tổ dân phố Dương Nỗ Đông	Từ nhà số 4 đến số 12	14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
81	Xóm 4, Tổ dân phố Dương Nỗ Đông	Từ nhà số 3 đến số 12	12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
82	Xóm 5, Tổ dân phố Dương Nỗ Đông	Từ nhà số 4 đến số 12	14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
83	Xóm 17, Tổ dân phố Dương Nỗ Đông	Từ nhà số 3 đến số 8	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
84	Xóm ông Chung, Tổ dân phố Phò An	Từ nhà số 4 đến số 13	15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
85	Xóm ông Thông, Tổ dân phố Phò An	Từ nhà số 4 đến số 15	17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hống nước	
86	Xóm ông Lâm, Tổ dân phố Phò An	Từ nhà số 4 đến số 12	13		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
87	Xóm ông Lập, Tổ dân phố Mỹ An	Từ nhà số 4 đến số 12	14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
88	Xóm trạm bơm, Tổ dân phố Mỹ An	Từ nhà số 3 đến số 10	12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
89	Xóm ông Thành, Tổ dân phố Mỹ An	Từ nhà số 4 đến số 13	15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
90	Xóm ông Cò, Tổ dân phố Lưu Khánh	Từ nhà số 4 đến số 25	29		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
91	Xóm ông Thái, Tổ dân phố Lưu Khánh	Từ nhà số 4 đến số 25	28		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
92	Xóm ông Vân, Tổ dân phố Lưu Khánh	Từ nhà số 4 đến số 27	30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
93	Xóm ông Trại, Tổ dân	Từ nhà số 4	6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

	phố Lưu Khánh	đến số 6				cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
94	Xóm ông Mẫn, Tổ dân phố Lưu Khánh	Từ nhà số 4 đến số 25	30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
95	Xóm ông Nhơn, Tổ dân phố Lưu Khánh	Từ nhà số 4 đến số 28	29		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
96	Xóm ông Sinh, Tổ dân phố Lưu Khánh	Từ nhà số 4 đến số 25	28		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
97	Xóm ông Trung, Tổ dân phố Lưu Khánh	Từ nhà số 4 đến số 25	27		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
98	Xóm ông Dẹp, Tổ dân phố Lưu Khánh	Từ nhà số 4 đến số 25	29		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
99	Xóm ông Don, Tổ dân phố Lưu Khánh	Từ nhà số 4 đến số 25	28		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
100	Xóm ông Đố, Tổ dân phố Lưu Khánh	Từ nhà số 4 đến số 27	30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hống nước	
101	Xóm 10, Tổ dân phố Quy Lai	Từ nhà số 3 đến số 12	12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
102	Xóm 11, Tổ dân phố Quy Lai	Từ nhà số 3 đến số 12	14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
103	Xóm 12, Tổ dân phố Quy Lai	Từ nhà số 3 đến số 7	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
104	Xóm 13, Tổ dân phố Quy Lai	Từ nhà số 3 đến số 12	15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
105	Xóm 14, Tổ dân phố Quy Lai	Từ nhà số 3 đến số 12	17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
106	Xóm 15, Tổ dân phố Quy Lai	Từ nhà số 3 đến số 12	13		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
107	Xóm 4, Tổ dân phố Lại Lộc	Từ nhà số 3 đến số 12	14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
108	Xóm 5, Tổ dân phố Lại Lộc	Từ nhà số 4	12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

		đến số 12				cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
109	Xóm 6, Tổ dân phố Lại Lộc	Từ nhà số 4 đến số 12	12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
110	Xóm 7, Tổ dân phố Lại Lộc	Từ nhà số 4 đến số 12	14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
111	Xóm 8, Tổ dân phố Lại Lộc	Từ nhà số 4 đến số 7	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
112	Xóm 9, Tổ dân phố Lại Lộc	Từ nhà số 4 đến số 12	15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
113	Xóm Tân Lập, Tổ dân phố Lại Lộc	Từ nhà số 4 đến số 12	17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
114	Xóm 5, Tổ dân phố Hải Thanh	Từ nhà số 4 đến số 10	13		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
115	Xóm 6, Tổ dân phố Hải Thanh	Từ nhà số 4 đến số 12	14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hống nước	
116	Xóm 7, Tổ dân phố Hải Thanh	Từ nhà số 4 đến số 6	12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
117	Xóm 8, Tổ dân phố Hải Thanh	Từ nhà số 4 đến số 12	14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
118	Xóm 9, Tổ dân phố Hải Thanh	Từ nhà số 6 đến số 10	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
119	Xóm 10, Tổ dân phố Hải Thanh	Từ nhà số 6 đến số 11	15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
120	Xóm ông Tình, Tổ dân phố Hòa An	Từ nhà số 6 đến số 13	17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
121	Xóm ông Văn, Tổ dân phố Hòa An	Từ nhà số 4 đến số 10	13		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
122	Xóm ông Phước, Tổ dân phố Hòa An	Từ nhà số 4 đến số 10	14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
123	Xóm ông Cẩm, Tổ dân	Từ nhà số 4	12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

	phố Hòa An	đến số 10				cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
124	Xóm ông Thịnh, Tổ dân phố Hòa An	Từ nhà số 4 đến số 10	14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
125	Xóm ông Tôn, Tổ dân phố Hòa An	Từ nhà số 4 đến số 8	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
	PHƯỜNG VỸ DẠ						
126	Khu vực Cồn Hén (<i>Xe chữa cháy không lưu thông qua cầu Cồn Hén; chưa có máy bơm chữa cháy và hầm chứa nước</i>)		1003		x	Cải tạo hạ tầng giao thông và lắp đặt hệ thống cấp nước phục vụ công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	
	PHƯỜNG MỸ THUẬN						
127	Đường Nguyễn Đình Tứ		120		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
128	Xóm 1, TDP Ngọc Anh		60		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
129	Đường Đào Duy Tùng		140		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	

130	Đường Xóm 3, TDP Ngọc Anh		150		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
131	Đường Xóm 4, TDP Ngọc Anh		130		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
132	Đường Xóm 4A, TDP Ngọc Anh		70		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
133	Đường Xóm 5, TDP Ngọc Anh		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
134	Đoạn đường Nguyễn Như Chương, TDP Ngọc Anh		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
135	Đường Xóm 7, TDP Ngọc Anh		80		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
136	Đường Xóm 8, TDP Ngọc Anh		100		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
137	Đường Xóm 9, TDP Ngọc Anh		90		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể	

						nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
138	Đường Xóm 10, TDP Ngọc Anh		130		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
139	Khu dân cư thuộc Kiệt 4, Tổ 10		25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước; Khơi Thông, nạo vét các hói tạo nguồn nước tự nhiên phục vụ chữa cháy	
140	Khu dân cư thuộc Kiệt 3, Tổ 10		28		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước; Khơi Thông, nạo vét các hói tạo nguồn nước tự nhiên phục vụ chữa cháy	
141	Khu dân cư thuộc Kiệt 1, Tổ 10		09		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước; Khơi Thông, nạo vét các hói tạo nguồn nước tự nhiên phục vụ chữa cháy	
142	Khu dân cư thuộc Kiệt 3, Tổ 9		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc họng nước; Khởi Thông, nạo vét các hói tạo nguồn nước tự nhiên phục vụ chữa cháy	
143	Khu dân cư thuộc Kiệt 2, Tổ 9		35		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước; Khởi Thông, nạo vét các hói tạo nguồn nước tự nhiên phục vụ chữa cháy	
144	Khu dân cư thuộc Kiệt 1, Tổ 9		18		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước; Khởi Thông, nạo vét các hói tạo nguồn nước tự nhiên phục vụ chữa cháy	
145	Khu dân cư thuộc Kiệt 2, Tổ 8		35		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước; Khởi Thông, nạo vét các hói tạo nguồn nước tự nhiên phục vụ chữa cháy	
146	Khu dân cư thuộc Kiệt 2, Tổ 7		14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước; Khởi Thông, nạo vét các hói	

						tạo nguồn nước tự nhiên phục vụ chữa cháy	
147	Khu dân cư thuộc Kiệt 1, Tổ 7		26		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước; Khơi Thông, nạo vét các hói tạo nguồn nước tự nhiên phục vụ chữa cháy	
148	Khu dân cư thuộc Kiệt 2, Tổ 6		32		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước; Khơi Thông, nạo vét các hói tạo nguồn nước tự nhiên phục vụ chữa cháy	
149	Khu dân cư thuộc Kiệt 1, Tổ 6		25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước; Khơi Thông, nạo vét các hói tạo nguồn nước tự nhiên phục vụ chữa cháy	
150	Khu dân cư thuộc Kiệt 2, Tổ 5		16		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước; Khơi Thông, nạo vét các hói tạo nguồn nước tự nhiên phục vụ chữa cháy	

151	Khu dân cư thuộc Kiệt 1, Tổ 5		30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước; Khởi Thông, nạo vét các hói tạo nguồn nước tự nhiên phục vụ chữa cháy	
152	Khu dân cư thuộc Kiệt 2, Tổ 4		16		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước; Khởi Thông, nạo vét các hói tạo nguồn nước tự nhiên phục vụ chữa cháy	
153	Khu dân cư thuộc Kiệt 1, Tổ 4		16		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước; Khởi Thông, nạo vét các hói tạo nguồn nước tự nhiên phục vụ chữa cháy	
154	Khu dân cư thuộc Kiệt 1, Tổ 3		24		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước; Khởi Thông, nạo vét các hói tạo nguồn nước tự nhiên phục vụ chữa cháy	
155	Khu dân cư thuộc Kiệt 1, Tổ 1		43		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể	

						nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước; Khơi Thông, nạo vét các hói tạo nguồn nước tự nhiên phục vụ chữa cháy	
156	Khu dân cư thuộc Kiệt 1, Tổ 12		25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước; Khơi Thông, nạo vét các hói tạo nguồn nước tự nhiên phục vụ chữa cháy	
157	Khu dân cư Kiệt 1 TDP Trung Đông phường Mỹ Thượng		40		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
158	Khu dân cư Kiệt 2 TDP Trung Đông phường Mỹ Thượng		43		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
159	Khu dân cư Kiệt 3 TDP Trung Đông phường Mỹ Thượng		27		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
160	Khu dân cư Kiệt 4 TDP Trung Đông phường Mỹ Thượng		17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
161	Khu dân cư Kiệt 5 TDP Trung Đông phường Mỹ		13		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể	

	Thượng					nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
162	Khu dân cư Kiệt 6 TDP Trung Đông phường Mỹ Thượng		17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
163	Khu dân cư Kiệt 7 TDP Trung Đông phường Mỹ Thượng		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
164	Khu dân cư Kiệt 8 TDP Trung Đông phường Mỹ Thượng		23		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
165	Khu dân cư Kiệt 9 TDP Trung Đông phường Mỹ Thượng		16		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
166	Khu dân cư Kiệt 10 TDP Trung Đông phường Mỹ Thượng		16		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
167	Khu dân cư Kiệt 11 TDP Trung Đông phường Mỹ Thượng		33		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
168	Khu dân cư Kiệt 12 TDP Trung Đông phường Mỹ Thượng		26		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	

169	Khu dân cư Kiệt 13 TDP Trung Đông phường Mỹ Thượng		19		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
170	Khu dân cư Kiệt 14 TDP Trung Đông phường Mỹ Thượng		18		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
171	Khu dân cư Kiệt 15 TDP Trung Đông phường Mỹ Thượng		18		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
172	Khu dân cư Kiệt 16 TDP Trung Đông phường Mỹ Thượng		16		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
173	Khu dân cư Kiệt 17 TDP Trung Đông phường Mỹ Thượng		24		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
174	Khu dân cư Kiệt 18 TDP Trung Đông phường Mỹ Thượng		11		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
175	Khu dân cư Kiệt 19 TDP Trung Đông phường Mỹ Thượng		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
176	Khu dân cư Kiệt 20 TDP Trung Đông phường Mỹ		5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể	

	Thượng					nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
177	Khu dân cư Kiệt 21 TDP Trung Đông phường Mỹ Thượng		12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
178	Khu dân cư Kiệt 22 TDP Trung Đông phường Mỹ Thượng		5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
179	Khu dân cư Kiệt 23 TDP Trung Đông phường Mỹ Thượng		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
180	Khu dân cư Kiệt 24 TDP Trung Đông phường Mỹ Thượng		9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
181	Khu dân cư Kiệt 25 TDP Trung Đông phường Mỹ Thượng		5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
182	Khu dân cư Kiệt 26 TDP Trung Đông phường Mỹ Thượng		7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
183	Khu dân cư Kiệt 27 TDP Trung Đông phường Mỹ Thượng		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	

184	Khu dân cư Kiệt 28 TDP Trung Đông phường Mỹ Thượng		19		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
185	Xóm 1, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		50		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
186	Xóm 2, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		35		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
187	Xóm 3, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		34		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
188	Xóm 4, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		32		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
189	Xóm 5, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
190	Xóm 6, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		26		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
191	Xóm 7, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng,		24		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể	

	thành phố Huế					nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
192	Xóm 8, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		22		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
193	Xóm 9, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		23		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
194	Xóm 10, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		24		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
195	Xóm 11, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		27		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
196	Xóm 12, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		26		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
197	Xóm 13, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		29		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
198	Xóm 14, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		26		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	

199	Xóm 15, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		24		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
200	Xóm 16, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
201	Xóm 17, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
202	Xóm 18, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		23		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
203	Xóm 1 Quai Chèo, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
204	Xóm 2 Quai Chèo, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		18		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
205	Xóm 3 Quai Chèo, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
206	Xóm 4 Quai Chèo, TDP An Truyền, phường Mỹ		17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể	

	Thượng, thành phố Huế					nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
207	Xóm 5 Quai Chèo, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		19		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
208	Xóm 6 Quai Chèo, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		18		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
209	Xóm 1 Đồng Miếu, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		22		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
210	Xóm 2 Đồng Miếu, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		19		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
211	Xóm 3 Đồng Miếu, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		21		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
212	Xóm 4 Đồng Miếu, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		23		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
213	Xóm 5 Đồng Miếu, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		21		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	

214	Xóm 6 Đồng Miếu, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		24		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
215	Xóm 7 Đồng Miếu, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		23		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
216	Xóm 8 Đồng Miếu, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		21		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
217	Xóm 9 Đồng Miếu, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		21		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
218	Xóm 10 Đồng Miếu, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		23		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
219	Xóm 11 Đồng Miếu, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		24		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
220	Xóm 12 Đồng Miếu, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		28		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
221	Xóm 13 Đồng Miếu, TDP An Truyền, phường		21		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể	

	Mỹ Thượng, thành phố Huế					nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
222	Xóm Chợ, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
223	Xóm Tân Lập 1, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
224	Xóm Tân Lập 2, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		31		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
225	Xóm Đập Góc, TDP An Truyền, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
226	Cổng Lại Thế số 227 Phạm Văn Đông, Lại Thế 1, Mỹ Thượng, TP Huế		235		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
227	Đường xóm 4, đường Lại Thế, Lại Thế 1, Mỹ Thượng, TP Huế		45		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
228	Đường xóm 6, đường Lại Thế, Lại Thế 1, Mỹ Thượng, TP Huế		50		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	

229	Cổng làng xóm 1, Mỹ Lam		235		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
230	Cổng làng xóm 5, Mỹ Lam		120		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
231	Cổng làng TDP An Hạ		85		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
232	Cổng làng xóm ngã ba, Mỹ Lam		205		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
233	Xóm 1 TDP An Lưu		30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
234	Xóm 2 TDP An Lưu		40		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
235	Xóm Rào TDP An Lưu		35		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
236	Xóm 3 TDP An Lưu		36		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể	

						nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
237	Xóm 4 TDP An Lưu		56		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
238	Xóm 5 TDP An Lưu		60		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
239	Xóm 6 TDP An Lưu		65		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
240	Xóm Chợ An Lưu, TDP An Lưu		36		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
241	Xóm Phụ Canh, TDP An Lưu		46		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
242	Đường xóm 2, Lại Thế 1, Mỹ Thượng, TP Huế		65		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
243	Đường xóm 3, Lại Thế 1, Mỹ Thượng, TP Huế		68		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	

244	Đường xóm 5, Lại Thê 1, Mỹ Thượng, TP Huế		63		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
245	Đường Châu Văn Hùng (Ngã 3 Châu Văn Hùng - Nguyễn Đình Tứ), Lại Thê 2, Mỹ Thượng, thành phố Huế		46		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
246	Đường Hoàng Trọng Mậu (Ngã 3 Hoàng Trọng Mậu - Nguyễn Đình Tứ)		40		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
247	Xóm 7 Lại Thê 2, Mỹ Thượng, thành phố Huế		80		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
248	Đường Lại Thê, Lại Thê 2, Mỹ Thượng, thành phố Huế.		30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
249	Xóm 1, TDP Triều Thủy, Mỹ Thượng		123		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
250	Xóm 2, TDP Triều Thủy, Mỹ Thượng		42		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
251	Xóm 3, TDP Triều Thủy,		87		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

	Mỹ Thượng					cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
252	Xóm 4, TDP Triều Thủy, Mỹ Thượng		85		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
253	Xóm 5, TDP Triều Thủy, Mỹ Thượng		113		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
254	Xóm 6, TDP Triều Thủy, Mỹ Thượng		98		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
255	Xóm 7, TDP Triều Thủy, Mỹ Thượng		110		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
256	Xóm 8, TDP Triều Thủy, Mỹ Thượng		105		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
257	Xóm 1, TDP Truyền Nam, Mỹ Thượng		107		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
258	Xóm 2, TDP Truyền Nam, Mỹ Thượng		84		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hống nước	
259	Xóm 3, TDP Truyền Nam, Mỹ Thượng		79		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
260	Xóm 1 (xóm Chùa), TDP Chiết Bi, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		103		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
261	Xóm 2 (xóm Giữa), TDP Chiết Bi, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		138		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
262	Xóm 3 (xóm Cối), TDP Chiết Bi, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		38		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
263	Xóm 4 (xóm Xoài), TDP Chiết Bi, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		36		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
264	Xóm 5 (xóm Hoái), TDP Chiết Bi, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		42		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
265	Xóm 6 (xóm Rệt), TDP Chiết Bi, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		26		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
266	Xóm 7 (xóm Cúp, Lấp,		32		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

	Sông), TDP Chiết Bi, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế					cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
267	Kiệt 328 đường Nguyễn Sinh Cung, TDP Tây Thượng, thành phố Huế		56		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
268	Kiệt 325 đường Nguyễn Sinh Cung, TDP Tây Thượng, thành phố Huế		50		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
269	Kiệt 335 đường Nguyễn Sinh Cung, TDP Tây Thượng, thành phố Huế.		90		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
270	Kiệt 355 đường Nguyễn Sinh Cung, TDP Tây Thượng, thành phố Huế.		40		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
271	Kiệt 360 đường Nguyễn Sinh Cung, TDP Tây Thượng, thành phố Huế.		40		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
272	Xóm 1 TDP La Ỗ, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		35		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
273	Xóm 2 TDP La Ỗ, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		38		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
274	Xóm 3 TDP La Y, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		42		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
275	Xóm 4 TDP La Y, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		41		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
276	Xóm 5 TDP La Y, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		36		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
277	Xóm 6 TDP La Y, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		32		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
278	Xóm 7 TDP La Y, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		37		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
279	Xóm 8 TDP La Y, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		48		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
280	Xóm 1 TDP Tây Trì Nhơn, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		32		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
281	Xóm 2 TDP Tây Trì		38		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

	Nhon, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế					cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
282	Xóm 3 TDP Tây Trì Nhon, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		31		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
283	Xóm 4 TDP Tây Trì Nhon, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		42		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
284	Xóm 5 TDP Tây Trì Nhon, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		46		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
285	Xóm 6 TDP Tây Trì Nhon, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		24		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
286	Xóm 7 TDP Tây Trì Nhon, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		27		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
287	Xóm 8 TDP Tây Trì Nhon, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
288	Xóm 9 TDP Tây Trì Nhon, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		29		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc họng nước	
289	Xóm 10 TDP Tây Trì Nhon, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế		36		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
	PHƯỜNG THUYẾT XUÂN						
290	Tổ dân phố 11		45		x	Xây dựng trụ hoặc họng nước	
291	Tổ dân phố 11		15		x	Xây dựng trụ hoặc họng nước	
292	Khu dân cư Xóm Am Cây Xanh, Tổ dân phố 11		60		x	Xây dựng trụ hoặc họng nước	
293	Khu dân cư Xóm Chùa Thiên Hòa, Tổ dân phố 11		28		x	Xây dựng trụ hoặc họng nước	
294	Khu dân cư Xóm, Kiệt Đồng Khởi, Tổ dân phố 12		32		x	Xây dựng trụ hoặc họng nước	
295	Khu dân cư Xóm, Kiệt Đồng Khởi, Tổ dân phố 12		15		x	Xây dựng trụ hoặc họng nước	
296	Khu dân cư Xóm Thích Tịnh Khiết, Tổ dân phố 14		20		x	Xây dựng trụ hoặc họng nước	
297	Khu dân cư Xóm Thích Tịnh Khiết, Tổ dân phố 14		10		x	Xây dựng trụ hoặc họng nước	
298	Khu dân cư Xóm Thanh Hải, Tổ dân phố 14		4		x	Xây dựng trụ hoặc họng nước	
299	Khu dân cư Xóm Thanh Hải, Tổ dân phố 14		5		x	Xây dựng trụ hoặc họng nước	
300	Khu dân cư Xóm Thanh Hải, Tổ dân phố 14		30		x	Xây dựng trụ hoặc họng nước	
301	Khu dân cư Xóm Thanh Hải, Tổ dân phố 14		03		x	Xây dựng trụ hoặc họng nước	

302	Khu dân cư Xóm Thanh Hải, Tổ dân phố 14		6		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
303	Khu dân cư Xóm Thanh Hải, Tổ dân phố 14		10		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
304	Khu dân cư Xóm Thanh Hải, Tổ dân phố 14		30		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
305	Khu dân cư Xóm Chùa Liên Hương		20		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
306	Khu dân cư Xóm hẻm 15, Quảng Tế		30		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
307	Khu dân cư Xóm hẻm 24, Quảng Tế		8		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
308	Khu dân cư Xóm hẻm 89, Quảng Tế		5		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
309	Khu dân cư Xóm hẻm 106, Quảng Tế		10		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
310	Khu dân cư Xóm hẻm 91, Thích Tịnh Khiết		56		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
311	Tổ dân phố 04		450		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
312	Tổ dân phố 05		435		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
313	Tổ dân phố 13		32		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
314	Kiệt 47 Minh Mạng		55		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
315	Kiệt 06 Tam Thai		100		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
316	Kiệt 30 Minh Mạng		41		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
317	Kiệt 112 Minh Mạng		62		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
318	Kiệt 28 Minh Mạng		13		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
319	Kiệt 15 Minh Mạng		30		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
320	Hẻm 02/109 Minh Mạng		45		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
321	Kiệt 09 Nam Giao		50		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
322	Kiệt 80 Minh Mạng		46		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	

323	Kiệt 28 Huyện Trần Công Chúa		12		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
324	Kiệt 54 Huyện Trần Công Chúa		14		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
325	Kiệt 94 Huyện Trần Công Chúa		11		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
326	Hẻm 2 Kiệt 32 Huyện Trần Công Chúa		16		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
327	Kiệt 1 Hoài Thanh		37		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
328	Hẻm 14 Kiệt 105 Lê Ngô Cát Thủy Xuân, TP Huế		17		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
329	Kiệt 113 Lê Ngô Cát Thủy Xuân, TP Huế		21		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
330	Kiệt 119 Lê Ngô Cát Thủy Xuân, TP Huế		9		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
331	Kiệt 108 Lê Ngô Cát		21		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
332	Đường Dương Quảng Hàm nối đến Kiệt 289 Bùi Thị Xuân		37		x	Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
	PHƯỜNG THUẬN HOÁ						
333	Kiệt 36 Trần Quang Khải		55		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
334	Kiệt 8/1/36 Trần Quang Khải		45		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
335	Kiệt 8/36 Trần Quang		48		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

	Khải					cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
336	Kiệt 42 trần Quang Khải		32		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
337	Kiệt 20 Trần Quang Khải		45		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
338	Kiệt 10 Trần Quang Khải		21		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
339	Kiệt 48 Trần Quang Khải		27		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
340	Kiệt 10 Lê Quý Đôn		16		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
341	Kiệt 15 Bến Nghé		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
342	Kiệt 25 Bến Nghé		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hống nước	
343	Kiệt 52 Bà Triệu		56		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
344	Kiệt 74 bà triệu		65		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
345	Kiệt 116 Bà Triệu		38		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
346	Kiệt 134 Bà Triệu		56		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
347	Kiệt 154 Bà Triệu		54		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
348	Kiệt 15 Tổ Hữu		30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
349	Kiệt 64 Bà Triệu		35		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
350	Kiệt 20 Phạm Hồng Thái		26		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

						cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
351	Kiệt 14 Phạm Hồng Thái		29		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
352	Kiệt 7 Hà Nội		18		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
353	Kiệt 6 Trương Định		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
354	Kiệt 21 Ngô Gia Tự		14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
355	Kiệt 11 Ngô Gia Tự		11		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
356	Kiệt 56 Hai Bà Trưng		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
357	Kiệt 41 Ngô Quyền		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
358	Kiệt 195 Phan Bội Châu		7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
359	Kiệt 199 Phan Bội Châu		9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
360	Kiệt 183 Phan Bội Châu	1-3,2-14	9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
361	Kiệt 175 Phan Bội Châu		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
362	Kiệt 10 Chế Lan Viên	1-23,2-10	17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
363	Kiệt 16 Chế Lan Viên	2-6,1-9	8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
364	Kiệt 24 Chế Lan Viên	2-22,1-25	24		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
365	Kiệt 60 Lịch Đới		25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

						cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
366	Kiệt 62 Lịch Đợi		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
367	Kiệt 61 Lịch Đợi		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
368	Kiệt 51 Lịch Đợi		21		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
369	Kiệt 45 Lịch Đợi		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
370	Kiệt 67 Lịch Đợi		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
371	Kiệt 121 Bùi Thị Xuân		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
372	Kiệt 28 Tôn Thất Tùng		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
373	Kiệt 39 Trần Phú		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
374	Kiệt 210 Phan Chu Trinh		41		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
375	Kiệt 198 Phan Chu Trinh		42		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
376	Kiệt 53 Trần Phú		26		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
377	Kiệt 46 Trần Phú		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
378	Kiệt 44 Trần Phú		12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
379	Kiệt 254 Phan Chu Trinh		42		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
380	Kiệt 184 Phan Chu Trinh		18		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

						cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
381	Kiệt 244 Phan Chu Trinh		12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
382	Hẻm 2 Kiệt 227 Trần Phú		30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
383	Kiệt 68 Điện Biên Phủ		70		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
384	Kiệt 63 Điện Biên Phủ		50		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
385	Kiệt 17 Bảo Quốc		30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
386	Kiệt 120 Điện Biên Phủ		75		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
387	Kiệt 106 Điện Biên Phủ		60		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hống nước	
388	Kiệt 73 Điện Biên Phủ		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
389	Kiệt 9 Bảo Quốc		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
390	Kiệt 35 Điện Biên Phủ		36		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
391	Kiệt 120 Phan Bội Châu		25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
392	Kiệt 66 Điện Biên Phủ		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
393	Kiệt 54 Điện Biên Phủ		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
394	Kiệt 4 Thích Tịnh Khiết		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
395	Kiệt 272 Điện Biên Phủ		31		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

						cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
396	Kiệt 290 Điện Biên Phủ		35		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
397	Kiệt 14 Lê Ngô Cát		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
398	Kiệt 31 Nguyễn Công Trứ		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
399	Kiệt 33 Nguyễn Công Trứ		40		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
400	Kiệt 43 Nguyễn Công Trứ		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
401	Kiệt 56 Nguyễn Công Trứ		50		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
402	Kiệt 35 Chu Văn An		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hống nước	
403	Kiệt 26 Võ Thị Sáu		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
404	Kiệt 65 Phan Bội Châu	1-29, 2-52	50		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
405	Kiệt 101 Phan Bội Châu	1-29,2-38	45		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
406	Kiệt 190 Trần Phú	1-7,2/1-28/1,1-4,2/4-28/4,1/4-15/4	28		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
407	Kiệt 136 Phan Chu Trinh	1-9,2-22	22		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
408	Kiệt 156 Phan Chu Trinh	1-21,2-22	24		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
409	Kiệt 119 Hùng Vương		61		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
410	Kiệt 263 Hùng Vương		39		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

						cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
411	Kiệt 41 Lê Quý Đôn		7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
412	Kiệt 47 Lê Quý Đôn		9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
413	Kiệt 9 Lê Quý Đôn		35		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
414	Kiệt 21 Lê Quý Đôn		11		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
415	Kiệt 29 Lê Quý Đôn		9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
416	Kiệt 33 Lê Quý Đôn		37		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
417	Kiệt 41 Lê Quý Đôn		9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hống nước	
418	Kiệt 127 Hùng Vương		11		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
419	Kiệt 235 Bà Triệu		4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
420	Kiệt 149 Hùng Vương		21		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
421	Kiệt 125 Hùng Vương		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
422	Kiệt 143 Hùng Vương		3		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
423	Kiệt 145 Hùng Vương		4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
424	Kiệt 14 Đoàn Hữu Trưng		27		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
425	Kiệt 16 Đoàn Hữu Trưng		128		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

						cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
426	Kiệt 20 Đoàn Hữu Trưng		14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
427	Kiệt 26 Đoàn Hữu Trưng		11		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
428	Kiệt 30 Đoàn Hữu Trưng		13		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
429	Kiệt 34 Đoàn Hữu Trưng		14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
430	Kiệt 44 Đoàn Hữu Trưng		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
431	Kiệt 52 Đoàn Hữu Trưng		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
432	Kiệt 1 Đoàn Hữu Trưng		84		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hống nước	
433	Kiệt 168 Trần Phú		87		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
434	Kiệt 174 Trần Phú		9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
435	Kiệt 6 Hàm Nghi		16		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
436	Kiệt 22 Hàm Nghi		80		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
437	Kiệt 29 Hàm Nghi		48		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
438	Kiệt 152 Trần Phú		46		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
439	Kiệt 138 Trần Phú		61		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
440	Kiệt 245 Phan Bội Châu		30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

						cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
441	Kiệt 174 Phan Bội Châu		21		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
442	Kiệt 194 Phan Bội Châu		14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
443	Kiệt 204 Phan Bội Châu		21		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
444	Kiệt 214 Phan Bội Châu		23		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
445	Kiệt 246 Phan Bội Châu		25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
446	Kiệt 209 Điện Biên Phủ		11		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
447	Kiệt 262 Phan Bội Châu		18		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
448	Kiệt 338 Phan Bội Châu		25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
449	Kiệt 280 Phan Bội Châu		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
450	Kiệt 37 Hùng Vương		7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
451	Kiệt 29 Hùng Vương		3		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
452	Kiệt 8 Phạm Ngũ Lão		3		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
453	Kiệt 46 Chu Văn An		3		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
454	Kiệt 112 Đặng Huy Trứ		30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
455	Kiệt 11 Võ Thị Sáu		5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

						cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
456	Kiệt 10 Bến Nghé		13		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
457	Kiệt 1 Đội Cung		11		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
458	Kiệt 5 Đội Cung		2		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
459	Kiệt 9 Đội Cung		12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
460	Kiệt 17 Đội Cung		9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
461	Kiệt 52 Trần Cao Vân		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
462	Kiệt 29 Võ Thị Sáu		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hống nước	
463	Kiệt 66 Lê Lợi		14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
464	Kiệt 7 Nguyễn Công Trứ		28		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
465	Kiệt 14 Nguyễn Công Trứ		22		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
466	Kiệt 31 Nguyễn Công Trứ		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
467	Kiệt 20 Nguyễn Công Trứ		4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
468	Kiệt 114 Lê Lợi		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
469	Kiệt 48 Trần Phú		14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
470	Kiệt 112 Trần Phú		22		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

						cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
471	Kiệt 30 Đồng Đa	Toàn tuyến	17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
472	Kiệt 12 Đồng Đa	Toàn tuyến	6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
473	Kiệt 71 Nguyễn Huệ	Toàn tuyến	17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
474	Kiệt 62 Nguyễn Huệ	Toàn tuyến	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
475	Kiệt 66 Nguyễn Huệ	Toàn tuyến	31		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
476	Kiệt 86 Nguyễn Huệ	Toàn tuyến	50		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
477	Kiệt 90 Nguyễn Huệ	Toàn tuyến	49		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hống nước	
478	Kiệt 98 Nguyễn Huệ	Toàn tuyến	37		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
479	Kiệt 75 Phan Đình Phùng	Toàn tuyến	18		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
480	Kiệt 89 Phan Đình Phùng	Toàn tuyến	20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
481	Kiệt 91 Phan Đình Phùng	Toàn tuyến	1		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
482	Kiệt 57 Hai Bà Trưng	Toàn tuyến	67		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
483	Kiệt 63 Hai Bà Trưng	Toàn tuyến	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
484	Kiệt 130 Trần Phú		114		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
485	Kiệt 53 Hàm Nghi		45		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

						cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
486	Kiệt 47 Hàm Nghi		38		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
487	Kiệt 29 Hàm Nghi		33		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
488	Kiệt 58 Hàm Nghi		22		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
489	Kiệt 50 Hàm Nghi		18		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
490	Kiệt 22 Hàm Nghi		7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
491	Kiệt 138 Trần Phú		16		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
492	Kiệt 60 Hàm Nghi		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hống nước	
493	Kiệt 6 Duy Tân		7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
494	Kiệt 113 Trần Phú		23		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
495	Kiệt 117 Trần Phú		11		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
496	Kiệt 131 Trần Phú		151		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
497	Kiệt 141 Trần Phú		5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
498	Kiệt 135 Trần Phú		17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
499	Kiệt 149 Trần Phú		21		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
500	Kiệt 155 Trần Phú		13		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

						cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
501	Kiệt 159 Trần Phú		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
502	Kiệt 165 Trần Phú		36		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
503	Kiệt 175 Trần Phú		16		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
504	Kiệt 179 Trần Phú		30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
505	Kiệt 179 Trần Phú	Toàn số chẵn	36		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
506	Kiệt 199 Trần Phú	Toàn tuyển	52		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
507	Kiệt 13 Đặng Huy Trứ	Toàn tuyển	29		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hống nước	
508	Kiệt 35 Đặng Huy Trứ	Toàn tuyển	23		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
509	Kiệt 103 Xuân Diệu	Toàn tuyển	31		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
510	Kiệt 66 Xuân Diệu	Toàn tuyển	33		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
511	Kiệt 72 Đào Tấn	Toàn số chỗ	42		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
512	Kiệt 131 Trần Phú	Toàn tuyển	98		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
513	Kiệt 289 Bùi Thị Xuân	Toàn tuyển	31		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
514	Kiệt 292 Bùi Thị Xuân	Toàn tuyển	24		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
515	Kiệt 299 Bùi Thị Xuân	Toàn tuyển	26		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

						cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
516	Kiệt 317 Bùi Thị Xuân	Toàn tuyến	34		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
517	Kiệt 354 Bùi Thị Xuân	Toàn tuyến	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
518	Kiệt 302 Bùi Thị Xuân	Toàn tuyến	16		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
519	Kiệt 314 Bùi Thị Xuân	Toàn tuyến	25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
520	Kiệt 343 Bùi Thị Xuân	Toàn tuyến	19		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
521	Kiệt 173 Phan Đình Phùng		39	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
522	Kiệt 177 Phan Đình Phùng		26	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
523	Kiệt 150 Nguyễn Huệ		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hống nước	
524	Kiệt 209 Phan Đình Phùng		38	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
525	Kiệt 187 Phan Đình Phùng		46	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
526	Kiệt 171 Phan Đình Phùng		8	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
527	Kiệt 159 Phan Đình Phùng		25	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
528	Kiệt 147 Phan Đình Phùng		52	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
529	Kiệt 145 Phan Đình Phùng		4	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
530	Kiệt 137 Phan Đình Phùng		48	x		Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
531	Kiệt 28 Nguyễn Khuyến		28		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
532	Kiệt 42 Nguyễn Khuyến		12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
533	Kiệt 50 Nguyễn Khuyến		4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
534	Kiệt 133 Bùi Thị Xuân		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hống nước	
535	Kiệt 141 Bùi Thị Xuân		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
536	Kiệt 197 Bùi Thị Xuân		12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
537	Kiệt 203 Bùi Thị Xuân		13		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
538	Kiệt 239 Bùi Thị Xuân		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
539	Kiệt 245 Bùi Thị Xuân		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
540	Kiệt 257 Bùi Thị Xuân		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
541	Kiệt 104 Bùi Thị Xuân		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
542	Kiệt 138 Bùi Thị Xuân		12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

						cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
543	Kiệt 190 Bùi Thị Xuân		19		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
544	Kiệt 220 Bùi Thị Xuân		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
545	Kiệt 230 Bùi Thị Xuân		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
546	Kiệt 238 Bùi Thị Xuân		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
547	Kiệt 242 Bùi Thị Xuân		16		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
548	Kiệt 254 Bùi Thị Xuân		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
549	Kiệt 11 Phan Bội Châu		30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hống nước	
550	Kiệt 6 Phan Bội Châu		5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
551	Kiệt 9 Trần Thúc Nhẫn		30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
552	Kiệt 06 Trần Thúc Nhẫn		2		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
553	Kiệt 24 Trần Thúc Nhẫn		40		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
554	Kiệt 47 Trần Thúc Nhẫn		4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
555	Kiệt 19 Phan Đình Phùng		50		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
556	Kiệt 63 Phan Đình Phùng		5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
557	Kiệt 21 Nguyễn Huệ		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

						cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
558	Kiệt 27 Nguyễn Huệ		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
559	Kiệt 20 Phan Bội Châu		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
560	Kiệt 49 Phan Đình Phùng		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
561	Kiệt 05 Lê Lợi		11		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
562	Kiệt 72 Đào Tấn		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
563	Kiệt 65 Đặng Huy Trứ		60		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
564	Kiệt 99 Đặng Huy Trứ		70		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hống nước	
565	Kiệt 93 Đặng Huy Trứ		80		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
566	Kiệt 109 Đặng Huy Trứ		90		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
567	Kiệt 127 Đặng Huy Trứ		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
568	Kiệt 133 Đặng Huy Trứ		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
569	Kiệt 42 Đào Tấn		110		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
570	Kiệt 81 Nguyễn Huệ		73		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
571	Kiệt 83 Nguyễn Huệ		98		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
572	Kiệt 85 Nguyễn Huệ		713		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

						cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
573	Kiệt 87 Nguyễn Huệ		341		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
574	Kiệt 89 Nguyễn Huệ		67		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
575	Kiệt 99 Nguyễn Huệ		89		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
576	Kiệt 105 Nguyễn Huệ		97		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
577	Kiệt 109 Nguyễn Huệ		44		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
578	Kiệt 1 Lê Hồng Phong		18		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
579	Kiệt 9 Lê Hồng Phong		41		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
580	Kiệt 29 Lê Hồng Phong				x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
581	Kiệt 36 Đống Đa				x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
582	Kiệt 114 Nguyễn Huệ				x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
583	Kiệt 120 Nguyễn Huệ				x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
584	Kiệt 124 Nguyễn Huệ				x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
585	Kiệt 134 Nguyễn Huệ		134		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
586	Kiệt 140 Nguyễn Huệ		23		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
587	Kiệt 103 Phan Đình				x		

	Phùng						
588	Kiệt 11 Nguyễn Khuyến				x		
589	Kiệt 02 Nguyễn Thị Minh Khai				x		
590	Kiệt 12 Lịch Đới		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
591	Kiệt 17 Lịch Đới		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
592	Kiệt 29 Lịch Đới		50		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
593	Kiệt 31 Lịch Đới		32		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
594	Kiệt 34 Lịch Đới		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
595	Kiệt 40 Lịch Đới		110		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
596	Kiệt 48 Lịch Đới		7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể	

						nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
597	Kiệt 03 Lịch Đới		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
598	Kiệt 6 Tôn Thất Tùng		40		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
599	Kiệt 6 Hà Nội	Toàn tuyến	11		x	Lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy	
600	Kiệt 8 Hà Nội	Toàn tuyến	24		x	Lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy	
601	Kiệt 22 Hà Nội	Toàn tuyến	21		x	Lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy	
602	Kiệt 26 Hà Nội	Toàn tuyến	13		x	Lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy	
603	Kiệt 27 Hà Nội	Toàn tuyến	11		x	Lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy	
604	Kiệt 15 Đống Đa	Toàn tuyến	36		x	Lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy	
605	Kiệt 11 Lý Thường Kiệt	Toàn tuyến	29		x	Lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy	
606	Kiệt 34 Nguyễn Tri Phương	Toàn tuyến	26		x	Cải tạo	
607	Kiệt 18 Nguyễn Tri Phương	Toàn tuyến	7		x	Lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy	
608	Chung cư Xuân Diệu	Kiệt 43 Xuân Diệu	60	x		Lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy	

609	Kiệt 227 Trần Phú	Toàn tuyến	30		x		
610	Đường Ấu Triệu	25 đến 49: 32 đến 46	40		x	Lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy	
611	Kiệt 179 Trần Phú	Toàn tuyến	36		x	Lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy	
612	Kiệt 199 Trần Phú	Toàn tuyến	52		x	Lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy	
613	Kiệt 13 Đặng Huy Trứ	Toàn tuyến	29		x	Lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy	
614	Kiệt 35 Đặng Huy Trứ	Toàn tuyến	23		x	Lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy	
615	Kiệt 66 Đặng Huy Trứ	Toàn tuyến	33		x	Lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy	
616	Kiệt 72 Đào Tấn	Toàn tuyến	42		x	Lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy	
617	Kiệt 252 Ngự Bình	1 đến 25	25		x	Lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy	
618	Kiệt 214 Ngự Bình	1 đến 30	30		x	Lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy	
	XÃ BÌNH DIỄN						
619	Xóm ông Duệ tại Thôn Tam Hiệp		4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động; Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
620	Xóm ông Phương tại Thôn Tân Thọ		2		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động; Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
621	Xóm ông Hùng tại Thôn Hòa Hợp		1		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động; Xây dựng bể	

						nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
622	Xóm ông Sâm tại Thôn Phú Tuyên		2		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động; Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
623	Xóm ông Lực tại Thôn Thuận Lợi		5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động; Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
624	Xóm ông Ngọ tại Thôn Thuận Lợi		3		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động; Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
	XÃ QUẢNG ĐIỀN						
625	Đường Xóm 1 Thôn Mai Dương	Thôn Mai Dương	31		x	Xây dựng trụ nước chữa cháy	
626	Đường Xóm 2 Thôn Mai Dương	Thôn Mai Dương	32		x	Xây dựng trụ nước chữa cháy	
627	Đường Xóm 3 Thôn Mai Dương	Thôn Mai Dương	36		x	Xây dựng trụ nước chữa cháy	
628	Đường Xóm 4 Thôn Mai Dương	Thôn Mai Dương	25		x	Xây dựng trụ nước chữa cháy	
629	Đường Xóm 5 Thôn Mai Dương	Thôn Mai Dương	29		x	Xây dựng trụ nước chữa cháy	
630	Đường Xóm 6 Thôn Mai Dương	Thôn Mai Dương	27		x	Xây dựng trụ nước chữa cháy	
631	Đường Xóm 7 Thôn Mai Dương	Thôn Mai Dương	40		x	Xây dựng trụ nước chữa cháy	
	PHƯỜNG PHÚ XUÂN						

632	Kiệt 58 Phùng Hưng	phường Phú Xuân	51	x		Cải tạo xây dựng trụ hoặc hòng nước	
633	Kiệt 23 Nhật Lệ	phường Phú Xuân	37	x		Cải tạo xây dựng trụ hoặc hòng nước	
634	Kiệt 71 Nhật Lệ	phường Phú Xuân	42	x		Cải tạo tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoặc xây dựng trụ/hòng nước	
635	Kiệt 25 Nguyễn Gia Thiều	phường Phú Xuân	39	x		Cải tạo xây dựng trụ hoặc hòng nước	
636	Kiệt 10 Nguyễn Du	phường Phú Xuân	24	x		Cải tạo xây dựng trụ hoặc hòng nước	
637	Kiệt 15 Nguyễn Du	phường Phú Xuân	33	x		Cải tạo xây dựng trụ hoặc hòng nước	
638	Kiệt 35 Nguyễn Du	phường Phú Xuân	26	x		Cải tạo xây dựng trụ hoặc hòng nước	
639	Kiệt 227 Chi Lăng	phường Phú Xuân	56	x		Cải tạo xây dựng trụ hoặc hòng nước	
640	Kiệt 357 Chi Lăng	phường Phú Xuân	61	x		Cải tạo xây dựng trụ hoặc hòng nước	
641	Kiệt 228 Bạch Đằng	phường Phú Xuân	68	x		Cải tạo xây dựng trụ hoặc hòng nước	
642	Kiệt 290 Bạch Đằng	phường Phú Xuân	63	x		Cải tạo xây dựng trụ hoặc hòng nước	
643	Kiệt 300 Bạch Đằng	phường Phú Xuân	26	x		Cải tạo xây dựng trụ hoặc hòng nước	
644	Kiệt 15 Hoàng Diệu	phường Phú Xuân	19	x		Cải tạo xây dựng trụ hoặc hòng nước	
645	Kiệt 3 Cao Bá Quát	phường Phú Xuân	9	x		Cải tạo xây dựng trụ hoặc hòng nước	
646	Kiệt 21 Trần Nguyên	phường Phú	27	x		Cải tạo xây dựng trụ hoặc hòng	

	Đán	Xuân				nước	
647	Kiệt 76 Trần Nguyên Đán	phường Phú Xuân	18	x		Cải tạo xây dựng trụ hoặc hòng nước	
648	Kiệt 34 Thạch Hãn	phường Phú Xuân	21	x		Cải tạo xây dựng trụ hoặc hòng nước	
649	Kiệt 4 Nguyễn Cư Trinh	phường Phú Xuân	16	x		Cải tạo xây dựng trụ hoặc hòng nước	
650	Kiệt 51 Thái Phiên	phường Phú Xuân	39	x		Cải tạo tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoặc xây dựng trụ/hòng nước	
651	Kiệt 195 Nguyễn Trãi	phường Phú Xuân	38	x		Cải tạo xây dựng trụ hoặc hòng nước	
652	Kiệt 240 Nguyễn Trãi	phường Phú Xuân	32	x		Cải tạo xây dựng trụ hoặc hòng nước	
653	Kiệt 25 Nguyễn Văn Trỗi	phường Phú Xuân	16	x		Cải tạo xây dựng trụ hoặc hòng nước	
	PHƯỜNG KIM LONG						
654	Đường Hồ Văn Hiến		100		x		
655	Kiệt 108 Nguyễn Phúc Thái		40		x		
656	Kiệt 4 Nguyễn Phúc Thái		50		x		
657	Kiệt 35 Phạm Thị Liên		60		x		
658	Kiệt 53 Phạm Thị Liên		60		x		
659	Kiệt 104 Phạm Thị Liên		25		x		
	PHƯỜNG HOÁ CHÂU						
660	Xóm rên -Bao Vinh	Xóm rên	128		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động. Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
661	Xóm 1 - Bao Vinh	Xóm 1	32		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động. Xây dựng trụ	

						hoặc hòng nước	
662	Xóm Muối - Bao Vinh	Xóm Muối	30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động. Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
663	Xóm Ớt - Bao Vinh	Xóm Ớt	28		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động. Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
664	Xóm Dừa - Bao Vinh	Xóm Dừa	27		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động. Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
	PHƯỜNG HƯƠNG AN						
665	Kiệt 199 Cao Văn Khánh	TDP CỎ BƯU	19		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động. Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
666	Kiệt ông Hà Văn Bình		22		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động. Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
667	Kiệt 83 Lý Thái Tổ	TDP 5, phường An Hòa cũ	25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động. Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
668	Kiệt 162 Lý Thái Tổ		45		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động. Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
669	Kiệt 3/3/ Lý Nam Đế	TDP 12, 13, phường An Hòa cũ	30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động. Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
	PHƯỜNG KIM TRÀ						
670	Xóm Diên Khải, TDP Triều Sơn Trung		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động. Xây dựng trụ hoặc hòng nước	

671	Xóm ngang Văn Thánh, TDP Triều Sơn Trung		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động. Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
672	Xóm Đảo, TDP Phụ Ô 2		39		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động. Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
673	Xóm 3, TDP Giáp Kiên		33		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động. Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
674	Xóm 4, TDP Giáp Thượng		21		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động. Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
675	Xóm 6, TDP Vân Cù - Nam Thanh		51		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động. Xây dựng trụ hoặc hòng nước	
	XÃ HƯNG LỘC						
676	Xóm khu tái định cư Thôn 1 (Thôn Hưng An, xã Hưng Lộc)		13		x	Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
677	Xóm khu tái định cư Bãi Gạo (Thôn Hưng An, xã Hưng Lộc)		11		x	Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
678	Toàn bộ Thôn Phụng Sơn (Thôn Phụng Sơn, xã Hưng Lộc)		108		x	Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
679	Xóm ông Mai Phước (Thôn Xuân Mỹ, xã Hưng Lộc)		28		x	Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
680	Xóm nhà ông Trương Thân (Thôn Xuân Mỹ, xã		18		x	Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc	

	Hung Lộc)					họng nước	
681	Toàn bộ bản Phúc Lộc (Bản Phúc Lộc, xã Hung Lộc)		166		x	Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
682	Ngã tư ông Bờ đến mốc Hoà Vang (Thôn Dương Lộc, xã Hung Lộc)		45		x	Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
683	Nhà ông Đồng đến ngã tư ông Tôn (Thôn Hoà Lộc, xã Hung Lộc)		17		x	Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
684	Xóm Miếu đến ruộng Trăm bầu (Thôn Hoà Vang 2, xã Hung Lộc)		65		x	Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
685	Xóm chợ (Thôn Xuân Sơn, xã Hung Lộc)		66		x	Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
686	Xóm Trường Tiểu học Lộc Sơn (Thôn Xuân Sơn, xã Hung Lộc)		100		x	Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
687	Toàn bộ Thôn La Sơn (Thôn La Sơn, xã Hung Lộc)		223		x	Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
688	Toàn bộ Thôn An Sơn (Thôn An Sơn, xã Hung Lộc)		532		x	Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
689	Đường từ Nhà văn hoá đến nhà bà Chức (Thôn Bình An, xã Hung Lộc)		35		x	Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
	PHƯỜNG PHÚ BÀI						
690	Liên TDP 1A Thủy Phù	Nhà Trần	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

		Sim - Nhà ông Nhon				cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
691	Liên TDP 1B - 3 Thủy Phù	Anh Nghị - Cô Liệu	20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
692	Liên TDP 1B - 3 Thủy Phù	Chị Ánh-Anh Minh	7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
693	Liên TDP 4 - 2 Thủy Phù	Cầu Chữ V-Đập Cam Thu	15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
694	Liên TDP 4 - 6 Thủy Phù	Anh Bảo-Cây Sen TDP 6	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
695	Liên TDP 4 - 6 Thủy Phù	Ông Phong-Nhà họp TDP 6	11		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
696	Liên TDP 5 - 9 Thủy Phù	QL 1A-Nhà ông Hoa	70		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
697	Liên TDP 2 - 6 Thủy Phù	TBA TDP 2-Tôn Điện	50		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
698	Liên TDP 5 - 7 Thủy Phù	Nhà SHCĐ TDP 5-Đập Cam Thu	40		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
699	Liên TDP 5 - 7 Thủy Phù	Quán ông Vọng-nhà ô Đoan	40		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
700	Liên TDP 8B - 10 Thủy Phù	QL 1A- Giang hạ mí	60		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
701	Liên TDP 9 - 10	QL 1A- Giang hạ mí	42		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
702	TDP 1A Thủy Phù	ông Lân-Chị Đầu	17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
703	TDP 1A Thủy Phù	Sân vận động-Nhà thờ họ Võ	22		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
704	TDP 1A Thủy Phù	Cổng Ông Liêm-Giang Cây Mưng	11		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
705	TDP 1A Thủy Phù	TBA TDP	33		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

		1A-Tỉnh lộ 18				cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
706	TDP 1B Thủy Phù	QL 1A-Bàu Họ	70		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
707	TDP 1B Thủy Phù	QL 1A-Ông Sơn	65		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
708	TDP 1B Thủy phù	QL 1A-nhà ông Chính	9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
709	TDP 1B Thủy Phù	QL1A-nhà ông Phúc	8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
710	TDP 2 Thủy Phù	Nhà ông Phước-Nhà Ngô Ánh	6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
711	TDP 2 Thủy Phù	Bến Ngự- Nhà ông Lễ	15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
712	TDP 3 Thủy Phù	QL 1A-Ông Đài	12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
713	TDP 3 Thủy Phù	QL 1A-Nhà Ông Thắng	25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
714	TDP 3 Thủy Phù	Cây sen-Bến Lối	25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
715	TDP 3 Thủy Phù	QL 1A-Anh Luyện	14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
716	TDP 4 Thủy Phù	Lê Hữu Hòa-Lê Cho	8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
717	TDP 4 Thủy Phù	Dương Cường-Lê Thương	23		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
718	TDP 4 Thủy Phù	HTX Điện-Lê Ngọc	7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
719	TDP 4 Thủy Phù	Lê Tạ-Phan Phước	8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
720	TDP 4 Thủy Phù	Lê Luyện-	20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

		Ngô Ba				cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
721	TDP 5 Thủy Phù	Cầu Cây Sại- Nhà ông Hong	11		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
722	TDP 5 Thủy Phù	Nhà SHCĐ Thôn 5- Giếng ông Hơn	12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
723	TDP 5 Thủy Phù	Ông Đình- Nhà thờ họ Hồ	9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
724	TDP 5 Thủy Phù	QL 1A-Cổng ông Năng	11		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
725	TDP 5 Thủy Phù	Lê Thị Tầm- Cầu ông Sại	18		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
726	TDP 5 Thủy Phù	Lê Kim Dĩ- Lê Trường Sơn	18		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
727	TDP 6 Thủy Phù	Cầu Chữ V- Cầu Ô Bình	45		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
728	TDP 6 Thủy Phù	Nhà họ Trần- Khe trường Lắm	70		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
729	TDP 6 Thủy Phù	Ngô Sỹ-Lê Thị Thương	18		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
730	TDP 6 Thủy Phù	Lê Hà-Lăng Bồn Thổ	3		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
731	TDP 6 Thủy Phù	Lê Văn Vĩnh- Lê Quang Quyền	5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
732	TDP 7 Thủy Phù	Đập Cam Thu-nhà ông Hậu	30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
733	TDP 7 Thủy Phù	Anh Thụy- Nhà thờ Họ Lê	22		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
734	TDP 7 Thủy Phù	Ông Ngô Nở- Ông Lê Côn	16		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
735	TDP 7 Thủy Phù	Ngô Lợi-	11		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

		Chùa Thôn 7				cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
736	TDP 7 Thủy Phù	Ngô Quang Toàn-Cầu Hộ	9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
737	TDP 8A Thủy Phù	Bến Trường- Ông Xã	35		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
738	TDP 8A Thủy Phù	Bà Sâm-Ông Cường	8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
739	TDP 8A Thủy Phù	Anh Đạt-Anh Tuấn	12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
740	TDP 8A Thủy Phù	Anh Hồng- Ông Huệ	12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
741	TDP 8A Thủy Phù	Bà Lê-Bến Trường	15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
742	TDP 8B Thủy Phù	Anh Pháo- Anh Thừa	22		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc họng nước	
743	TDP 8B Thủy Phù	Ông Thành- Côn Am	30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
744	TDP 8B Thủy Phù	giang Kênh Cùng-Ông Hối	16		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
745	TDP 8B Thủy Phù	Ông Xuân- Ông Lê Tiến	20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
746	TDP 9 Thủy Phù	Miêu-Mai Văn Thành	15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
747	TDP 10 Thủy Phù	Cầu Bền Lợi- Ông Khôi	40		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
748	TDP 10 Thủy Phù	Cầu Bền Lợi- Ông Khứ	32		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
749	TDP Hạ	Ông Hoài- WB	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
750	TDP Hạ	Ông Dự-Ông	6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

		Hoài				cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
751	TDP Hạ	Ông Mãi-WB	5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
752	TDP Hạ	Ông Chính-WB	1		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
753	TDP Hạ	Bến dò TDP Hạ-Ông Hải	4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
754	TDP Hạ	Đường liên Thôn-Ông Thoan	7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
755	TDP Hạ	Ông Thuật-Ông Trường	4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
756	TDP Hạ	Ông Hải-Sông Hương	2		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
757	TDP Buồng Tầm	Cổng chào Thôn-Bà Thu	7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
758	TDP Hộ	Ông Phong- Đồng Hộ	4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
759	TDP Hộ	Ông Quốc- Bà Hoa	6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
760	TDP Hộ	Ông Phong- Bà Hạnh	5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
761	TDP Hộ	Ông Hữu- Ông Minh	8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
762	TDP Hộ	Bà Chanh- Ông Thắng	4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
763	TDP Hộ	Trường Mầm non-Ông Huy	4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
764	TDP Hộ	Đường liên Thôn-Ông Hải	2		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
765	TDP Hộ	Ông Tuyên-	5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

		Đồng Hộ				cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
766	TDP Hộ	Đường liên Thôn-Đường Ống Sáu	7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
767	TDP Thanh Vân	Ông Thiện-Trường TH&THCS Dương Hòa cơ sở lẻ	5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
768	TDP Khe Sòng	Nhà họp Thôn-Ông Hùng	4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
769	Tuyến TDP 2 Phú Sơn	Ông Vi- Ông Hiếu	25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
770	Tuyến TDP 1 Phú Sơn	Đá Mài- Ông Thuận	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
771	Tuyến TDP 1 Phú Sơn	Ông Lãnh-Vùng DA (T1)	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
772	Tuyến TDP 1 Phú Sơn	Ông Đức- Ông Chánh	5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể	

						nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
773	Tuyến TDP 2 Phú Sơn	Ông Hòa-Bà Phượng	4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
774	Tuyến TDP 2 Phú Sơn	Trường TH-Ông Tin	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
775	Tuyến TDP 2 Phú Sơn	Tỉnh lộ 15-Ông Quyết	5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
776	Tuyến TDP 3 Phú Sơn	Ông Phong-Ông Bụi	5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
777	Tuyến TDP 3 Phú Sơn	Ông Hiệp-Ông Hiền	5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
778	Tuyến TDP 3 Phú Sơn	Bà Thu-Ông Hiệp	7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
779	Tuyến TDP 3 Phú Sơn	Ông Bửu-Ông Diện	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	

780	Tuyến TDP 4 Phú Sơn	Lộ Tân Ba- Ông Thóc	20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
781	Tuyến TDP 4 Phú Sơn	Lộ Tân Ba- Ông Đường	15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
782	Tuyến TDP 4 Phú Sơn	Lộ Tân Ba- Ông Ánh	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
783	Tuyến TDP 4 Phú Sơn	Lộ Tân Ba- Ông Hồ	7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
784	Kiệt 1149, Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế		40		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
785	Kiệt 883, Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế		22		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
786	Kiệt 3, Nguyễn Thanh Ái, phường Phú Bài, Thành phố Huế		14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
787	Hẻm 6, Kiệt 3, Nguyễn Thanh Ái, phường Phú		14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể	

	Bài, Thành phố Huế					nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
788	Hẻm 10, Kiệt 3, Nguyễn Thanh Ái, phường Phú Bài, Thành phố Huế		14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
789	Kiệt 1183, Nguyễn Tấn Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế		27		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
790	Kiệt 1193, Nguyễn Tấn Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế		22		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
791	Kiệt 1199, Nguyễn Tấn Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
792	Kiệt 56, Đường 2/9, phường Phú Bài, Thành phố Huế		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
793	Kiệt 54, Đường 2/9, phường Phú Bài, Thành phố Huế		9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
794	Kiệt 1, Đường Đinh Lễ, phường Phú Bài, Thành phố Huế		24		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	

795	Hẻm 10, Kiệt 25, Đường Đinh Lễ, phường Phú Bài, Thành phố Huế		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
796	Kiệt 35, Đường Đinh Lễ, phường Phú Bài, Thành phố Huế		21		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
797	Kiệt 1065, Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế		49		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
798	Kiệt 971, Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế		9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
799	Kiệt 868, Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
800	Kiệt 33, Tân Trào, phường Phú Bài, Thành phố Huế		5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
801	Kiệt 25, Tân Trào, phường Phú Bài, Thành phố Huế		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
802	Hẻm 1, Kiệt 36, Đường Trần Quang Diệu,		7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể	

	phường Phú Bài, Thành phố Huế					nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
803	Hẻm ông Phụng, Tổ dân Phố 9, phường Phú Bài, Thành phố Huế		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
804	Hẻm ông Ánh, Tổ dân Phố 9, phường Phú Bài, Thành phố Huế		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
805	Kiệt 38, Nam Cao, phường Phú Bài, Thành phố Huế		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
806	Kiệt Ông Thắng, Võ Tảo, phường Phú Bài, Thành phố Huế		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
807	Kiệt Ông Ty, Võ Tảo, phường Phú Bài, Thành phố Huế		4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
808	Kiệt Ông Thọ, Quốc lộ 1A, phường Phú Bài, Thành phố Huế		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
809	Kiệt 127, Nguyễn Khoa Văn, phường Phú Bài, Thành phố Huế		4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	

810	Kiệt 3, Lý Đạo Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế		9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
811	Kiệt 5, Lý Đạo Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
812	Kiệt 7, Lý Đạo Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế		24		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
813	Kiệt 29, Lý Đạo Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế		22		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
814	Kiệt 31, Lý Đạo Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế		22		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
815	Đường Nguyễn Duy Luật (đoạn từ Nguyễn Tất Thành – Sóng Hồng), phường Phú Bài, Thành phố Huế		26		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
816	Kiệt 1241, Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
817	Kiệt 1221, Nguyễn Tất		26		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

	Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế					cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
818	Kiệt 1241, Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế		30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
819	Hẻm 1, Kiệt 28, Đường Nguyễn Đình Xương, phường Phú Bài, Thành phố Huế		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
820	Kiệt 61, Đường Nguyễn Duy Luật, phường Phú Bài, Thành phố Huế		18		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
821	Kiệt 37, Đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Phú Bài, Thành phố Huế		14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
822	Hẻm 4, Kiệt 35, Đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Phú Bài, Thành phố Huế		14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
823	Hẻm 12, Kiệt 35, Đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Phú Bài, Thành phố Huế		27		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
824	Kiệt 1105, Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế		7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hống nước	
825	Kiệt 1001, Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế		37		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
826	Kiệt 983, Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
827	Kiệt 981, Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế		51		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
828	Kiệt 957, Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, Thành phố Huế		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
829	Đỗ Nam, phường Phú Bài, Thành phố Huế		23		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
	PHƯỜNG THANH THỦY						
830	Khu dân cư Tổ dân phố 1;2;3;4;5	Đường Nguyễn Tất Thành; đường Khúc Thừa Dụ; đường Dạ Lê; đường	600		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	Trừ khu vực Ngã ba Dạ Lê- Nguyễn Tất

		Nguyễn Văn Chư					Thành (bán kính từ trụ nước Chữa cháy 400m)
831	Khu dân cư Tổ dân phố 7,8,9,10	Các tuyến đường Nguyễn Tất Thành; Khúc Thừa Dụ, Nguyễn Văn Chư; Tôn Thất Sơn; Nguyễn Viết Xuân; Hồ Biểu Chánh; Cao Bá Đạt; Giáp Hải; Vương Thừa Vũ;	600		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
832	Khu dân cư Tổ dân phố 8;11	Đường Ngô Thế Vinh; Nguyễn Danh Thực	750		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	Trừ Đường Vương Thừa Vũ Và Kiệt 637

							Nguyễn Tất Thành
833	Khu dân cư Tổ dân phố 12	Toàn bộ các khu vực thuộc tổ 12	310		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
834	Tổ dân phố Lang Xá Cồn	Đường Hoàng Quốc Việt (<i>Từ Võ Chí Công đến giáp phường An Cựu</i>)	520		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
835	Khu dân cư Tổ dân phố 1A	Khu vực khu quy hoạch Thủy Dương gia đoạn 1,2,3	70			Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
836	Khu dân cư Tổ dân phố 2A	Đường Nguyễn Hữu Cảnh; Dương Thiệu Tước	452		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
837	Khu dân cư Tổ dân phố 3A, 4A	Đường Võ Duy Ninh; Phùng Lưu; Bùi Xuân Phái, KQH Vĩnh Mộc; Phạm Thế Hiển, Dương	615		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	

		Thiệu Tước.					
838	Khu dân cư Tổ dân phố 5A, 6A, 7A, 10A	Đường Khúc Thừa Dụ; Triệu Thái; Nguyễn Tất Thành; An Thường Công Chúa; Nguyễn Văn Tổ	1110		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
839	Khu dân cư Tổ dân phố 8A, 9A,	Đường Phùng Quán, Võ Duy Ninh; Trưng Nữ Vương; Dương Thiệu Tước	509		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	Trừ số nhà 32 Phùng Quán đến Kiệt 42 phùng quán
840	Khu dân cư Tổ dân phố 11A	Nguyễn Tất Thành	112		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
841	Khu dân cư Tổ dân phố 12A	Từ Kiệt 58 Phùng Quán Đến Đường Tránh; Đường Trần Đình Thám	170		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
	PHƯỜNG HUƠNG THỦY						

842	Kiệt 259 - Võ Trác		35		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
843	Kiệt 269 - Võ Trác		28		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
844	Kiệt 232 - Võ Trác		12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
845	Kiệt 69 - Thái Thuận		27		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
846	Kiệt 85 - Thái Thuận		32		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
847	Kiệt 45 - Thái Thuận		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
848	Kiệt 27 - Thái Thuận		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
849	Kiệt 25 - Thái Thuận		32		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
850	Kiệt 21 - Thái Thuận		12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
851	Kiệt 5 - Thái Thuận		42		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
852	Kiệt 1 - Thái Thuận		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
853	Kiệt 2 - Trần Hoàn		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
854	Kiệt 39 - Trần Hoàn		38		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
855	Kiệt 78 - Trần Hoàn		4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
856	Kiệt 88 - Trần Hoàn		47		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	

857	Kiệt 94 - Trần Hoàn		7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
858	Kiệt 98 - Trần Hoàn		40		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
859	Kiệt 142 - Trần Hoàn		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
860	Kiệt 184 - Trần Hoàn		32		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
861	Kiệt 179 - Trần Hoàn		57		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
862	Kiệt 143 - Trần Hoàn		25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
863	Kiệt 68 - Trần Hoàn		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
864	Kiệt Trần Hoàn (<i>Hà Văn Đin - Lê Vãng Đăng</i>)		33		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
865	Kiệt Trần Hoàn (<i>Nguyễn Văn Dũng - Nguyễn Tấn Lợi</i>)		27		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
866	Kiệt Trần Hoàn (Hoàng Thị Bình - Phan Văn Mẫn)		28		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
867	Kiệt Trần Hoàn (Lương Quang Thuận - Nguyễn Thị Thơm)		22		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
868	Kiệt Trần Hoàn (Lương Quang Thắng - Phan Thị Thúy Hằng)		21		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
869	Kiệt Trần Hoàn (Lê Đình Luyện - Nguyễn Thị Trò)		37		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	

870	Kiệt Trần Hoàn (Nguyễn Đức Mãi - Võ Hoàng)		17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
871	Kiệt Trần Hoàn (Lê Văn Từ - Nguyễn Văn Dữ)		23		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
872	Kiệt Trần Hoàn (NCĐ Chiết Bi - Lê Quang Hoàng)		25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
873	Kiệt Trần Hoàn (Lê Đình Vệ - Nguyễn Quang Tòng)		25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
874	Kiệt Trần Hoàn (Nguyễn Tấn Điều - Hồ Văn Đức)		29		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
875	Kiệt Trần Hoàn (Nguyễn Văn Đạo - Nguyễn Quang Phò)		12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
876	Kiệt Trần Hoàn (Nguyễn Quang Tuấn - Lê Văn Thắng)		47		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
877	Kiệt Trần Hoàn (Phan Thị Năm - Ngô Văn Hào)		22		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
878	Kiệt Trần Hoàn (Trần Thị Loan- Nguyễn Hảo)		17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
879	Kiệt Trần Hoàn (Trương Văn Tùng- Nguyễn Văn Thọ)		26		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
880	Kiệt Trần Hoàn (Đỗ Văn Nhân- Đào Lệnh)		51		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
881	Kiệt Trần Hoàn (Lê Văn Dũng- Lê Thị Thơm)		22		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
882	Kiệt Trần Hoàn (Cổng		41		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

	chào hội cao tuổi-Nguyễn Văn Chuân)					cháy hoạt động	
883	Kiệt Trần Hoàn (Cổng chào Hội nông dân-Nguyễn Văn Truyền)		25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
884	Kiệt Trần Hoàn (Nguyễn Văn Trọ-Nguyễn Quang Thân)		40		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
885	Kiệt Trần Hoàn (Phạm Văn Vẽ-Trần Thị Sương)		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
886	Kiệt 36 Trần Hoàn		40		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
887	Kiệt 135 Trần Hoàn		68		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
888	Kiệt 101 Trần Hoàn		37		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
889	Kiệt 79 Trần Hoàn		12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
890	Kiệt 61 Trần Hoàn		11		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
891	Kiệt 59 Trần Hoàn		7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
892	Kiệt 19 Bùi Huy Bích		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
893	Kiệt 29 Bùi Huy Bích		12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
894	Kiệt 47 - Nguyễn Thái Bình		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
895	Kiệt 17 - Nguyễn Thái Bình		27		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	

896	Kiệt 13 Bùi Huy Bích		25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
897	Kiệt 9 Bùi Huy Bích		12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
898	Kiệt 80 Bùi Huy Bích		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
899	Kiệt 32 Bùi Huy Bích		31		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
900	Kiệt 227 Trần Hoàn		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
901	Kiệt 34 Trần Hoàn		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
902	Kiệt Dương Thanh Bình (Điểm đầu: Trần Nhật Quang)		17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
903	Kiệt Dương Thanh Bình (ĐĐ: Lê Phước - ĐC: Am Tân Mỹ)		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
904	Kiệt Dương Thanh Bình (ĐĐ: Võ Khắc Tranh- ĐC: Kiệt TN Quan)		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
905	Kiệt Dương Thanh Bình (ĐĐ: Lê Đông Hải- ĐC: Đào Thị Mỹ)		27		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
906	Kiệt Dương Thanh Bình (ĐĐ: Tôn Nữ Thị Hòa- ĐC: Phạm Phương)		35		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
907	Kiệt Dương Thanh Bình (ĐĐ Phạm Phước Thái- ĐC: K2 Thân Nhân		14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	

	Trung)						
908	Kiệt Dương Thanh Bình (ĐĐ Trần Thanh Tịnh- ĐC: K2 Dương Thuần)		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
909	Kiệt Dương Thanh Bình (ĐĐ Lê Văn Thanh- ĐC: Lê Dũng)		5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
910	Kiệt 68, Nguyễn Trọng Thuật		17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
911	Kiệt 14, Nguyễn Trọng Thuật		5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
912	Kiệt 55, Hoàng Phan Thái		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
913	Kiệt 43, Hoàng Phan Thái		16		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
914	Kiệt 147, Hoàng Phan Thái		17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
915	Kiệt 11, Hoàng Phan Thái		12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
916	Kiệt 116, Hoàng Phan Thái		22		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
917	Kiệt 54, Hoàng Phan Thái		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
918	Kiệt 50, Hoàng Phan Thái		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
919	Kiệt 2, Hoàng Phan Thái		12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
920	Kiệt Dương Thanh Bình (ĐĐ Phạm Thị Dung - ĐC: Nguyễn Văn Cao)		21		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	

921	Kiệt 27, Thái Vĩnh Chinh		59		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
922	Kiệt 31, Thái Vĩnh Chinh		2		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
923	Kiệt 2, Thân Nhân Trung		34		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
924	Kiệt 26, Thân Nhân Trung		13		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
925	Kiệt 32, Thân Nhân Trung		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
926	Kiệt 66, Thân Nhân Trung		17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
927	Kiệt 59 Thân Nhân Trung		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
928	Kiệt 61 Thân Nhân Trung		4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
929	Kiệt 77, Thân Nhân Trung		2		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
930	Kiệt 107, Thân Nhân Trung		16		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
931	Kiệt 312 Thuận Hóa		5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
932	Kiệt 322, Thuận Hóa		2		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
933	Kiệt 324, Thuận Hóa		17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
934	Kiệt 195, Thuận Hóa		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
935	Kiệt Vân Dương (ĐĐ: Nguyễn Minh Phương		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	

936	Kiệt Vân Dương (ĐĐ: Hà Văn Quang - Lê Thị Tình)		27		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
937	Kiệt Vân Dương (ĐĐ: Hoàng Văn Chiến - Nguyễn Biên)		31		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
938	Kiệt Vân Dương (ĐĐ: Nguyễn Duy Cường - Nguyễn Văn Xuân)		18		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
939	Đường đội 11A - Tô Đà 2		120		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
940	Đường đội 11B - Tô Đà 2		60		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
941	Đường đội 12 - Tô Đà 2		95		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
942	Đường đội 10 - Tô Đà 2		63		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
943	Đường Kiệt Hòa Phong		100		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
944	Kiệt 11 - Nguyễn Thượng Phương		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
945	Kiệt 211 - Sóng Hồng		21		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
946	Kiệt 45 - Đỗ Nam		3		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
947	Kiệt 41 - Đỗ Nam		9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
948	Kiệt 60 Võ Trác		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
949	Kiệt 61 Võ Trác		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

						cháy hoạt động	
950	Kiệt 14 Nguyễn Thượng Phương		4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
951	Kiệt 839 Nguyễn Tất Thành		29		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
952	Kiệt 39 Võ Liêm (Hồ Việt Nhật - Lê Thị Phương)		12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
953	Kiệt 7 Võ Khoa (Võ Văn Thái - Lê Hiệp)		4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
954	Kiệt 18 Võ Khoa (Huỳnh Thế Hòa - Lê Đông)		16		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
955	Kiệt 26 Võ Khoa (phan Thị Hoa - Ngô Trọng Phi)		4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
956	Kiệt 41 Võ Khoa (Lê Văn Tuấn - Võ Quốc Dũng)		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
957	Kiệt 43 Võ Khoa (Phan Văn Tuấn - Lê Quang Phấn)		4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
958	Kiệt 641 Nguyễn Tất Thành (Trần Ut - Huỳnh Cần)		35		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
959	Kiệt 27 Võ Khoa (Phan Ngọc Lô đến Nguyễn Văn Vĩnh)		9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
960	Kiệt 2 Võ Liêm (Lê Sửu - Nguyễn Thị Kiều)		9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
961	Kiệt 825 Nguyễn Tất Thành		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	

962	Kiệt 809 Nguyễn Tất Thành		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
963	Kiệt 2 Bùi Chí Nhuận từ Trương Công Chánh đến Phan Ngọc Biển		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
964	Kiệt 1 Bùi Chí Nhuận (Võ Hóa - Võ Lát)		13		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
965	Kiệt 18 Võ Liêm		9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
966	Kiệt 8 Võ Liêm		19		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
967	Hẻm 1/747 Nguyễn Tất Thành		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
968	Kiệt 747 Nguyễn Tất Thành		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
969	Kiệt 16 Võ Trác		4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
970	Kiệt 36 Võ Trác		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
971	Kiệt 23A Võ Trác		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
972	Kiệt 15 Lê Mai		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
973	Kiệt 1/9 Võ Trác		11		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
974	Phan Trần Chúc		13		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
975	Kiệt 5 Hoàng Hữu Thường		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
976	Kiệt 55 Hoàng Hữu Thường		3		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

						cháy hoạt động	
977	Hẻm 3/42 Tân Trào		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
978	Kiệt 54 Tân Trào		19		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
979	Kiệt 217 Võ Trác		5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
980	Kiệt 219 Võ Trác		50		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
981	Kiệt 27 Phạm Huy Thông		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
982	Kiệt 43 Trần Thanh Từ		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
983	Kiệt 61, Vân Dương		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
984	Kiệt 63, Vân Dương		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
985	Kiệt 709 Nguyễn Tất Thành (từ nhà ông Nguyễn Viết Miễn đến nhà ông Lê Văn Dai)		27		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
986	Kiệt 42 Mai Xuân Thưởng (Trần Duy Chạy - Nguyễn Quang Vương)		9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
987	Kiệt 52 Mai Xuân Thưởng (Dương Hà - Dương Thuận)		7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
988	Kiệt 66 Mai Xuân Thưởng (Dương Thanh Hoàng - Huỳnh Thế Sơn)		16		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	

989	Kiệt 13 Mai Xuân Thưởng (Nguyễn Thị Diệu Thúy - Phan Ngọc Dũng)		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
990	Kiệt 19 Mai Xuân Thưởng (Lê Thanh - Nguyễn Thị Phương)		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
991	Kiệt 27 Mai Xuân Thưởng (Nguyễn Văn Toán - Võ Đức Thịnh)		7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
992	Kiệt 82 Mai Xuân Thưởng (Võ Cam - Hồ Hiệp)		30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
993	Kiệt 7 Lê Thanh Nghị (Lê Hiền - Trần Đình Phùng)				x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
994	Kiệt 23 Lê Thanh Nghị (Lê Thưởng - Hồ Minh Tín)		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
995	Kiệt 27 Mai Xuân Thưởng (Võ Trung - Nguyễn Phải)		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
996	Kiệt 50 Lê Thanh Nghị (Hồ Thị Thanh Lan - Hồ Xuân Thanh)		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
997	Kiệt 61 Lê Thanh Nghị (Lê Quang Phụng - Ngô Văn Dư)		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
998	Kiệt 126 Trung Nữ Vương (Nguyễn Thị		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	

	Hồng - Tổng Phước Hoàng)						
999	Kiệt 130 Trưng Nữ Vương (Ngô Phụng - Võ Thị Tâm)		25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1000	Kiệt 119 Trưng Nữ Vương (Nguyễn Thị Xí - Nguyễn Thị Thục Uyên)		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1001	Kiệt 141 Trưng Nữ Vương (Lê Văn Sáu - Nguyễn Văn Toàn)		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1002	Kiệt 151 Trưng Nữ Vương (Lê Quang Đãi - Dương Thị Tuya)		9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1003	Kiệt 176 Trưng Nữ Vương (Phan Văn Vương - Lê Văn Hạnh)		9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1004	Kiệt 47 Chánh Đông		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1005	Kiệt 7 Chánh Đông		7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1006	Đường Đại Giang		34		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1007	Đường Lợi Nông		80		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1008	Kiệt 530 Nguyễn Tất Thành (A Lam- C Ngọc)		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1009	Kiệt 550 Nguyễn Tất Thành (A Mẫn- A Hiên)		25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1010	Kiệt 560 Nguyễn Tất		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

	Thành (A Sinh- A Chiến)					cháy hoạt động	
1011	Kiệt 604 Nguyễn Tất Thành (A Hiệp- A Khứ)		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1012	Kiệt 24 Mai Xuân Thưởng (A Tuân- A Hoàng)		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1013	Kiệt 26 Mai Xuân Thưởng (A Sơn- A Hùng)		16		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1014	Kiệt 3 Châu Sơn (Nguyễn Bá Tuyển) A Chung- A Quân		23		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1015	Kiệt 4 Châu Sơn (A Mạnh- A Cường)		5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1016	Kiệt 5 Châu Sơn (A Phổ- A Quang)		3		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1017	Kiệt 8 Châu Sơn (A Dũng- A Quýt)		13		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1018	Kiệt 10 Châu Sơn (Thích Thượng Siêu) (A Lành- A Lực)		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1019	Kiệt 11 Châu Sơn (C Bích- A Sĩ)		5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1020	Kiệt 21 Châu Sơn (A Liễn- B Xí)		5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1021	Kiệt 36 Châu Sơn (C Hạnh- A Lợi)		16		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1022	Kiệt 37 Châu Sơn (A Nghệ- A Bình)		3		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1023	Kiệt 41 Châu Sơn (A		3		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

	Phân- A Hoàng)					cháy hoạt động	
1024	Kiệt 43 Châu Sơn (A Kính-A Chủng)		3		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1025	Kiệt 44 Châu Sơn (A Anh-A Linh)		4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1026	Kiệt 53 Châu Sơn (A Sứ- A Minh)		4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1027	Hẻm 5, Kiệt 3 Châu Sơn (Nguyễn Bá Tuyền) (A Thuận-A Hòa)		7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1028	Hẻm 11, Kiệt 3 Châu Sơn (Nguyễn Bá Tuyền) (Chị Nga-A Cẩm)		9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1029	Hẻm 16, Kiệt 3 Châu Sơn (Nguyễn Bá Tuyền) (Ông Đình- Chị Hồng)		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1030	Hẻm 36, Kiệt 3 Châu Sơn (Nguyễn Bá Tuyền) (Ông Nghi- A Đăng)		3		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1031	Kiệt 25, Đỗ Nam		3		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1032	Kiệt 41, Đỗ Nam		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1033	Kiệt 45, Đỗ Nam		11		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1034	Kiệt 20, Đỗ Nam		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1035	Kiệt 26, Đỗ Nam		3		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1036	Kiệt 46, Đỗ Nam		3		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

						cháy hoạt động	
1037	Kiệt 1, Dương Khuê		9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1038	Kiệt 10, Dương Khuê		9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1039	Kiệt 35, Dương Khuê		4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1040	Kiệt 51, Dương Khuê		5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1041	Kiệt 60, Lê Trọng Bát		5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1042	Kiệt 37, Lê Trọng Bát		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1043	Kiệt 51, Tân Trào		11		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1044	Kiệt 6, Trần Thanh Từ		4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1045	Kiệt 46, Trần Thanh Từ		3		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1046	Kiệt 43, Trần Thanh Từ		5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1047	Kiệt 61, Võ Trác		12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1048	Kiệt 60, Võ Trác		5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1049	Kiệt 83, Võ Trác		3		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1050	Kiệt 88, Võ Trác		3		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
1051	Kiệt 92, Võ Trác		3		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

						cháy hoạt động	
1052	Kiệt 131, Võ Trác		14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động	
	XÃ PHÚ HÒ						
1053	Kiệt đường nhà ông Lê Hiền (<i>gần khu vực chợ Quảng Xuyên</i>)	Thôn Quảng Xuyên	25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1054	Kiệt đường nhà ông Trần Văn Hậu (<i>gần khu vực chợ Quảng Xuyên</i>)	Thôn Quảng Xuyên	32		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1055	Kiệt đường nhà ông Nguyễn Bạch (<i>gần khu vực chợ Quảng Xuyên</i>)	Thôn Quảng Xuyên	14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1056	Kiệt đường nhà ông Đặng Hữu Truyền	Thôn Quảng Xuyên	4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1057	Đường vào Xóm Hàu	Thôn Thủy Diện	60		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1058	Xóm Đạo cụm Vĩnh	Thôn Vĩnh	15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

	Lương Khê	Lương Khê				cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1059	Xóm ông Lương Minh Miên	Thôn Sur Lỗ	30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1060	Xóm ông Nguyễn Liên	Thôn Sur Lỗ	22		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1061	Xóm Bến Đò	Thôn Sur Lỗ	42		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1062	Xóm Chùa	Thôn Sur Lỗ	24		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1063	Kiệt 2, 3 Cụm Giang Tây	Thôn Văn Giang	17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1064	Kiệt nhà ông Dương Văn	Thôn Tây Hồ	30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

	Long cụm Trung An					cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1065	Kiệt nhà ông Dương Văn Quyết cụm Trung Chánh	Thôn Tây Hồ	5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1066	Kiệt nhà ông Đinh Như An	Thôn Đông Di	20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1067	Kiệt nhà ông Lê Quang Lâm	Thôn Đông Di	15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
	XÃ PHÚ VANG						
1068	Đường BT xóm ông Quyện	Hồ Ngọc Ba (ông Mua) - Nhà ông Quyện	17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1069	Đường BT Xóm ông Hợp	Đường Hồ Đắc Trung - Nhà ông Hợp	6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1070	Đường BT Xóm ông Ngạn	Đường Võ Phi Trắng -	9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể	

		Miếu xóm				nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1071	Đường BT Xóm ông Dũng	Đường Viễn Trình - Đường ông Ngạn	6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1072	Đường BT Xóm ông Bờ	Đường Viễn Trình - Nhà ông Kiên	4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1073	Đường BT Xóm ông Mỹ	Đường Phú Thứ - Nhà ông Nhật	18		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1074	Đường BT Xóm ông Hiệp	Đường Phú Thứ - Nhà ông Bền	4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1075	Đường BT Xóm ông Thi	Nhà ông Tuấn - Nhà ông Bền	5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1076	Đường BT Xóm ông Trơn	Đường Huỳnh Khái - Đường Phan Địch	12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1077	Đường BT Xóm ông Thuỳ	Đường Hồ Đắc Trung - Nhà ông Thuỳ	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	

1078	Đường BT Xóm ông Thiện	Đường Hồ Đắc Trung - Đỗ Quỳnh	6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1079	Đường xóm nhà thờ Giáo xứ	Đường Phú Thứ - nhà ông Mười	32		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1080	Đường Xóm Ma Quang	Đường Phú Thứ - nhà ông Ma Hùng	12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1081	Đường Xóm ông Ma Sủ	Đường Phú Thứ - Nhà ông Sủ	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1082	Đường Xóm ông Lê Lợi	Đường BT Giáo Xứ - Đường BT xóm	6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1083	Đường Xóm ông Tôn Thất Quý	Đường Phú Thứ - Đường BT xóm	9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1084	Đường Xóm đường Chùa	Đường Phú Thứ - Nghĩa địa Hòa Đông	9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1085	Đường Xóm ông Lê Văn Đông	Đường Phú Thứ - Nhà	7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể	

		ông Lê Văn Đông				nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1086	Đường Xóm ông Lê Đát	Nhà ông Lê Cả - Nhà bà Bồng	6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1087	Đường Xóm ông Lê Châu	Nhà ông Hiệp - Nhà ông Lê Ngái	5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1088	Đường Xóm ông Đỗ Cừ	Nhà thờ họ Đỗ - Nhà bà Ky	5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1089	Đường Xóm ông Lê Mươi	Ngã ba Lê Bá Hiệp - Nhà Đỗ Trai	5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1090	Đường Xóm ông Đỗ Thanh Chức	Ngã ba nhà bà Cửu - Nhà ông Dương Đức	4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1091	Đường BT Đội 5 (Điểm đầu: Cồn Rang, Điểm cuối: Đường BTN liên xã (Lramp))		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1092	Đường BT Đội 6 (Điểm đầu: Lê Văn Trĩ, Điểm cuối: Đường BTN liên xã (Lramp))		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	

1093	Đường xóm ông Ất (Điểm đầu: Đường BTN liên xã (Lramp), Điểm cuối: Nhà bà Gái)		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1094	Đường BT Nam Châu (ông Tuấn) (Điểm đầu: Lê Văn Trĩ, Điểm cuối: Đường BTN liên xã (Lramp))		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1095	Đường giao Thông xóm ông Gạch (Điểm đầu: Lê Văn Trĩ, Điểm cuối: Nhà ông Vương Châu)		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1096	Đường BT xóm Nam Châu (Điểm đầu: Nguyễn Đức Xuyên, Điểm cuối: Hồ Ngọc Ba)		5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1097	Xóm ông Thả (Điểm đầu: Nguyễn Đức Xuyên, Điểm cuối: Hồ Ngọc Ba)		4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1098	Xóm ông Ngô (Điểm đầu: Nguyễn Đức Xuyên, Điểm cuối: Đường bê tông xóm)		7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1099	Xóm ông Thiều (Điểm đầu: Đường Võ Phi Tráng nối dài, Điểm cuối: Nhà bà Lê Thị Xoan)		9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1100	Xóm ông Thẩm		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

	(Điểm đầu: Đường BTN liên xã, Điểm cuối: Nhà ông Nguyễn Trí Phúc)					cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1101	Xóm ông Lê Cường (Điểm đầu: Đường Mai Bá Trai, Điểm cuối: Nhà ông Lê Đãi + bà Trúc)		11		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1102	Xóm ông Phan Hàng (Điểm đầu: Đường Mai Bá Trai, Điểm cuối: Nhà ông Phan Bốn)		4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1103	Xóm ông Thu (Điểm đầu: Nhà ông Quý, Điểm cuối: Nhà ông Thu)		5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1104	Xóm ông Phạm Tai (Điểm đầu: Đường Mai Bá Trai, Điểm cuối: Nhà ông Phạm Tai)		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1105	Xóm ông Phan Đại (Điểm đầu: Đường BTN liên xã, Điểm cuối: Nhà ông Phan Đại)		4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1106	Xóm ông Phan Ty (Điểm đầu: Đường BTN liên xã, Điểm cuối: Nhà ông Phan Ty)		3		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1107	Xóm ông Lê Roi (Điểm đầu: Đặng Lế, Điểm cuối: Trần Thị Đình)		7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1108	Xóm ông Toàn (Điểm đầu: Cồn Rang, Điểm cuối: Tạ Quang Cự)		7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1109	Xóm ông Hùng (Điểm đầu: Tạ Quang Cự, Điểm cuối: Nhà ông Hưu)		3		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1110	Xóm ông Song (Điểm đầu: Tạ Quang Cự, Điểm cuối: Nhà ông Dĩnh)		4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1111	Xóm ông Đào Ngọc (Điểm đầu: Cồn Rang, Điểm cuối: Bê tông xã Phú Gia)		16		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1112	Xóm ông Phan Chiến (Điểm đầu: Nguyễn Duy Tâm, Điểm cuối: Nhà bà Trần Thị Bông)		5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1113	Xóm ông Nguyễn Dục (Điểm đầu: Trần Xuân Ngạn, Điểm cuối: Đường Bt)		5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1114	Xóm ông Phan Thanh Việt (Điểm đầu: Nguyễn Duy Tâm, Điểm cuối: Nhà ông Châu)		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1115	Xóm ông Nguyễn Đủ		11		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

	(Điểm đầu: Nguyễn Duy Tâm, Điểm cuối: Nhà ông Đủ)					cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1116	Xóm ông Phan Hữu Châu (Điểm đầu: Phú Vinh, Điểm cuối: Nhà ông Hùng)		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1117	Xóm tổ 3 (ông Lớn) (Điểm đầu: Cồn Rang, Điểm cuối: Tạ Quang Cự)		30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1118	Xóm ông Trần Văn Xin (Điểm đầu: Nguyễn Duy Tâm, Điểm cuối: Nhà bà Thuý)		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1119	Xóm ông Phan Nhớn (Điểm đầu: Trần Xuân Ngạn, Điểm cuối: Nhà thờ họ)		7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1120	Xóm ông Hiếu (Điểm đầu: Trần Xuân Ngạn, Điểm cuối: Nhà ông Hiếu)		7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1121	Đường bê tông tổ 8 (Điểm đầu: Cồn Rang, Điểm cuối: ông Phan Dũng)		16		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1122	Đường bê tông tổ 1 -3 (Phú Xuân) (Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: Phạm Văn		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống	

	Điền)					cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1123	Đường bê tông tổ 1 -3 (ông Đãi) (Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: Phạm Văn Điền)		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1124	Đường bê tông tổ 1 -3 (Xóm chùa) (Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: Phạm Văn Điền)		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1125	Xóm ông Phan Văn Hiệp (Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: Nhà ông Đình)		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1126	Xóm ông Phan Hiền (Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: Nguyễn Thanh)		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1127	Xóm ông Nguyễn Hải (Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: Nguyễn Thanh)		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1128	Xóm ông Mai Thành Nguyên (Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: Nguyễn Thanh)		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1129	Xóm ông Huấn (Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: ông Huấn)		4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1130	Xóm ông Phan Hoà		5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

	(Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: Nhà ông Dũng)					cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1131	Đường bê tông tổ 1 Viên Trình (Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: Phạm Văn Điền)		4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1132	Đường bê tông tổ 2 Viên Trình (Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: Cồn thần)		21		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1133	Đường bê tông tổ 3 Viên Trình (Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: Phạm Văn Điền)		18		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1134	Đường bê tông tổ 4 Viên Trình (Điểm đầu: Phạm Văn Điền, Điểm cuối: Phá tam giang)		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1135	Đường bê tông tổ 5 Viên Trình (Điểm đầu: Phạm Văn Điền, Điểm cuối: xóm ông Đầu)		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1136	Đường bê tông tổ 6 Viên Trình (Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: Phạm Văn Điền)		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1137	Đường bê tông làng Viên Trình (Điểm đầu: Đình làng, Điểm cuối: Đường BT)		35		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống	

	chùa)					cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1138	Đường bê tông phá Tam Giang (Điểm đầu: Trường Sa, Điểm cuối: nhà ông Khuyên)		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1139	Xóm ông Mai Đẩu (Điểm đầu: Phạm Văn Diên, Điểm cuối: Nhà ông Đẩu)		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1140	Xóm ông Đặng Lệ (Điểm đầu: Phạm Văn Diên, Điểm cuối: Xóm ông Đặng Lệ)		6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1141	Xóm tuyến ông Võ Thính (Điểm đầu: Phạm Văn Diên, Điểm cuối: Trường Sa)		8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1142	Đường Ông Phô (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Nhà Ông Phô)		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1143	Đường Ông Trữ (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Nhà Ông Trữ)		12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1144	Đường Ông Lạp (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Nhà Ông Lạp)		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1145	Đường Ông Ngôn (Điểm		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

	đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Đường Trước)					cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1146	Đường Ông Thu (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Nhà Ông Uýnh)		9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1147	Đường Nhà Hội hợp TA (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Nhà Cô Hoa)		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1148	Đường Ông Chiêu (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Đội 16)		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1149	Đường Ông Bôi (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Đường Trước)		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1150	Đường Bà Tề (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Đường trước)		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1151	Đường Ông Khóa (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Đường Trước)		12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1152	Đường Ông Trung (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Đường Trước)		13		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống	

						cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1153	Đường Ông Đá (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Đường Trước)		12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1154	Đường Ông Lê Niệm (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Đường trước)		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1155	Đường Ông Sinh (lén) (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Đường Trước)		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1156	Đường Cồn Chìm (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Phá Tam Giang)		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1157	Đường Đội 3 (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Nhà Ông Tài)		16		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1158	Đường Ông Bốn (Điểm đầu: HTX Điện, Điểm cuối: Đường Ông Ngôn)		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1159	Đường Nhà bà Hoa (Điểm đầu: Đường Ô Niệm, Điểm cuối: Nhà bà Bảy)		12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1160	Tuyến Thôn Nghĩa Lập		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

	(BN 2010) (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Đường trước)					cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1161	Tuyến Thôn Hà Bắc (BN 2010) (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Đường Trước)		12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1162	Đường Thôn Diêm Tụ (Điểm đầu: TL10C, Điểm cuối: TL18)		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1163	Đường Thôn Diêm Tụ (Điểm đầu: TL18, Điểm cuối: Trước nhà thờ)		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1164	Đường chính Thôn Hà Thượng (Điểm đầu: Trường mẫu giáo, Điểm cuối: Ông Trợ)		18		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1165	Đường nội Thôn Hà Thượng (Điểm đầu: Nhà Ông Châu, Điểm cuối: B Thân)		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1166	Đường chính Thôn B3 Thôn Hà Trữ B (Điểm đầu: Đê Thiệu Hoá, Điểm cuối: Ông Hoà)		26		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1167	Đường chính Thôn Kênh Tắc (Điểm đầu: TL18,		30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể	

	Điểm cuối: Ông Giới)					nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1168	Đường nội Thôn Hà Trữ A (Điểm đầu: Ông Lượng, Điểm cuối: Ông Hùng)		25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1169	Đường nội Thôn Mong B (Điểm đầu: Ông Tăng, Điểm cuối: Ông Tịnh)		16		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1170	Đường chính Thôn Mong B (Điểm đầu: Đình làng Mong B, Điểm cuối: Cống Bà Xoan)		25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1171	Đường chính Thôn Mong B (Điểm đầu: Cống chào, Điểm cuối: Đình làng)		3		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1172	Đường chính Thôn Mong B (Điểm đầu: Đình làng Mong B, Điểm cuối: TL10 (Thanh lam))		43		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1173	Đường xóm rạch Thôn Mong A (Điểm đầu: TL10, Điểm cuối: Ông Tỷ)		35		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1174	Đường chính Thôn Mong A (Điểm đầu: TL10, Điểm cuối: Ông Thắng)		45		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	

1175	Đường chính Thôn Mong A (Điểm đầu: TL10(Thượng), Điểm cuối: Nhà Thờ Mong B)		40		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1176	Đường chính Thôn Thanh Lam Bô (Điểm đầu: Cổng chào TL10C, Điểm cuối: Ông Sáng (giáp Mong C))		25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1177	Đường chính Thôn Mong C (Điểm đầu: Cổng chào, Điểm cuối: Ông Thanh)		42		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1178	Đường nội Thôn Mong C (Điểm đầu: Ông Thanh, Điểm cuối: Vương Ông Sinh)		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1179	Đường liên Thôn Mong C (Điểm đầu: Xóm mới Mong B, Điểm cuối: B Bê)		21		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1180	Đường nội Thôn Mong C (Điểm đầu: Thanh lam Bô, Điểm cuối: Nhà Nguyễn)		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1181	Đường nội Thôn Mong C (Điểm đầu: Nhà Nguyễn, Điểm cuối: B Mễ)		14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1182	Đường liên Thôn Diêm		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa	

	Tụ (Điểm đầu: TL18, Điểm cuối: Nhà Ông Thám)					cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1183	Đường xóm Đình (Điểm đầu: TL10 (nhà Mỹ), Điểm cuối: Bà Mộc)		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1184	Đường lên xóm sau (Điểm đầu: TL10 (Chiến), Điểm cuối: Ông Nhất)		30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1185	Đường liên Thôn Hà Thượng (Điểm đầu: Nhà Ông Nhấn, Điểm cuối: B Thân)		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1186	Đường nội Thôn Hà Trữ B (Điểm đầu: Cầu Thiệu Hoá, Điểm cuối: Trạm Bơm)		17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1187	Đường liên Thôn Hà Trữ A (Điểm đầu: TL10 C (Quán cắt tóc), Điểm cuối: Cầu Ông Phương)		19		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1188	Đường nội Thôn Mong B (Điểm đầu: Ông Tám, Điểm cuối: Đường V Thái V Phú)		5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1189	Đường nội Thôn Mong A (Điểm đầu: Nhà thờ họ Huỳnh, Điểm cuối: Giáp		25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống	

	Hồng)					cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1190	Đường nội Thôn Mong A (Điểm đầu: Ông Hào, Điểm cuối: B Dĩ)		14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1191	Đường xóm trong Thanh Lam Bô (Điểm đầu: Ông Lơ, Điểm cuối: Ông Bảo (giáp Mong B))		26		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1192	Đường xóm làng (Điểm đầu: Đường BT (Ông Nghĩa), Điểm cuối: B Dóc)		18		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1193	Đường xóm B3 (Điểm đầu: Cầu Thiệu Hoá, Điểm cuối: Trạm bơm B3)		80		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1194	Đường liên xã (Điểm đầu: Vườn Ông Sinh, Điểm cuối: Vinh Hà)		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1195	Đường liên Thôn Mong C (Điểm đầu: Ông An, Điểm cuối: Giáp Hà Trữ A)		25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1196	Đường nội Thôn Mong C (Điểm đầu: Nhà Nguyễn, Điểm cuối: B Nhật)		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	

1197	Đường nội Thôn Mong C (Điểm đầu: Ông An, Điểm cuối: Miếu đôi)		12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1198	Đường Ông Huỳnh Chót (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: phá Tam Giang)		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1199	Đường Ông Phiếm (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: phá Tam Giang)		10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1200	Đường Ông Biên (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: phá Tam Giang)		12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1201	Đường Ông Kỳ (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Nhà bà Đình)		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1202	Đường Ông Huỳnh Thịnh (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: phá Tam Giang)		16		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1203	Đường Ông Thiên (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Phá Tam Giang)		22		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1204	Đường Đình Làng (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Phá Tam Giang)		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể	

	cuối: phá Tam Giang)					nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1205	Đường Ông Kế (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: phá Tam Giang)		20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1206	Đường Ông Bá (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: phá Tam Giang)		15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1207	Đường Bến Phà (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: phá Tam Giang)		26		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1208	Đường Chợ Trùng Hà (Điểm đầu: Tỉnh lộ 10D, Điểm cuối: Chợ Trùng Hà)		36		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1209	Đường Thôn 3 (Điểm đầu: TL10D, Điểm cuối: Nhà Tuyên)		27		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1210	Đường Thôn 3 (Điểm đầu: Nhà Nai, Điểm cuối: TL10D)		24		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1211	Đường Thôn 3 (Điểm đầu: TL10D, Điểm cuối: Nhà Trí)		16		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	

1212	Đường Thôn 2 (Điểm đầu: Đường HCR, Điểm cuối: Ông Thêu)		17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1213	Đường Thôn 2 (Điểm đầu: Sân vận động, Điểm cuối: TL10D)		12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1214	Đường Thôn 2 (Điểm đầu: Trường C2, Điểm cuối: TL10D)		48		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1215	Đường Thôn 2 (Điểm đầu: Ô Vũ, Điểm cuối: TL10D)		29		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1216	Đường Thôn 2 (Điểm đầu: Nhà Tú, Điểm cuối: Ông Sương)		21		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1217	Đường Thôn 2 (Điểm đầu: Nhà Thờ Họ La, Điểm cuối: Đường HCR)		24		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1218	Đường Thôn 4 (Điểm đầu: Nhà Điệp, Điểm cuối: TL10D)		58		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1219	Đường Thôn 4 (Điểm đầu: TL10D, Điểm cuối:		42		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể	

	Chợ Thôn 4)					nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1220	Đường Thôn 4 (Điểm đầu: TL10D, Điểm cuối: Ông Chính)		28		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1221	Đường Thôn 4 (Điểm đầu: Nhà Liền, Điểm cuối: TL10D)		39		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1222	Đường Thôn 4 (Điểm đầu: TL10C, Điểm cuối: Nhà Ngưỡng)		28		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1223	Đường Thôn 4 (Điểm đầu: Nhà Thua, Điểm cuối: TL10D)		46		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1224	Đường Thôn 4 (Điểm đầu: TL10D, Điểm cuối: Nhà Kính)		32		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1225	Đường Thôn 5 (Điểm đầu: Nhà Nhỏ, Điểm cuối: TL10D)		48		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	
1226	Đường Thôn 5 (Điểm đầu: Nhà Bà Anh, Điểm cuối: TL10D)		54		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hống nước	

1227	Đường Thôn 5 (Điểm đầu: TL10C, Điểm cuối: Vùng Định Cư)		52		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1228	Đường Thôn 5 (Điểm đầu: Trường Hà Trung, Điểm cuối: TL10D)		18		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1229	Đường Thôn 5 (Điểm đầu: TL10D, Điểm cuối: Nhà Vĩnh)		32		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1230	Đường Thôn 5 (Điểm đầu: Nhà Yên, Điểm cuối: TL10D)		36		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1231	Đường Thôn 5 (Điểm đầu: Nhà Đợt, Điểm cuối: TL10D)		42		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1232	Đường Thôn 5 (Điểm đầu: Trạm Y Tế, Điểm cuối: TL10D)		33		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1233	Đường Thôn 5 (Điểm đầu: TL10D, Điểm cuối: Nhà Tịnh)		31		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1234	Đường Thôn 5 (Điểm đầu: Nhà Chín, Điểm		27		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể	

	cuối: TL10D)					nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1235	Đường Thôn 3 (Điểm đầu: Nhà Tuyển, Điểm cuối: TL10D)		28		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1236	Đường Thôn 3 (Điểm đầu: Nhà Chinh, Điểm cuối: TL10D)		32		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1237	Đường Thôn 3 (Điểm đầu: TL10D, Điểm cuối: Nhà Lịch)		27		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1238	Đường Thôn 3 (Điểm đầu: Nhà Thắng, Điểm cuối: Trạm Hạ Thế)		22		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1239	Đường Thôn 3 (Điểm đầu: TL10D, Điểm cuối: Nhà Duê)		24		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1240	Đường Thôn 1 (Điểm đầu: Nhà Gánh, Điểm cuối: Nhà Thới)		26		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	
1241	Đường Thôn 1 (Điểm đầu: Chợ Cây Ruối, Điểm cuối: Nhà bà Năm)		18		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc họng nước	

1242	Đường Thôn 1 (Điểm đầu: Nhà Thành, Điểm cuối: Nhà Ngộ)		29		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1243	Đường Thôn Hà Giang (Điểm đầu: Nhà Tuấn, Điểm cuối: Nhà Tường)		38		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1244	Đường xã (Điểm đầu: Chợ Thôn 4, Điểm cuối: Nhà Biên)		18		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
1245	Đường xã (Điểm đầu: Nhà Biên, Điểm cuối: Bến đò Thôn 3)		25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm, đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
	Xã Phú Vinh						
1246	Thôn Mai Vĩnh	Thôn Mai Vĩnh	180		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc hòng nước phục vụ chữa cháy	
1247	Thôn Tân Sa	Thôn Tân Sa	50		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc hòng nước phục vụ chữa cháy	
1248	Thôn Khánh Mỹ	Thôn Khánh Mỹ	50		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống	

						dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1249	Thôn Kế Võ	Thôn Kế Võ	150		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1250	Thôn Xuân Thiên Thượng	Thôn Xuân Thiên Thượng	300		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1251	Thôn Xuân Thiên Hạ	Thôn Xuân Thiên Hạ	100		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1252	Thôn 4	Thôn 4	328		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1253	Thôn 5	Thôn 5	350		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1254	Thôn 6	Thôn 6	354		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống	

						dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1255	An Mỹ	An Mỹ	208		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1256	Hà Úc 1	Hà Úc 1	170		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1257	Hà Úc 2	Hà Úc 2	248		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1258	Hà Úc 3	Hà Úc 3	191		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1259	Hà Úc 4	Hà Úc 4	110		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1260	Trung Định Hải	Trung Định Hải	160		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống	

						dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1261	Thôn Bắc Thượng	Thôn Bắc Thượng	150		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
	XÃ VINH LỘC						
1262	Đường vào Xóm Rẫy-Thôn Mỹ Cảnh	Mỹ Cảnh	28		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1263	Đường Xóm Mồ Ô-Thôn Mỹ Cảnh	Mỹ Cảnh	26		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1264	Đường Xóm chùa-Thôn Mỹ Cảnh	Mỹ Cảnh	17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1265	Đường Xóm ông Mai Khanh-Thôn Mỹ Cảnh	Mỹ Cảnh	11		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1266	Đường liên Thôn ông Trần Chóp đến nhà bà	Nghi Xuân	15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng	

	Lại-Thôn Nghi Xuân					bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1267	Đường liên Thôn từ nhà ông Chóp đến nhà ông Nguyễn Cường-Thôn Nghi Xuân	Nghi Xuân	5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1268	Từ QL49B đến nhà bà Sương Đ3	Nam Trường	17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1269	Từ QL49B đến nhà bà Phú Đ4	Nam Trường	18		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1270	Từ siêu thị Tâm An QL49B đến nhà ông Chiến Đ6	Nam Trường	20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1271	Từ Trường Tiểu học Vinh Giang đến nhà bà Tư Đ6	Nam Trường	11		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1272	Từ nhà ông Quang Đ5 đến nhà bà Thanh Đ5	Nam Trường	12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng	

						bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc hống nước phục vụ chữa cháy	
1273	Từ nhà ông Thanh Đ1 đến đường Nam Trường 3	Nam Trường	7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc hống nước phục vụ chữa cháy	
1274	Từ nhà ông Lữ Đ5 đến đường Nam Trường 2	Nam Trường	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc hống nước phục vụ chữa cháy	
1275	Từ nhà ông Nguyễn Đ6 đến đường Nam Trường 2	Nam Trường	6		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc hống nước phục vụ chữa cháy	
1276	Từ chùa NT Đ3 đến đường Nam Trường 1	Nam Trường	9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc hống nước phục vụ chữa cháy	
1277	Từ nhà ông Khuynh Đ3 đến đường Nam Trường 1	Nam Trường	8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc hống nước phục vụ chữa cháy	
1278	Từ nhà ông Tăng Đ4 đến nhà ông Tong Đ4	Nam Trường	9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng	

						bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1279	Từ nhà ông Ca Đ1 đến nhà ông Chu Đ1	Nam Trường	8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1280	Từ nhà bà Chuồng Đ1 đến đường Nam Trường 3	Nam Trường	11		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1281	Từ nhà ông Hiền Đ2 đến đường Nam Trường 3	Nam Trường	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1282	Xóm Tầm	Thôn 4	13		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1283	Xóm Hóc	Thôn 4	40		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1284	Xóm Giữa	Thôn 4	28		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng	

						bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1285	Xóm Mới	Thôn 4	37		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1286	Xóm Trên	Thôn 4	24		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1287	Xóm Biều	Thôn 4	15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1288	Từ nhà ông Nguyễn Ngọc Minh đến nhà ông Nguyễn Văn Phong	Thôn 3	17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1289	Từ nhà ông Trần Đình Phú đến nhà bà Nguyễn Thị Thúy	Thôn 3	28		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1290	Từ nhà ông Nguyễn Lệ đến nhà ông Nguyễn Ánh	Thôn 3	35		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng	

						bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1291	Từ nhà ông Lê Xuân Nghệ đến ông Đỗ Hưng	Giang Chế	22		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1292	Từ nhà bà Mai Thị Cẩm đến nhà ông Trần Phú	Giang Chế	62		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1293	Từ nhà ông Trần Lự đến nhà ông Trần An	Giang Chế	43		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1294	Từ nhà ông Trần Văn Phụng đến nhà ông Trần Mau	Giang Chế	131		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1295	Từ nhà ông Trần Trạch đến nhà ông Lê Tỳ	Giang Chế	36		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1296	Từ nhà bà Cái Thị Lạc đến nhà ông Trần Chót	Giang Chế	122		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng	

						bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1297	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Chơí đến nhà ông Nguyễn Huê	Hiền Hòa 2	38		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1298	Tuyến đường từ nhà bà Trần Thị Xảo đến nhà ông Bùi Khán	Hiền Hòa 2	27		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1299	Tuyến đường từ nhà ông Trần Minh đến nhà ông Phan Mai	Hiền Hòa 2	26		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1300	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Tâm đến nhà ông Văn Hồng	Hiền Hòa 2	34		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1301	Tuyến đường từ nhà ông Hồ Dư đến nhà ông Ngô Quốc Tâm	Hiền An 1	25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1302	Từ chợ Vinh Hiền (cũ) đến chùa Tĩnh Duyên	Hiền Vân 2	135		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng	

						bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1303	Từ nhà ông Trần Quang Dũ đến nhà ông Trần Hồng	Hiền Vân 2	35		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1304	Từ nhà ông Trần Minh Long đến nhà ông Trần Quang Dũ	Hiền Vân 2	40		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1305	Từ nhà ông Nguyễn Bình đến làng Hà Am	Hiền Vân 1	15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1306	Từ nhà ông Trương Quang Phúc đến nhà ông Nguyễn Tiếp	Hiền Vân 1	17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1307	Tuyến đường từ Hội chữ thập đỏ Vinh Hiền cũ đến biển Đông Dương, Thôn Đông Dương	Đông Dương	125		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1308	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Mỗ đến nhà	Đông Dương	52		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng	

	văn hóa Thôn Đông Dương, Thôn Đông Dương					bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1309	Từ nhà ông Nguyễn Đe đến nhà bà Nguyễn Thị Sương	Hiền Hòa 1	17		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1310	Từ nhà ông Lê Thiện đến nhà ông Nguyễn Văn Nguyên	Hiền Hòa 1	8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1311	Đường vào cổng chào làng Diêm Trường-Thôn Diêm Trường 2	Diêm Trường 2	13		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1312	Đường từ Quốc lộ 49B vào nhà ông Định-Thôn Diêm Trường 2	Diêm Trường 2	12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1313	Tuyến đường từ nhà bà Hồ Thị Cúc đến nhà ông Hoàng Cừ,Thôn Phụng Chánh 1	Phụng Chánh 1	14		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1314	Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Thanh Mùi	Phụng Chánh 1	37		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng	

	đến nhà bà Nguyễn Thị qua-Thôn Phụng Chánh 1					bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1315	Tuyến đường từ QL 49B (HTX) đến nhà ông Hoàng Tấn Hải-Thôn Phụng Chánh 1	Phụng Chánh 1	24		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1316	Tuyến đường từ nhà ông Hầu Văn Tri đến nhà ông Nguyễn Hiền-Thôn Phụng Chánh 1	Phụng Chánh 1	30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1317	Tuyến đường từ nhà ông Phạm Văn Phúc đến nhà ông Trương Văn Sắ - Thôn Phụng Chánh 1	Phụng Chánh 1	8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1318	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Đức Sung đến nhà bà Trương Thị Xuân-Thôn Phụng Chánh 1	Phụng Chánh 1	5		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1319	Tuyến đường từ nhà ông Hoàng Nam đến nhà ông Võ Đảnh-Thôn Phụng Chánh 1	Phụng Chánh 1	15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1320	Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Tuyết đến	Phụng Chánh 1	4		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng	

	nhà Nguyễn Thị Dòn-Thôn Phụng Chánh 1					bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1321	Tuyến đường từ nhà Lê Như Công đến chợ Phụng Chánh	Phụng Chánh 2	30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1322	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Đức Sửu đến nhà ông Trần Toàn	Phụng Chánh 2	25		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1323	Tuyến đường từ nhà ông Bùi Thúc Nhẫn đến nhà ông Nguyễn Đức Vinh	Phụng Chánh 2	30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1324	Tuyến đường từ nhà ông Văn Viết Năm đến nhà ông Nguyễn Tuế	Trung Hưng	60		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1325	Tuyến đường từ nhà ông	Lương Viện	50		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1326	Tuyến đường từ nhà ông Trương Xoa đến nhà ông	Lương Viện	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng	

	Phan Mới					bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1327	Tuyến đường từ nhà ông Phan Việc đến nhà ông Phan Được	Lương Viện	20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1328	Tuyến đường từ nhà bà Trần Thị Là đến nhà ông Phan Xuân Toán	Lương Viện	30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1329	Tuyến đường từ nhà ông Đặng Giác đến nhà ông Phan Giới	Diên Trường 1	18		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1330	Tuyến đường từ nhà ông Trần Đình Đức đến nhà bà Trần Thị Diễm	Diên Trường 1	45		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1331	Tuyến đường từ nhà ông Phạm Tấn Chương đến nhà ông Đỗ Duy Tường	Diên Trường 1	8		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1332	Tuyến đường từ nhà ông Trần Đình Hoàn đến nhà	Diên Trường 1	33		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng	

	ông Nguyễn Hùng					bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1333	Tuyến đường từ nhà ông Trần Cường đến nhà thờ họ Trần	Diên Trường 1	19		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1334	Tuyến đường từ nhà ông Trần Văn Vinh đến nhà ông Đặng Du	Diên Trường 1	42		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1335	Đường từ Trường Lâm Mộng Quang đến nhà ông Trần Thái-Thôn 2	Thôn 2	130		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1336	Đường từ nhà ông Nguyễn Dũng đến nhà ông lại Cọi-Thôn 2	Thôn 3	60		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1337	Đường từ nhà ông Đoàn Thị Gái đến nhà ông Lại Lan,Thôn 2	Thôn 4	40		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1338	Tuyến đường từ nhà ông Phan Dũ Hùng đến nhà	Thôn 5	30			Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng	

	ông Mai Hồng (chợ Mỹ Lợi)					bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1339	Tuyến đường từ nhà ông Phan Xuân Độ đến nhà ông Mai Dũng	Thôn 4	10		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1340	Tuyến đường từ nhà bà Võ Thị Gái đến nhà ông Phạm Văn Chức	Thôn 4	12		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1341	Tuyến đường từ nhà ông Phan Hữu Tài đến nhà ông Vương Năm	Thôn 4	13		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1342	Tuyến đường từ nhà ông Trần Văn Hòa đến nhà bà Huỳnh thị Năn	Thôn 4	9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1343	Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Oanh đến nhà ông Mai Lợi	Thôn 4	7		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1344	Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Tuyết đến	Thôn 4	9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng	

	nhà bà Trương Thị Thanh					bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1345	Tuyến đường từ nhà thờ họ Huỳnh đến nhà bà Nguyễn Thị Lạc	Thôn 4	13		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1346	Tuyến đường từ nhà bà Phan Thị Gái đến nhà ông Lê Văn Xí	Thôn 4	32		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1347	Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Hoài đến nhà ông Nguyễn Thái Bình	Thôn 4	28		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1348	Tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Tuyết Trần đến nhà ông Lê Phúc	Thôn 4	11		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1349	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Minh đến nhà bà Nguyễn Thị Xuyên	Thôn 4	9		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1350	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Đới đến nhà ông	Thôn 4	15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng	

	Vương Năm					bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1351	Tuyến đường từ nhà ông Trần Đức đến nhà ông Lợi	Thôn 3	30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1352	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Trùng đến nhà ông Trần Tuấn	Thôn 3	15		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1353	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Khắc Sửu đến nhà ông Mai Đầu	Thôn 3	20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1354	Tuyến đường từ nhà bà Mai Thị Sen đến nhà ông Trần Quang Phú	Thôn 3	40		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1355	Tuyến đường từ nhà ông Lương Huyền đến nhà ông Cao Toàn	Thôn 3	20		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1356	Tuyến đường từ nhà ông Trần Vinh đến nhà bà	Thôn 3	60		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng	

	Đoàn Thị Sen					bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1357	Từ ngã 6 đến nhà ông Đoàn Quốc	Thôn 1	140		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1358	Từ nhà ông Nguyễn Kiêm đến nhà bà Lương Thị Bốn	Thôn 1	60		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1359	Từ nhà ông Nguyễn Kiêm đến giáp Lương Viện	Thôn 1	70		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1360	Từ ngã 6 đến giáp xã Phú Vinh	Thôn 1	80		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1361	Từ tỉnh lộ 21 đến nhà ông Trần Trí	Thôn 1	30		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc họng nước phục vụ chữa cháy	
1362	Từ tỉnh lộ 21 đến nhà ông Đoàn Thanh	Thôn 1	100		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động hoặc xây dựng	

						bể nước, trạm bơm; đường ống dẫn cấp nước, trụ hoặc hòng nước phục vụ chữa cháy	
	PHƯỜNG HƯƠNG TRÀ						
1363	Khu dân cư Tổ dân phố Giáp Thượng 2, phường Hương Trà	Toàn bộ Tổ dân phố	396		x	Cải tạo hạ tầng cho xe chữa cháy hoạt động/Xây dựng bể nước, trạm bơm; đường ống cấp nước, trụ hoặc hòng nước	
	PHƯỜNG PHONG PHÚ						
1364	Khu dân cư Xóm 5,9,11 TDP Vĩnh Xương		60		x	Xây dựng trụ nước chữa cháy	
1365	Khu dân cư Xóm 17 TDP Thanh Hương Đông		250		x	Xây dựng trụ nước chữa cháy	
1366	Đường Trung Đồng (từ Quốc lộ 49B đến Tỉnh lộ 22) thuộc TDP Trung Đồng				x	Xây dựng trụ nước chữa cháy	5,2km; khu vực có nguy cơ xảy ra cháy rừng
1367	Khu dân cư Trung Đồng thuộc TDP Trung Đồng		100		x	Xây dựng trụ nước chữa cháy	
1368	Khu vực chợ Diên Hương thuộc TDP Thanh Hương Tây		290		x	Xây dựng trụ nước chữa cháy	
	XÃ A LUỚI 1						
1369	Đường Thôn A Tia 1		128		x	Xây đường ống cấp nước	
1370	Đường Thôn A Tia 2		212		x	Xây đường ống cấp nước	

1371	Đường Thôn Đút 1		236		x	Xây đường ống cấp nước	
1372	Đường Thôn Đút 2		58		x	Xây đường ống cấp nước	
1373	Đường Thôn A Đeeng Par Lieng 1		201		x	Cải tạo bến đỗ các nguồn nước sông, hồ	
1374	Đường Thôn A Đeeng Par Lieng 2		193		x	Cải tạo bến đỗ các nguồn nước sông, hồ	
1375	Đường Thôn Đút Lê Triêng 2		209		x	Cải tạo bến đỗ các nguồn nước sông, hồ	
1376	Đường Thôn A Niêng Lê Triêng 1		251		x	Cải tạo bến đỗ các nguồn nước sông, hồ	
1377	Đường Thôn Ta Ay Ta		251		x	Cải tạo bến đỗ các nguồn nước sông, hồ	
1378	Đường Thôn Ta Lo A Hố		119		x	Cải tạo bến đỗ các nguồn nước sông, hồ	
1379	Đường Thôn A Năm		258		x	Cải tạo bến đỗ các nguồn nước sông, hồ	
1380	Đường Thôn Ca Cú 1		254		x	Cải tạo bến đỗ các nguồn nước sông, hồ	
1381	Đường Thôn Ca Cú 2		202		x	Cải tạo bến đỗ các nguồn nước sông, hồ	
1382	Đường Thôn Kê		176		x	Cải tạo bến đỗ các nguồn nước sông, hồ	
1383	Đường Thôn Tru Pỉ		197		x	Cải tạo bến đỗ các nguồn nước sông, hồ	
1384	Đường Thôn Kê 1		78		x	Cải tạo bến đỗ các nguồn nước sông, hồ	
1385	Đường Thôn Kê 2		162		x	Cải tạo bến đỗ các nguồn nước sông, hồ	
1386	Đường Thôn La Ngà		136		x	Cải tạo bến đỗ các nguồn nước sông, hồ	

1387	Đường Thôn Pâr Ay		111		x	Cải tạo bến đò các nguồn nước sông, hồ	
	XÃ A LƯỚI 3						
1388	Đường liên Thôn, Thôn Ky Ré		7		x	Xây đường ống cấp nước	
1389	Đường liên Thôn, Thôn Ky Ré		9		x	Xây đường ống cấp nước	
1390	Đường liên Thôn, Thôn Hợp Thượng		18		x	Xây đường ống cấp nước	
1391	Đường liên Thôn (từ Căn Tôm đến Thôn Căn Te)		34		x	Xây đường ống cấp nước	
	Xã A LƯỚI 4						
1392	Điểm cầu Cù Xo thuộc Thôn Cù Xo, xã A Lưới 4		76		x	Xây đường ống cấp nước	Cầu chiều rộng không đảm bảo
1393	Điểm cầu A Sáp thuộc Thôn Cù xo, xã A Lưới 4		46		x	Xây đường ống cấp nước	Chiều rộng cầu không đảm bảo
1394	Điểm cầu A Min, Thôn A Min C9, xã A Lưới 4		36		x	Xây đường ống cấp nước	
1395	Điểm nhà Trần Văn Cheo đến nhà A Viết Đoi thuộc Thôn A Roàng 2, xã A Lưới 4		3		x	Xây đường ống cấp nước	

1396	Điểm cầu A Ka, khu vực xóm trong thuộc Thôn A Ka, xã A Lưới 4		46		x	Xây đường ống cấp nước	
1397	Đường vào nhà sinh hoạt cộng đồng Thôn Liên Hiệp		40		x	Xây đường ống cấp nước	
1398	Đường vào nhà sinh hoạt cộng đồng Thôn Ba Lạch		20		x	Xây đường ống cấp nước	
1399	Đường vào xóm 1 Thôn Ba Lạch		15		x	Xây đường ống cấp nước	
1400	Đường vào xóm 2 Thôn Ba Lạch		15		x	Xây đường ống cấp nước	
	XÃ A LƯỚI 5						
1401	Đường liên Thôn, Thôn Pa Ring Càn Sâm (<i>Xóm Càn Sâm</i>)		76		x	Xây đường ống cấp nước	
1402	Đường liên Thôn, Thôn A Rom (<i>Xóm Thủy Điện A Lưới</i>)		46		x	Xây đường ống cấp nước	
1403	Đường liên Thôn, Thôn Chi Đu Nghĩa		54		x	Xây đường ống cấp nước	
1404	Đường liên Thôn, Thôn Giồng		87		x	Xây đường ống cấp nước	
1405	Đường liên Thôn, Thôn Càn Tôm		37		x	Xây đường ống cấp nước	
1406	Đường liên Thôn, Thôn A Rí		99		x	Xây đường ống cấp nước	
1407	Đường liên Thôn, Thôn Mu Nủ Ta Rá		113		x	Xây đường ống cấp nước	
1408	Đường liên Thôn, Thôn Pa Hy		36		x	Xây đường ống cấp nước	

